

TÔ HOÀI

*Tuyển tập
truyện ngắn*
TẬP 3



**TUYỂN TẬP
TRUYỆN NGẮN
TẬP 3**

TÔ HOÀI



MỤC LỤC

Biết Nói Thế Nào Nữa	6
Cái Cốc Ba Mươi Năm	13
Cái Giặm	17
Cái Túi Nilon	21
Cò	26
Con Khỉ, Con Dê	30
Con Khướu Bạc Má	35
Chuột Thành Phố	41
Đám Cưới Chuột	83
Đôi Ri Đá	111
Đi Câu	125
Dung Và Quyền	130
Gặp Lại	147
Gia Truyền, Cổ Truyền, Đặc Sản	161
Giấc Mơng Ông Thợ Dìu	169
Hoa Bìm Biền	175
Lá Thư Tình Đầu Tiên	195
Lấy Chồng Khác Làng	205
Một Buổi Tối	217
Nàng Ba Châu Long	222
Ngủ Bụi	234

5 | Tuyển Tập Truyện Ngắn 3

Nhà Nghèo	238
Nhái	250
O Chuột	255
Tắm Đêm	267
Tình Buồn	278
Vợ Chồng A Phủ	294

Biết Nói Thế Nào Nữa

Tôi đến cơ quan như mọi ngày. Lúc đi qua nhà dưới, chợt để ý trong phòng hành chính hình như có vẻ là lạ. Rồi tôi nhận ra ở góc trong, trên nóc tủ hồ sơ tài liệu có một khay gỗ, mép thép vàng, trong khay bày cái đĩa để bốn chiếc chén hạt mít cạnh một bình hương và một lọ cắm mấy cái hoa giấy đỏ hoe. Tôi gọi cô phụ trách quản trị.

- Các đồng chí làm cái gì thế này ?

- Dạ, chúng em cúng thần tài.

- Cơ quan ta có kinh doanh gì đâu, mà giá có...

- Dạ, không cúng thần tài thì cầu ông Phúc, ông Lộc, ông Thọ phù hộ. Chúng em thấy ngày rằm, mừng một, cán bộ công nhân viên các cơ quan đi lễ đông lắm.

Tôi nghiêm mặt :

- Ở đâu tôi không biết, ở cơ quan ta các đồng chí dẹp đi ngay, dẹp ngay. Không được phổ biến mê tín, di. đoan vào cơ quan.

Buổi trưa tan tâm, tôi xuống đi qua, trên nóc tủ đã thấy biến cái khay, chỗ ấy lại là chỗ để úp nón như mọi

7 | Tuyển Tập Truyện Ngắn 3

ngày.

Năm sau, tôi về hưu theo chế độ, đúng sáu mươi tuổi. Có hôm tôi đến cơ quan. Cô quản trị vốn vã :

- Chào thủ trưởng, lâu lắm chẳng thấy thủ trưởng đến chơi.

Tôi thật thà :

- Lắm lúc buồn chân buồn tay, nhưng cũng chẳng muốn đi đâu.

Cô quản trị cười cười bảo tôi : «Cụ ơi ! Mời cụ lên đây». Rồi cô dắt tay tôi lên phòng giám đốc. Phòng khoá, nhưng cô có chùm khoá cả cơ quan, cô mở cửa đưa tôi vào. Căn phòng vẫn như năm trước, chỉ có bàn ghế, tủ thì đã bày biện khác hẳn. À, có thêm cái máy điều hoà.

Cô đứng lên một cái ghế, với tay chỗ hốc tường lật bức trướng thêu chữ Huân chương lao động hạng ba, đằng sau nhô lên dưới băng dán loăn xoăn một cuộn giấy vàng bằng ngón tay.

- Bùa yểm trần trạch, bùa yểm cụ ơi ?

Rồi cô kể : hôm giám đốc mới đến sửa soạn dọn phòng làm việc. Giám đốc đi với ông thầy. Không ai

biết là thầy cúng, bởi vì ông thầy bùa này còn trẻ, cũng quần áo cán bộ như ta. Chắc ông ấy cũng làm cơ quan nào đấy, kiêm thêm xem bói, làm thầy cúng. Ông thắp hương, thắp nến linh tinh, vừa rả rượi vừa khẩn hay lắm. Ông yểm bốn lá bùa bốn góc tường này, rồi ông bắt quyết chỉ hướng kê bàn, kê tủ phía nào. Giám đốc đóng cửa, mọi việc đều làm bí mật. Nhưng che mắt thế nào được bọn mẹ ranh chúng em.

Tôi cứ nghe mà vừa giận, vừa ngượng. Cái anh đến thay tôi này chưa hẳn đã hơn nửa tuổi tôi mà sao nó lại u mê lạc hậu đến thế. Còn tôi ngượng chỉ vì xưa nay tôi là tay chửi mê tín vào hạng ác, mà bây giờ mê tín đi. đoán lại trùm cả lên đầu tôi đến ngạt thở.

Tôi hăm hăm hỏi cô quản trị :

- Giám đốc đâu ? Giám đốc đâu ?

Cô đáp dịu dàng :

- Thưa bố, giám đốc đương họp chi bộ bên phòng khách.

Cơn giận của tôi trùng ngay xuống. Thế là ra làm sao? Tôi lò dò qua mấy phòng làm việc, thấy trên nóc tủ, mỗi phòng đều có cái khay cúng thần tài, hoa hương tung bừng, chắc là chúng nó thắp hương cả ngày - như

9 | Tuyển Tập Truyện Ngắn 3

ở các tủ kính bán thuốc lá hè phố Sài Gòn hồi mới giải phóng.

Cơn giận của cụ Khốt tôi đã nguôi, lại nguôi nữa, nguôi hẳn. Mỗi quá, không đủ hơi giận nữa, xin chào thua.

Mùa hè năm ấy, cô quản trị đến nhà tôi, bảo :

- Năm nay mời hai bác vào nghỉ Cửa Lò ba ngày, hai bác đi cùng với cơ quan.

Vợ chồng tôi sốt sắng nhận lời, hẹn giờ giấc cẩn thận. Sáng thứ bảy, cô quản trị đến nhà, thưa lại :

- Hai bác thông cảm, cho hoãn một ngày. Vẫn nghỉ Cửa Lò, chỉ đi lui một ngày thôi ạ. Giám đốc chúng cháu xem lại lịch bảo chủ nhật ngày xấu, giờ cũng xấu. Giám đốc bảo cháu đến thưa với hai bác tám giờ sáng thứ hai có xe đến đón hai bác ở nhà. Ông Khốt tôi bỗng lại lên cơn giận, hoa chân múa tay đùng đùng, cô quản trị dậm hẫ, đứng ơ ra, bà lão nhà tôi can tôi cũng không được.

Tôi hét :

- Không đi Không thềm đi !

Chao ôi. Tôi không đi thì tôi ở nhà. Cũng chẳng ai đến mời lại.

Dần dần, những cơn giận vô duyên chẳng cơn có gì càng thừa thớt hơn. Bởi vì cũng có khi tôi tha thần quán nước, chén rượu cốc bia vào «khi xem hoa nở khi chờ trăng lên», tôi còn nghe vô khối chuyện vĩa hè, lảm chuyện động trời nữa, thế là những cái hờn nhỏ bé kia cũng chẳng đáng gì phải nôi cơn.

Nào là những ông bộ rầy vợ vì cặp bồ nhí, chuyện ông bộ đi cầu tự chùa Hương, đi vào ngày dung cho vắng ít gặp người. Chuyện các ông cục ông vụ tuần rằm mừng một đi lễ đền chùa ở Sơn Tây những đền Và, chùa Mía, chùa Đá Đen... Có ông đi xa nữa, ô tô lên tận đền Bắc Lệ cuối đường Bắc Giang giáp Lạng Sơn, vàng mã đem theo có ca xe Rim, quần áo giấy gấp lại bỏ vào cốp xe... ông Khốt nào cứ những nghe thế mà lộn ruột thì chỉ có việc lăn đùng ra mà ngất đi cho rồi. Ông Khốt tôi bây giờ dừng dung.

Bây giờ ông Khốt chọn bạn, ông thấy chỉ chơi với trẻ con, chơi với trẻ là thích hơn cả. Chúng nó ngây dại, hồn nhiên cực kỳ. Người già chơi với con trẻ, vừa được nghỉ ngơi, vừa là dưỡng sinh đấy. Nhưng rồi tôi lại thấy trẻ con bây giờ lại khác xưa không như tôi tưởng. Chúng thông minh lắm nhưng cũng lạ lắm. Nó hỏi, nó

nói những câu quái quỷ mà người già phải «động não» đến mấy ngày. Thế là lại hoá ra mua lấy cái mệt, cái mất ngủ.

Cháu bé nhất của tôi bảy tuổi, học lớp ba, cháu nói :

- Ông ơi ? Ông xin cho cháu nghỉ hưu.

Tôi trừng mắt:

- Cháu nghỉ hưu thế nào ?

Cháu tôi khoanh tay nói :

- Cháu nghỉ hưu như ông ấy, để khỏi phải đi học, khỏi phải đeo cái cặp nặng quá, ở trường về không phải đến học thêm. Cháu chỉ muốn nghỉ hưu như ông thôi.

Tôi làm sao cắt nghĩa được cho ra đầu ra đuôi câu hỏi oái ăm của lứa tuổi ấy. Chuyện về hưu chưa trả lời được thì lại chuyện khác.

Cơm tối xong, tôi bảo cháu :

- Hai ông cháu ra bờ hồ chơi một lúc.

Thằng bé thừa lại :

- Cháu vào hỏi mẹ cháu đã.

Rồi nó nói :

- Cháu hỏi mẹ cháu xem gốc cây nào không có ma. Cháu sợ ma lắm. Mẹ cháu bảo ở gốc cây có nhiều ma ngồi, ông không biết thì thôi.

Chơi với cháu cũng không xong. Những cái nó hỏi oái ăm, thì trả lời đến đời nào cho hết được.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Cái Cốc Ba Mươi Năm

Bấy giờ khoảng tháng 10 năm 1970. Tôi và Nguyễn Văn Bồng lên Hà Giang chơi ít ngày. Nguyễn Văn Bồng vào chiến trường miền Nam đã hơn ba năm nay, mới trở ra Hà Nội và anh chưa bao giờ tới vùng cao nào ở Việt Bắc. Chúng tôi lên đường tạm biệt Hà Nội bằng mấy cốc vại bia hơi. Sắp hàng mua bia chỗ quán «Chuồng Cọp» bên hồ Thiền Quang rồi bung cả mấy cốc ra uống ngoài bãi cỏ trông sang hồ. Vừa thoải mái, rộng rãi vừa dễ chỗ tránh máy bay. Uống xong, tôi lĩnh luôn cả hai cái cốc vại không, đem theo. Nghỉ đêm ở thị trấn Đồng Văn, hôm sau sang huyện Mèo Vạc. Năm ấy đường ô tô qua dốc Mã Pì Lèng chưa làm xong, chúng tôi đi bộ sang huyện lỵ. Mèo Vạc mất hai ngày.

Giữa trưa, ghé tình cờ vào một nhà ven đường ở Dúng Là trên đầu dốc. Cũng định xin ngụm nước uống. Nhà có một mình ông cụ cỡi trần, đóng khóa, ngồi sưởi lửa, chắc là con cháu đều đi nương, kiếm cái ăn hay đi vác nước. Hôm nay có mặt trời hừng nắng thế này thì phải chiều cả nhà mới về. Ở đây, cả Đồng Văn và dưới Lũng Phìn đều thiếu nước. Vùng cao mưa xong, nước thấm hết, không một con suối nào chảy qua, mà sông Nho Quế thì sâu thẳm quanh co tận chân núi, đi cật lực một

ngày mới tới. Tôi được chứng kiến mấy năm đã hai lần trên tỉnh thổ xi măng, cốt thép về xây bể hứng nước, chứa nước mưa cho từng xóm. Nhưng chỉ được ít lâu, những cái bể lại nứt nẻ chẳng đựng được một giọt nước. Rồi tính, lại cất công xây, rồi cái bể lại vỡ toác. Hình như mấy lần những cái bể chứa nước cứ vỡ lại xây cho đến bây giờ. Nhà chưa ai vác ống nước về, han không có nước, nhưng rượu thì chắc là sẵn. Quả nhiên. Chỉ vài tiếng Mèo giả cây của tôi cộng với tay chân mùa may phụ giúp đã khiến ông cụ hiểu là nước hay rượu uống cũng bằng nhau. Chúng tôi được giải khát bằng hai bát rượu ngô đổ vào cái vầu tre. Đến lúc đưa tiền trả, ông cụ xua tay. Tôi chợt nhớ. Tôi lấy trong ba lô ra hai cái cốc cại hôm trước lấy trộm của quán bia, tôi đưa biếu ông cụ cả hai cái. Ông cụ ngơ ngác như không hiểu, cúi cầm cốc giơ lên, ngắm nghía.

Tôi đã biết ở trên này thiếu nhiều thứ vật vãnh lảng nhãng, dưới xuôi không để ý mà đây thì cần thiết. Người ở dưới thường thò xe đạp đem lên, bán những cái bát, cái bóng đèn, chai lọ không, kim chỉ, gương lược, túi và dây ni lông...

Rồi ông cụ bắt chúng tôi phải xách đi một ống rượu ngô, ra hiệu bảo là đi đường «uống cho khỏi khát».

Đến năm ngoái tôi lại có dịp lên Mèo Vạc, qua Dúng Là. Bao nhiêu năm đã qua nhiều nhà trong xóm đã chuyển xuống ven đường ô tô. Tôi nhận ra nhà ông lão cho rượu ngô năm xưa ở chỗ cũ vẫn lụp xụp đen sì vách và mái gỗ. Giữa nhà, một người ngồi bên đồng lửa cũng cời trầu : đóng khổ trông hao hao không khác ông lão mấy.

Hỏi mới biết đây là một người con trai ông cụ. Bố anh mất đã lâu. Lại hỏi cả nhà đi đâu. Anh nói chúng nó xuống chân núi kiếm miếng nước, đến trưa mới về. Ở vùng núi đá cao này vẫn thiếu nước, không có nước. Ở chợ vẫn bán cái chậu gỗ, chậu đựng nước, ngâm ngô, vo gạo, rửa thịt khô, chùi tay rửa chân cũng một chậu nước ấy. Mỗi sáng ta nhà nào cũng phải có một người đi nửa buổi kiếm miếng nước vác về.

Nhưng tôi cũng nhăng ngay cái buồn thiếu đói mà tôi cũng chỉ xót xa sông, bởi vì kìa mm cái thật lạ lòng vời tôi. Trông vào thấy hai chỉ cốc vại đặt ở trong chân vách. Đúng hai cái cốc vại bia, mặt thuỷ tinh xanh xám lỗ đồ tổ ong, chỉ đựng mạnh cũng vỡ, mà chắc ở xuôi các quán bia cũng chẳng ở đâu còn cái nào. Thế mà hai cái cốc vẫn kia, để trên nền đất, vẫn xanh bóng. Tôi hỏi:

- Mua ở đâu cái cốc đẹp thế kia ?

Ông nói :

- Ngày trước, có cán bộ cho. Bố bảo phải giữ cẩn thận hai cái cốc để cho con cháu.

Ở đây bây giờ vẫn hiếm cái bóng đèn, cái lược và chưa biết mặt cái cốc to. Nỗi buồn tưởng như vừa khuây khoả, lại trở lại.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Cái Giậm

Mới năm nào, các vùng Nghĩa Đô, Cổ Nhuế còn là làng mạc và cánh đồng. Những gò luống nhấp nhô, con đường đất đỏ, hai bên lưa thưa những cây sòi, đằng xa, có cái cầu ngói dưới bóng cây đề cổ thụ. Người trong làng qua lại thưa thớt. Mùa đông tới gió bắc hun hút thổi trên cánh đồng vắng lặng, có đàn quạ tránh rét bay qua.

Bây giờ đã khác. Bốn phía, không còn đâu những chân tre đồng công cuối làng, những xứ đồng cao khi mùa đông tới, những bãi lá khúc mọc hoang nở hoa vàng như hoa cải trong vườn, cái lô cốt nửa chìm nửa nổi của Pháp của thời chiến tranh còn lại mọi khi thấy lù lù ở bên cạnh địa nước xanh om những đám lá ngổ bây giờ chỉ còn trong tưởng tượng.

Nơi mới mọc lên la liệt những dãy nhà năm tầng, người ta gọi là những khu tập thể. Đó là những phố mới, người ghé đến ở thành tên phố, tên phường có các cửa hàng, cửa hiệu và những chợ cóc, chợ xanh. Quang cảnh tương tự thế này hầu như ở chỗ nào cũng mọc ra ở làng chài Vụng Quất bên biển Đông, ở cửa Chân Mây miền Trung, hay ở Long Hải, ở Mông Dương xa xôi... Buổi sáng, cả quăng hè phố thành những nơi bán cái ăn

sớm. Chẳng còn mấy ai ăn cơm rang, cơm nguội ở nhà, người không ra hàng thì mua về, những bánh cuốn, bún ốc, phở, xôi ngô, cháo sườn và đến cả cà phê cũng cho vào túi ni lông mang về được đủ thứ vừa mọi túi tiền, hợp với người già và trẻ con. Cách sinh sống và mọi cái thay đổi theo hoàn cảnh.

Buổi chiều, ra quán bia hơi. Những hàng bia hơi mật dịch phải xếp hàng rồng rắn đã biến mất từ nhiều năm nay. Bây giờ xó nào cũng có bia hơi. Người ta bảo cái lúa hublon làm men bia tận nước Tiệp nước Đức bây giờ đem sang sản phẩm. Mà chẳng cần thế, nhà máy hoa quả đóng hộp ở Bạch Mai cũng làm được bia hơi cái men những quả đu đủ, quả chuối, cả sắn, cả ngô cũng thay được men hublon. Tôi đã được uống các thứ bia ấy. Không phải chỉ uống bia suông với củ lạc, cái nem chua mà có cả bè bạn vui, gọi mang đến cả thịt chó thành bữa nhậu đảng hoàng. Sáng và chiều, các phố mới ở cánh đồng xưa đều nhộn nhịp tấp nập, lâu lâu mới ra đường thấy ngõ ngàng.

Ấy thế mà cũng vào lúc chiều tà tà đi qua đứng lại thấy trước mặt những bọn các cô gái đi đánh giậm không biết ở đâu về hay ở truyện cô tích ra. Hơi bia làm mắt hoáng tưởng tượng thế thôi, thật thì các cô đi đánh giậm ở những vùng đầm ao còn sót lại bên cạnh

những nhà mới xây ngấn đàng kia. Những cô gái trong làng đi đánh giậm về, ra bán chợ chiều. Mỗi cô vác trên vai cái giậm, và cái giỏ con tép, con rô ron, con nhái thì đeo thắt lưng cạnh sườn. Hệt như ngày xưa cái cán giậm nhô ra đàng trước phơi vắt cái áo hoa cộc tay cái quần thâm lúc nãy lội bùn. Khi lên bờ, các cô đã thay cái áo sơ mi trắng, quần phăng hồng. Những vẫn vai vác giậm, đeo giỏ. Cả chục cô lẳng lẳng đi.

Nhìn quần áo thì ngỡ là mới, nhìn cái giậm và bộ quần áo lội nước phơi trên cán thì tưởng lại gặp những cô nàng trong kỷ niệm mấy chục năm trước. Ai biết quanh đây vẫn còn lạch nước, có ruộng trằm, người trong làng vẫn đi mót đi bòn cái ăn như thừa nào. Có các quận các phường đô thị. mới lan ra quanh thành phố vẫn còn thấy những cảnh trái ngược tương tự. Những cái đầm cái chuôm được quây lưới ni lông người ta nuôi ốc mít bán cho các hàng ốc hấp, bún ốc ở Tây Hồ. Còn bao nhiêu người từ Thanh Hoá ra, ở Thái Bình lên ngày ngày xuống hồ Tây mò hến, xúc ốc bươu ốc vặn, đem đến trên vỉa hè các quán nhậu chân gà nướng, có cả ốc luộc chấm muối gừng nhắm rượu. Những cô đi đánh giậm ở những vùng nước còn lại ở đầm Sét, đầm Linh Đường. Và suốt đêm, những chiếc ba gác người đẩy người làm bò từ Hà Đông ra, trên chát những chiếc bò nan lồng vào nhau chồng chát dài ngoằng như những

khẩu đại bác «vua chiến trường». Xe không nặng nhưng kèn càng không được đi ban ngày, đây là những cái bò, cái bịch, cái nan làm cho ngoại thương đứng dứa, đứng chuối và hoa quả xuất khẩu.

Có khi nào bạn chợt thấy những chiếc xe đạp sau lưng chất một gò ngất nghều những cái ống đánh lưon, cái lò bẫy cá diếc, xe đạp qua các phố dọc dài nhón nháo những người những xe bên hồ Hoàn Kiếm. Nếu để ý chắc là ngày ngày vẫn thấy. Cái phong lưu hôm nay mới chỉ là ăn xổi. Giàu nghèo và cũ mới còn lổn nhón khắp nơi.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Cái Túi Nilon

Xin không nói về thời trang và nhà tạo mốt. Sáng tạo mốt thời trang, sáng tạo đường như khó. Nhưng nghĩ cho cùng lại thấy không khó. Như việc viết văn, ai cũng làm được, tôi cũng làm được Chỉ có, mốt của tôi không ăn khách thì vứt đi, mà mốt nào bắt mắt thì phát tài. Có thể thôi. Tôi muốn nói về những cái cứ tự nhiên mà thành mốt. Con người ta sống có văn hoá thì cái gì cũng phải ra nền nếp, ra thói quen, ra mốt. Như cái áo đổi vai. Các bác, các cô gồng gánh nhiều, lưng dầm mồ hôi, vai áo chóng rách. Bèn mua miếng vải, nhuộm nâu non, may đổi cái vai, làm cái áo đổi vai.

Thế là áo đổi vai tự nhiên thành mốt. Nhưng cái áo đổi vai các cô mặc cũng tùy nơi, tùy lúc. Không mặc áo đổi vai ngày tết nhất. Và con nhà khá giả cũng chỉ mặc áo đổi vai đi chợ hay đi gồng gánh, không ai diện áo đổi vai đi xem hội. Ngày nay, áo đổi vai ba bốn thân thành thời trang trình diễn và lên sân khấu - tất nhiên, chẳng ai còn giữ cái áo đổi vai đi chợ hay đặt cái đòn gánh lên vai. Nhưng có làm cho hay mắt tới đâu, hãy giữ nếp cái dáng gốc áo đổi vai là nét đẹp toát lên từ bóng dáng làm ăn. Diện khéo thì hai miếng hai vai so le tượng trưng sự chuyển động đôi vai và không bao giờ miếng vải trên

vai dài bằng vạt áo, dài hơn vạt áo.

Một do người ta nghĩ ra, như bây giờ. Như có những một do mọi nhẽ của đời sống mà nảy sinh cái đẹp hay cái lố lãng, cái bất chước. Như cô dâu đi thuê váy trắng tám tầng, như có một đạo học sinh không cấp cặp, cầm túi, sách vở cuộn lại kẹp vào nách. Lại như bây giờ, các sinh viên đeo cái túi nhỏ con con, như túi con cóc trên lưng. Cũng cái túi con cóc ấy, chỉ mấy năm trước chắc chẳng cô cậu nào thèm nhìn.

Ấy mới là thời thượng. Thời thượng và một không phải chỉ ở những cái ăn diện, mà cả mọi cái, mọi điều thông thường, hàng ngày. Ý ăn nhẽ ở nếp sống không phải chỉ ở những tính cách, thái độ ứng xử và hành động mà ở mọi nơi, ở tất cả những cái liên quan đến đời sống, kể cả những nhỏ nhất nhất. Khắc nhỏ bậy, ngoáy mũi, nặn trứng cá, vênh cằm lên nhõ râu, gãi rồi ngủi, xĩa răng giữa đường, rung đùi, bắt tay người lại ngoảnh mặt đi. Và cái nón, cái thúng, cái rổ, cái túi, cái khăn mặt, cái quần lót, cái móng tay, móng chân, đầu đầu cũng bắt đầu bằng những thói quen riêng mà có. Các bà các cô đi chợ cấp cái rổ (Không cấp rá. Cấp rá đi chợ các cụ bảo là điềm đói kém, đi ăn mày) nhưng cầm cái rổ cũng là cái đựng của người đi các chợ ven nội. Cái nhà trong làng chẳng mấy khi đi chợ mua mớ rau. Rau

cỏ thường ngày hái ở vườn, nhặt ở bờ rào. Đã đi chợ là có việc mua bán đong gạo đong ngô, sắm giỗ tết, cho nên người ta còn mang quang gánh, đội cái thúng.

Đi chợ chẳng cấp rổ thì ngả nón xuống, mớ rau hay chiếc bánh đa đặt vào lòng nón. Không ai đi chợ chỉ đi tay không. Đã bao nhiêu năm, đũa hàng đời cung cách đi chợ như thế. Cái rổ, cái thúng, cái quang gánh, cái nón đã đi vào ca dao, tục ngữ : Qua đình ghé nón trông đình...

Về sau thì thay đổi dần. Bây giờ muốn trông thấy cái rổ, cái thúng có lẽ phải đi chợ xa, lên chân núi Ba Vì hay là đến các thung lũng trong núi Tam Đảo.

Sau thời cái rổ, đến thời cái làn. Cái làn từ phố phường lan về mà lúc đầu người ta nhận xét hơi chế giễu : «Xách làn bắt chước người Kẻ Chợ». Nhưng rồi cái làn được ưa chuộng và phổ biến. Cái làn đựng được nhiều thứ hơn cái rổ mà vẻ lại nhẹ nhàng, thanh lịch. Đầu tiên là cái làn mây có quai, nhưng màu sợi mây trắng bóng nhìn hơi rợn mắt, người ta ưa cái gì kín đáo, nền nã hơn. Rồi sinh ra cái làn tết bằng cỏ tẻ. Làn cỏ tẻ trông thô, nhưng màu nâu nhạt dịu dàng. Làn cỏ tẻ thoát mới có tên là làn Hòn Gai vì làn đưa từ các vùng kẻ bể dưới Quảng Ninh lên. Gọi là làn Hòn Gai, chứ cỏ tẻ mọc trên gò, trên đồi đâu cũng có. Cỏ tẻ thân cứng,

trâu bò không ăn, người trong làng đi cắt cỏ về phơi để đun bếp. Cỏ tế nỏ đun lửa hơn rơm rạ.

Thời cái làn cỏ tế rồi cũng qua đi. Đến thời làn nhựa xuất hiện. Làn nhựa sặc sỡ như hoa nở, cái đỏ, cái xanh, cái vàng. So với cái rỏ và chiếc làn cỏ tế, làn nhựa đẹp hơn và tiện dụng hơn. Chỗ nào cũng thấy làn nhựa đi phố, đi chợ, đàn ông đàn bà đều xách làn nhựa. Có người đi làm cũng để cái làn nhựa trước xe đạp. Bởi vì làn nhựa thật «đa năng», nó đựng tài liệu, nó lại chứa được cả cái hộp đựng cơm và thức ăn bữa trưa ở cơ quan.

Đến bây giờ cái làn nhựa vẫn còn dùng nhưng làn nhựa không còn choán hết mọi cách chứa đựng, mà cái túi ni lon ra đời đã làm được tất cả - mặc dù cái túi ni lon mỏng dính, nhẽo nhột, đựng xong một lần thì bỏ sọt rác. Nhưng rất sẵn.

Túi ni lon và dây chun cao su làm lạt buộc. Cái túi ni lon không có kích thước. Túi nhỏ đựng nước chấm đã pha dấm ớt hay đựng mắm tôm, đựng tương. Túi to đựng cả con gà đã làm lông mổ sẵn, đã luộc sẵn hay là con cá một cân, khúc cá mấy cân, lại còn nhét thêm mớ ốc nhồi, một bó hành. Kể ra thì cái túi ni lon được nhiều việc. Nhưng túi ni lon chỉ dùng được từ chợ về nhà. Chẳng ai đeo túi ni lon linh kinh các thứ từ Hà Nội sang

tận Bắc Ninh.

Và xách túi ni lon thì quá lòi thoi, lể mể. Ta hãy để ý một chị vừa ở chợ Long Biên ra, hai bên tay lủa tủa những túi ni lon dài ngắn, to nhỏ. Túi này miếng thịt lợn. Túi kia một túm những con nhộng. Rồi túi bánh cuốn, túi nước chấm về cho trẻ con ăn sáng, lại túi cháo sườn, lại linh kinh những túi gì nữa.

Trông tạm bộ thế nào, không ung dung như cặp cái rỏ, xách cái làn đi chợ. Thế mà cái túi ni lon cũng tồn tại ít nhất đã ngót hai mươi năm, từ sau khi bắc nam đất nước được thống nhất. Cũng lâu lâu rồi đấy mà vẫn nhếch nhác như người đi xe đạp, xe máy bịt cái khăn tay kín miệng.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Cò

Viết về «nạn cò», tôi lấy từ điển Từ và Ngữ Việt Nam của cụ Nguyễn Lâm tra xem chữ cò đã sinh trưởng ra sao.

Chữ cò gốc nó chỉ con cò. Các loài cò : cò bạch (trắng), cò bợ, cò đen, cò hương, cò lửa, cò quăm, cò ruồi, cò thìa. Và biến hoá đi : con cò (ở khung cửi), bóp cò súng, mua con cò (tem), ông cò, cò trẻ con (dái trẻ con). Miêu tả điệu bộ : cò cựa, cò cựa, cò dò, cò kè, cò quay. Và điệu hát : hát cò lả. Những chữ cò vào thế kỷ và gần đây : Cò súng bóp cò súng (rất nhanh), cò mỗi, cò con, cò bạc (cò bạc bịp), thẳng cò, cái cò.

Như chữ ông cò (nói tắt chữ Pháp : Commissaire là đội xếp, thơ Tú Xương : Thành Nam danh giá nhất ông cò, thì còn hiểu được, nhưng con cò tiếng miền Nam là cái tem bưu điện (có lẽ có khi tem bưu chính của Pháp in hình con cò chăng ?), và điệu hát cò lả thì không đoán được nguồn gốc thế nào.

Mỗi chữ sinh sôi ra sao đều bởi hoàn cảnh của người và cộng đồng. Có chữ sống dai, có chữ chết yếu. Có khi cái áo sơ mi ni lông chim cò hết thời thì chữ áo chim cò cũng biến mất. Nhưng chữ thầy cò, cò mỗi thì lộn kiếp

và tồn tại dài dài.

Có hôm, ở Sài Gòn, tôi bàn với các bạn :

- Mai đi Lái Thiêu chơi vườn nhé.

Về Lái Thiêu mùa này đánh võng giữa vườn, rượu và trái cây, thức nhắm thì chủ vườn vớt đôi thằng ba ba dưới lạch lên. Ở bên thành phố mà chẳng khác đi du lịch vườn ở Vĩnh Long, ở Sa Đéc.

Mấy năm, khách ta khách Tây nhộn nhịp chơi vườn Lái Thiêu. Nhưng tôi đã được trả lời :

- Vườn Lái Thiêu hết khách rồi.

- Năm rồi ngập nước à ?

- Phải đâu. Tụi cò vườn tranh khách dữ quá. Khách ngán không đến nữa.

Ở đâu có ăn chơi thì đẩy sinh ra cò. Cò đón mời ra tận ngoài đường lớn, cò đưa khách vào vườn. Đông cò, đông khách rồi cò kéo, chia chác, có khi một lũ cò với cả chủ vườn ẩu đả nhau chí chết. Tây trông thấy cũng ớn, thế là mất khách. Xe vừa lên hết dốc đồi, vào đường thông Đà Lạt. Mấy cái xe máy rồ ra theo hai bên.

Bên trái :

- Các chú vô khách sạn Ngọc Lan. Đặc sản thú thiệt.

Bên phải nói to hơn :

- Các chú à, vũ trường Rừng Xanh có các em thú thiệt!

Từ đây vào tới chợ, xe này nhả thì xe khác cò bám, mời chào lao xao tương tự.

Đây cũng gọi là cò, cò nhiều như kiến. Đến Ninh Bình, vào thắng cảnh Hoa Lư trong núi, một lũ người lau nhau xúm đến bán hương.

- Tao có hương rồi.

- Cháu đưa bác vào đền, nhiều đền cơ mà.

- Tao biết đường cả rồi.

Thằng bé vẫn lẳng nhặng theo. Rồi nói :

- Bác cho cháu một nghìn.

- Tiền gì ?

- Cháu ăn mỳ bác. Từ sớm chẳng bán được thẻ hương nào.

Tôi không cho, thằng bé phải bỏ đi. Nhưng mất người tây đầm đi trước thì chúng nó còn lẳng nhăng đeo vào tận trong đền.

Ở Hà Nội, không gặp những cò như cò Đà Lạt, cò Lái Thiêu, nhưng các «nhà nghỉ» la liệt hầu hết ở các phố có bến xe, có nhà hàng và nơi khuất vắng đều có treo bảng, thế là chắc chắn ở đấy chẳng thiếu cò. Và lại cái nghề cò giỏi xem tướng lắm.

Những người như tôi, trạc tôi. chúng nó thả lời làm gì cho mất công. Những cái cò ăn mày như ở Hoa Lư thì đâu cũng thấy. Khách ở các tỉnh, khách nước ngoài ở bờ hồ Gươm. Ở đền Quán Thánh đều được cò vây bọc các phía. Hay là quanh quán cá phố Trần Nhân Tông, lên đường thịt chó trên Nhật Tân, hay bia Hải Xôm, ồ ông Già. cò lại cò. Nghe nói các bến xe đường dài Hà Nội - Sài Gòn, các hàng quán dọc đường nhốt khách nuôi cả cò du côn... Cò bự hay cò ruồi thì cũng một giống cò. Ở đâu cũng có cò. Có điều cò thật như cò định nghĩa trong từ điển thì bi. chết mất giống. Duy có cò biến tướng cò đều cò người này thì càng nhiều.

Con Khỉ, Con Dê

Ở nước ta, hầu như ở đâu có triền núi đá thì đây có suối nước khoáng, suối nước nóng. Chỉ ra khỏi Hà Nội ngược lên sáu mươi cây số đã gặp suối nước nóng Kim Bôi, cũng xuống xuôi chừng ấy đường đã đến suối nước nóng Kênh Gà.

Bên nước Gruzia trong dãy núi đá kia chảy ra dòng suối nước nóng con con mà người ta đã xây dựng ra các nhà nghỉ, nhà chữa bệnh, nào bể bơi, nào bồn ngâm nước, nào bể đắp bùn. Quanh năm, khách trong nước, ngoài nước đến chơi đến nghỉ đông nhiều vô kể, hốt bạc vô kể. Ở nước ta chẳng thiếu, nhưng du lịch và y tế chưa mấy nơi với tới. Ở Kim Bôi, nơi có suối nước nóng chảy ra, là Mớ Đá. Bên kia cánh đồng, xóm ở trong đồi, gọi là Mớ Đồi. Có ông khách nghỉ nói giễu : «Bao giờ có thêm suối nước nóng Mớ Đồi nữa thì bấy giờ Kim Bôi mới đầy đủ chỗ chơi, chỗ an dưỡng được». Bởi tuy rằng nước và thiên nhiên thì của trời cho nhưng phải có người lo toan và đắp tiền vào thì mới ra được mọi thứ lưu luyến khách.

Có một lần kia, nhà thơ Hoàng Trung Thông và tôi đi Sơn La. Bấy giờ má bay cũng hầu như hàng ngày ném bom tỉnh lý. Các cơ quan đều tránh vào trong núi.

Khách được đưa đến ở lán trong vách núi của người làng chạy vào đây. Cái suối nước nóng chảy ngang bên chân chúng tôi.

Nước nóng trong hốc đá tuôn ra. Khi lên bờ khói trắng bốc nghi ngút nước chảy một quãng dài quanh sang bên kia núi, hoà vào suối cái. Cá lúc nhúc bơi vào lán nước ấm. Mỗi sớm, người trong xóm chỉ ra một quãng đồng đã được một mẻ cá. Xóm ấy quang năm năn canh cá, cá muối, cá nướng, đàn bà con gái trắng ngần đẹp thướt tha chẳng khác người suối Mường Kim bên Mùa Căng Chải. Cả đến đàn khỉ trên núi xuống, thỉnh thoảng lại được miếng xương cá, khỉ cũng béo tròn như con cún cút. Máy hôm, ngày nào chúng tôi cũng ra cái hũm đá nằm ngâm nước cả buổi. Chẳng biết được bỏ béo thế nào nhưng ở trong nước suối nóng ra, mình mẩy «nhẹ nhàng như ở động tiên trở về trần gian».

Bao nhiêu năm qua, Hoàng Trung Thông cũng về cõi âm rồi, tôi chợt nổi hứng muốn trở lại cái suối nước nóng ngày ấy. Đến Sơn La thì dễ đường thông thoáng và xe vào tận cái xóm ngày trước chạy bom. Chỉ có lối vào cái suối nước nóng thì không có đường. Hôm sau : tôi đi với một chú bé trong nhà, quần buộc túm lại mà xà phòng vẫn phải xát lên tận bẹn, không vắt bỏ lên. Lại còn phải bôi xà phòng quanh cổ để «vắt xanh trên cây

không nhảy xuống bám được

. Đường này bỏ đã lâu. sẵn các giống vất lằm».

Đánh đường vào rừng hoang, chú bé phải vừa đi vừa chặt cỏ tranh, có lát mở lối. Không ngờ vào đến suối bây giờ lại xa thế này. Tôi ngơ ngẩn ngồi trên một tảng đá. Khói nước nóng trắng mờ cả những cành lau ngả quanh. Bỗng thấy đung dấy trong cỏ, tôi trông thấy mấy cái đầu con khỉ, mắt trố thô lỗ nhô ra. Thấy người : những cái đầu khỉ lại rụt vào. Rồi làn cỏ lung lay dài dài ra phía đằng kia, thì ra một đàn khỉ có mấy chục con kéo đi - chắc là bắt cá. Chúng thung dung không biết sợ người, con nào cũng mượt lông, béo mẫm - như ngày trước.

Tối ấy tôi ngủ trong xóm. Tôi nói với cụ chủ nhà :

- Ở trong núi có nhiều khỉ quá.

Chỉ có hai người với nhau mà ông già người Thái ấy vẫn nói thì thoà :

- Ấy a. Ông đừng nói với với ở đây có khỉ.

- Làng nuôi khỉ à ?

- Không, trời nuôi thôi. Nhưng mà ai biết người ta về săn hết mất. Cả chín châu mười mường này có còn con

khí nào đâu. Ông đừng nói với ai nhé.

Tôi nào biết nói với ai, mà tôi cũng chẳng buồn nói với ai.

Mấy hôm sau, tôi trở về suối nước nóng Mớ Đá ở Kim Bôi dưới Hoà Bình. Tôi cũng chẳng thiết cái nhà nghỉ nữa vời chẳng ra du lịch, chẳng ra công đoàn này, chỉ vì tôi cũng không còn hơi sức đâu để bò theo đám trẻ bây giờ ngày chủ nhật đi cắm trại ngủ rừng nữa rồi.

Cửa buồng tôi trông vào chân núi. Buổi chiều xuống nhà ăn từ lúc tan giờ hành chính để cho nhà bếp còn về. Cơm rượu rồi tôi ra ngồi nhìn lên những mỏm núi đá bắt đầu mờ mờ sương. Tôi lại trông thấy một đám mây con khỉ đen nhờ nhờ chui trong bụi cây lên đứng trên mỏm đá. Y hết đàn khỉ trong suối nước nóng trên Sơn La.

Tôi kêu lên :

- Ở con khỉ. Con khỉ

Chú nhà buồng người Mường nhìn lên theo tay tôi trở, chú nói :

- Con dê đấy, ông ạ. Ông vừa ăn thịt dê lúc nãy. Bây giờ chẳng ở đâu còn khỉ. Đàn dê xóm Mớ Đá người ta

nuôi, tôi rồi dê đương về chuồng.

Tôi nhớ năm 1948, cách đây vừa nửa thế kỷ, có lần ở châu Đà Bắc về, tôi đi qua đóc Cun ngoài kia. Đóc Cun rừng lau, có tiếng lẩm hổ, ban ngày không ai dám đi qua đóc Cun một mình. Tôi ấy ngủ ở lán với bộ đội, nghe kể chiều hôm qua có con hổ ra vồ ăn thịt mất một anh bộ đội đứng gác. Tôi kể cho anh nhà buồng câu chuyện ngày trước hổ về vồ người ở đóc Cun. Anh im lặng một lát rồi nói :

- Bây giờ ở ngoài đóc Cun chỉ lẩm ô tô, xe máy đâm chết người thôi.

Câu chuyện ngắt quãng ở đây. Từ suối nước nóng đến con khỉ, con hổ, con dê, cái ô tô, miên man rồi, xin dừng lại.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Con Khướu Bạc Má

Trời đổ mưa mây hạt, rồi tạnh. Xòe bàn tay thấy mưa bụi lẫn tăn. Sáng ra, bụi cây cúc tần bờ rào phủ sương trắng mờ. Đã sang tháng chín, vào thu rồi.

Những đàn ri sừng, ri đá, đàn chim ngói ra ăn lúa sớm. Chúng bay loạn xạ ngang trời... Bây giờ mùa nào cũng có vụ, con chim cũng không biết đỗ xuống, ăn đâu.

Trẻ con đã xếp cần câu. Những cái nơm, cái dó đem gác bếp. Bây giờ lại vót lòng bẫy, vá lưới, đi tìm bãi bẫy chim ngói.

Đây là hình ảnh kỷ niệm tuổi thơ tôi những năm lên chín lên mười.

Mười mấy năm sau, khi thành phố được giải phóng, tôi trở lại. Thấy như lạ mắt, làng xóm và cánh đồng im lặng không bóng người. Một cái lô cốt xi măng đồ sộ há hoác bốn phía trở lổ châu mai. Dấu vết tuyến phòng thủ quanh thành phố của tướng Đờ Lát còn lại bây giờ tro vơ tang thương.

Chẳng bao lâu con đường dọc ngang khắp nơi, như bàn cờ trên cánh đồng. Những khu nhà năm tầng y hệt

nhau mọc lô nhô, đây là những khu nhà tập thể. Người các nơi được đưa tới và các xóm cũ, xóm mới ở chen nhau lẫn lộn.

Những con đường cánh đồng quây lại đã thành phố phường. Người ta không nói xuống phố hay là ra Kẻ Chợ như trước kia, mà thói quen mới, người phố ta bảo nhau đi Bờ Hồ, đến phố Hàng Ngang.

* * *

Con đường vắt qua cái lô cốt Đờ Lát, bây giờ sang bên kia là đường lớn ồn ào người qua lại. Không ai nhớ đây xưa kia là con đường tắt bờ ruộng, bây giờ xe đạp, xe máy và các thứ ô tô qua. Cái phố nào động tiếng xe đến nửa đêm chưa vãn. Ngày đêm rối loạn trong những tiếng động xé tai. Vừa rồi, tôi đi nghỉ ở suối nước nóng Kim Bôi trên Hoà Bình. Trong rừng thanh vắng có những quán hàng treo bán chim cảnh. Ô những con chim bầy được, bán cho người thành phố đem về chơi. Năm trước, tôi đã đem ở Sài Gòn ra một con chim gáy ở Đồng Tháp Mười. Bạn dặn con chim kén nước lắm, nhưng thành phố chỉ có nước máy. Được vài hôm con chim chết trong lồng, cống nước vẫn đầy nguyên.

Tôi thích nuôi một con chim, một con chào mào, một con hoạ mi một con chim gì đó cho vui nhà.

Mà lại nhớ chỗ xóm này xưa kia chỉ có vườn cây hồng bì, cây na, cây lựu yên tĩnh và tiếng chim tôi muốn mơ màng lại như ngày xưa. Rõ khéo lẫn thân những như ngày xưa, bây giờ làm gì có ngày xưa. Nhưng mà tôi cứ ngỡ ra thế. Những con chim cảnh của người Mường nuôi rồi đen bán nhưng vẫn phải chọn cẩn thận chứ. Nghe nói bây giờ lắm kẻ bắt lương bẫy chim rừng ra bán ở dọc đường. Con chim chỉ mới đem về đến nhà đã chết. Không, tôi chọn con đã thuần. Tôi mua được một con khướu bạc má, con khướu đã dạn người. Có người qua lại khướu vẫn hót râm ran. Ngày trước nuôi hoạ mi chơi hay nuôi khướu hót, khướu nói đều công phu lắm. Nghe đồn thế chứ trẻ con bây giờ thì chỉ nuôi mỗi con ri đá ăn thóc, con chim vành khuyên ăn chuối. Có đứa bảo con chào mào từ bé cho ăn cơm trộn muối, chào mào quen ăn mặn, không đi đâu xa được.

Con khướu chỉ ăn gạo trộn lòng đỏ trứng gà tốn kém lắm. Những khướu bây giờ thật dễ nuôi. Khướu ăn cám trứng, hàng chim nào cũng có bán cám trứng. Còn những thức ăn cầu kỳ hơn nhiều, bây giờ nuôi cá vàng thức ăn cho cá chuốc tận Hồng Kông, Ma Cao cũng được chứ sao. Con khướu bạc má của tôi ở rừng Kim Bôi về ăn cám trứng. Khướu mổ cám đập đập, khướu cất tiếng kêu quắc quắc. Hay quá, thế là được rồi. Ăn no, khướu bạc má đậu chơi trong lồng dưới giàn kim

ngân.

Bây giờ cũng đương mùa thu. Những dây hoá lý đã héo khô cả. Chỉ còn kim ngân lá vẫn xanh trên giàn cho đến giêng hai nở hoa vàng hoa bạc khi có mưa bụi xuống.

Con khướu bạc má nghiêng tai, đứng yên. Khướu trừng mắt rồi lại cất chân kêu quắc quắc. Suốt buổi sáng con khướu chỉ kêu những tiếng rùng quắc quắc như tiếng xe chạy ngoài đường. Quắc quắc...

Tiếng xe chạy rầm rập. Buổi sáng, buổi chiều. Xe tải, xe buýt, xe máy, náo loạn, đình tai. Con khướu trừng trợn, nhảy, lại kêu quắc quắc. Đến tận tối con khướu vẫn chỉ kêu một tiếng nhố nhăng ấy, nó còn quắc quắc có chừng đến nửa đêm. Sáng ngày ra, mới bảnh mắt, khi có tiếng xe rộ lên con khướu trong chuồng lại hét quắc quắc...

Suốt mấy ngày mấy ngày vẫn thế. Tôi mất ngủ vì con khướu. Tôi chẳng bao giờ có thể biết đây là khướu nhớ quê hay là khướu chửi mắng tôi.

Một đêm, bỗng nghe tiếng khướu hót nho nhỏ. Tôi rón rén bước ra ngoài hè. Trời sáng trắng, gió mát lồng lộng, ngoài đường đã vắng hẳn tiếng xe.

Có ai để ý đêm khuya trong bóng cây thường nghe tiếng chim líu ríu. Phảng phất như xa như gần, như tay đôi, như một mình, như nàng chim từ qui rừng này gọi chàng chim từ qui cuối rừng. Đây là lúc bao nhiêu tâm sự, đây là lúc bóng trắng và bóng tối các hình bóng quần quít tan rã ẩn hiện như chiêm bao. Có lẽ cũng là những mơ ước kỳ thú của muôn loài trên thế gian. Có phải thế không. Con khướu của tôi đậu ở mặt chuồng, tiếng lâm râm như hát, như tỉ tê. Như con chích choè xuống ngòi nước cất tiếng xa xa mỗi buổi chiều lặng lẽ. Như con vạc đi ăn đêm về vừa trông canh ba, buông từng tiếng vào chân tre, lúc này thanh thoi nhất, có ánh trăng và sáng điện như ban ngày, con khướu thủ thủ nho nhỏ.

Sáng hôm sau, vẫn chỉ nghe tiếng khướu quắc quắc những tiếng quái gở, trong khi các thứ xe từng đoàn rùng rùng rít qua ngoài kia. Con khướu bạc má hình như rạc người ra. Rồi khướu phờ phạc hẳn. Cái đầu nó trĩu dần như hòn bi. Một bên cánh sã xuống. Lông rụng lả tả, mỗi buổi sáng vợ được hàng nắm, thật tham thương. Thế nào đây, con chim có thể chết đến nơi. Con chim mất tiếng hát rồi. Con chim chỉ còn rú lên hai tiếng quắc quắc.

Nhưng ngoài kia, trông lên trời mùa thu vẫn xanh thẳm, hoa lộc vùng rụng lẫn tăn buông xuống đỏ hây từng đám trên mặt hồ. Tôi phải thả Con khướu bạc má thôi. Thôi cho nó bay đàn về phương trời của nó. Hôm sau, tôi ra chỗ treo lồng. Chim đã là cái xác chết cứng queo. Những điều tốt đẹp, mơ màng của tôi đều vô ích. Con chim đã chết rồi. Tôi lên đường gần Bách Thao mua một con khướu bạc má khác.

Bác bán chim bảo :

- Ông yên trí. Con khướu này chén được cả thịt bò.

Tôi không dám kể chuyện con khướu ở rừng Kim Bôi về chỉ nghe tiếng động tàu xe ồn ào mà chết. Tôi cho con khướu này một miếng thịt bò tái. Nó xóc hai mỏ, nuốt chửng.

Cả buổi, tôi không nghe tiếng quắc quắc. Nhưng cũng không nghe có tiếng hót. Có lẽ con này đã quen tai với tiếng động thành phố. Có lẽ con chim vốn ăn thanh cảnh, bây giờ lại chén cả thịt. Nó không phải là con khướu biết hót, nó không hót nữa. Tôi lại đâm ra buồn.

10-2003

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Chuột Thành Phố

I.

Từng chằng đèn ở khắp nơi, sáng rực lên. Thành phố Sài Gòn chói lọi trong ánh sáng. Mặt trời vừa khuất sau những mái lầu bên phía tây, đèn điện bật lên như ngăn trở không muốn cho đêm tối bén mảng đến. Người ở các ngã các xó lữ lượt ngồn ngang từng đoàn từng lũ kéo ra ngoài đường. Họ đi hóng mát. Vào các tiệm, uống ly cà phê, ly nước đá chanh, ly bốc la-de. Có người ăn hủ tếu, một đĩa bánh hời, bánh đập... Người ta ăn và uống âm ỉ, túi bụi lên. Cảnh sống ban đêm của cái thành phố ánh sáng này đông đảo gấp mấy ban ngày.

Cùng với sự sinh hoạt rầm rộ nọ, có một sinh hoạt khác, cũng tập nập, cũng đông đảo chẳng kém. Ấy là khi đêm lần lần về khuya, người dần dần vắng bớt đi. Ngoài đường, những ngọn đèn nhiều nến được tắt bỏ, đem về cho thành phố những nét dịu dàng mới. Bây giờ, mặt đường tròn bóng. Người qua lại lác đác. Rồi thỉnh thoảng mới thấy một hai người đi chơi về khuya hoặc vụt qua một bóng xe đạp của thầy mã tà.

Đó, lúc đó, một thế giới hoạt động khác nổi lên. Trong các khe rãnh, các lối cống hai bên vệ đường, họ ra nhiều không thể đếm xiết. Họ đi mò mò. Nhiều lúc, vụt một

cái, nối nhau chạy loắt nhoắt loắt nhoắt vượt qua mặt đường cánh cung, bên này sang bên kia. Đó là khi đi chơi tiêu khiển, hoặc cũng là khi đi uống ly cà phê, ăn đĩa bánh hỏi, chẳng chặc như mọi người ta. Thành phố của loài người nhưng quá nửa phần đêm về sáng nó thuộc về thành phố của họ.

Ấy là loài nào ? Thưa, loài chuột, họ chuột chúng tôi. Phải, chúng tôi góm ghê như thế đó, chứ sao. Chúng tôi thực xứng đáng với cái địa vị. được đem ví von với loài người. Này, thử để ý xem : khắp bốn bề năm châu, chỗ nào có vết chân người, tất chỗ đó có vết chân chúng tôi. Người ở đâu, chúng tôi ở đấy. Người ăn gì, chúng tôi ăn nấy. Chúng tôi chỉ hơi khác khác với họ một điều. Như họ thì to lớn, mà chúng tôi thì bé, chỉ bé bằng cái cẳng tay người ta. Tiện đây xin cải chính một điều. Xưa nay, thiên hạ tưởng chúng tôi không biết nói. Xà ! Bậy hết sức. Chúng tôi đây cũng biết nói như ai chớ ! Chí chí, chúng tôi nói đó. Chúng tôi nói tiếng của chúng tôi. Cũng như người nói tiếng của người. Có cái ngôn ngữ bất đồng, nên cứ tưởng lẫn như vậy. Mà nói về những điểm hơn loài người chúng tôi đây lại còn hơn nhiều. Họ nói, chúng tôi nghe được rõ ràng từng tiếng và họ không nghe ra được tiếng chúng tôi. Chúng tôi, mới sinh ra đã có râu, có răng. Trẻ con nhà các người nứt mắt đâu đã có răng, đâu đã có râu. Ấy là chưa kể đến

cái đuôi dài và nuột nà rất đẹp của chúng tôi, loài người không bao giờ có thể có được nổi. Kém những chỗ ấy nhé !

Nhưng mà hồi mọi người, mọi người yêu quý của tôi, tôi nói khuếch khoác thế, tất ai đó hấn tức lắm. Chắc có người toan mắng : «Chuột nhép, sống núp bóng người ta, bặng nhặng cái gì ? Ông lại mua con mèo về thì có mà bỏ đời...» Thôi, thôi xin ai đừng mua ông mèo về. Tôi nói đùa mà chơi đấy. Thực ra xưa nay chúng tôi vẫn tôn phục loài người. Người đã làm nhà để cho chúng tôi có nơi ở kè. Người lại làm ra cái bếp để nấu nướng thức ăn, khiến cho chúng tôi có chỗ ăn kè. Thỉnh thoảng, người ta lại nuôi một vài chú gà con, để cho các cụ chuột trở tài quắp trộm.

Chúng tôi lại biết rằng, loài người cũng chẳng khác loài chúng tôi. Ai ai cũng phải làm việc, để mưu sự sống còn. Biết bao nhiêu chông gai đầy rẫy trong lối đi của con đường đời. Vất vả quá, cực nhọc quá. Nhưng có vất vả, có cực nhọc mới đáng được sống ở trên đời, phải không ?

Nói chi ai, như tôi đây. Tôi chỉ là một chàng chuột nhỏ bé trong cái quần chúng chuột ở khắp thế giới. Đời sống của tôi cũng vất vả, cực nhọc lắm nhưng tôi không lấy điều đó làm buồn, trái lại nữa. Tôi vui vì những luân

lạc từng trải. Tôi vui vì nổi, có lẫn lóc, đời mới dạy cho mình được lắm điều hay. Tôi chắc bạn đọc yêu quý đương đợi tôi kể cho nghe một cuộc đời phiêu lưu, mạo hiểm chi đó. Bởi tôi biết các bạn thích loại chuyện này lắm. Không, đây chỉ là chuyện của đời tôi. Nó có được như những phiêu lưu, những mạo hiểm thì còn phải hỏi lại xem thế nào đã. Tôi chỉ biết rằng tôi muốn nói về những sự gian nan của một cuộc sống, khi ta phải tranh đấu để kiếm miếng ăn. Và tôi cũng muốn nói tới một sự giác ngộ cao cả mà tôi đã nhận được, sau nửa đời luân lạc. Hôm nay, vui câu chuyện với các bạn yêu quý, tôi xin kể.

II.

Khi còn ít tuổi hơn bây giờ, tính tình tôi khá kỳ khôi. Tôi cũng không còn nhớ rành rọt mấy. Nhưng có điều nhớ chắc là tôi rất huỳnh hoáng và nóng nảy.

Tôi hay soi bóng vào trong vại nước. Tôi gật gù cho tôi là một trang thiếu niên anh tuấn, và một mã thượng phong lưu khách chi đó. Ôi chao, này này các chú thử ngắm tôi mà xem. Đầu tôi nhỏ và nhọn hoắt. Những anh chuột đầu nhỏ, thường là thông minh. Tôi thuộc vào hạng chuột nhỏ. Mình tôi phủ một lớp lông mượt bóng như nhung nỡn. Hai hàng ria mép của tôi dài vênh lên. Bốn chân tôi nhỏ nhắn. Đôi mắt tôi long lanh.

45 | Tuyển Tập Truyện Ngắn 3

Cả ngày, tôi soi ngắm bóng mình, tôi lại nhón đi đàn đúm với một lũ trong xóm, cũng trạc tuổi với tôi. Tôi làm trùm bọn họ. Bởi tôi chạy nhanh, tôi nhảy, tôi khỏe mà lại biết võ. Biết võ ? Vâng, tôi biết võ. Rồi tôi rong chơi lu bù. Có khi tôi đi mất mặt đến mấy ngày.

Thời đó, tôi ở với anh chị tôi. Mỗi bận đi chơi về, chị dâu tôi thường căn nhắc, rầy la tôi.

Tôi lấy làm khó chịu. Tôi cho chị tôi là một ả lắm điều. Có một lần, anh tôi mắng tôi :

- Màỵ chưa kiếm nổi cơm ăn, thì tao bảo gì phải biết nghe. Sao lại cứ chơi không cho hư thân mất nết đi.

Tôi cãi :

- Anh không được bĩ tôi như thế. Sao anh lại bảo tôi là không kiếm nổi cơm ăn ?

- À, màỵ cũng lí sự giỏi nhỉ ? Màỵ lí sự cùn, biết không ? Màỵ giỏi nói, màỵ hãy đi mà kiếm cơm lấy, tao xem !

Tôi héch mồm, cười nhạt :

- Anh đã đuổi, tôi xin đi...

- Màỵ đừng nói nặng. Tao không đuổi màỵ, nhưng...

- Nhưng anh đã nghe xúi bầy mà đuổi tôi thì cũng thế.

- Tao nghe ai ?

Tôi đáp lờng khùng :

- Nghe ai thì anh biết. Anh tôi cười nhạt :

- Tao hiểu rồi. Mà y nghĩ cho chị dâu đã xúi tao Vì mỗi khi mà y đi chơi lêu láo ở đâu về chị thường nói này nói nọ. Đừng ngờ xằng như vậy. Cái gì phải nhìn tận mặt, vạch tận trần hầy

nên mở miệng. À, mà y cũng khá nhỉ ? Tao chỉ nói có thể, mà y dám bảo rằng «anh đuổi tôi». Được, đi hay không, tùy ý. Mà y đã lớn rồi đấy. Ra ngoài đường, trông cái nọ ngó cái kia, cho rạn bót kẽ mắt ra. Cũng phải.

Tôi quyết định rồi. Tôi quyết định chẳng ở với anh. Tôi phải đi chứ. Dù sao, tôi cũng cần có một cuộc đời riêng của tôi, không ỷ lại. Hôm sau, tôi xin phép đi, tôi đội ơn công anh chị nuôi tôi bấy lâu. Tôi thành thật nói thế.

- Mà y đi thực à ?

- Xin anh chị đừng tưởng tính tôi nóng nảy hay tôi giận dỗi gì anh chị. Không phải thế. Tôi đi là vì cuộc sống của tôi.

Anh tôi gật gù, liếc mắt nhìn tôi :

- Được, mày muốn đi thì đi. Nhưng tao cũng cứ phải dặn thêm mày rằng khi nào muốn về thì cứ trở về tự nhiên.

Chị dâu tôi còn tha đến cho tôi một miếng thịt gà. Có cái ý ngầm rằng chị chẳng lòng nào mà ghét bỏ em đâu. Tôi biết thế.

Tôi ơn chị và gặm miếng thịt ngon lành. Kể từ hôm đó, tôi đi khỏi nhà anh chị tôi. Lòng đầy hi vọng mới mẻ. Việc trước mắt, tôi đi tìm các bạn chơi của tôi mọi ngày. Để báo tin cho họ biết rằng từ giờ thì lúc nào tôi cũng có thể đi chơi với các anh em được. Tôi thấy họ hơi ngạc nhiên. Rồi một anh hỏi :

- Mày bỏ nhà thực chứ ?

- Sao lại không thực ! Tao đi, một điều chúng mày chẳng vãn ước ao đó sao ?

- Bây giờ mày ăn ở đâu ? Tôi đáp thẳng thắn :

- Tao ăn với chúng mày. Chúng mày vẫn thường mong được có tao ăn chung đó sao ? Một thằng đạo mạo, thùng thắn nói :

- Thừa quý hữu, bạn bỏ nhà đi như thế, thực là một điều dại dột. Mọi khi, chúng tôi vẫn nói láo lếu thế chứ thực sự làm sao mà kiếm ăn, nuôi thêm được bạn. Các nhà ở xóm này, người ta cất thức ăn kỹ quá. Chúng tôi gây rụng cả lông đi đấy... Bạn hãy trở về với anh chị của bạn. Ăn cho no, ngủ cho kỹ. Rồi thỉnh thoảng, lại đây, anh em ta khiêu vũ chơi, có phải thích biết bao nhiêu.

Tôi tức quá :

- Chúng bay là những đồ tồi. Chúng bay sợ thiệt, đuổi tao đi đó phỏng ? Thực tao không ngờ. Nhưng mà, được được. Tao cũng không cần chúng bay. Trước khi tao đi, chúng bay có giỏi, ra đây tỉ thí với tao một keo.

Tôi vò được một thằng đứng gần tôi nhất, nhay cho nó một miếng. Lập tức, cả bọn chúng xúm lại chiến tôi. Giá cứ đánh nhau tay đôi, tôi quyết chơi chết có thằng. Nhưng chúng đông quá. Những tên nào xưa kia kẻ vào hàng thân nhất của tôi, thì bây giờ lại càng giã tôi đau tợn. Đau quá, tôi ngã lăn chổng bốn vó lên. Chúng bỏ chạy vào các hang, rồi lẩn thảng. Giá tôi có chết ở đây, chắc cũng đành là thôi mạng.

Bò dậy, tôi nhìn quanh quất, không có bóng vĩa một tên nào. Tôi buồn và cũng nản hết sức. Buồn cho tình

bạn, chán cho tình đời, vời trông tương lai mờ mịt. Chao ôi ! Tôi chắc chúng nuôi tôi. Tôi chắc chúng quý tôi. Tôi chắc chúng...

Hảo tất. Chúng lại còn đánh tôi là đẳng khác. Ra tranh sống với thiên hạ, không phải dễ dàng đâu. Anh ơi ! Lúc này em lưỡng lự muốn quay về.

Tôi tự gạt ngay đi những ý tưởng đó. Xảy ra sự đáng tiếc này, chẳng qua là bấy lâu nay tôi mù, tôi chọn lầm bạn. Không nên vì một thất bại mà đã ngã lòng.

- Phải đi chứ ! Phải đi !

Tôi nghĩ luôn thế. Trong im lặng, tôi lồm cồm chui ra ngoài bãi cỏ trước ngõ.

III.

Bấy giờ đương là ban đêm vắng vẻ. Tôi bò đi dễ dàng qua một quãng dài, lần hết phố này tới phố khác. Tôi quyết đi thực xa. Xa cái nhà của anh chị tôi. Và xa chỗ ở của lũ bạn xấu kia. Tôi muốn sống riêng biệt. Trong cái thành phố đồ sộ này, tìm đâu mà chẳng ra một chỗ để nướng nấu tấm thân. Tôi kiếm, tôi kiếm mãi. Nhà cửa, đường sá và bờ bãi thì rộng thực, nhưng tìm một chỗ nướng thân không phải dễ. Khắp nơi nơi, chỗ nào cũng đông nghịt. Có lẽ trên ván có bao nhiêu người ngồi thì

dưới gầm, trong xó cũng có gấp đôi từng ấy chuột.

Mãi sau, tôi cũng tìm được một nhà. Nhà này khá lắm, không ngờ là tôi lại khéo tìm như vậy.

Căn nhà hai tầng, tường vàng hoe, cửa chớp màu xanh nõn. Tôi thông thả bước vào, mát mẻ, thanh mảnh lắm. Nhà ít người ở, mà lại rộng rãi, nên tôi tha hồ sạo sục, chẳng một ai nhòm thấy. Nhưng có một điều lạ, không có dấu vết một nhách chuột nào đã ở đây. Chẳng lẽ mà họ nhà chuột lại chưa tìm tới chỗ rộng rãi này, trong khi ở những nơi khác phải từng đàn mấy chục mống chen chúc ? Tôi chạy lon ton nhón nhóat hết nhà trên xuống nhà dưới. Tôi lại cố ý kêu lên mấy tiếng. Chẳng có ai đáp lời. Ra sân, vục mõm vào máng bể, tôi uống một ngụm nước lã. Nước bám lên hai bên ria mép tôi. Tôi đứng rún rê, rung hai làn ria, ngẫm nghĩ :

- Cha chả là sướng ! Chưa ai đặt chân đến chỗ này. Ta là kẻ đến đây trước tiên. Tha hồ tung hoành. Đứa nào đến sau phải vào hàng tôi tớ của ta. Ta sẽ có biết bao nhiêu là bộ hạ.

Tôi lùng khùng bò vào. Tôi chui xuống gầm cầu thang, đánh một giấc ngủ ngon lành. Đến chiều, tôi thức dậy, bởi tiếng kèn hát kêu ọ ọ bên tai. À, ra bữa cơm chiều đã xong, nhà người ta đương mở máy kèn

hát nghe chơi. Nhà này chỉ có hai vợ chồng, hai đứa con và một anh bếp. Con con chó Ki Ki to bằng con bê lúc nào cũng nằm chồm chồm đầu hè. Tôi ở trong khe, trong ngách, dù có trông thấy tôi, Ki Ki cũng chẳng làm gì tôi tốt.

Tiếng kèn hát vui quá. Có lẽ tôi cũng nên bò ra nghe chơi. Nhưng bụng tôi đã đói đói. Tôi nghĩ mình cần phải ăn. Giờ ăn của người xong, bây giờ là giờ ăn của tôi. Tôi đứng đỉnh xuống bếp. Còn cái gì tôi sẽ chén tuốt. Có ai vào đây nữa mà ăn tranh. Con Ki Ki đã có phần của Ki Ki. Chỉ một mẩu bánh, một miếng thịt là đủ bữa ăn ngon của tôi.

Tôi vào bếp. Ồ, cái bếp lạ dữ ! Một căn buồng vuông vắn, chiếc ống khói cao ngút và một cái tủ vuông chằng thép mắt cáo. Trong tủ, treo lủng lẳng mấy miếng thịt bò, lẫn lóc mấy cái củ đậu. Ngoài ra, trên gạch, trên tường, sạch như lau, không một thứ khả dĩ có thể bỏ vào miệng được. Tôi tìm đến chậu nước vo gạo. Nước vo gạo không có một giọt. Mà thùng đựng rác thì tịnh chẳng thấy đâu.

Tôi đành ôm bụng móp, mò lên nhà trên. Lại đánh mấy ngụm nước lã, rồi ngủ kên ở một xó gậm thang gác.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy sớm. Tôi đánh hơi được một mùi lạ lùng ghê gớm. Hai cánh mũi tôi nở hếch. Cả những chiếc răng nhọn cũng thò ra. Tôi hít vào những hơi thực dài. Ra đó là mùi thịt bò xào hành tây. Thịt bò xào hành tây thì thơm hết nói, thơm điếc cả mũi. Tôi muốn nhảy ngay xuống bếp. Nhưng vừa thoáng có con Ki Ki đi qua ngoài thang gác, tôi phải đứng nán lại. Khi Ki ra ngay ngoài cầu thang, nằm ịch xuống ngủ gối đầu vào hai chân trước. Hết lối ra của tôi. Úc quá, tôi làm bầm rửa nó. Nhưng sau tôi cũng tìm được một lối khác trèo xuống bếp. Tôi thấy anh bếp vẫn đang khua hai đầu đĩa vào chảo thịt. Khói thơm bốc ngạt ngào. Tôi cứ đứng trong xó mà hít bằng mũi, hít bằng mồm và muốn hít cả bằng mắt, bằng tai nữa. Chẳng bao lâu, anh bếp xào xào đã xong. Anh đổ thịt vào một cái đĩa to rồi bung lên buồng ăn trên gác. Trước khi bung đĩa thịt lên, anh đem bỏ cái chảo ra ngoài vòi nước máy, vặn vòi nước chảy xuống ồ ồ. Không nhẽ tôi lại đi theo anh lên buồng ăn. Có phải người ta làm cho tôi nhầm đâu mà tôi dám đi theo. Cái khôn ngoan của tôi, nếu tôi hiểu, là phải đứng nguyên dưới bếp, đợi khi anh mang đĩa thịt xuống, còn miếng nào tôi chén miếng ấy. Tôi đứng yên mà đợi anh bếp.

Chàng đã xuống, hai tay bung khur khur cái đĩa. Tôi mừng quỳnh, suýt nữa kêu bật lên thành tiếng. Nhưng

cái đĩa chỉ còn là cái đĩa không. Một chút nước mỡ, anh ta cũng ngứa cổ liếm sạch. Rồi rửa bát, cất bát vào chạn.

Xét ra, ở trong cái nhà này, cái gì có thể ăn được họ đều cho vào cái chạn chằng lưới mắt cáo khoá tách lại. Tôi mất đường làm ăn ! Nhà này không có vại gạo, không có chĩnh nước mắm, không có những đồ bếp núc như mọi nhà khác. Thực ra, tôi cũng chỉ mới biết được có cái nhà của anh chị tôi ở, từ tám bé đến giờ.

Tôi lại bi. đói một bữa nữa. Tôi vốn háu đói. Mới chỉ đói thế vậy, mà đã nôn nao, choáng váng cả người. Đói, lại uống nước lã, lại ngủ. Ngủ cũng là cách để quên đói. Nhưng đói quá, rồi cũng không thể nhắm mắt mà ngủ được. Hai mắt tôi thao láo. Uống mãi nước lã, bụng xót như cào. Cứ thế, liền ba bốn ngày không bới được vật nhỏ gì bỏ vào bụng.

Cho đến ngày thứ tư, tôi đành phải bỏ đi. Tiếc căn nhà rộng rãi, kín đáo, ngăn nắp quá.

Nhà đẹp nhưng không có cái ăn, cũng chẳng thể ở được.

Tôi chui xuống cống, lủi thủi. Khốn nạn, còn mấy nả hơi sức mà chẳng bò lủi thủi. Bốn năm ngày nhịn đói. Bụng tôi tóp xuống, giờ hai hàng xương sườn. Tai tôi

rụng lông trắng cả da. Bò được một quãng xa, tôi vừa đứng lại nghỉ, thì đụng đầu với một gã. Anh chuột này cũng trạc tuổi tôi, nhưng béo mập đến cả đuôi. Anh ta hỏi tôi :

- Đi đâu mà cử rử vậy ?

Tôi không trả lời, chỉ dùng đuôi mà trở vào căn nhà hai tầng phía sau lưng. Anh ta cười ha hả :

- Nhịn đói phỏng ? Tôi gật.

- Máy ngày rồi ?

- Bốn.

- Dáng hăn đặng ấy ở vùng khác đến ? Tôi gật.

- Thảo nào. Vùng này, còn ai lạ cái nhà đó. Nhà gạch, mái ngói nhưng không thể xơ múi gì.

- Tại sao thế ?

- Họ ăn cơm tây chứ sao ! Không có gạo. Không có nước mắm. Nghĩa là không có thứ gì ta lấy được. Ở đây thì chỉ chết đói nhăn răng ra.

- Tôi không ngờ...

- Cũng nên ngờ một chút chứ. Đằng ấy tính, cái nhà gạch đẹp thế kia, làm sao mà cánh ta không có ai đến ở ? Ất cũng vì có gì chứ. Thôi, tôi khuyên bác, từ giờ có đi kiếm ăn, đừng bèn mảng vào những cửa nhà giàu mà nguy hiểm.

Bỗng nhiên, tôi run rẩy khắp người.

- Sao thế ?

- Không... hề ... gì..

- Nóng lạnh phỏng ?

- Không...

- À, bệnh đói rồi. Để tôi cho một miếng.

Nói xong, anh ta chạy miết. Một chốc, anh tha đến cho tôi nửa quả chuối tây. Tôi ngoạm đầu có độ ba miếng, hết nhẩn thì cũng tan cơn run rẩy, dạ đã nguôi nguôi.

- Thừa, tên anh là gì ?

- Họ kêu tôi là Chuột Lốc, bởi tôi béo tròn lông lóc.

- Ôn này, không bao giờ dám quên. Em mong có ngày tái ngộ. Chuột Lốc cười :

- Có hề gì. Anh em giúp nhau là sự thường.

IV.

Tôi đã tìm được một chỗ ở mới. Nơi này khác nơi trước, tôi đã biết sợ những cửa cao nhà rộng rồi. Bây giờ tôi mò tới một cái ngõ hơi lầy lội. Tôi nghĩ : đất này ắt có thể dung thân. Tôi vào núp ở một căn nhà trong ngõ. Địa thế nơi ấy phức tạp. Nhưng đứng ngắm nghía một lúc cũng có thể nhận được. Đó là một căn dài, chia từng gian một. Một con đường đi vào, rác rưởi nhóp nhép. Tôi đi qua các cửa sau, nghe nhà nào cũng lách rích tiếng chuột và trông thấy lưng cụng những mẩu đuôi thò ra ở các khe chạn. Đông quá. Tôi đã ngán tưởng có lẽ mình không còn chỗ để ních đủ một bàn chân vào. Nhưng may sao, trong số những gian nhà này cũng có một gian không có tiếng chuột kêu và không trông thấy đuôi chuột ngoe nguẩy. Tôi vào.

Quả nhiên là nhà vắng. Cũng vắng vắng đâu tiếng chuột lách rích tận sau nhà. Như vậy, có thể biết rằng chỗ này có thể kiếm cách sinh nhai. Thú thực, kể ra giá có cố bò đi nơi khác cũng đã mỏi căng lắm. đành ở lại, miễn sao thì sao.

Chiều hôm ấy, một trận mưa lớn giáng xuống. Nước mưa xối mạnh như nước lũ chảy cuồn cuộn trong ngõ. Bấy giờ đương là mùa mưa, ở Sài Gòn, thường có những trận mưa dữ như vậy. Mưa như đổ từng chậu

nước xuống đầu. Chuột tôi nằm he hé cặp mắt, nghe mưa đều đều. Tuy không có cái tâm hồn khác đời, để nghe mưa với một thú vị. riêng, nhưng tôi cũng nghĩ rằng trời mưa thì dễ ngủ. Tôi ngủ một giấc li bì trong tiếng mưa ồ ạt.

Tôi chợt bừng mắt. nước lạnh ở đâu xối vào lưng. Chưa kịp ngóc đầu, nước dội luôn vào tai. Trời, sao thế này ? Xung quanh tôi, nước dâng lên mênh mông. Mẹ ơi, lụt rồi. Mà lụt ở trong nhà. Nước ngoài phía cửa tuôn vào ồ ồ. Trời đã tối. Trong nhà mờ mịt, không trông rõ gì cả. Trên chiếc giường giữa nhà, nghe có tiếng ngáy kho kho. Dáng hảnh chủ nhà đã ngủ. Tôi không thể trù trù nán lại được. Những đồ đạc nhẹ trong nhà như guốc, như chổi đã bắt đầu trôi loanh quanh, đụng cả vào bụng tôi. Mà nước óc ách vào hai bên tai tôi rồi. Đứng lại đây, chết đuối mất. Tôi co bốn cẳng, bơi lờ đờ đi. Nước lạnh thấm vào người, rét quá. Tôi phải tìm một cái gì để leo lên. Bốn phía những nước. Nước đánh sóng vào bốn bề tường, như tiếng ếch kêu. Tôi vẫn chưa bấu được vào đâu. Tôi leo lên một chiếc guốc, mảnh guốc lộn đi, hất trả tôi xuống nước. Mãi sau, tôi chui lên được một cái bục gỗ.

Vừa lên tới nơi, tôi cụng đầu vào một gã chuột. Tuy trời tối, nhưng tôi quắc mắt, cũng trông thấy rõ. Gã chuột đã đứng tuổi, mình gầy như cái que nứa, đuôi tuột hết cả lông.

Tôi hỏi :

- Bác ở nhà này ?

Gã thưa :

- Vâng.

- Ở một mình ?

- Trước có cả vợ và con tôi.

- Bây giờ ở đâu ?

- Ở đây đói quá, vợ con tôi bồng nhau đi nơi khác rồi.

- Khổ mà bác cũng cứ ở ?

- Đành vậy, chứ biết tính sao. Tôi ốm yếu, không đi được xa. Bác ở đâu ta ?

- Tôi ở trên kia, xa lắm.

- Bác xuống làm ăn ở đây ?

- Tôi cũng định thế. Bác bảo ở đây khô sở là nghĩa thế nào ?

- Bác muốn biết, thì cứ ở đây ít bữa. Còn bây giờ tôi buồn ngủ lắm.

Nói xong, chuột nhắm mắt và ngủ ngay tức thì. Tôi đứng ơ ra, rồi luẩn quẩn, cũng nằm phục xuống, gặm nhấm, vuột lông cho đỡ ứ đọng. Rồi cũng chợp mắt từ lúc nào.

* * *

Sáng hôm sau, mặt trời vừa ló ánh sáng vào đầu tường, nước ở trong nhà đã rút cạn hết. Trên nền gạch, đó đây ngổn ngang mấy chiếc guốc bơ vơ. Gã chuột gầy đã đi đâu mất, không biết. Tôi bắt đầu cuộc dò xét trong nhà. Nhà vắng. Chủ nhà đã vác xe đạp đi đâu từ sáng sớm. Giữa gian buồng, có một cái giường nhỏ. Bên cạnh, một chiếc tủ cao khoá kín. Gần đây, một cái mắc áo. Trên tường có một bức địa đồ. Dưới đất, xé cửa, một chiếc bàn con con, trên để mười thứ lật vật và lũng củng mấy đôi giày vải. Trong nhà, chỉ có thế. Không thể tìm ra một vật gì hơn nữa. Chĩnh gạo không. Chai nước mắm không. Đến mấy ông vua bếp cũng không có nốt. Chẳng hiểu chủ nhà này họ sống ra sao ? Quái thực. Tôi lần ra bãi cỏ, phía cửa sau, thấy gã chuột

gầy đương đứng ngẩn ngơ, vêu mồm, nhìn xuống rãnh.
Anh ta vừa nói vừa khóc :

- Bác ấy ơi ! Đêm hôm qua, tôi mất một người anh em họ... hi... hi... Chú Chuột Chù nhà tôi...

- Chú ta đi đâu ?

- Chết đuối. Nước lụt vào nhà, chết rồi.

Chuột Chù không biết leo, phải nước ngập mà chết, có lí lắm. Tôi khuyên anh chuột gầy không nên khóc nữa.

- Chết rồi, khóc cũng bằng thừa.

- Từ đây mà đi, một mình tôi thui thủi trong cái nhà này...

- Còn tôi nữa chứ ?

Anh ta ngược mắt nhìn tôi, hơi ngạc nhiên :

- Bác bằng lòng sống ở đây ?

- Chúng ta nhận nhau làm anh em, ở chung cho vui nhà.

- Ở đây khổ lắm.

61 | Tuyển Tập Truyện Ngắn 3

- Chả mùi gì. Tôi chịu khổ đã quen. Bây giờ bác dẫn tôi đi kiếm cái ăn. Tới giờ ăn rồi. Gã dẫn tôi đi. Gã gây lăm, lại thọt một chân sau.

- Tôi có tật từ khi mới sinh. Bởi vậy tôi có biệt hiệu là Chuột Thọt.

Chuột Thọt tập tễnh đưa tôi đến cái bàn nhỏ, bảo tôi cùng leo qua mặt bàn. Tôi leo. Mặt bàn có một cái đĩa trong đựng một bánh xà bông. Tôi hỏi :

- Thức ăn đâu ?

- Đó.

- Bánh xà bông này à ?

- Phải chứ ?

- Mẹ ơi ! Ai lại ăn xà bông !

- Hai năm nay, tôi chỉ ăn xà bông.

- Hèn chi, anh gây như con mắ. Xà bông để giặt quần áo, ăn vào bụng, nó nạo ruột gan ra, có mà chết toi.

- Ăn mãi cũng quen. Vả lại, ở đây chỉ có một thức này để ăn. Tôi chưa biết thịt là gì cả.

Rồi anh cắm đầu xuống miếng sà bông. Hai chân gãi gãi, mồm húc húc, nhai nhỏ nhỏ từng tí một.

Tôi cười bảo Chuột Thọt :

- Anh đừng ăn nhảm nhí vậy nữa. Rồi tôi kiếm gạo thịt cho anh cùng chén.

Nhưng gã cũng đã chén xong bữa sà boong hắc nhức mũi. Tôi đi kiếm. Nhưng trong nhà không có một thức ăn gì, ngoài bánh sà boong đó. Tôi hỏi :

- Vậy chủ nhà ăn gì ?

- Họ không ăn cơm đây. Chỗ này chỉ là chỗ nằm ngủ.

Mò mãi không ra một thức gì ăn, tôi cũng phải húc mồm ăn sà boong. Cắn miếng sà boong vào miệng, khó ăn thì ít, mà ngượng với anh Chuột Thọt thì nhiều. Đã trót khoác lác với anh. Sà boong đắng quá mà tôi cũng xơi được đúng một nửa cục. Thấy thế, Chuột Thọt sợ bảo :

- Chết tôi rồi ! Ăn lắm thế này, người ta biết.

- Sợ quái gì ?

- Rồi người ta bắt đi thì mất ăn.

Nhưng mà đói thì không dừng được. Tôi ăn khoẻ gấp mấy Chuột Thọt. Buổi chiều, tôi lại đánh hết một góc bánh sà boong, mặc dầu buồn nôn quá và bụng tôi cứ sôi lên ùng ục. Bánh sà boong to, bây giờ chỉ còn bằng một quả cau. Chuột Thọt sợ xanh mắt, run từ râu xuống đuôi.

Hôm sau, chủ nhà, buổi sáng rửa mặt, nhìn đến sà bông. Chủ nhà là một chàng trẻ tuổi, đi làm cho một xưởng máy. Chàng ngắm nghía bánh sà bông có những vết chân, vết răng chuột. Chàng cau mặt, lẩm bầm :

- À, mấy con chuột nhãi ! Phải cất sà boong vào tủ mới được.

Lập tức, chàng ta bỏ bánh sà boong vào tủ và khoá tách lại. Tôi nghe tiếng anh Chuột Thọt tằm tức khóc dưới gậm giường. Chắc anh oán tôi lắm. Mọi khi có một mình anh ăn - anh lại ăn yếu - nên chẳng thấm thía vào đâu. Tôi nhá hai bữa thì bằng anh rỉ rả mười bữa lận. Chao ôi, khổ anh chuột tàn tật này. Tôi lại tìm lời an ủi anh. Và để an ủi cả tôi nữa. Vì tôi cũng

đương lo lắng về vấn đề ăn không kém gì anh ta. Các nhà bên hàng xóm cũng đông chuột lắm. Và xem chừng cũng nghèo khổ, bữa no bữa đói như nhau. Vì dường như xóm này là xóm của những người đi làm, không có

mấy ai ăn cơm nhà.

Chúng tôi bắt đầu nhin đói. Đêm đến, nghe tiếng anh bạn nhai giấy ken két. Bỗng dưng, tôi ở đâu mò đến đây để làm khổ anh. Một đêm, tôi gọi Chuột Thọt :

- Đi theo tôi !

- Đi đâu ?

- Ăn.

Anh theo tôi liền. Xuống dưới gầm bàn, tôi nhìn đôi giày, nói :

- Những cái này ăn được. Nó là da, còn ngon hơn giấy.

Tôi ngậm chiếc dây giày. Có đoạn tôi nuốt chửng. Đoạn thì tôi nhả ra cho anh bạn ăn. Ăn dây giày chẳng khác ăn đất. Vậy mà chúng tôi cứ nhấm, cứ nhai lấy được. Song dù sao cũng có vi. hơn giấy vụn. Chúng tôi đỡ đói được một phần ngày. Nhưng sự đỡ đói trong một lúc lại làm hại chúng tôi nhiều, mà lúc ăn chiếc dây giày nhặt nhẻo, tôi không nghĩ tới. Sáng hôm sau, anh chàng chủ nhà trở dậy đi làm, vợ giày để đi, thấy đứt mất một chiếc dây. Chàng ta cau mặt, lẩm bẩm : «Chắc lại chuột !» Nhưng chàng vẫn xỏ đôi giày đứt dây vào chân, rồi

đóng cửa lại, đạp xe đi làm như thường. Ở nhà, chúng tôi lại đói. Bởi vậy, lẽ cố nhiên chúng tôi lôi đôi giày vải trắng ra gặm. Chúng tôi vật giày ra cắn rách toạc mép một chiếc. Chẳng may, chiều về anh chủ nhà biết ngay. Anh ta gầm lên :

- Lũ chuột ! Chuột làm hại tôi !

Rồi anh ta cất cả hai đôi giày vào tủ khoá lại. Thôi thế là xong. Đứng trong gậm giường, chúng tôi nhìn nhau, ngao ngán. Chúng tôi biết, nếu những đôi giày cứu tinh đó bi. cất đi, không thể còn một cái gì mà ăn cho đỡ đói lòng được nữa.

* * *

Anh chuột thọt lại khóc ti ti. Tôi yên lặng nghĩ một mưu kế mà chẳng ra mưu kế gì. Im lặng, đó là cái cách của chúng tôi, hai ngày sau khi chủ nhà cất đôi giày. Rồi tôi đi cầu cứu các bạn láng giềng. Nhưng ông nào, bà nào cũng nghèo mướp, lo kiếm cơm cho đàn con đông chưa đủ, thừa của đâu mà giúp cho ai được. Tôi bảo Chuột Thọt :

- Ta phải bỏ cái nhà này đi nơi khác. Trời đất rộng bao la, chẳng nên chỉ rúc xó nhà mà chịu đói.

Chuột Thọt búi ngủi :

- Một mình anh đi thôi.

Anh giơ cái chân tập tễnh lên. Tôi hăng hái :

- Anh cứ cố đi. Anh cứ tin rằng có thể đi thì đi được. Chúng ta đi ngay chiều nay. Nếu trì hoãn tới sáng mai, thì đến đó là đi mất.

Tôi còn khuyến khích Chuột Thọt nhiều câu nữa. Búi tai và húng chí, Thọt cũng bằng lòng.

Ngay chiều đó, chúng tôi đi.

Đi được một quãng, Chuột Thọt kêu la ầm ĩ. Bởi cái chân đau không thể bước được.

Chuột khóc :

- Chết đói thì chết, tôi đành quay trở lại. Chân tôi đau thế này, không thể đi được nữa.

Chuột Thọt trở về. Tôi đứng trông theo cái bóng thất thểu cho tới khi khuất hẳn, mới lùng khùng đi. Từ đấy, không còn có lần nào gặp nữa. Không biết anh ta làm sao mà sống được, hay chỉ ngắc ngoải được vài hôm.

V.

Tôi còn trải qua trăm cay nghìn đắng, nổi cơ cực này đè lên nổi cơ cực kia. Có khi nhịn ăn tới năm bữa. Có khi đói luôn hai ngày. Thế rồi cũng quen. Ra ai cũng sống vì thói quen. Và sở dĩ nên quen được cũng do một đức tính mà tôi đã luyện cho có được, trong bước đường gian nan. Đó là sự kiên gan không nản chí. Bởi nếu không kiên gan, nếu nản chí, chắc tôi đã quay về với anh trai, chị dâu tôi từ lâu, cho được sự no thân ấm cật. Nhưng không, tôi đã nghĩ trái lại. Tôi cứ đi. Thôi kể chi nổi khổ sở dọc đường, làm sao chỉ vài dòng mà hết được gian truân.

Trong đoạn đường đã trải qua, chỉ một việc nhỏ này, cũng đủ khiến bạn đọc có thể phải kinh hãi. Bữa ấy, tôi ngủ ở một nhà đầu phố. Chẳng may, lại trọ phải một nhà toàn chuột giặc, chuột kẻ cướp. Nghĩa là chúng nó chuyên phá hoại của người ta. Cắn quần, cắn áo. Cái gì cũng tha. Cái gì cũng gặm. Thậm chí, chúng đùa nhau, nhảy qua cả ngực người ta đang nằm ngủ. Rồi khi buồn răng, muốn gặm nhấm, chúng lần thân kéo ra gặm cả chân những người đang nằm. Người ta triệt chúng bằng mọi cách. Nuôi mèo, bỏ bả, giăng bẫy cũng không vào. Còn hề trông thấy bác Mèo dữ, chúng trốn biệt. Nhưng không phải đi hẳn. Lúc nào trời đất thái bình

chúng lại trở về như thường Tôi trọ, đứng vào cái đêm người ta sửa soạn một cuộc đánh đuổi chúng kịch liệt. Nghe tiếng âm âm. Rồi tiếng chí chí. Chuột bi. khua ở các khe nhà, chạy ra hàng đàn. Những ánh đèn rọi theo. Các cửa ngõ đều khép chặt. Chí ngu. Song, chỉ một loáng, lũ chuột ranh đã tẩu thoát, một cách rất nhẹn. Không còn một con nào bi. chết vì một ngọn roi, vì một cán dao. Chúng đã khoét cái ngách riêng, dù bít hết cửa, cũng có thể chuồn được. Tôi luống cuống. Tôi lúnh quýnh. Những ngọn roi của người đập vun vút xuống xung quanh tôi. Tôi đã tưởng phen này thì chết oan. Trong lúc hỗn loạn, tôi nghe tiếng chí chí ở đầu khe cửa bên cạnh. Tôi nhảy phóc một cái.

Vút, một ngọn roi sắt trượt từ lưng tôi xuống. Tôi đau nhói. Nhưng tôi cũng thoát và ngã xoài ra ngoài cửa. Tôi bò dậy, chạy miết, quên cả hình như mình bi. thương. Mãi đến khi tôi ngoái lại, mới biết đuôi mình bi. ngọn roi giáng xuống xé rách một mẩu. Máu chảy loe loét. Tôi đau thì ít, mà lo lắng thì nhiều. Nhưng lũ chuột vô hạnh kia cứ giỡn tôi hoài. Chúng coi sự đau đớn của ai khác là một trò đùa. Bởi chúng đùa với cái chết cũng đã quen. Chúng hô :

- Đặt tên cho anh này là thằng Chuột Cộc.

- Chí chí chí !

Tôi đây, biệt hiệu mới của tôi là Chuột Cộc. Tôi mỉm cười. Tôi nghĩ có cái biệt hiệu như vậy cũng hay hay. Nó gọi mãi cho ta một kỷ niệm. Ngay đêm hôm xảy ra cái tai nạn khiến cho tôi bi. cộc đuôi, tôi chia tay với bọn chuột nghịch ngợm kia. Ở đây thì lúc nào cũng có thể chết oan. Tôi đi lẩn quẩn trong các cống ngầm của thành phố. Những ngõ cống của thành phố này dài thăm thẳm, sâu hun hút, không bao giờ cùng đường. Tôi chịu khó lội trong bùn lầy. Nhưng cũng do những nơi bùn lội bẩn thỉu đó mà tôi lòng được một vài thức ăn, những mẩu xương, mẩu bánh gặm cho đỡ đói lòng.

Một ngày kia, tôi tìm được một chỗ ở tốt. Nơi này là một xóm lao động. Mà xung quanh có những đầm nước và cống rãnh lầy lội. Tôi đã biết sợ những căn nhà có cái vỏ sang trọng rồi. Bởi vậy, tôi lần đến những nơi nghèo, có đàn bà và có trẻ con ở. Ở những nơi này mới có những vại nước, có chạn thức ăn, có những hạt cơm quăng vãi. Nơi tôi tìm đến, trước tôi tới,

chỉ có vài mống chuột. Cuộc sống êm đềm thong dong. Các bạn tiếp đón tôi rất niềm nở. Tôi kết thân ngay. Một đồng cơm nguội thay cho cái lễ gặp mặt. mấy anh em ăn uống hể hả. Cuộc đời tôi, đến quãng này, cũng tạm là êm đềm.

VI.

Không những êm đêm, tôi lại còn được nên danh nên giá nữa. Xóm nhà lá ấy, chỉ có đúng năm mống chuột. Cả năm mống đều hiền lành, xưa nay không biết sinh sự với ai bao giờ. Tôi có vẻ hoạt bát lanh lợi và khỏe mạnh là khác. Bởi vậy, họ phục tôi lắm. Sau khi giao thiệp qua loa, họ đã biết tôi ít ra cũng là một tay hảo hớn chi đây. Họ có ý muốn tôn tôi làm trưởng thôn. Tôi phải bảo :

- Đừng làm thế. Tôi đây, đôi sức ra ngoài thiên hạ chưa đáng kể mùi gì. Xin anh em, có lòng yêu cho được ở đây cùng quây quần giúp đỡ lẫn nhau.

Họ cũng nghe, nhưng không nghe hẳn. Họ quyết tôn tôi làm anh cả, nghĩa là tay đầu đàn. Tôi phải bằng lòng vậy. nghĩa là từ đây, tôi là anh Hai - nói theo lối Sài Gòn. Còn các chú chuột kia, cứ thứ tự mà gọi, anh Hai, rồi anh Ba, cho tới Út. Sáu anh em ở trong một khu nhà lá rộng, tha hồ đi kiếm mồi, chẳng ai dòm ngó tới. Người ta, những người chủ nhà, thì không làm hại đến chúng tôi. Bởi chúng tôi biết điều. Chúng tôi chẳng ăn uống vụng trộm gì đến quá miệng để người ta phải lên tiếng than phiền, kêu ca. Chúng tôi chỉ ăn cho vừa đủ, no bụng thì thôi. Đất này, người hiếm, của nhiều, không ai phải đến nỗi khổ sở bởi miếng ăn ngụm uống.

Chúng tôi sống trong cảnh Bồng Lai. Ngày tháng êm đềm trôi đi. Ngày lại ngày. Chao ôi ! Có thể bình yên như thế mãi ? Nhưng cuộc đời không dễ như ta kể chuyện, đặt thế nào nên thế ấy. Tôi không nhớ hôm ấy là sau cái ngày tôi tới đây được bao nhiêu lâu. Chú Tư hốt hải báo tin :

- Có đưa vào nhà.

- Có quen mặt không ?

- Chưa trông thấy bao giờ. Nó đương lẫn vẩn ngoài bụi cửa, coi bộ ngơ ngác lắm, anh ra coi...

Tôi chạy ra. Có một gã chuột lạ thực. Gã chuột cũng trạc tuổi tôi và khổ người như tôi. Có điều cái mõm anh ta vuông bè bè, lông trên mình nhỏ, ngắn và thưa. Cái đuôi cũng hơi ngắn. Tôi cất tiếng hỏi :

- Bác kia, đi đâu ?

- Tôi đi chơi lạc vào đây.

Rồi gã cúi hai chân trước, vuốt râu chào mà quay ra. Chúng tôi cũng trịnh trọng đáp lễ và khen với nhau rằng con người ấy lịch sự, nho nhã. Mười hôm sau, tôi đương nhần mấy hạt thóc ở đằng sau nhà, bỗng chú Ba và chú Tư hốt hoảng chạy vào :

- Chí nguy ! Chí nguy !
- Có việc gì đó ?
- Anh ơi ! Đương đánh nhau to ở ngoài kia !
- Mấy đứa ?
- Hai.
- Đừng hốt hoảng !
- Nhưng chúng nó khoẻ lắm.

Tôi lật đật ra. Đến nơi, thì hai con chuột lạ đã bị bại trận mà chạy xa rồi. Ba anh chuột

nhà đánh hăng quá, mồ hôi toát đầm đìa. Câu chuyện đầu đuôi thế này : Hai nhách chuột lạ lò dò vào trong nhà. Hai con chuột này cũng hình dáng như con chuột bừa nọ, mõm vuông và lông thưa, đuôi ngắn. Chúng chỉ hình dáng nho nhỏ mà lại bướng bỉnh. Hỏi : Đi đâu? Chúng đáp : Đi chơi. Lại hỏi : Đi chơi sao dám dò dẫm vào tận đây. Chúng gân cổ lên, đáp rằng chỗ nào cũng là đất của trời sinh ra, đâu cũng đi được. Chúng đáp xằng như vậy có khác gì chèn gạch vào họng. Có mà chúng tôi đã liền. Hai thằng kẻ cướp, không thể địch lại với ba anh em chúng tôi. Quả nhiên rồi bọn chuột kéo đến đông thực. Không phải hai tên thua, mà vô số

chuột của cánh chúng nó rầm rộ đến. Con nào cũng như con nào, mõm vuông và đuôi ngắn. Chúng xô vào trong cống, làm nhặng lên. Cả thấy có độ hơn một chục con. Có một con đầu đàn, lớn tiếng gọi chúng tôi. Chún tôi ra, tôi đi đầu. Con chuột đầu đàn gật gù định nói, tôi đã nhận ra tên chuột mõm vuông vờ lạc đường hôm đầu tiên. Tôi lên tiếng trước :

- Chúng bay vô cớ đến đất của anh em ta, lại còn sinh sự đánh nhau, thiệt là to gan. Có muốn sống thì bước ngay !

- Chúng ta đến đây không có chủ ý đánh nhau đánh nhieć gì hết. Chỗ này rộng rãi quá. Anh em hãy cho chúng tớ đến ở chung.

Tôi quát :

- Những quân năm cha ba mẹ kia, cút ngay đi, không có thì tan xương bây giờ ! Nhà ta không phải là cái lều hoang.

Chúng đáp rất vênh :

- Đã đến thì không đi.

Chúng tôi kêu :

- Cút đi ! Cút đi !

Biết không thể điều đình được, nhưng bọn kia cũng không chịu lùi bước. Chẳng những thế, chúng lại còn hò nhau xông vào đánh. Chúng tôi quần chúng nó một trận mê tơi. Tuy ít, nhưng cánh tôi lợi thế hơn. Đường vào trong nhà, có mỗi một cái cổng nhỏ năm anh em tôi chặn ngay đó. Rút cục, chỉ bùn rãnh bắn tứ tung, tất cả lấm như vùi. Song quả chúng là những tay can trường. Chúng tôi nhờ cái cửa cổng hẹp, chỉ thò nửa mồm ra, giơ hai chân trước lên, đã đủ chơi với bọn hung hăng. Chúng tôi đâm khinh chiến. Nhưng phàm cái gì cứ coi thường, hay bi. quật lại đáo đê. Chúng tôi gặp đúng như vậy. Trong bọn kia, có đứa ranh mãnh, luôn theo mép cổng vào tìm được khe hở ở một chỗ nối hai khúc cổng. Chúng đã đánh tập hậu bất ngờ. Chúng tôi thua trận, bi. mất đường ra cái cổng. Bọn ăn cướp, đã có chỗ tạm ở. Nhưng chỉ ở trong cổng. Khi tới bữa nấu ăn, người ta đổ nước xuống cổng, chúng nó ướt nhẵn từ đầu đến chấm đuôi. Ấy là, cũng chưa kể, nếu trời đổ mưa, nước tràn cổng, nếu không ngoi ra, chắc phải chết đuối cả lũ. Chúng tôi cầu trời mưa. Chúng tôi cầu trời mưa to. Nhưng nắng chang chang, búng trời cũng không rơi được một giọt nước xuống.

VII.

Cố nhiên, trời không thể mưa theo ý muốn của chúng tôi, dù rằng độ ấy đương mùa mưa. Một buổi chiều, tôi đương gặm mấy hạt ngô, chợt nghe thấy tiếng lục cục đầu công, lơ nhố mấy bóng đen. Chúng nó. Nhưng chúng không xông tới như mọi khi. Chúng đứng nấp sau những tảng gạch, nói chớ vào :

- Ra đây nói chuyện phải trái.

- ...

- Cho chúng tao vào đây. Tôi đáp :

- Bay cũng khôn đấy. Ta đã biết tại sao bay kéo vào đây. Ta biết rồi. Mấy bữa nay trời u ám. Ngày mai, ngày kia, thế nào cũng có mưa lớn. Mưa lớn chúng bay sẽ trôi ra sông, chết mất xác hết.

Tôi đã nói một câu trúng tim họ. Không dùng được, một tên nói :

- Không phải vì trời sắp mưa. Tôi gạt phắt :

- Vậy thì lại đánh nhau.

Sợi dây căng đến độ đứt. Chúng tôi xô ra. Cuộc chiến lần này thật dữ dội. Bởi một bên thì cố thủ. Một bên thì

liều đánh. Cuộc chiến càng tăng độ nóng. Tôi đánh giúi xuống được một tên. Bì. thương, nó không leo lên được nữa, cứ nằm dưới cống kêu choe choé. Chẳng may cho anh em tôi. Chú Năm, chú Sáu lớ quớ bì. ngã. Chú Út thì chết, chú Năm phải nuôi người ra, giả cách hết thở, mới thoát chết. Chúng tôi vừa đánh vừa lùi, lùi mãi vào đến cửa buồng, chúng tôi giữ thế thủ trong khe cửa. Nhưng chúng cũng không tiến thêm. Bởi, vào được trong nhà là thắng trận rồi, hướng hồ chúng lại đã dồn chúng tôi vào buồng. Chúng tôi ôm nhau, khóc chú Út đã tử trận, xác nằm phơi ngoài đầu cống. Tôi nói :

- Đừng khóc thế này, nước mắt không đánh chết kẻ địch được. Tôi đã nghĩ được một kế.

Tôi đi một lát.

Thưa cùng bạn đọc yêu quý, bạn thử đoán tôi đi đâu? Đến lúc tôi trở về, bốn em reo đón.

Tôi hô lớn :

- Ta vào cả đây.

Tức thì, lũ lượt kéo vào một đàn chuột. Ai cũng đã nhận ra đấy là các bạn láng giềng bên phía tây. Anh em hăng hái quá, toan xô cả ra đánh nhau ngay. Tôi phải cản lại. Tôi nói :

- Chẳng nên ra bây giờ. Đợi khuya một chút, chúng ta đánh bắt ngò, chắc được.

Chúng tôi nán đợi tới nửa đêm mới đồ ra. Tôi định bắt sống vài đũa. Nhưng quả là những đũa lọc lõi trận mạc. Chúng tôi vừa ra, đã nghe tiếng quát :

- Có động ! Có động !

Cuộc quần thảo lần này ở giữa nhà, dưới gầm giường, không núp ẩn chi hết. Choảng nhau bằng tất cả sức khỏe, chẳng nhờ khe vách hố tường được. Giữa đêm, trong nhà yên tĩnh quá. Mọi người đã ngủ yên. Cái đồng hồ treo trên tường vẫn còn thức. Nó đánh tích tắc tích tắc như cầm nhịp cho cuộc chiến của chúng tôi. Nghe như hồi trống thúc quân, càng hăng hái. Bên địch đã bi. ngã mấy mạng. Chúng tôi càng hò hét tợn. Nhưng sự yên tĩnh đã làm hại chúng tôi. Vì yên tĩnh quá, và chúng tôi hò hét loạn xạ người ta thức giấc cả. Đánh nhau loạn xạ ở dưới đầu người ta, làm gì chẳng thức giấc. Một người đàn ông mở mắt ra, lắng nghe. Đầu tiên, tưởng kẻ trộm khoét gạch. Nhưng sau, gã tắc lưỡi :

- À, chuột chạy.

Chuột chạy lục cục ngay dưới gầm giường, gã không ngủ lại được. Gã trở dậy, cầm cái gậy và bật đèn điện

Ánh sáng vừa loé, cả đôi bên trận mạc bỏ chạy tan tác. Cho đến sáng, không dám ra tái chiến nữa. Ở trong gậm phản, nhiều đêm sau còn xảy ra nhiều cuộc chiến kịch liệt nữa, âm ỉ, ồm ồm cả lên. Nhưng đều bắt phân thắng bại. Bởi vì, lần nào cũng thế, đương đả nhau hăng hái thì y như rằng có người trở dậy và người ta bật đèn, cầm cái gậy. Chỉ

một đầu gậy cũng đủ đập vỡ cả mặt trận đương hung hăng. Một ngày kia, ở trong buồng vắng vắng vang lên một tiếng lạ lắm :

- Meo... Meo... Meo...

Nhà này mới đem về một lão mèo, một lão Mèo Mướp. Lão ta dạo khắp quanh nhà, hai mắt sáng như hai hòn bi ve.

- Meo... Meo... Meo...

Chúng tôi chạy rồi rít, cuống cuống. Trong lúc hỗn loạn, chúng tôi quáng quàng xô lẫn vào nhau. Chúng tôi chạy về phía cuối phố. Văng vẳng sau lưng vẫn vang dội tiếng «meo meo» đuổi theo. Chúng tôi cắm cổ chạy bán sống bán chết. Nhưng, đàn chuột mồm vuông kia đã mau chân, đã chạy trốn lão mèo từ lúc nào. Khi chúng tôi tới căn nhà trú ẩn cuối phố, thì chúng đã vào đó từ

bao giờ. Chúng đẩy bọn tôi ra. Chúng tôi không thể vào được, đành ra ngoài bụi cây trú chân.

VIII.

Đêm ấy, ngoài bãi cỏ, bụi cây, dưới chân một bức tường đổ, dọc theo một con rãnh ăn theo một căn nhà, có cuộc họp to của một phổ chuột. Đây là cuộc họp can hệ sống còn, đàn chuột vô lại nội chiếm nhà đã gây nên, đã khiến cả phổ chuột tức giận. huống hồ lại vì chúng gây chuyện khiến nhà người ta rước về một lão Mèo kéch xù. Tất cả nhường tôi ngồi làm chủ tọa. Tôi từ chối, nhưng một anh nói :

- Chuột Cộc phải ngồi lên. Bởi vì sự xung đột xảy ra ở nhà anh trước. Anh biết rõ hơn ai hết đầu đuôi câu chuyện.

- Hàng phố ta, bao nhiêu năm nay, sống trong cảnh thái bình, không hề xảy ra một cuộc cãi lộn nhỏ nào. Bỗng nhiên, có một lũ ở đâu đến, gây rối ren. Chúng ta phải ghép chặt hàng ngũ, đi bắt sống chúng nó về đây hỏi tội thì mới mong tìm lại được sự thái bình ngày xưa.

Cả mấy đàn chuột kéo ngay vào khu nhà, giữa đêm tối mờ mịt. Chúng tôi lặng lẽ đi sát mặt đất, lồm ngồm như những củ khoai biết bò. Đã trông thấy lấp ló kẻ

địch chạy thậm thọt phía bên trong. Thế là cuộc vây đánh bắt đầu.

Cuộc chiến không có gì là khó khăn. Bởi chúng tôi đông. Phần thắng nghiêng ngay về chúng tôi. Chúng chết luôn mấy mạng, hoảng quá, còn lại bao nhiêu, ba chân bốn cẳng chạy. Chúng tôi không đuổi theo, và cũng không chiếm cứ khu đất của chúng. Binh tướng rút lui, đợi bận sau lại đánh nữa. Quyết đánh bao giờ chết đến tên thủ chỏm mới thôi. Một đêm, chúng tôi lại tới bao vây khu nhà. Nhưng lạ thay, chúng tôi vào tận giữa nhà, sục sạo mọi chỗ mà không thấy mồm mũi một tên nào. Mấy cái xác chuột chết nằm còng queo, mùi hôi thối xông lên nồng nặc. Chúng tôi còn đương ngạc nhiên, bỗng nghe tiếng chí chí ở ngoài rồi một gã chuột chạy tọt ngay vào. Chúng tôi hô lên :

«Đây rồi ! Nó đây rồi !»

Chúng tôi chưa kịp xông ra thì đã vang lên ba tiếng «Meo ! Meo ! Meo ! « ghê gớm. Lão Mèo hiện ra. Cả đàn tan chạy. Tôi đã biết có tại sao bữa đêm nọ lão Mèo đến đứng vào chỗ chúng tôi. Ra cũng cùng là một mưu của bọn mũi vuông đuôi ngắn. Chúng biết là bọn tôi kéo đến rất đông, một đứa đi báo lão Mèo. Chuột đi tìm Mèo, thực là một sự lạ. Nó đã quên cả cái thù truyền kiếp, mèo với chuột, nó muối mặt giết anh em

rồi. Nhưng nó cũng tính toán cẩn thận. Trông thấy Mèo, gã chạy miết Lão Mèo lập tức đuổi theo. Nó chạy về chỗ chúng tôi vừa kéo đến. Thế thì khác nào nó dẫn lão Mèo đến làm thịt chúng tôi. Trong khi ấy, mùi thối chuột chết càng ghê gớm. Thế này thì bệnh dịch hạch nguy hiểm phát sinh đến nơi. Đùng một cái, quả nhiên như thế. Và lão Mèo là nạn nhân đầu tiên. Lão Mèo ôm rên hừ hừ rồi lăn quay ra chết. Tôi bàn với anh em :

- Phải đi gọi mấy ông Chuột Cống tới, để các ông vác cho mấy cái xác chết trận kia đi, không thì bệnh cả nút đây.

Anh em bảo tôi đi tìm Chuột Cống ở cách đây mấy phố. Cống là một chi họ chuột to lớn khỏe nhất nhà chuột. Chuột Cống chuyên nghề khuân vác. Trời đất ơi ! Không ngờ tôi đi tìm Chuột Cống lại thoát một đại họa. Trong nhà, có một người chết, bệnh dịch hạch. Bao nhiêu đầu cống, ngách tường, suốt một dãy phố đều bi. bịt lại hết. các cửa ngõ dán giấy kín mít. Nghĩa là chuột ở phố không còn lối nào mà thoát ra được. Bấy giờ người ta mới bơm vào những làn khói, vôi tẩy uế. Khói bay đến đâu, chuột ngửi phải, hắt hơi một cái, là lăn quay ra. Người ta tẩy uế các phố, bỏ phố hoang trong hơi độc đúng một tháng. Bao nhiêu chuột chết ráo. Có mỗi tôi thoát thân. Sự thảm khốc này gây ra bởi

bọn chuột khôn nạn. Chúng tôi đã sống êm đềm ở phố này bao nhiêu năm nay mà. Chiều hôm đó, đứng trên một căn gác, vọng về phía dãy phố bí. hun khói độc, tôi khóc:

- Thù này không đội trời chung. Cộc tôi xin khắc cốt ghi tâm. Những quân mồm vuông đuôi ngắn kia là kẻ thù số một của nhà Chuột.

Đám Cưới Chuột

Đây là một chú chuột nhắt. Một chú Chuột Nhắt còn trẻ. Tuy vậy, cứ thực sự thì diện mạo của chú cũng chẳng có vẻ mỹ miều gì mấy. Đó là tôi còn nể Chuột Nhắt mà giới thiệu với bạn đọc thế, chứ thẳng thừng ra nhiều họ Chuột khác thường thốt ra những giọng có ý khinh bỉ cười cợt Chuột Nhắt lắm.

- Nó bần như cú.

- Ở cổ nó có ba cái sọc to.

- Thằng cha thừa râu ghê ! Mà cái râu nào cũng gãy nửa, tại sao nhỉ ?

- Đuôi nó chỉ cụt một mẩu !

- Thừa ngài, tính thẳng cha Chuột Nhắt gian. Cứ trông cái mắt lăm lét của nó thì đủ hiểu.

- Lại còn phải nói !

- Đấy con ơi ! Thiên hạ người ta phẩm bình thế đấy, ra đường đừng có chơi bời gì với Chuột Nhắt. Thấy nó đâu thì tránh xa ra nhé.

Nhưng mồm miệng thiên hạ đông dài, thì chẳng đủ tin. Bởi vì, trong đời, có những cái miệng xấu, miệng tốt, miệng nói hay, miệng nói dở. Nhiều thứ miệng lắm và tạp nham lắm. Đừng ai vội ghét Chuột Nhắt. Đừng ai nói xấu thêm cho chú ta. Mà cũng đừng bà chuột mẹ nào cấm con cái chơi với Chuột Nhắt vội. Phải xét tận nơi, nhìn tận mặt mới nên buông lời. Một lời vô ý, trong lúc vui miệng bông lơn, có khi làm hại cho kẻ khác nhiều, lời nói đọi máu mà. Bởi vậy, chẳng nên hấp tấp mà bĩ mặt chú Chuột Nhắt, theo những lời chê bai trên kia. Vậy thì chú Chuột Nhắt có xấu người, xấu nét như lời đồn đại chẳng ?

Cứ sự thực, dưới mắt hàng xóm, và dưới cả mắt tôi nữa, mặt mũi chú ta cũng không đáng diện với ai mấy. Cái thân mình chú dài không được bằng một ngón tay. Bốn chân như bốn cái tăm lùn cùn. Chiếc mồm nhọn hoắt, hai hàng râu cứng tủa sang hai bên. Đôi mắt chú nhỏ, nhưng lòi ra. Hấp háy, chớp chớp, nháy lia nháy lịa. Bởi vậy, người ta đổ cho chú có tính gian. Nhưng thực oan uổng cho Chuột Nhắt. Chú không có những cái tật xấu bi. gán vu vợ. Chú vốn xấu mã, thì thiên hạ lại cho luôn là chú xấu cả nét nữa. Bậy quá ! Chú cũng không xấu nét. Bởi vì chú đương là một anh học trò. Một học trò thì không bao giờ được có một vết xấu. Chú Chuột Nhắt cũng biết ăn lời thầy học. Có thể nói

rằng : chú là một học trò tốt. Từ khi mới lọt lòng, Thử ông và Thử bà chỉ để Chuột Nhắt ở nhà có ít lâu, rồi ông bà gửi chú đi trọ học ở miền xa, cách nhà những vài ba cánh đồng lớn.

Quả cau nho nhỏ Cái vỏ vân vân Nay anh học gần,
Mai anh học xa

Chuột Nhắt chịu khó học hành lắm. Âu cũng là một tính chăm học tự nhiên. Bởi vì bé thì bao giờ cũng phải học, việc học cần như Chuột cần phải ăn thóc vậy. Chuột Nhắt ta đã ăn và học ngay tại nhà thầy đồ. Hết lớp nọ lên lớp kia. Chú cố công dùi mài. Bởi vì chỉ còn ngót một năm nữa thì chú đã phải đi thi. Ở quê nhà, vợ chồng ông Thử khắp khởi mừng thầm.

*Quả cau nho nhỏ
Cái vỏ vân vân
Nay anh học gần,
Mai anh học xa
Tiền gạo thì của mẹ cha...*

Tiền gạo thì của mẹ cha tải đi cho con ăn, con học. Bao nhiêu là công lao ! Chuột Nhắt nhấm một hạt thóc, nhớ đến nỗi khó nhọc của bố mẹ cần cù chạy kiếm từng hạt thóc vàng rụng trong mùa đông cóng lạnh, chú càng chăm chỉ sách đèn. Thấm thoát chẳng bao lâu đã tới

khoa thi ấy. Hơn ba trăm học trò của các tỉnh trong xứ về thi. Hơn ba trăm sĩ tử trải qua một vòng loại, giẫm vỏ chuối mất quá nửa, cũng là học tài thi phận. Tới ngày yết bảng, thế mà tên chú Chuột Nhắt đứng vào hàng thứ ba. Tiếng đồn Chuột Nhắt thần động vang dậy từ cánh đồng này qua cánh đồng khác. Ai cũng trầm trồ khen ngợi. Và, chao ôi, nhiều kẻ ngày trước dè bieu, nói xấu, bây giờ lại lật lưỡi tâng bốc, lại lấy Chuột Nhắt ra làm gương cho con cái trong nhà.

- Trông Chuột Nhắt mới nho nhã làm sao

- Chú Chuột Nhắt học giỏi, mặt mũi thật sáng sủa.

- Râu chú ấy dài, đôi mắt tinh anh, vẻ thông minh lạ.

- Thừa ngài, tính nết của chú Chuột Nhắt tốt. Cứ nhìn nét mặt hiền từ nho nhã của chú Chuột Nhắt ấy thì đủ hiểu.

- Lại còn phải nói ! Lanh lợi nhất trần gian này là chú Chuột Nhắt.

- Đấy con ơi ! Liệu làm sao mà bắt được. Nên tìm những bạn tốt như Chuột Nhắt mà chơi.

Thôi thì, ai cũng khen Chuột Nhắt đủ điều. Ở quê nhà, nghe tin con thi đỗ, Thử ông và Thử bà sượng phồng

lỗ mũi. Hàng xóm kéo đến hỏi thăm rộn rịp đầy hang. Bắt đầu, những người hay nịnh, đã gọi Thử ông, Thử bà là «hai cụ cố sinh ra cậu cử tân khoa». Thử ông hếch râu, nghiêng cái tai nhọn nghe khoái lỗ nhĩ lắm. Họ tán tụng:

- Thừa hai cố, nhờ cậu cử mà làng xóm ta từ nay nên danh diện !

- Cả vùng này chứ li. ! Bác thử xem vùng ta, xưa nay đã ai đi học mà đỗ cao được bằng cậu cử nhà hai cụ cố đây chưa ?

- Vẻ vang lắm !

- Nên mở một bữa khao thật to !

- Bác nói sai rồi ! Phải vinh quy bái tổ rồi mới khao vọng chứ. Xóm làng ta đây, từ thuở khai thiên lập địa đến nay, giờ mới được một chuyện danh tiếng lẫy lừng. Sao lại không làm cho thiên hạ rõ mặt tường tên ?

- Bác bàn phải quá. Bẩm hai cụ cố, cho thiên hạ trông vào.

- Công trời bể hai cố to lắm.

Thử ông lim dim đôi mắt, gật gù :

- Phải, phải. Thế nào cũng rước vinh quy cho cậu cử nó. Nên lắm !

Bà mồm mím đáp :

- Phải, nên lắm.

Mọi người đồng thanh :

- Nên lắm !

- Nên lắm !

Thế là Thử ông và Thử bà quyết định lo đám rước vinh quy cậu cử Chuột Nhắt. Ông bà cho tin sang bên kia cánh đồng rằng cậu cử cứ hãy hoãn ngày về. Đợi để dân làng sang đón

rước cho tỏ mặt với đời. Được tin ấy, Chuột Nhắt ta mừng hí hửng. Chú mừng và sướng chẳng khác lúc đứng nghe gọi loa xướng danh đến tên mình trúng tuyển. Nghe tin cha mẹ sẽ cho dân làng sang rước mình về, trong đầu Chuột Nhắt đã tưởng tượng ngay đến cái kiệu sơn son thếp vàng rực rỡ, mấy tay đô tùy xúm xít khiêng tân khoa. Chuột Nhắt ngồi bệ vệ, hai chân trước vắt xuống đùi gối hai chân sau, mắt làm vẻ nghiêm nhưng thực ra thì nhìn ngang nhìn dọc. Bên vệ lối đi,

biết bao nhiêu bà con đứng xem, đứng đón. Tung bùng quá ! Chú Chuột Nhắt liền sắm sửa quần áo hòm xiềng nhong nhóng đợi ngày cha mẹ và làng xóm rước về.

Bấy giờ, có một lão mèo đương xưng hùng xưng bá ở đất này. Các lão Mèo ở nơi nào cũng thế, đi đến đâu là sinh ra lắm chuyện rắc rối đến đấy. Lí lịch gốc gác của lão Mèo ra sao không mấy ai rõ. Chỉ nghe truyền khẩu lò mờ rằng xưa kia Mèo vốn được nuôi nấng ở trong nhà, chung đụng với bọn Chó Đen, Chó Vàng. Nhưng vì Mèo vốn tính khoảnh ác, chơi với ai cũng giở thói phản bạn nên ai cũng ghét. Đến khi tất cả xung quanh, từ người chủ nhà trở xuống cho đến thằng chó con mới mở mắt ai cũng ghét và xa lánh thì biết mình khó lòng còn ở lại trong nhà được nữa, Mèo ra đồng ở, thành Mèo hoang. Người ta hay nói Mèo già hoá Cáo là như vậy. Mèo ở nhà, tìm đến cánh đồng họ nhà Chuột. Chuột sợ Mèo, là một sự dĩ nhiên. Nhưng thường cũng có thứ Mèo lành hiền. Riêng lão Mèo này thì ác quá. Càng bắt nạt được ai, lão càng bóp cổ tợn... Ai ai cũng oán ghét. Ai cũng đem lòng thù. Mèo cũng biết, song lão thấy người ta tức, lão càng hoành hoệ làm ác tợn. Có những ông đồ Chuột thâm nho đã đặt ra những câu hát châm chọc, cho trẻ hát để trêu tức lão :

*Con Mèo mày trèo cây cau
Hỏi thăm chú Chuột đi đâu vắng nhà
Chú Chuột đi chợ đồng xa
Mua mắm mua muối giỗ cha cái thằng Mèo !*

Mèo thường nghe tiếng hát văng vẳng trong những bờ cây khuất nẻo. Song lão không biết đích xác được ở đâu. Lão chỉ hăm hè ngồi gằm gừ sông. Khi lão Mèo hung tợn kia nghe tin vợ chồng Thử ông sắp rước vinh quy cho con trai thì lão khấp khởi mừng thầm. Lão chắc hẳn sắp được một món bồng to. Thế nào nhà Chuột chẳng phải lễ lạt đút lót hậu hĩnh. Không có thì lão sẽ phá. Lão Mèo xăm xăm đi đến cửa hang nhà Chuột. Bây giờ trong hang, cả nhà Chuột đang ăn uống và om sòm, bàn bạc định ngày sang rước cậu cử Chuột Nhất. Mèo ta cất giọng «meo» lên một tiếng rõ to như tiếng tù và rúc. Trong suốt hang im thin thít ngay. Rồi thì mấy cái râu, cái lỗ mũi thò ra, lại thụt vào ngay. Mèo quát :

- Có đứa nào trong nhà không ?

Một tiếng run run đáp :

- Thừa có.

Thử ông mon men ra đứng nép vào khe cửa hang, nói vọng ra :

- Ngài hỏi chúng tôi có việc chi ?

Mèo trừng mắt :

- Lại còn việc gì nữa ? Việc gì thì cả tổ bay đã biết đấy !

- Bẩm không biết ạ !

- Không à ? Ông lại phá cả nhà bây giờ. Muốn bi. cắt lưỡi, phỏng ?

- À, biết rồi, tôi cho cháu nó về bái tổ. Tôi bảo để đến chiều sẽ sang báo tin mừng với ngài.

- Đủ cả đấy chứ ?

- Vâng, báo tin và xin biện đủ. Rước ngài cứ về, chốc nữa chúng tôi sang.

Chiều hôm ấy, nhà Chuột đem lễ vật thịnh soạn sang dâng ông Mèo. Có thể ông mới để cho đám rước được yên ổn. Đám đi dâng lễ ông Mèo cũng trịnh trọng như một đám rước, có tranh vẽ để lại đời sau ai cũng biết đấy. Một anh Chuột đi đầu, thổi kèn. Một anh đeo cái trống cà rùng. Vừa bước đi, chốc chốc lại múa hai tay lên mà gõ trống nhịp nhàng. Một anh nữa xách khệ nệ hai con cá sấn sắt lớn (mà người xem tranh nhầm là cá chép). Rồi mới đến một ông đứng tuổi, ria mép dài ngạnh tre,

mặc áo the thâm, quần lụa điều đi sau cùng. Cái đám rước ấy vào đến hang Mèo thì lão này đương khề khà uống rượu. Lão nhận hai con cá sấn sất và nhắm luôn. Lũ Chuột cúi rạp, cúp cả tai xuống mà lạy tạ rồi lui ra ngay. Ra tới cửa, anh nào anh nấy ba chân bốn cẳng chạy mau như sợ lão Mèo đuổi theo, chộp lấy, chén thịt. Thế là xong việc dâng đồ lễ ông Mèo. Một ngày tốt lành kia, cả tổng Chuột nhộn lên vì sự tấp nập đi rước cầu cử tân khoa Chuột Nhất. Đã quá trưa thì đám rước về tới đầu cánh đồng. Trước hết, một chú Chuột mặc áo nẹp đỏ thối loa te te. Đến hai lá cờ kì lớn, trên lá cờ nào cũng viết hai chữ «Thái Bình». Mấy cái biển sơn son thếp vàng, vác ngỗ ngang. Những chữ «Vinh Quy» vàng chói khắc lên gỗ. Lại có hai chú Chuột khiêng một chiếc trống cái. Trống nặng quá, to phè phè, mỗi khi anh Chuột đi bên cạnh múa chiếc dùi lên, nện xuống một dùi, hai chú Chuột phu khiêng lại loạng choạng hai chân chực ngã xiêu đi. Tất cả đám rước, Chuột nào cũng mặc áo the thâm, thắt lưng điều bỏ giọt, chân đi đất, mặc quần lụa nâu. Anh nào cũng chít khăn kín cái đầu dài ngoẵng, lòi đôi tai lên trên. Có anh trai kiêu chơi chưa, lại đội vành vang chiếc nón dứa mới. Trong cái mồm nhọn, chuột chúm chím nhai trầu. Chấm hết cho đám rước, một lũ chừng mười lăm phu chuột xúm xít khiêng một cái kiệu. Ở trong kiệu, chú tân khoa Chuột

Nhất ngồi chồm choẹ. Cái điệu chú oai ghê. Đầu chú đội chiếc mũ xanh, có hai cánh chuồn. Mình chú mặc áo thụng lam. Chú ngồi vắt chân chữ ngũ. Một tay cầm cái quạt tàu phe phẩy. Một tay cầm điếu thuốc lá quắn. Chốc chốc, lại đưa lên miệng, hút phập phèo. Đôi mắt chú lúng liếng liếc sang hai bên đường, ra vẻ ta đây. Mà hai bên đường thì chật ních những hộ hàng nhà Chuột đứng xem.

- Te te te... Ai đi đường thì tránh ra cho quan cử vinh quy bái tổ...

- Tùng... Bi li... Bi li... Tùng...

Đám rước trình trọng, trang nghiêm. Mỗi bước dịch về gần trong xóm lại đi chậm thêm và làng xóm ở các hang ổ xa càng đổ đông ra xem. Đông quá. Thật lòng chú Chuột Nhất chỉ thích được như vậy. Lát nữa, về đến đầu xóm, thể nào cũng có hương án bày bái vọng và tất nhiên là Thử ông và Thử bà đã đi vòng ra đón con. Chú Chuột Nhất thầm cảm ơn trời đã có một ngày nắng ráo và mát mẻ quá như hôm nay. Ai cũng lũ lượt kéo đi xem đám vinh quy của quan cử tân khoa. Đám rước trình trọng, trang nghiêm.

Qua gần hết cánh đồng. Bỗng vắng vắng có tiếng ầm ĩ từ xa đi tới. Vang như tiếng trống, tiếng cồng, tiếng

sấm. Nhưng lạ tai quá :

- Meo ! Meo ! Meo !

Ồi chao ! Tiếng lão Mèo quát. Những đám đông đứng xem, rú lên chạy tán loạn.

- Meo ! Meo ! Meo !

Anh vác loa cút trước nhất. Mấy thằng cầm cờ cũng quảng cờ mà chạy. Và có mấy tên rước biển «Vinh Quy» đều ù té chuồn. Chỉ có anh đánh trống thì vẫn mãi mê đánh trống thòm

thòm, không ngẩng đầu lên, cũng không nghe thấy gì.

- Meo ! Meo ! Meo !

Đến bảy giờ bọn đánh trống mới nghe thấy những tiếng khùng khiếp rền tai. Anh nào anh nấy ba chân bốn cẳng, hoảng hốt chạy thẳng một mạch. Và cái bọn khiêng kiệu cũng không còn hồn vía nào đứng lại nữa. Những tiếng quái ác ghê gớm kia là tiếng báo hiệu Thần Chết đương đi đến đây rồi. Thần Chết đã tới sau lưng. Ai mà còn hồn vía nào ! Chúng buông phịch kiệu xuống, rùng rùng đi tìm hang lỗ trú ẩn. Chiếc kiệu bi. buông mạnh, lật nghiêng và đổ khuyu. Chú Chuột Nhắt

đương đắc chí rung đùi, bi. ngã chổng vó, không dậy được. Tất cả đám rước linh đình, trong phút chốc tan biến, không còn bóng vía gã Chuột nào. Bấy giờ người ta mới thấy lão Mèo lù lù từ phía Tây đi đến. Lão vừa đi lừ lừ, vừa kêu : «Meo ! Meo !» Thực vô tình mà lão cất tiếng ông ổng. Và đây là lão hát chứ không phải lão kêu, lão hò hét chửi bới. Phải, vừa uống rượu xong, vui thì lão hát chơi. Lão cũng định ra xem đám rước vinh quy, nên lão vui trong bụng lão hát lên mấy câu cho vui đây thôi.

- Meo ! Meo ! Meo !

Lão hát thế thì chết ! Có ai, có chú chuột nào lại hiểu được rằng «meo, meo, meo» là một điệu hát bình thường của lão Mèo. Những con chuột chỉ nghĩ rằng Mèo đương đói, đương gào thét ăn. Đám rước mới tan tác mất. Khi lão Mèo ra tới đường cái, thấy đường cái vắng tanh, chẳng còn một bóng chuột nào. Cờ quạt ngổn ngang, lỏng chổng. Lão ngạc nhiên nói một mình :

- Quái, ta có làm gì đũa nào đâu, mà chúng nó sợ ?

Lão lại hát «meo, meo». Lão không biết rằng hò bông lên như thế mà nhà Chuột đã đủ khiếp mà chạy xa thêm. Tức mình lão bần thần bỏ đi ra chơi mát ngoài đồng. Mãi cho đến xế trưa, mới có mấy anh Chuột mon men,

nhón nhác, từ trong xóm bò ra. Rồi thì một đám nữa nối đuôi nhau đi đến. Và họ hàng lại lặng lẽ rồi rộn ràng đi làm đám rước. Ai vào việc nấy Lại loa. Lại cò. Lại biển. Lại trống cái và trống cà rùng. Nhưng đến khi xúm vào dựng kiệu lên thì thấy cậu cử tân khoa méo mó, nhăn nhó mặt mồm, cho đến lúc ấy vẫn không thể ngồi dậy được. Bởi vì lúc cái kiệu đồ, chú sái một khớp xương chân, ngoẹo hẳn đi, không thể ngồi và đi được. Đám rước, thế là chú đành nằm trong kiệu cho khiêng về nhà. Mất vui. Chẳng ai đi xem, và giá có đi xem, cũng chẳng nhìn thấy cậu cử tân khoa đâu nữa. Cậu cử tân khoa đau quá, không ngồi được, đã nằm phủ phục xuống sàn kiệu. Cái mộng được đi diễu qua làng xóm cho thiên hạ biết mặt tân khoa chú Chuột Nhắt bi. sụp vỡ. Chỉ vì mấy tiếng hát vu vơ của lão Mèo phởn chí. Thử ông và Thử bà cũng cụt mất hứng. Nhưng dầu sao, cũng là xong cuộc rước vinh quy Chuột Nhắt. Thử ông Thử bà dần dần cũng lấy lại hả hê, mà chẳng dám oán trách ông Mèo. Bởi oán ông thì chỉ thiệt thân mà thôi ! Chỉ hận một nỗi từ ngày ấy, cái chân sai khớp của cậu Chuột Nhắt, chữa thế nào cũng không khỏi. Chuột Nhắt thành tật, một chân sau bước thậm thọt. Thử ông sợ cái tiếng con mình thọt chân, nên đút tiền cho những đứa khênh kiệu hôm vinh quy để chúng khỏi đi nói cho ai biết.

Ông bà Thử có ý muốn giấu giếm cho con mình cái tật nọ. Là vì ông bà nghĩ : Chuột Nhắt đã lớn. Học đã thành tài. Nhưng còn thiếu một chút vợ con trong nhà. Cưới vợ cho chú ấy là mãn nguyện hai vợ chồng già. Nhà con một, lại khá giả, tất nhiên đường vợ con phải kén chọn kĩ. Những cô Chuột Nhắt loàng xoàng thì không có thể đáng mặt lấy về cho chú cử Chuột này được. Ông bà Thử băn khoăn về chỗ đó. Đại đẳng khoa rồi tiểu đẳng khoa thì vừa. Vả lại, họ hàng bà con cũng thúc giục ông nên lấy vợ cho cậu Chuột Nhắt. Đó là những mồm miệng quanh năm chỉ hong hóng muốn ăn cỗ. Được ăn cỗ là họ thích. Họ cứ xúi khôn xúi khéo ông bà Thử :

- Hai cố xem có đám nào kén về cho cậu cử !
- Có vợ con thì mới chững chạc được !
- Hai cố xem mặt cái đám xóm kia, có ưng không ?

- Không được, đám ấy đăng đôi sao được với nhà này ! Thuở ấy, một ông viên ngoại nhà ở hang ngoài bờ sông, có cô con gái kén chồng. Cô gái treo biển kén chồng đã hơn một năm nay. Cũng đã nhiều vương tôn công tử rắp ranh bắn sỏ, nhưng chưa ai được trúng cách. Bởi vì ông viên ngoại là một tay thâm nho. Và cô tiểu thư là một thiếu nữ có đôi chút nhan sắc, xa gần nức tiếng. Đó là cô tiểu thư Chuột Chù. Tiểu thư Chuột Chù

đẹp - cô tự nghĩ thế. Lại càng làm đáng tội. Bước đi yếu điệu. Mồm to và dài. Áo cô đen xù lúc nào cũng thơm lừng mùi nước hoa. Nhưng thiên hạ độc miệng lại đặt cho câu tục ngữ ác nghiệt : Hôi như chuột chù. Thoạt gặp, cứ tưởng rằng cô tốt nét. Nhưng thực cô có một tính xấu. Tính cô khinh khỉnh. Từ khi ông viên ngoại yết bảng ra cửa, đề bài thơ rằng : «Nhà ta có gái kén chồng. Xuân xanh xấp xỉ độ chừng đôi mươi» thì hai bố con ông đã làm bể mặt nhiều gã chuột đến dạm hỏi lắm. Thực ra, trong đám đó cũng nhiều người vô tài. Song, cây mình có tài mà làm xấu hổ kẻ khác thì cũng chẳng nên.

Một hôm kia, Thử ông gọi Chuột Nhắt đến mà bảo rằng :

- Con ơi ! Con đã lớn. Học con đã thành danh, không kém cạnh gì ở đời. Nay cha chỉ còn mong muốn lo vợ cho con. Con bằng lòng chăng ?

Chuột Nhắt thích tâng người, nhưng còn làm bộ lưỡng lự :

- Cái đó tùy cha.

- Cha đã nghĩ kĩ. Cứ xem như quanh vùng này thì không có mặt nào đáng. Cha thấy có tiếng đồn ở bên

sông có ông viên ngoại kén chồng cho con gái. Để mai cha thử sang chơi.

Chuột Nhắt cười :

- Thừa cha, con đã nói tùy ở ý cha mà.

Biết thế là con đã bằng lòng, hôm sau, Thử ông ăn diện tề chỉnh, diện giày gia đình và cầm cả ô che nắng, đi sang nhà viên ngoại nọ. Đến chiều, ông trở về. Hơi rượu sực nức. Ông viên ngoại đã thết ông com rượu linh đình. Ông Thử kể chuyện cho con trai và Thử bà nghe :

- Ta nói đến con thì viên ngoại bằng lòng lắm, viên ngoại đã biết tiếng. Nhưng ông ấy muốn mời con sang chơi để ông được thử tài.

- Ngày mai con sang.

Ngày mai, Chuột Nhắt sang chơi nhà viên ngoại. Chú đi cùng với hai tiểu đồng Chuột. Đêm hôm qua, đã giờ bao nhiêu pho sách để xem lại. Nhưng có điều rắc rối là chẳng hay Chuột Nhắt sẽ đi đứng thế nào. Bởi vì một chân sau của chú bi. khắp khiêng. Không hề chi Chuột Nhắt sẽ cưới một con ngựa bạch. Quần lụa điều sẽ buông xuống lấp kín gót chân. Lúc xuống ngựa, hai tiểu đồng xách nách hai bên, ra lối kiêu cách đại công

tử của những nhà phú gia. Chẳng ai có thể biết được công tử Chuột Nhắt thọt hay không thọt. Chuột Nhắt sang đến nơi, viên ngoại tiếp đón niềm nở lắm. Tiểu thư Chuột Chù nhòm trong rèm ra cũng lầy lăm vừa lòng. Rồi viên ngoại ra cho Chuột Nhắt một câu đố. Đố, là cái lệ chung cho tất cả những ai gấp ghé đến làm rể nhà ông viên ngoại đã yết bảng kén chồng, là phải giải được một câu đố. Mỗi người một câu khác nhau. Câu đố ông viên ngoại ra cho Chuột Nhắt rằng :

*Mặt em phương trượng chữ điền
Da em thì trắng, áo đen mặc ngoài
Lòng em có đất có trời
Có câu nhân nghĩa, có lời hiếu trung
Dù khi quân tử có dùng
Thì em sẽ ngó tám lòng cho xem.*

Viên ngoại hẹn cho Chuột Nhắt phải trả lời được trong vòng ba ngày. Ba ngày thì tìm ra lời giải. Chuột Nhắt lĩnh mệnh, biên câu đố lại, rồi từ tạ viên ngoại ra về. Ngựa mới thủng thỉnh về đến nửa đường, chú Chuột Nhắt vỗ trán có mấy cái, đã nảy ra được câu lời giải. Chú vuốt ria, vừa đi vừa tùm tùm cười. Về nhà, chú kể chuyện cho cha mẹ nghe. Thử ông vội hỏi :

- Thế con nghĩ ra câu trả lời chưa ?

- Viên ngoại vừa nói xong con đã đoán ra được.
- Đoán được là gì ?
- Là cái quyển sách, chứ lại còn cái gì nữa !

Thử ông ra vẽ nghĩ ngợi và gật gù khen là đúng. Ngày hôm sau, Chuột Nhắt đóng một quyển sách thật đẹp, bìa mo sơn then, trong viết cả một đoạn tam tự kinh, cho gửi sang nhà viên ngoại. Viên ngoại kinh ngạc và phục tài công tử Chuột Nhắt quá. Vì từ xưa tới nay, ông cũng đã ra nhiều câu đố, không những là ít ai đoán đúng, nhiều chàng trai không dám vác mõm trở lại nữa. Đẳng này, Chuột Nhắt đoán chưa được một ngày đã ra. Quả là thần đồng ! Tiểu thư Chuột Chù cũng tấm tắc khen : Tài, tài. Hai bố con liền cho tin sang bên nhà Thử ông để mời mỗi lái đến. Đôi bên nhà trai nhà gái đã định ngày làm lễ hỏi.

* * *

Nhưng câu chuyện không phải ổn thoả ở chỗ ấy. Một hôm, có một khách đến chơi nhà ông viên ngoại, nói rằng muốn ngỏ một câu chuyện cần. Viên ngoại mời vào, gã Chuột lạ ấy thi lễ rồi nói rằng :

- Tôi nghe đồn viên ngoại sắp gả chồng cho quý tiểu thư ?

- Phải.

- Quý tiểu thư lấy thằng chồng thọt chân đấy. Viên ngoại trợn mắt :

- Thế nào ? Ai thọt chân ? Bác nói sao ?

- Tôi nói rằng viên ngoại sắp gả con cho một thằng thọt chân.

- Ai thọt chân ? Công tử Chuột Nhắt chẳng ?

- Lại còn ai nữa !

- Bác kể đầu đuôi cho ta nghe.

- Tôi cũng chẳng rõ gia cảnh nhà ấy đâu... Tôi chỉ biết có mỗi một điều là công tử Chuột Nhắt thọt một bên chân trái.

- Tại sao bác biết ?

- Ngày công tử Chuột Nhắt về vinh quy, tôi đi khiêng kiệu. Kiệu đổ. Lại chính tôi cõng công tử vào hang, vì công tử què chân, không đi được nữa. Về sau chữa chạy mãi không khỏi. Thử ông bịt tiếng, cho mỗi phu kiệu một ít tiền, để khỏi đi đưa chuyện.

- Thế ông ấy có cho tiền bác không ?

- Không, ông ấy bỏ sót tôi.

Viên ngoại ngẫm nghĩ :

- Làm thế nào có thể tin được lời của bác ?

Chàng kia cả cười :

- Có khó gì điều ấy. Viên ngoại cho mời công tử Chuột Nhắt đi bộ sang đây rồi lại mời ra chơi vườn hoa.

- Ngộ công tử từ chối ?

- Thì cứ như là viên ngoại thách đố một lần nữa. Thách công tử Chuột Nhắt phải đi bộ sang bên này. Bây giờ viên ngoại sẽ biết lời tôi đúng hay sai.

Viên ngoại bán tín bán nghi. Ông bàn với con gái. Hai cha con luận bàn với nhau một lúc lâu. Cuối cùng, ông viên ngoại nói rằng :

- Thì ta cứ thử như lời người kia nói. Nếu mà công tử Chuột Nhắt quả thật không có tật, nếu ta mời bó buộc như thế cũng chẳng hại gì.

Rồi ông viên ngoại đưa tin sang nhà Thử ông. Rằng sáng hôm mười tư, mời công tử sang dự cỗ. Nhưng muốn theo đúng nghi lễ con cái nếp nhà, công tử nên đi bộ sang. Hai cha con viên ngoại đợi ngày mười tư xem

sao. Sáng hôm ấy, có tiểu đồng Chuột bên nhà Thử ông sang thưa :

- Bẩm, cậu con bữa nay hơi ảm mình, xin viên ngoại cho kiếu lỗi.

Viên ngoại vào nói với con gái :

- Con ơi ! Có lẽ lời kẻ kia nói đúng. Nhưng ta phải thử một lần nữa.

Một lần, viên ngoại lại cho gia nhân sang mời công tử Chuột Nhất đến ăn giỗ kị. Theo lễ, công tử cũng phải đi bộ, và viên ngoại quý rể còn cho gia nhân sang đón tận nơi. Chao ôi ! Thực là khổ sở cho chú Chuột Nhất. Chú biết làm sao bây giờ. Chân chú thọt mất một bên trái. Nếu không đi ngựa, không kẻ xốc nách, chú phải bước lò cò, tập tễnh. Cứ kể, nếu bò quãng ngắn quanh quần trong hang, chú chuột cũng có thể gắng sức bò cho chĩnh chện được. Nhưng đường này, phải cuốc bộ từ đây ra ven sông qua mấy cánh đồng. Tự dừng lại gỡ cái trò quái độc này, chắc lão viên ngoại đã nghe phong thanh ai nói thế nào rồi đấy. Mồm miệng đồn thổi gớm thật ! Cái gì đã xảy ra, cái gì có thể nói được là sự thực, tất chẳng thể giấu nổi ai. Biết làm thế nào ? Bắt buộc Chuột Nhất lại phải cho tiểu đồng sang nói dối một lần nữa :

- Thừa viên ngoại, công tử bi. cảm chưa được mạnh, không dám ra ngoài.

Thế là viên ngoại có thể đoán biết rõ mười mười căn bệnh của công tử Chuột Nhắt như thế nào rồi. Hôm sau, ông viết thư sang khước hôn cho con gái. Thử ông và Thử bà giận lắm. Công tử Chuột Nhắt thì thở dài thườn thượt và chốc chốc lại ngước mắt lên nhìn trời. Thực ra Chuột Nhắt nghĩ giận vô cùng. Chú thấy thế này là đời tráo trở quá, ăn ở không có trước sau. Chú nghĩ cách báo thù. Chú cũng nhỏ nhen lạ. Bởi chú chẳng nghĩ được rằng vì cái chân thọt của chú mà người ta không gả con cho chú. Chính chú định giấu giếm trước kia mà. Chú báo thù ông viên ngoại thế nào ? Học trò chân yếu tay mềm, biết làm gì nên chuyện ! Nhà ông viên ngoại có nhiều thế lực, không mỗi chốc cách nào mà chú dám bắt nạt. Thế mới khó. Nuốt hận thì căm. Mà để vậy thì xấu hổ. Chú nghĩ ba ngày ba đêm mà không vỡ ra được một kế gì. Người chú gầy tọp lại. Lông tóc chú rụng nhiều quá, hói cả đỉnh đầu, Sang đến ngày thứ tư, chú đương đứng bần thần ở cửa hang bỗng reo lên. Chú đã nghĩ được một kế. Diệu lắm. Chú sẽ làm một bài hát chế ông viên ngoại. Tài học của chú để đâu mà lại không có thể làm được một bài về thực hay ! Lập tức, chú thảo luận. Chú làm một bài. Đầu đề là bài về chế ông viên

ngoại thách cưới cho cô Chuột Chù. Làm xong, Chuột Nhắt hắng giọng kể thử. Vè rằng :

Em là con gái nhà giàu
 Cha em thách cưới ra màu xinh sao
 Cưới em trăm tấm gấm đào
 Một trăm hòn ngọc, hai mươi tám ông sao trên trời
 Nắp tròn dĩa đủ trăm đôi
 Ông thuốc bằng bạc, ống vôi bằng vàng.
 Sắm xe tứ mã mang sang
 Để quan viên họ nhà nàng đưa dâu
 Ba trăm nón nghệ đội đầu
 Mỗi người một cái quạt tàu cầm xinh
 Anh về sắm nhiều Nghi Đình
 May chần cho rộng, tối mình đắp chung
 Cưới em chín chĩnh mật ong
 Mười cút xôi trắng, mười nong xôi vò
 Cưới em tám vạn trâu bò
 Bảy vạn dê lợn, chín vò rượu tăm
 Lá đa mặt nguyệt hôm rằm
 Răng nanh thẳng Cuội, râu cằm ông Thiên Lô
 Gan ruồi mỡ muỗi cho tươi
 Xin chàng chín chục con dơi goá chồng
 Thách thế mới thoả trong lòng
 Chàng mà lo được thiếp cùng theo chân

Khi bài vè được chú Chuột Nhắt truyền ra, tất cả cánh đồng, có bao nhiêu làng xóm Chuột thì cả bấy nhiêu đều lập tức thuộc lòng như cháo. Ai cũng kể luôn miệng, ai cũng hát vung lên. Viên ngoại biết. Rồi tiểu thư Chuột chủ cũng nghe Bó con chỉ còn tức mà nguyên rủa, không làm gì được.

* * *

Đương khi ấy, lão Mèo lại đắm bỏ vào câu chuyện. Lão đến đâu, là xô ra nguồn gốc của những rắc rối không lường được. Có lẽ đó là một lão đói ăn. Hay là một ngày mưa chi đó. Trời mưa thì nhàn rồi. Mà nhàn rồi, thường nghĩ vẩn vơ, rồi đắm ra nghĩ và làm bậy bạ. Dường như trong một lát thông thả lão nhớ thêm những con cá sần sất béo ngậy mà dạo nợ Thử ông, Thử bà đem biếu vào dịp Chuột Nhắt vinh quy. Lão nghĩ đến thì lão tưởng ngay tới sự đòi hỏi. Bởi vì ở đất này, lão là chúa. Lão là chúa thì lão chẳng còn biết sợ ai ! Vả lại, lão vừa nghe thoáng thoáng mấy bữa nay, có đứa nào hát hổng một câu gì có vẻ nói như là Chuột Nhắt sắp lấy vợ. Rất có thể, lão đến nhà Thử ông mà đòi ăn uống, nhà ấy đương có việc vui mừng. Lão đi lừ đừ bốn chân, lão gùm gùm đôi con mắt. Vừa tới cửa hang Thử ông, lão hét lên mấy tiếng thật to. Thử bà vừa thò đầu ra thì lão giơ chân chộp lấy. Lão chộp trúng lưng bà lão. Bà lão co

người lại, ngã chúi vào trong hang. Mèo đăc chí lại gào lên mấy tiếng. Lão đứng chờ mãi mà cũng chẳng thấy ai ra nữa. Bực mình, lão cào cào tung toé đất lên rồi ngoe nguẩy đuôi lững thững đi. Chắc lão không tưởng rằng lão vừa gây ra một tai nạn cho gia đình

Chuột Nhắt. Bởi vì bà lão ngã vào trong nhà thì ở mảng sống lưng rời ra một miếng thịt đỏ hỏn vì bi. móng chân của Mèo cào. Thử bà ngất đi. Cả nhà lay gọi rới rít. Nhưng vì chuột bà gầy yếu quá, và bi. vuốt chân ông Mèo móc vào lưng cũng khá sâu, đau quá không tỉnh lại nữa, cứ bần bật thiếp... rồi tắt thở. Cả nhà khóc lóc thảm thiết.

* * *

Từ đây Chuột Nhắt càng để tâm thù cha con cô Chuột Chù tợn. Bởi vì chú Chuột Nhắt lại cho rằng chính lão viên ngoại nọ đã sinh sự gây ra cái chết thảm của mẹ chú. Ôi, bà mẹ hiền của chú chết ai oán quá. Chú cần phải báo thù. Thù này chẳng đội trời chung. Chú Chuột Nhắt cố lo báo thù. Có lẽ chú cũng chú ý tìm thầy học võ. Nhưng tìm không thấy chú lại đặt ra nhiều bài hát châm chọc nữa để bôi xấu cha con nhà lão viên ngoại. Nhưng xỏ xiên mãi cũng chán. Bởi vì lão cũng chẳng chết. Bố con lão vẫn sống nhảu răng. Một ngày kia, Chuột Nhắt nghe người ta đồn rằng ở bên kia cánh đồng

có ông Chuột Cống là một tay lão luyện giang hồ. Ông ta có nghĩa khí, có chí làm việc lớn. Ông lại võ nghệ cao cường. Ông giao du với nhiều bè bạn bốn phương thiên hạ. Chuột Nhắt lần mò đến hang Chuột Cống xin vào yết kiến. Chuột Nhắt kể lể việc đau đớn nhà mình cho Chuột Cống nghe, rồi nghiêng rặng mà nói :

- Thưa ông, tôi thâm thù lão viên ngoại. Giá tôi có thể chết mà giết được lão, tôi cũng xin chết.

Chuột Cống ha hả, vỗ lên đầu Chuột Nhắt mà rằng :

- Khá khen cho anh. Anh còn trẻ mà có chí có gan, giỏi lắm. Nhưng tiếc thay, anh đã đem dùng nhâm cái tài của mình.

Chuột Nhắt hỏi lại :

- Ông bảo tôi phải làm thế nào mới đúng ?

- Đầu tiên, anh vinh quy ôm tởi, đó là một sự huyênh hoang vô ích. Về sau, anh lại hí hửng muốn lấy vợ. Chao ôi ! Làm như ở trên đời này, một thanh niên chưa có vợ, chẳng thể sống được hay sao ? Phải lập thân trước đã chứ ! Anh nên quên cái lão viên ngoại tráo trở, cái cô Chuột Chù đồng đánh kia đi. Đừng bao giờ nghĩ rằng họ đã làm hại nhà anh. Đã nghĩ thì phải suy lên tận ngọn. Anh phải tự hỏi anh rằng bởi đâu mà chân anh

thọt, bởi đâu mà mẹ anh chết. Bởi đâu mà họ nhà Thử chúng ta phải khổ sở đến thế này ? Chỉ bởi tại thằng Mèo. Phải đánh đổ cho kì được thằng Mèo. Nếu nó chết chúng ta sẽ được sống yên lành trong hang, ngoài bờ cỏ, ngoài ruộng lúa. Chính tôi đương cổ động tất cả hãy hoạt động để phá cho bằng được cái lâu đài của thằng Mèo độc ác ấy đi.

Chuột Nhắt reo lên như hét :

- Tôi xin theo ông. Tôi sẽ đi nói cho tất cả xung quanh tôi ai cũng biết những điều to lớn ông đã bảo tôi.

- Bạn ơi ! Thế là bạn đã giác ngộ rồi đó !

Từ đấy, gã Chuột Nhắt đã có một lý tưởng để theo. Gã Chuột Nhắt đã có một nghĩa vụ để làm. Từ đấy chúng ta thường thấy gã nhanh nhẹn trong mọi công việc của gã, dù gã vẫn mang cái chân bệnh tật. Và gã vẫn chưa có vợ. Mà gã cũng chẳng nghĩ đến những điều ấy nữa. Lập thân trước đã chứ !

Về sau, cô tiểu thư Chuột Chù kia cũng héo hắt đi rồi chết già, chẳng ai buồn lấy, chẳng ai rước đi cho. Là vì cô đỏng dảnh, khinh người, làm bộ quá. Làm bộ mãi thì đời làm bộ trả. Ở đời, kiêu kì bắc bậc, chỉ tổ làm cho ai này sinh ghét.

Đôi Ri Đá

Ít lâu nay, có một loài lạ lạc vào vườn. Anh chim sẻ xưa nay vẫn to hó đứng trong đầu nhà, kêu tặc tặc không được diêm tĩnh và đều đặn như mọi khi. Ra về thảng thốt. Như thể lo rằng có những kẻ lạ nào đương dò dẫm, tìm kiếm nơi ăn chốn ở trong vườn nhà mình. Quả đúng như nỗi lo của sẻ. Có hai con chim ri đá, mấy bữa rày thường lai vãng đến vườn. Chúng nhám nhốt chuyền từ cây bưởi sang cây khế, đến cạnh hồng bì. Sẻ ta đứng bắn khoăn trên nóc đầu hồi, nhón nhác nhìn, ra điệu ghét lắm. Bấy giờ là đầu mùa đông. Ngoài ruộng, lúa chín vàng hây. Những bông thóc nếp mập và tươi ong óng, trĩu gù lung xuống. Màu vàng san sát giải từ cánh đồng làng Nghĩa Đô mênh mông đến tận bờ tre làng Phú Gia. Theo với mùa lúa, từng đàn chim ri bay về mọi cánh đồng. Và hai con ri đá kia thần thơ vào trong vườn này. Đó là một đôi vợ chồng. Chàng và nàng. Có lẽ là đôi vợ chồng mới cưới nhau mùa thu vừa rồi cũng nên. Nếu nói so sánh, ta có thể nói so sánh rằng đôi ri đá ấy tựa như một cặp vợ chồng quê mùa mới rủ nhau lên tỉnh. Họ lờ khờ, ngẩn ngơ - nghĩa là đặc nhà quê ! Họ thuộc loài ri đá chính tông. Và có hiệu là ri rừng. Người loắt choắt, bé chưa bằng ri cam, mà lại bé hơn cả chim sẻ. Trông một ri đá chỉ bằng nửa chim sẻ.

Vừa như chiếc hạt mít mập mạp, có dính chút đuôi. Đôi mắt nâu lơ lơ. Cặp mỏ ngắn, cục mịch thây lầy trước đôi mắt như một viên cuội xám xám. Lông màu nâu, mượt, trơn và mịn. Đôi chân cũng xám như mỏ. Ở con chim ri, có bóng hình một người cù rù nhưng nhẩn nại, lam lũ và luôn luôn chằm lăm tay bùn - người cần lao của đồng ruộng. Một buổi sáng, vợ chồng ri đá ở đầu sà đến cây bưởi. Chúng kêu kéc kéc nho nhỏ. Thế là, trên nóc nhà, chim sẻ lắng tai nghe tiếng bống tặc tặc âm ỉ. Dáng hảnh chàng ta chửi đũa nào dám vào nhà mình. Nhưng sẽ chỉ nở mỏ công kích suông thế thôi, không dám xuống tận nơi. Vợ chồng ri đá điềm nhiên, chẳng để ý đến sự lèm bèm đó. Chàng nghiêng má nhìn cây hồng bì rồi rún căng nhảy sang. Nhẹ như một chiếc lá rơi, và cũng lần ngay vào lá, không động tĩnh gì hết. Nàng bay theo chàng, dáng bay hơi nặng nề, đôi cánh vỗ sè sè, bởi người nàng có đầy đà chút đỉnh. Không hiểu nàng ri đá đã có con lần nào chưa, chứ thực trông nàng chẳng được gọn mấy. Đầu bơ phờ. Lông bụng bạc phếch. Cườm ngực, cườm cổ không đen nhánh và bóng mượt như của chàng. Có cái lối của những người đàn bà xười xỉnh từ khi còn con gái đã ăn mặc xốc xếch, bây giờ chẳng thiết điểm trang gì nữa. Chàng xáo xác trong cây hồng bì. Cây hồng bì thấp nhưng dày lá. Vả lại, với một anh ri bé bỏng, thế đã là khá cao rồi. Nàng cũng sục

sao trong cây, như kiếm chác một cái gì. Chẳng có lẽ. Họ tìm chi trong tùm lá hồng bì đó ? Loài ri đá không biết ăn sâu. Mà đâu có bông lúa vàng ở đây. Kìa, đôi vợ chồng lại bay ra đậu ở một cành cây cụt. Họ nghiêng má nhìn trời. Trời cao và xanh, không cùng. Vụt một cái, bốn cánh bay đi loang loáng. Người ta thấy ở ngoài đầu xóm, hai vợ chồng ri đá đến đậu trên một mái rạ cũ. Rạ đã bạc trắng và nát mủn. Chị chim ri hé mỏ mổ vào cuống rạ. Anh cong đuôi lên để lồi cuống rạ đứt ra. Khi đã lồi được, anh quắp lấy và bay vụt đi. Cô ả cũng bay liền ngay theo. Họ bay về cây hồng bì. Cây hồng bì ở ngay trước sân, bên cạnh một bể nước. Những lá mùa đông rụng xuống, vàng úa trên giai nửa. Chàng đặt cuống rạ vào một cành hồng bì kín và cao nhất. Rồi họ lại bay đi, vợ theo đuôi chồng, đến lấy rạ ở lớp mái nhà nát nọ, chị mổ và anh kéo. Dù được mẩu dài hay mẩu ngắn, anh không phiền hà, quắp ngay lấy, mang về cây. Công việc như thế, đều đều suốt ngày, như người ta mắc cửi.

Được chừng ba hôm, bác chim sẻ hay qua cây hồng bì, đã thấy trong có lù lù một nắm rạ lòng thông, loi thôi như một mớ rom rửa bát. À, ra hai vợ chồng con ri đá đến ngụ cư ở nơi này. Họ đương làm nhà. Bao nhiêu công việc xây dựng, người chồng phải đương lấy cả. Chàng tha rác liền liền về cây. Chàng xếp đặt cho thực

khéo, thực gọn. Trong khi ấy, nàng chỉ biết có việc mò đứt cuống rạ và việc bay nhón như theo chồng. Thỉnh thoảng nàng lại khẽ hát kéc kéc, như để khuyến khích hoặc nói bông cho chàng được buồn cười. Chẳng hiểu chàng có thấy vui không, nhưng chàng vẫn hậm hùi, cậm cúì làm như thường. Chàng đặt móng cho lớp nhà mới bây giờ một lớp rạ. Rồi chàng đi tìm ở những bẹ cau và bẹ dừa lấy những sợi dây rất nhỏ. Việc tha những sợi dây này vẫn là việc của anh chồng chịu khó. Chàng đem về, đánh đai rất xinh, vòng trong những cuống rạ dựng thành một khung tròn hình lòng tổ. Cái lòng tổ êm ái đã hoàn thành, sau ba ngày chịu khó. Bây giờ chàng đi tìm lá khô. Chẳng biết chàng mò mẫm thế nào mà tha về được từng nạm lá duối, đem chất lù lù cả lên xung quanh thành tổ. Mỗi chuyến chàng mang về chừng đôi ba tờ lá nhỏ. Một chuyến kia, vợ chồng ri đá song song bay từ ngoài bờ giậu vào vườn. Vừa sà xuống cây hồng bì, anh ri đá đã hoảng hốt buông rời mấy chiếc lá, cuống cuống nhào lên, bay tít tắp ra tận ngoài đồng. Chị vợ cũng nhón nhác ruồi theo.

Có gì đâu ! Dưới gốc cây hồng bì lộn xộn bao nhiêu là người. Khấp sân, đầy đồng những lượm lúa vàng rươi. Người ta kê một chiếc cối đá hồng đáy ra đấy. Lượm lúa chắc nịch được cặp vào hai thanh tre rồi người ta đập lên cối đá từng hồi, cho thóc rơi vung vãi ra bốn

phía. Họ vừa làm vừa cười cười, nói nói ồm ồm, cả đàn ông lẫn đàn bà. Thấy thế, vợ chồng nhà ri đá sợ hết vía. Không dám bén mảng về nữa. Nói của đáng tội, chiều hôm đó cậu mợ cũng về. Nhưng ở sân vẫn còn tíu tít ồn ã những người, nên lại vội vàng bay đi. Sáng hôm sau, chàng lại về. Mỏ ngậm rác cẩn thận. Song người ta vẫn thi nhau đập lúa thành thịch. Chàng lại bỏ đi, để rơi mấy chiếc lá khô xuống đất. Người đập lúa trong sân, bác sẻ mon men xuống kiếm chác, nhặt những hạt thóc rơi rụng. Không thấy bóng vợ chồng anh ri đá đâu, ý chừng sẻ ta hả hê lắm. Gió may dạt dào, đánh lúc lắc những cành hồng bì mảnh khảnh. Cái tổ hoang kia, không chim nào ngó đến, những ruộng rạ ở xung quanh đã ải sẵn, cứ trệ xuống dần. Rồi nó chỉ còn là một nắm rác, một nắm bụi nhùi của một đứa trẻ nào gài vu vơ lên đây. Hai con chim sợ người đã bỏ phí mất một cái nhà đương dựng. Nó sắp rơi hoải xuống cỏ mát. Công việc gặt hái đã xong. Sân vườn lại trở về hiu quạnh như thường ngày. Chỉ còn tiếng chim sẻ rền rĩ trên đầu hồi. Cây hồng bì không phải mùa quả, hoang vắng lạnh lùng như một cây rừng. Đôi chim ri chẳng trở về nữa hay sao? Không, họ lại trở về. Một hôm, từ lúc mới vừa rạng sáng, đã nghe có tiếng lạt xạt trong cây. Bấy giờ bác sẻ chưa trở dậy. Đến khi trở dậy, ra đứng ngoài đầu ống, thì bác đã thấy vợ chồng ri đá đương nới đuôi

nhau tha rác về cây hồng bì. Bác lại trông xuống mà hé cái mỏ, bắt đầu kêu khan kêu vẫ. Họ tha về những cuống rạ nát. Lại những cuống rạ nát nhũn ! Bởi vì họ lại bắt đầu. Nghĩa là vợ chồng chim ri lại kì cục xây lên trên cái tổ dở dang kia, một cái tổ khác, mới nguyên. Lại những cuống rạ mục, lại những dây dợ ở những bẹ dừa, bẹ cau. Lại những chiếc lá duối khô, lá quăn quăn. Và lại vẫn anh chồng còm còm tha rác suốt ngày để cho chị vợ thân thơ bay theo. Có khi, chàng bắt được ở đâu cả một mảng mạng nhện nhăng nhít, cũng lôi thôi tha về. Chẳng bao lâu, cái tổ đã có lòng trũng xuống, và những chiếc lá khô thì làm thành một vòng tường cao. Ở trên trông vào, tựa hình một cái tổ bé tí tẹo của trẻ con chơi. Giá ở nhiều loài chim khác, như bọn chào mào, sáo sậu ắt hẳn cái tổ kia đã được khánh thành. Nhưng với ri đá, chưa thể gọi thể là xong được. Họ còn tạo tác thêm. Nói là họ, cho ra vẻ có vợ có chồng mà thôi, kì thực công việc xây dựng đều do mỏ và chân của chồng. Chàng nựng vợ đủ điều. Chàng đi kiếm ở các xó vườn lạ về những cặng lá xoan, cặng lá khế đã khô đét. Chàng xếp thành từng lượt ngang dọc trên nóc tổ. A ! Anh chàng lợp một cái mái. Cái mái nhà để che mưa che nắng. Chàng lại đi khuôn lá duối, khuôn cặng rạ về và xếp một lượt dày lợp lên trên những lượt cặng. Xong xuôi đâu đấy cả rồi, chàng loay hoay khoét một cái lỗ.

Khi đục xong lỗ, ấy là lúc công cuộc làm tổ đã hoàn thành. Chàng chui vào trong tổ cất lên mấy tiếng ke ke. Ở ngoài, vợ chàng cũng đáp lại như thế. Chàng liền bay ra, đứng cạnh nàng, tỏ vẻ như âu yếm. Chàng xích lại một chút, chị vợ cũng rún rún đôi chân và rung rung đôi cánh. Hai cái mỏ chiu vào nhau, chịn đuôi vào nhau. Đôi chim hoan hỉ nhìn nhau và cùng xù lông ra giữ phành phạch. Chàng khoan khoái bay tung tăng đi vu vơ đâu một lúc, rồi lại trở về, cùng chui tọt vào tổ. Cái tổ kín và riêng tây như một nếp nhà của người ta. Thế là tổ đã làm xong. Trông nó xù xì tựa như một mớ rác lộn. Song đó chỉ là cái bề ngoài không quan trọng thôi. Nay, ta hãy đến gần, ló đầu vào một tí xem. Đường cửa tổ tròn, xung quanh nhẵn thín, chui ra chui vào rất gọn, không vướng víu mảy may. Cái lòng tổ thì êm và mịn, vừa chỗ cho nàng ri cái nằm. Ri đục chỉ rón rén nằm ghéch bên cạnh. Hai cái mỏ cùng chìa ra phía cửa. Từ hôm ấy, sớm mờ mờ đã nghe tiếng ri động lạt xạt trong cây hồng bì. Họ đùa nhau chắc ? Chị vợ thì nằm xù xù trong tổ cả ngày. Nàng nằm ấp dón cho những ngày sắp sinh trứng. Đến khi hoàng hôn xuống, thì cả hai vợ chồng cùng chui vào tổ, lại cùng nằm chầu mỏ ra ngoài cửa. Họ chờ đến ngày đẻ trứng. Những con chim hét đen chậm chạp mỏ vàng bệch, đã từ phương xa bay về. Những dấu hiệu mùa lạnh sắp đến. Gió may trở về đã từ

lâu, hiu hiu và hiên lạnh. Nhưng chiều ấy, gió may bỗng đột nhiên nổi cơn bùng bùng. Trời đất âm u sầm lại. Từng làn mây nước lớn xám xịt, chuyển vận theo gió bay xuôi hỗn độn, tới tấp như ở trong một cuộc thay đổi kỳ lạ của trời đất. Sáng hôm sau, trời đổ mưa xuống đều đều nhưng không to lắm, vòm không mù trắng những nước. Và trời cứ mưa đều đều, lai rai, nhỏ nhỏ như thế, hết ngày ấy sang ngày khác. Ông mặt trời đã đi đâu mất để cho nơi nơi thi nhau khóc ra mưa ra gió. Người ta đều phải ở trong nhà. Đường cái làng lầy lội, bùn xám ngập cao tới lưng ống chân. Đôi chim ri cũng phải ở trong nhà. Chúng nằm ro ró mà nhìn ra xem mưa. Chao ôi ! Cái thứ trời gì mà cứ xối mãi nước xuống, xối mãi nước xuống. Mưa vài hôm, đôi chim đã bắt đầu thấy buồn buồn. Mưa được bốn ngày thì lạnh lạnh. Những hạt nước đọng ở trên mái tổ rích vào, thấm xuống, ướt hết cả xung quanh. Nhưng sự lạnh và sự thấm nước đó chưa đáng để ý bởi đôi chim mặc bộ lông dày và họ có hơi ấm của nhau. Song chúng không dám bay ra ngoài. Nằm nhin đói cũng đã thường quen, không hề chị Trời vẫn mưa. Bây giờ lại có những giọt nước mới đột đến, lá và cành khô không chịu thấm được hơn. Hạt nước lăn trên mái tổ rồi rỏ tạch tạch xuống đầu vợ chồng gã chim ri. Lại có thêm gió. Gió đu đưa cành cây hồng bì. Từng loạt nước rơi xuống rào rào, liên tiếp. Vợ chồng

ri đá xù lông ra lắc bụi nước. Nhưng rồi bụi nước, tuy đã lắc mãi, cũng bám được vào lông chim. Hai cái đầu thấm nước, bết lông vào với nhau, bé tọp hẳn lại. Trông thảm như hai người ốm liệt giường mà bị cạo trọc đầu. Lúc này là lúc mà vợ chồng chim ri không thể nén được nữa. Nếu họ không đi tránh mưa, nước cứ rỏ tạch tạch luôn vào đầu thì đến chết rét mất. Bối trời lạnh. Buổi sáng, người ta mó tay vào trong nước thấy buốt thon thót. Mưa thì liên miên. Giọt tranh chảy rình rích xuống bốn bên xung quanh.

Một hôm, hai vợ chồng chim ri đành lòng rời cái tổ ẩm ướt, đi tìm một mái nhà nào để tạm ẩn. Chúng bay đi trong bụi mưa, bốn cánh ướt vỗ nặng nề. Bảy giờ mới xế trưa, nhưng trời đầy mây xám và trắng những nước, tưởng như trời đã sắp tối. Vợ chồng chim ri rời tổ, bác sẻ già kia không biết. Mấy bữa nay mưa gió, bác ta rúc tránh vào trong ống tre. Nhưng cũng còn cuộc trở về của đôi chim. Ấy là một ngày mùa đông có nắng, sau trận mưa dai dẳng liên miên đến nửa tháng. Mọi vật vẫn chưa khỏi hẳn ẩm ướt, nước ẩm nhiều quá. Bức tường ngoài ngõ, thảm rêu xanh om. Tuy nắng, nhưng nắng chưa đủ gây ấm. Không khí vẫn phảng phất hơi lạnh. Đôi chim ri lia tổ ngơ ngác ở đâu về đậu bên cây bưởi. Bác sẻ ở dưới sân, đứng trong ánh nắng để hong lông, hong cánh, trông thấy đôi chim đáng ghét liền bay vù

lên nóc nhà và kêu choe choé như bi. ai bóp cổ. Chàng ri đực liệng vào trong chòm lá hồng bì. Chàng vào thăm lại tổ. Trận mưa cũng có làm hư hại mất đôi chút. Mấy chú nhện lạc lõng nơi nào tới đã chằng mạng kín cả cửa ngõ. Ri ta mới tức làm sao. Ri mở luôn cho mấy mỗ tan hoang cả khung cử nhện. Vào trong tổ, chàng dùng mỗ và cẳng, bới xếp, dọn lại một lát thì giường nệm lại phẳng phiu và gần được như cũ. Chàng chui ra, nhường chỗ cho vợ vào. Chị vợ lại nằm xem xếp thò chiếc mỗ ngăn ngùn ra cửa. Và hai vợ chồng lại thay nhau áp tổ. Mười hôm, ri cái đã đẻ ra một chiếc trứng nhỏ xíu. Trước sau chị đẻ ra được bốn chiếc trứng. Bốn chiếc trứng chỉ nhỉnh hơn bốn củ lạc lớn, màu trắng đục, lốm đốm nâu, nằm đều đặn, gọn thon lỏn trong lòng tổ. Chị ri phải xoè lòng bụng ra mới đủ che kín được cho cả bốn trứng. Trong cái tiểu gia đình này, cứ nửa mừng và nửa lo. Sáng ngày ra, hai vợ chồng hát nho nhỏ. Họ hát ra sao ? Chỉ có mỗi một điệu hát ke ke. Và riêng khi nào vui lắm, âu yếm nhau lắm, họ mới rung hai cánh mà làm điệu mỗ ri ri ri... Họ ăn ở dè lén, bình lặng, chịu khó, ít ồn ã. Cuộc đời trôi chảy âm thầm dưới khe lá xanh, y như cuộc đời của những người Nghĩa Đô, cần cù và nghèo khó trên cái khung cử, trong bốn lũy tre già. Họ ít nói năng, trái hẳn với loài sẻ lấu tấu, luôn kêu lai nhái. Bốn trứng đã tới kỳ nở. Những cái mỗ non nót

tự mổ rạn bốn vỏ trứng để thoát ra. Thế là bốn con ri nhỏ vào ánh sáng. Mẹ chúng nhảy ra cửa, đứng doạng chân, ngó bố của chúng đứng gần đấy. Bốn con mắt nâu đục nhìn nhau lơ lảo. Bây giờ cái tổ là chiếc giường của người đàn bà con mọn. Bừa bãi đầy những vỏ trứng vỡ, nhóp nhóp như mấy cái tã. Nhóp nhóp bốn nhách chim đỏ hỏn. Mụ ri cái lại càng phờ phạc, đồ đần tợn. Anh chồng cũng ra vẻ lo lắng thay. Song giờ đương là đầu tháng chạp. Không còn mưa rớt của tháng bảy như trận mưa tầm tã hôm xưa nữa. Thời tiết lạnh, nhưng hanh và khô cứng. Bốn con ri cũng đã nhón nhao. Bố mẹ chúng rạc cả người về nỗi kiếm mồi nuôi con. Chúng lớn dần dần cùng với tết Nguyên đán cũng lần lần nghiêng đến với mọi người.

* * *

Năm nay, ở Nghĩa Đô, người ta ăn một cái tết Nguyên đán không vui. Bởi vì làng có mỗi nghề làm lĩnh, lụa lại ế. Hàng dệt ra không bán đi được. Chẳng có ai mua. Nhiều khung cửi phải xếp lại. Những vày tơ bỏ trống. Văng tiếng lóc cóc ran rĩ của cái vày tơ. Ngày phiên không có những bác thợ cửi say rượu, mặt đỏ gay đi chệnh choạng trên đường cái làng. Công việc chẳng có, bao nhiêu dần vốn đều hết cả, người ta đã phải đi quỹ đất thuê, đi làm thợ nề và đi lên tỉnh kéo xe. Có

những kẻ liều lĩnh đã kí giấy «mộ phu» sang bên «Tân thế giới». Cái tết hờ hững đến với mọi sự lạnh nhạt. Giá gạo cao tới ba đồng rưỡi một chục đấu nhỏ. Xưa nay chưa cao thế bao giờ ! Túng quẫn quá, người ta không cần và không thể nghĩ đến lo tết lắm nữa. Hàng lá rong vào làng rao ơi ơi, rồi lại ê hề quảy ra. Làng mạc buồn teo. Chiều hôm ba mươi, cả làng vắng lạnh. Ấy là một buổi chiều bồn chồn và khó chịu. Người ta ở cái hoang hôn u uất đó để đợi một năm mới vẫn hằng mong ước sắp đến. Một năm mới đầy những bí mật của hi vọng còn khuất ở bên kia một lần lặn mặt trời và một đêm đen thăm, nặng trịch nữa. «Nhờ phép tổ» mà nghề nghiệp có được khá khẩm chăng ?

Nhà tôi cũng không còn phong lưu như xưa. Ngày mồng một, không có pháo để đốt. Tôi mặc tấm áo vải chéo go cũ, đi đôi guốc sơn bóng nhoáng, đầu vượt nước lã lên để rẽ cho được mượt. Tôi thơ thẩn trong cổng, hai tay thủ túi, buồn ngẩn ngơ. Cả làng, chỉ có vài nhà đốt pháo. Nghe lẹt đẹt như mõ mẹt. Nhưng sáng ngày mồng hai, nhà tôi được có một người đến lễ tết, khách đem theo một bánh pháo. Bác quyền Vực, người bên làng Phú Gia, một học trò «tam tự kinh» ngày xưa của ông ngoại tôi. Bác Vực đi lính, tết được nghỉ phép về chơi quê. Bác ăn vận rất ngộ. Đầu bác đội chiếc mũ Tây lợp vải vàng và mặc quần áo cũng màu vàng, xù

ra. Bắp chân quần xà cạp chặt chẽ lên tận đầu gối. Bác dân một đôi giày có cổ rất to, da mọc thêch như da cóc. Đi giày nện gót trên sân gạch, nghe kêu kệt kệt, đến ghê. Lặc cầm bánh pháo của bác Vực, đem ra sân. Bánh pháo dài chưa đủ một gang tay. Hấn treo lên trên cây hồng bì. Rồi hấn cầm một cái sào dài, đầu có mồi lửa, một tay bịt tai, một tay run run châm. Pháo bén lửa nổ xì toạch, xì toạch toang toang. Mười cái xác pháo toàn hồng, rắc ra sân như những cánh hoa đào bích. Con Đực đương luẩn quẩn dưới bếp, đột nhiên nghe tiếng pháo, hốt hoảng chúi cổ cúp đuôi chạy biến ra ngoài đồng. Nó sợ, Lặc phải đi tìm và lôi nó, nó mới dám về. Nhưng cái gia đình chim ri ở trên cây hồng bì thì không bao giờ về nữa. Sớm ấy, bỗng nghe tiếng pháo kinh khủng nổ vang động trong cây, cả nhà chim ri cuống cuống bay đi. Những con chim nhỏ ngã xuống, cổ vổ cánh bay ngoi ngóp. Tan tác mỗi con về một phía. Ai cũng lạc lõng. Tội nghiệp, bốn con chim nhỏ mới ra ràng. Ngày nào chúng cũng đứng chen chân ở cửa tổ để ngó ngác nhìn ra xung quanh và nhìn lên trời. Bố mẹ chúng thì lượn xập xoè như muốn bay cho các con bắt chước. Sớm ngày mồng hai tết Nguyên đán ấy, sợ những tiếng pháo nổ một cách rất vô tình ở dưới gốc hồng bì, đôi vợ chồng ri đá chịu khó và nhẫn nại kia, cùng một đàn bốn đứa con thơ dại, tan tác bay đi, không bao giờ còn trở

về cây nữa. Chẳng ai biết được cái bầu đoàn khôn khổng long đong bặt đi đâu và về sau ra làm sao.

Đến độ tháng ba năm đó, đương mùa hoa bưởi nở, cũng có một đôi chim ri lảng vảng về vườn - biết có phải những con chim cũ ? - song chúng chỉ đậu trong cây hồng bì một lát. Bác sẻ già đứng đầu hồi, ngó cổ xuống, trông thấy, liền kêu tặc tặc rộn rã như muốn khơi chuyện cãi nhau.

Đi Câu

Bây giờ sang Bắc xuống Phòng hay lên Sơn, bên đường chốc lại thấy trong cánh đồng có một cái đầm nước có hàng rào lũy tre.

Quanh bờ, lác đác những túp lều, như lều kéo cá, nhưng không có gọng vó. Những cái lều con con như thế người ta gọi đùa mà thật là lều câu cá ôm. Tức là tay đôi nào đến thuê lều câu cá, thuê cả cần câu và mồi cần thận rồi dắt nhau trèo lên lều, làm những gì trong ấy không biết, cũng chẳng thấy cái đầu cần câu nào thò ra.

Quanh thành phố bây giờ mới có cái thú thư giãn câu ôm, lều ôm, chứ đã mấy năm trước tôi lên chơi Suối Hai xem vườn cò ở Ngọc Nhị. Vào trong đồi tre, đồi vầu đến những chỗ rậm cây cò đậu cò bay xào xạc, cũng thấy những túp lều lợp lá cọ lấp ló cao cao. Chòi canh cò hay chòi đuổi dơi, không phải, mà chẳng hỏi chủ vườn cũng biết ngay ở chỗ khuất khuất vắng vắng ấy là cái chòi người ôm người xem cò. Và chủ nhật, thanh niên đi chơi thắng cảnh Sơn Tây, ngủ đêm lại ở Suối Hai, ở Ao Vua đông vui lắm, ở Kim Bôi trên Hoà Bình và cả ngoài đảo Cát Bà xa xôi những đám trai gái thành phố múa hát và ngủ với nhau bên rừng như thế.

Cũng là thú giải trí mới cho người đô thị. đến với cỏ cây sông nước.

Thương những đứa trẻ thành phố bây giờ, con dê lại bảo là con bò, gà trống gà mái tất tật đều là con gà. Quanh năm chúng nó chỉ trông thấy con kiến, con gián, con thạch sùng và con chuột. Và sợ con chuột lắm. Một hôm, có con chuột dưới cổng chui lên phòng trên gác. Cả bố nó cũng hãi chuột. Bố nó đóng cửa buồng rồi ra thuê bác chữa xe đạp ở đầu phố vào đánh. Lũ trẻ ngồi ngoài cửa nghe ngóng, hồi hộp, đến lúc bác ấy xách đuôi con chuột ra, chúng nó ôm mặt không dám nhìn.

Đến chỗ đầm cá, hỏi những cây bạch đàn, cây nhãn, cây xoan, cây hoa hồng bụi, chẳng đứa nào biết là cây gì cả. Chỉ nhớ có cây dừa vì đã trông thấy cây dừa ở tranh truyện Tấm Cám - cô Tấm trèo cau bi. mẹ Cám chặt đổ, thì cây cau cũng lưa thưa cao lêu đêu như cây dừa ở bờ đầm này. Và vườn có đầm câu cá, trẻ con gọi cái đầm là cái hồ vì từ thuở bé chỉ trông thấy cái hồ Tây, cái hồ Gươm mà cũng chỉ thỉnh thoảng mới thấy.

Đi câu, chúng tôi đi cả nhà. Xe máy người nọ đèo người kia. Ông cháu, con cái đến hơn chục mống. Những nơi câu cá có cây và đầm rộng đi cũng xa, cách cầu Chương Dương hay Cầu Giấy có đến hơn hai mươi cây số. Và là nơi câu cá thật. Nhưng tò mò và để ý

cũng thấy thấp thoáng có những lều con con ở đằng cuối khuất trong giàn mướp bụi trâm bầu. Thời buổi lắm chụp giật này, đâu cũng mở «nhà nghỉ», đâu cũng có nhà ngủ, phải nhanh nhẹn lên, một vốn bốn lời, ai mà chịu bỏ. Những cái nhà sàn tre nửa ba gian, chân tre đứng trên mặt nước. Có thể một người mấy người chung cũng được. Chúng tôi thuê cả ba gian nhà thanh thơi, trẻ con câu người lớn đi dạo, nằm khểnh. Tôi thì ngồi uống bia, nhìn sang mấy cái nhà sàn lơ thơ cái kín cái hở ở bờ đầu bên kia. Đông người lắm, cũng cầm hờ cái cần câu ngoài đầu sàn, nhưng không có ai ngồi câu. Trong nhà người ta đương xúm xít sát phạt nhau. Không biết tá lả hay xóc đĩa.

Trẻ con nhà tôi thuê mấy cái cần câu, chủ đầm đến móc mồi rồi ném một nắm thính xuống mặt nước nhử cá. Nhưng có lẽ cá cũng biết khinh trẻ con, cái phao nhấp nháy, giật lên thấy mất mồi. Chỉ có cá mài mài, thồn bơn đến rĩa. Có một ông ngồi câu đằng kia, bên gốc dừa. Ông không thuê lều, không giả vờ chỗ cần câu trên sàn ra. Ông ngồi trong bóng cây, ông có đủ đồ câu mà đồ lè sang trọng về nhà nghề lắm. Xe máy dựng bên. Cái ghế gấp. Cái túi mồi. Chiếc cần câu Nhật nuốt nà vàng xẫm, nhiều đốt không biết đốt trúc thật hay chất dẻo, từng khúc đánh đai vòng kền. Cái cần câu sặc sỡ như cái gậy trẻ con treo bùa túi chỉ ngũ sắc mừng năm

tháng năm tết sâu bọ sắp tới. Nghe nói cái cần câu Nhật này đắt lắm, những hơn một triệu bạc. Ông hút thuốc lá, ngồi chĩnh chệ, ung dung, ông đội mũ vải chốc lại giựt được cá, cá to. Những con trắm cỏ phàm ăn ngoạm mồi rồi lôi miết phao. Mặc dầu chốc nữa ra về, cả cái túi cá câu được nhà chủ đầm đều nhấc đặt lên cân. Bởi vì cá đầm của người ta nuôi. Ông phải trả tiền chỗ cá ông vừa câu được Không sao mất tiền mà được cái vui câu được cá. Tôi cắt nghĩa với lũ trẻ con là ông ấy sát cá. Có người sát cá, có người vô duyên với cá. Ngày trước, ở trong làng, tao đi câu cả buổi may ra mới giựt được con cá rô ranh. Tao không sát cá. Tôi nghĩ loăng quăng, những con cá trắm cỏ ông kia câu được, chúng nó toi mạng cũng vì mê cái cần câu Nhật chẳng. Tôi lại nhớ năm trước nhà thơ Thợ Rèn cũng hay đi câu ở hồ Thiều Quang. Ông nhà thơ ấy hao hao giống ông này, ông nhà thơ trào phúng đội mũ phớt, đeo kính râm, đi giày vải cái quần soóc có bít tất lưng đủ lịch sự che khéo đôi cẳng ông sậy. Ông cầm cái cần câu Tây, cái cần câu Tây mua bên Paris chứ không phải cái cần câu mảnh tre vót nhà quê ta. Tôi không còn nhớ cái cần câu Tây và bút danh ông ấy là công nhân rèn, chẳng biết những con cá trắm cá chép trong hồ có nể ông, có mê cái cần câu hiên ngang, ông Thợ Rèn có câu được nhiều cá, ông có sát cá như cái ông ngồi dưới gốc dừa kia không. Để hôm

nào tôi phải hỏi lại.

Bọn trẻ nhà tôi câu chán rồi đùa chán rồi lăn ra ngủ.

Đã lâu, bữa trưa hôm ấy mới được bữa ăn ngon miệng. Nhà chủ đầm bung lên cái mâm đồng cổ kính. Chai rượu gạo Mễ Trì, đậm giọng và say êm. Mấy món cá rán, canh cá thơm thơm không xệt xệt mùi mỡ ôi của các cửa hàng đặc sản trong thành phố, người đã lợm giọng. Và các khúc cá trong đầm không đầy u lên và nát nhũn như cá chuối, cá trắm nuôi trong bể.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Dung Và Quyền

Phố Hàng Ngang, Hàng Buồm cũng chẳng khác xưa bao nhiêu. Mặt đường, đôi chỗ vẫn cái nắp gang đầy cống ngầm còn đề tên sở thời Pháp. Không kể mấy bảng điện nhấp nháy, cái nhà tầng nông lòng đột ngột chon von lên như những đồ chơi của trẻ con. Chỉ có một cái khác. Xe đạp, xe máy liên liến khin khít đan nối nhau. Ngày xưa thì lòng đường, vỉa hè toàn những chân người đi, chân người ngược xuôi như lồng vào nhau.

Họa sĩ Ngô Thúc Dung vẽ cho báo Hà Nội Tân văn in ở phố Hàng Buồm. Anh Vũ Ngọc Phan bảo tôi : «Anh Dung tốt nghiệp số 1 Đại học Mỹ thuật Đông Dương, anh Nguyễn Đỗ Cung giới thiệu làm cho báo ta đấy». Anh Phan muốn gợi sự chú ý và kính trọng của tôi. Thì ra đồ nhất lại bạn của những Nguyễn Đỗ Cung, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, những mét đỉnh rồi. Nguyễn Đỗ Cung đương chòm cubít lập thể vẽ cái chân người như bấp chuôi và người đi hai vai ngang như cua bò, tôi phục lắm, dầu chẳng hiểu gì cả. Ngô Thúc Dung minh họa báo, vẽ tay người to hơn đầu người. ồ, trường phái ông Cung mà. Nhưng rồi tôi thấy Dung vẽ cái mu bàn tay nào cũng tròn như quả bưởi, lại để ý Dung không

vẽ cho báo nào khác ngoài báo của anh Phan. Về sau quen Dung nhiều hơn, tôi nghĩ : thằng này không biết vẽ, chẳng ai thuê.

Thì tôi thấy Dung cũng hết oai, Dung chỉ vừa vừa như tôi thôi. Vì, giỏi hay dở cũng là may rủi thế nào đây. Như ông Thịnh del chỉ có mỗi báo Tiểu thuyết Thứ Bảy mượn ông vẽ cái mặt nào cũng tréo giống nhau, thế mà ông đỗ đầu Mỹ thuật Đông Dương, ông làm thông phán sở Canh Nông cả ngày cả tháng ngồi truyền thần phóng to con tằm, con nhộng, con bướm, cái kén. Ông Thịnh del chẳng có bức tranh nào, giới vẽ có lẽ chẳng hề biết ông là ai, mà ông có cần gì đâu.

Dung bảo tôi :

- Bát phở một lúc, được không ?

Tôi chẳng có việc gì, để chối là không được. Chúng tôi ở nhà in đi ra và tôi hiểu bát phở là chẳng đi đâu cả, chỉ lê gót hết phở nọ sang phở kia, nhìn nghênh nhìn ngáo rồi nhìn xuống đường thấy chân người chen nhau đi qua đi lại. Người đi xem phở, người đi kiếm ăn, nhiều người quá, chỉ thấy chân, toàn người đi chân đất. Đôi khi, người đàn bà trong làng ra kẻ chợ, có đột dép Kẻ Noi quai ngang và nếu là dân thầy thì có đôi giày vải như chúng tôi. Những người chân đất đi ngoài phố

nhiều, nhớ mãi đến tận bây giờ.

Tôi hỏi Dung :

- Chiều rồi. Phải làm cái gì cho no bụng chứ ?
- Túi tớ cạn cả có thể mới phải đi phố ăn tiệc nhin.
- Nhịn a ?
- Hôm nào có tiền thì lại ăn, ăn bù.
- Thôi được, đi với tớ.

Tôi cũng chẳng đủ tiền mua hai bát cơm úp. Tôi nói mạnh bạo vì tôi nghĩ đến Quyền. Có thể Quyền có. Chúng tôi rẽ về phố Hàng Trống. Sang phố này đã thừa những bàn chân đi. Mấy nhà bán đồ thuê ren sách cũ. Tắt qua cửa đèn vào một góc phố có một gian hàng chỉ bằng sải chân. Những cái chụp đèn bày la liệt như nón úp. ở trong nhà, một thanh niên vạm vỡ sơ mi

trắng cộc tay đương soi gương nắn cái múi cà vạt đen.

- Giới thiệu... Quyền nói to :
- Họa sĩ Dung, quen rồi. Đã vẽ chụp đèn cho nhà này.
- À...

Họ biết nhau, tôi nhẹ hẫng người, nói luôn :

- Dương định đi ăn mà chưa trữ được đủ tiền.
- Có đây, có đây.

Quyền chạy sang cửa hàng bên cạnh xem nhờ đồng hồ.

- Năm rưỡi, đóng cửa được rồi.

Chúng tôi giúp Quyền vác những tấm cánh cửa lắp đóng lên kín gian hàng. Tôi hỏi khế Dung :

- Đã cộng tác với Quyền à ?
- Có một lần, đã lâu. Thăng cha nhớ dai gớm.
- Cái kiốt đăng Hàng Da của cậu mà treo bán những cái chụp đèn này cũng nên lắm.
- Có thể, có thể. Đăng ấy bảo nó cho mượn mấy cái bày thử.

Đã lắp cửa xong, chúng tôi ra chỗ đầu Hàng Giò, xuống dốc Hàng Kèn, tạt sang ngã hồ Thiên công.

Chỗ ấy có mấy hàng cơm, sau lưng trông xuống bãi cỏ lau. Đằng kia là Vân Hồ, nhưng quãng nay lầy lội, phải vòng lên Thử Giao mới có lối xuống. Thành phố

chưa bắt điện đến vùng đây. Trong bụi cỏ lau đen lù lù, ánh đèn ba dây, đèn hoa kỳ lốm đốm to nhỏ như những con đom đóm. Máy quán cơm đầu ghề đón người đi làm bên ga Hàng Cỏ về các đầu Ô Thanh Nhàn, Ô Trung Hiền, đôi khi có những xe chở gỗ dưới Phà Đen lên. ấy vậy mà hàng quán đồ đèn suốt sáng. Bởi vì những con bạc rúc ráy trong bụi lau lần ra ăn đêm.

Chúng tôi cũng đã nhắm mắt ở đây.

Thấp thoáng một cái đầu chó treo dưới mái tranh. Tôi hỏi Quyền :

- Vào làm mấy chén mừng gặp nhau, được không ?

Quyền nói :

- Không. Tớ là sì cút (*). Và tớ thương loài vật, con chó thân thiết với người nhất, tớ không ăn thịt chó.

- Thế thì ăn gì ?

- Cơm, đậu rán, canh cà chua, như mọi khi. Được không ?

Hai thằng không có tiền, thế nào mà chẳng được. Nhoáng một cái xong bữa chẳng có gì để kê cà, chúng tôi bước ra ánh điện loáng thoáng ngoài hè phố. Tôi chẳng hỏi ai, cũng không nghĩ đi đâu tối nay. Đứng cửa

sổ rạp Hiệp Thành nghe cái lương, lượn nhà thổ ngõ Yên Thái cũng chỉ nghĩ và kể ra thế thôi. Không đi đâu thì đi ngủ vậy. Có ba nơi. Về nhà tôi trên Bưởi thì xa mà đã hết tàu điện. Đến cái kiốt của Dung ở chợ Hàng Da thì ôi thôi, khi sáng ra có thể đã gãy đầu gối. Cái kiốt bốn mặt cửa nhưng hẹp quá, đêm phải đổi hai thế nằm. Lúc thì khoanh chân, lúc thì duỗi gác hai chân lên vách. Dung thấp bé người, suốt đêm nằm khoanh hai chân, đêm nào cũng thế. Đến nhà Quyền thì được ngự trên mảnh ván. Rộng rãi, chỉ phải cái không có màn.

Gian bán chụp đèn, đèn bàn, đèn treo trần cũng không phải của Quyền ông chủ. Không biết cửa hàng của ai, chắc của người nhà, Quyền trông hàng, bán hàng ghi sổ. Những khung nan, khung gỗ thợ gò, thợ tiện ở phố Hàng Tiệm đem đến, Quyền dán giấy bồi, lụa hoa, lắp bật điện. Cũng không thấy chủ hàng bao giờ chỉ có mình Quyền, sáng ra xuống bờ hồ rửa mặt, còn ỉa đái chỗ nào thì tùy. áy thế nhưng đã phong lưu nhất hội rồi.

Mưa sầm sập cả đêm như xay thóc. Mưa đêm ở làng, trong bóng tối bốc lên mùi rơm rạ ải, mùi hoa lý thơm ửng. Mưa rào, mưa to ở thành phố, tiếng mưa nghe mỗi tai mỗi khác, cứ như gõ thanh la, lại như liên hồi đập cái thùng sắt tây. Nhưng đã dịu được cơn oi bức ban chiều. Nhờ thế, đỡ muỗi, sáng ra mặt mũi không lấm tẩm màn

đỏ.

Quyền cho Dung xách đi mấy chiếc chụp đèn. Cái kiốt của Dung dựng đứng như chiếc thùng gỗ vuông, trông sang bãi cỏ chợ Hàng Da. Trên bãi, thỉnh thoảng hiệu tạp hóa Tây Lùn ra căng bạt mở xô số cò quay ăn tiền, ăn thưởng áo may ô, lọ nước hoa Con Voi, khăn mùi xoa. Đôi khi gánh Lê Thành Các về làm xiếc. Có cả ban xiếc nước Anh với hai con la thồ đồ, lưng phủ bạt, đến cắm cọc dựng rạp. Cái kiốt vẫn đứng đấy, bốn mặt sơn xanh trổ lỗ cửa vuông, phía nào cũng thông thoáng.

Kiốt bày bán lắm thứ linh kinh. Những ống bút, một thếp giấy mới, gói bột màu. Có khi bày tranh phong cảnh. Cũng có buổi cho bà bán quà sáng để nhờ mẹt khoai lang luộc.

Tôi bảo Dung :

- Treo bảng vẽ truyền thần, có khi ăn tiền hơn.

Dung xua tay :

- Mà y dốt bỏ mẹ. Họa sĩ không vẽ truyền thần.

Nhưng tôi nghĩ cứ như Dung vẽ cái tay to hơn cái đầu thì có khi Dung cũng không biết vẽ truyền thần. Bốn mặt quang vẳng, không biết đồ đạc, quần áo Dung cất

đâu. Chẳng thấy cái hòm, cái bọc chỗ nào.

Dung nói :

- Mày nhà quê cũng có khác. ở Hà Nội bây giờ vẫn mình giống bên Tây. Hết mùa rét thì cái áo dạ gửi nhà cầm đồ Vạn Bảo phố Mới. Giờ đương nắng nóng, chỉ cần nhất bộ, tối đi ngủ thì cởi ra giặt cho tiện.

Tôi đã quen lối nói tiêu lâm chày cối bịa tạc ra cách sống thành phố. Bốn cái chụp đèn Dung để bốn cửa. Hai chụp treo, hai chụp đèn bàn đặt trên mòm hòn gạch nhô cái chóp lên. Đi cả bốn bên đều trông thấy, cũng vui vui mắt.

Một hôm tôi đến chẳng thấy cái chụp đèn nào.

- Bán hết cả rồi à ?

- Mất cắp hết thì có.

- Không gắn được con mắt đằng lưng thành thử cứ trông cửa trước thì nó phỗng đằng sau.

Đến năm kháng chiến, phố xá tản cư đi khắp nơi. Người ta như con kiến khi gặp nhau thế nào đôi bên cũng đụng râu chum lại như chào hỏi, trò chuyện rồi mới lại tăng tã bò đi. Cho nên ai ở đâu rồi cũng được tin, mình không gặp thì thế nào cũng có người gặp, người

biết. Tôi cũng lảng máng biết tin tức bè bạn và người quen, xóm giềng, ai tản cư vùng nào, công tác ở đâu, ai chết bom, ai lại về thành. Nghe nói Quyền đã lấy vợ, vợ chồng đem nhau lên Phú Thọ.

Năm ấy, tôi có việc về Gia Điền. Việc vui và cũng nực cười. Tôi đi dự đám cưới họa sĩ Nguyễn Văn Ty. Anh Ty. ở vùng văn nghệ sĩ tản cư trong khu Bốn. Trường Mỹ thuật của anh Tô Ngọc Vân mở ở Việt Bắc, anh Ty. được mời ra dạy. Ty. cũng đã cứng tuổi. Chị trẻ hơn, gia đình cũng ở Hà Nội tản cư đi. Tiếng đồn thế nào đấy, có thể bên nhà gái nghi ngờ, mà nhà trai nhà gái đều đương trong cảnh xa lạ không biết đâu mà hỏi han dò la được. Tôi được giao việc đại diện cơ quan đi dự đám cưới. Tôi có nhiệm vụ nói thật nhưng nói khéo thế nào để họ nhà gái tin tưởng tôi là bạn anh Ty. từ xưa và anh Ty. chưa có vợ bao giờ.

Mọi việc đều xong xuôi, êm đẹp. Hôm về, tôi không ra theo đường bờ sông. Tôi đi đường trong, qua làng đồi chè, rừng sơn, rừng cọ từ Gia Điền sang Ao Châu. Tôi đã được biết Quyền ở Ao Châu.

Tôi vào xưởng giấy Ao Châu hỏi Quyền. Người ta bảo : ông Quyền thôi việc ở đây rồi. Bác ra ngoài đầm, hỏi ông Quyền Chài thì ai cũng biết - Quyền Chài là thế nào ? Người ta chỉ cười.

Ao Châu, một vùng đầm nước mênh mông như hồ Tây bọc một dãy đồi ở giữa. Tôi được chỉ vào một cái lều lá gồi bên bờ nước. Quyền cởi trần, da bắt nắng đỏ xạm, vắn cao lón và để bộ râu quai nón xồm xoàm đen kịt, chòm mũi đỏ sần sùi nhô lên quen thuộc.

Cái lều một gian một mái, một người đàn bà ra chào tôi. Chị mặc quần thâm, áo trắng nhuộm nâu non, cũng như mọi người tản cư thường gặp ở dọc đường và trong chợ.

Quyền nói to :

- Nhà tôi đây. Chúng tớ nghề chài lưới, nên làng nước gọi là Quyền Chài. Nhờ giờ cũng đủ chén, cứ xuống nước thì có cá đem bán.

Chị ấy đi chợ. Quyền bảo tôi ở nhà chơi, Quyền thả cái thúng đi bắt mấy con cá về nhấm rượu. Tôi bảo cho tôi ra hồ với. Cái thuyền thúng, Quyền ngồi đằng mũi, tay cầm bè chèo lái, bàn tay kia bơi. Tôi thả lưới từng quãng ngắn, Quyền vòng thuyền cầm bè chèo gõ xuống đòn ngang. Tiếng cạch cạch xua cá dồn vào mắt lưới.

Trên thuyền, chúng tôi chuyện.

- Bọn tớ đã lấy nhau từ khi còn ở Hà Nội.

- ờ... ờ...

- Chắc đằng ấy không biết vợ tớ là con nhà thổ ở ngõ Yên Thái. Tớ vớt ra.

Tôi không biết thật. Nhưng cái tình, cái tính khí khái và nghĩa hiệp của Quyền thì tôi không lạ.

- Thế sao lại bỏ làm xưởng giấy ?

Quyền cười nhạt :

- À bọn ngồi bàn giấy trong xưởng chữ nghĩa lỗ mỗ, cũng dân thành phố ra, thế mà chó lại chê mèo lắm lông, chúng nó chửi mình là tiểu tư sản, đội cái mũ sì cút chúng nó cũng bảo là đội cút đế quốc. Lộn ruột, tớ hét vào mặt chúng nó : ông đây học trường kỹ nghệ, công nhân hẳn hoi chứ không như chúng mày đội lốt. Công nhân thì không sợ cái gì hết. Ông đó chúng mày dám bỏ cái xưởng này ra đi tăng gia, hay chỉ là đồ ôm chân bàn đẹo cơm Nhà nước. Ông không thèm, cái mặt chúng mày chỉ bản mặt ông.

Quyền đặt bè chèo vào lòng thuyền, nhắc từng mảng lưới lên. Có con cá rô như hạt bưởi, Quyền lại ném xuống nước.

- Thế là tớ ra đây. Tớ chẳng cần đưa nào đâu.

Lát sau, thu hết lưới, được mấy con chép nhỏ. Quyền cười hê hê : «Đầu đuôi để nấu dấm quả dọc, còn chặt khúc ra nướng uống rượu, hay lắm».

Tôi giễu :

- Cậu là sì cút chửi rượu cơ mà.

- ở đời cũng có lúc cần rượu.

Chốc đã mấy chục năm qua. Rồi tôi cũng không gặp lại Quyền ở Hà Nội. Biết có còn sống, vẫn ở Ao Châu hay lại đi đâu.

Họa sĩ Ngô Thúc Dung thì đôi ba khi còn biết tin.

Các cơ quan mới ra khỏi thành phố lên Việt Bắc đều đóng ở Đại Từ trên Thái Nguyên. Có người cơ quan ở xóm bên cạnh - chỗ cục quân nhu đóng, sang hỏi tìm tôi và nói :

- Chúng tôi có đồng chí họa sĩ Dung...

- A họa sĩ Ngô Thúc Dung ! Tôi có quen... Tôi sẽ sang, tôi sang... Thế ra Dung đã vào bộ đội, lại bộ đội quân nhu... có thể Dung vẽ mẫu áo trấn thủ... Dung cho lính sang tìm tôi... Oách thế, họa sĩ Dung, đồng chí Dung...

Rồi không nhớ tôi bận gì, mấy hôm sau mới sang được xóm có quân nhu ở ? Tôi thấy những nhà kho, những lán ở trống hoác. Vào trong làng hỏi, bà con cũng chỉ biết bộ đội đã đi từ nửa đêm hôm kia. Bộ đội thường đi đến bí mật thế. Rồi sau tôi biết thủ trưởng cơ quan ấy là Trần Dụ Châu đã bi. bắt vì tội hồng hách, tiêu pha tiệc tùng bán giờ không văn tự. Tôi chột dạ hỏi lại nó là thằng Trần Dụ Châu hay thằng Ngô Thúc Dung. Lắm cảm đấm hót hoảng mới ngờ cái tai nghênh ngang chú Châu với Dung thì nhâm với nhau sao được. Nhưng tôi lại nảy ra cái lo khác. Hay là thằng Dung đã lấy bí danh là Trần Dụ Châu. Đi kháng chiến, nhiều người lấy bí danh tên khác, kể cả tôi...

Đến khi hòa bình tôi mới lại được tin về Dung. Có người trông thấy, có người đã gặp Dung ở Hà Nội. Dung không làm họa sĩ nữa. Mà Dung bây giờ bán vé xe điện, Dung nghiện thuốc phiện nặng, thảm hại lắm !

Ôi Dung. Sao mà tôi nhớ thằng Dung cũng như tôi nhớ cái tàu điện, những kỷ niệm xa xưa của tôi đã già lão, sắp vứt đi cả rồi. Cái tàu điện cũng có sự tích lúc trẻ lúc xế bóng chẳng khác con người sinh ra ở thành phố này. Cái tàu điện mới đi từ Bưởi xuống chợ Mơ. Lúc qua Bờ Hồ thì có đường rẽ về Giám vào Hà Đông. Hơn ba mươi năm sau mới đẻ thêm đường ô Đồng Lâm

ở Kim Liên lên ô Yên Phụ. Đường tàu điện đầu tiên ra đời năm 1899 - khi tôi được sinh ra thì tàu điện đã ở tuổi hai mươi, hai mươi tuổi thanh xuân hơn hớn, cái về tàu điện tôi được nghe kể và tôi đã hát suốt thuở tám bé.

*... Thằng Tây ngồi nghĩ cũng sành
Sinh ra tàu điện chạy quanh phố phường
La ga thì ở Thụy Chương...*

Cái ngày khai trương tàu, cưới tàu mới linh đình sao, Tây mở tiệc nhảy đầm ở chỗ đình Thụy bên hồ Tây. Các cụ kể : khánh thành đường tàu điện các làng được một tháng đi tàu không mất tiền vé. Cả vùng Bưởi chúng tôi lên ngồi tàu điện xuống đi chơi Bờ Hồ. Cái câu cuối bài về tàu điện chẳng biết là mĩa mai hay ba lon : Năm xu ngồi ghé đệm bông. Hỏi mình có sướng hay không hả mình ?

Thanh niên thì không thèm lên tàu điện khi tàu đổ, mà chúng tôi rún chân lấy dáng lả lướt nhảy tàu xuống tàu khi tàu đương lượn vào hay đã rời bến.

Thế mà cái tàu điện đã rong ruổi đến tận khi Hà Nội chống Mỹ. Báo động cứ việc, tàu chạy suốt ngày, qua các phố Hàng Than, Quán Thánh, cạnh nhà máy điện - trọng điểm máy bay Mỹ thả bom. Cái tàu vẫn chạy. Chỉ còn người lái tàu, người bán vé tàu và mỗi một người

hát xẩm, không biết sợ là cái gì, cứ ngất ngư trong lòng tàu nghêu ngao cất tiếng hát giữa tiếng bánh xe rít trong đường sắt, tiếng chuông leng keng âm âm và tiếng bom rơi.

Rồi cái tàu điện về già. Cái tàu cái toa được tẩu tán đi rồi mới bóc đến đường sắt. Nó cũng như cái cầu Long Biên, mấy năm đau yếu sau bao nhiêu trận bom đạn, thì đến cái tàu điện rách rưới, tả tơi nhất. Nó ôm cả tinh thần lẫn thể xác. Chẳng ai thiết nó nữa, chẳng ai ngó ngang chữa chạy cho nó nữa, chẳng biết số phận còn bất rật rờ thể này đến khi nao.

Những tiếng leng keng âm âm đã hết hơi, không còn giục giã vui tai như thời xưa. Mà nó rè rè như những con cóc đêm keng kẹc nghiêng răng gọi mưa. Các ông lái tàu thì say bia, say rượu tối ngày. Tay ông cầm cái mở máy bằng đồng đã mòn vát. Tàu đến ngã tư Hàng Khay, Hàng Bài thì đỗ. Chỉ vì những nơi ấy ven hè có quan bia hơi nhà mật. Ông khóa lại số không rồi rút cái trụ đồng xách xuống đứng uống đôi ba vại bia, mặt dần dần đỏ lựng. Có khi đến chợ Mơ, đỗ lâu đợi khách thì cả ông lái, ông bán vé cùng xuống làm chén nước trắng, lại châm điều thuốc缭绕 ngời lơ mơ.

Cái tàu điện lại giống như bà lão đã mờ ra rồi còn làm đóm. Cũng chẳng phải tôi còn nhớ đến Dung đâu. Mà

một hôm tôi chợt nghĩ : «Cái tàu đương ôm thập tử nhất sinh thế kia cũng xuống lỗ đến nơi rồi. Ta đã đi tàu từ thuở bé, thuở trẻ, bây giờ ta đi một chuyến tàu điện đổi già xem sao. Có còn nhảy tàu lên xuống được không nhỉ ?» Chỉ nghĩ chơi đã thấy ngượng. Thân già này mà trở tài điệu nghệ thì chỉ có đưa chân vào bánh tàu mà thôi.

Chấp tối hôm ấy, uống vại bia ở bờ hè Hàng Khay rồi, tôi làm cuộc du lịch lên cái tàu điện ngàn xưa. Người bán vé tàu như đứng sẵn rình tôi, chớp tôi. Người ấy hiện ra trước mặt tôi, giọng khao khao mơ hồ : «Tiền vé ! Tiền vé !».

Trông đích là thằng Dung ! Không thể nhìn nhầm không thể sai được mặc dầu đã khác lạ hẳn. Khuôn mặt chảy xệ, tái xám, môi nhờn bóng, cửa tay áo về vệt đen nhầy. Rõ một con nghiện già. Chẳng ra thằng Dung một mảy nào, nhưng cái sẹo ở thái dương bên trái thì vẫn đỏ tía như đồng xu úp vào, nguyên như thế như người tù khổ sai chung thân thời trước bị. thích chữ lên mặt.

- Dung đây hả ? Có phải Dung không ?

Người ấy ngược đôi mắt đục lờ lờ nhìn tôi rồi lại cất giọng cũng rè rè dùng đục :

- Vé nào ! Tiền vé !

Tôi đưa đồng tiền vé. Lão ta bỏ vào túi áo vét rồi lù rù quay vào, trong khi tôi còn hỏi với... Có phải Dung... có phải...

Biết làm thế nào. Chán đến không còn muốn nhận ra nhau nữa.

(1) Sĩ cut (Scout) : hướng đạo sinh.

Gặp Lại

Tôi có việc đến Phnôm Pênh. Thời kỳ 1962 phức tạp, ở Phnôm Pênh có cả hai tòa đại diện ngoại giao miền bắc và miền nam Việt Nam. Gần Sài Gòn quá, nếu lộ tông tích, e xảy ra bất trắc. Phải làm thế nào, nhờ khi la cà quá xá không ai biết là người ở Hà Nội tới. Bộ đồ mùa thu mới pha len xanh nhạt, túi áo vét cài mảnh khăn trắng nhỏ, bắt chước làm dáng kiểu Siha-nuc, thời đó thịnh hành ở Phnôm Pênh.

Tối ấy, chơi sà n nhảy bè nổi Trăng Sáng trên sông Mê Công. Giữa trời nước, giả vờ thôn dã. ánh điện vụn ra, mờ mờ trắng sương. Từ chỗ này đến chân cầu Chang Va, nhấp nhô, óng ánh những sà n nhảy, những quán ăn trên sóng.

Người ta vừa ăn, vừa nhảy, vừa nằm ngời rủ rủ trong những ngăn buồng vách bên sà n. Tôi ngồi một chỗ, nghe sóng ì ọp dưới chân và ngoài kia sáng trắng- trắng giãi lãn tăn như mắt lưới.

Một cô gái nhảy đến ngồi bên. Mụ Tú Bà, chẳng biết người ta hay người Tàu, mặc áo «xường xám» xanh, bước thon thót như con châu chấu ma. Sai phái con em đến với khách, mụ đã sắp cỡ cả.

- Mời anh...

- Không nhảy nhót gì đâu. Cút đi nhé ?

Nghe mắng yêu và thấy tôi tợp cả ly rượu mạnh không pha đá, cô gái nhảy tỏ vẻ hiểu rồi.

- Em ngồi với anh vậy.

- Cứ đi, lúc nào nhảy mới hẵng lại đây nghỉ chơi.

«Anh đuổi em thật à. Cảm ơn nhé ?» Tiếng cảm ơn chưa dứt người đã đi thoảng ra đằng trước. Nó chỉ mong có thế. Nó đã lĩnh tích kê ghép đôi với tôi, giờ lại được đi tìm khách, nhận tích kê tiền lần nữa. Có lẽ chúng nó bảo nhau hay mụ áo xường xám đã khéo để mắt, một cô khác vẫn đến.

- Cho em ngồi hầu anh.

- Cứ việc.

Một lát, không thấy tôi nói gì, nó bảo :

- Cho em đi nhé ?

- Cứ việc !

- Cảm ơn anh yêu.

Nó đi luôn. Nhà hàng đã tính một xuất, lại được đi tìm khách. Lãi quá. Có đũa vừa ló ra, tôi đã hất tay. Nó cười nhorn, đi ngay. Lại đũa khác.

Chẳng sao, đàn cá mài mài đến rửa mồi. Chắc tôi được tiếng chơi sang nhất hội đêm nay rồi. Cô này khuôn mặt quen như đã gặp ở đâu. Thoáng hiện về như gần mà như xa, dáng dấp một người chết đã lâu. Vong hồn cô Đạm Tiên nào đêm nay theo nhau đến tận chốn sông nước chân mây này. Tôi im lặng. Cô gái mặt trái xoan nhẹ nhõm. Nếu không gặp ở đây không thể tưởng là một cô gái giảng hoa.

- Sao anh cứ nhìn em thết !

- Xin lỗi em.

- Em mới có lỗi. Không biết anh đến, em mặc dơ thế này thì không phải với anh.

- Chẳng sao.

- Anh đưa em về nhà thay đồ rồi em mới dám ra với anh. Anh lái cho em, em ở gần đây thôi.

- Anh mới bên Singapore sang, chưa mua xe.

Tôi đâu biết Singapore chốn nào ! ấy là tôi đã được nghe kinh nghiệm đến Phnôm Pênh tỏ vẻ sành sỏi thì

phải nào Casino núi Bokor dưới Kampot, rồi bãi tắm Kép, rồi nơi ăn chơi «Kép nhỏ» trên sông cách đây vài cây, rồi ông Sihanuc mới thuê từ Pháp về trưng bày cả phòng ba bức tranh của danh họa Buffet. Rồi bản ca khúc mới nhất của ông Sihanuc về Phnôm Pênh, rồi... Bấy giờ Singapore sống hoa lệ, Hồng Kông không bén gót. Nói ở Singapore về, làng chơi thèm rở rãi, mà gái chơi thì lác mắt. Quả nhiên bài thuốc Singapore nghiệm tức thì, cô gái nhìn tôi, mắt đăm đăm, thuần hơn. Ôi chao, sao mà nhớ ai kia, sao mà nhớ.

- Em ở đây ?

- Em mới lên.

- Ở Sài Gòn ?

Cô gái nhảy mỉm cười, cúi xuống, nhắc ly rượu của tôi, uống một ngụm.

- Em theo người ta di cư vào nam. ở ngoài ấy, em đi nhảy các đồn biên thùy, Tiên Yên ra Hà Cối, Đàm Hà... Anh biết Hà Cối chứ ? Đến khi tụi Tây vào Sài Gòn, nó hợp đồng đem chúng em đi. Được ít lâu, Tây rút về nước, cho rơi luôn, thế là bơ vơ.

- Ở Sài Gòn làm ăn còn được.

- Anh chưa biết à ? Dưới Sài Gòn nó cấm các «ba» rồi. Anh cũng người ngoài à ?

- Bao giờ hết loạn mới được về với mẹ cái hĩm.

- Không che được mắt thánh đâu. Anh ở Hà Nội vào.

- Em đẹp lắm. Em giống một người ngày xưa của anh. Cô gái lung linh mắt, cười.

- Hay là người ta đây ?

- Người ta chết rồi.

Nhưng cô gái đã khấn khoản :

- Em có thằng em ở phố Hàng Giày. Hôm nào anh về cho em gửi nó mấy chữ. Đời em gian truân lắm...

Lát sau, tôi về cùng với những ông chủ tiệc đã tha tôi đến đây. Tôi ôm người gái nhảy. Chúng tôi hôn nhau, hôn thật. Nước mắt cô ấy mặn mặn trên môi. Cuộc chia tay phút chốc đâm ra não nùng.

Sài Gòn giải phóng được ít lâu, thành phố vẫn còn ngổn ngang những phân vân, những ngõ ngàng. Ngày trước tôi đã từng qua lại nên không lạ mắt lắm. Có vài dinh cơ và nhà cao tầng mới còn thì đại để vẫn thế. Đường xe lửa điện không còn nhưng những cột đèn cột

điện từ đầu thế kỷ vẫn đứng như những bộ xương người sụn lưng lộm khộm vì bi. chẳng chịt cơ man từng nạm dây điện vắt qua. Còn nhận ra nhà hàng Thanh Thế xưa đầu tiên bán kem Nhật và cái tiệm cơm chay vẫn chật chội thế ở trước ga xe lửa Mỹ, cánh cửa và bàn ghế xám xịt màu nước dưa.

Tôi rồi rồi, thỉnh thoảng ngồi xích lô rong phố. Tôi hỏi người đạp xe :

- Quảng Ngãi vô hả ?

- Chưa biết Quảng Ngãi ở đâu. Nghe bố con kể quê Quảng Ngãi thôi.

- Làm ăn thế nào ?

- Cũng vậy vậy. Bây giờ khó nhiều. Các ông giải phóng không đi xích lô, các ông bảo vì thương người lao động, thế thì chết mẹ con rồi.

Tôi cười ha ha.

Mặc nhiên, cậu xích lô đời bố quê Quảng Ngãi ấy với cái ông Bắc di cư dờm cứ chuyện với lên với xuống thoải mái râm ran cả đường. Tôi hẹn cậu ấy vài hôm lại đến Thanh Đa gọi tôi đi dạo một vài cuốc. Đôi khi, ghé quán làm châu bía 3 con 3 còm. Tôi rửa, nhưng cậu xích

lô không dám vào. Chắc e ngại có thật ông này dân di cư hay thế nào.

ở đường Đồng Khánh, ở chợ Đũi, chợ An Đông, những tiệm nhảy, những nhà hàng đều còn đóng cửa nghe ngóng. Mấy quán bia tạm bợ lấp ló quầng ánh đèn không hắt sáng ra đến vỉa hè.

Quán ấy ở chợ An Đông. Trong tôi có cái chán chường, chán mà vẫn đi, đi chơi kiểu lấp sỏ như thế. Bia chai con hồ, con báo hay con ba ba, lò mồi quá, nhưng mỗi khách vào thì cứ tự nhiên, một cô em đến bên cạnh, nửa đùa nửa thật làm quen.

- Anh cho em uống với.

- «Con hồ» nhé.

- Dạ.

Cô ấy đã bung ra chai bia và ly trà đá. Cung cách thế biết là đi làm quán bia không công, chỉ ăn vào khách. Chốc nữa, những ly trà rồi tính với chủ thành một chai, hai chai, ba chai... Cũng như cái tích kê vào «ba» ở Phnôm Pênh ấy mà.

Ô hay, tôi lại thấy cái cô gái nhảy ở Phnôm Pênh tối năm trước bảo là có cậu em ở phố Hàng Giày. Cô đến

ngồi với tôi. Tôi vẫn nhớ, mà tôi cũng đã quên rồi. Cái khuôn mặt hao hao ai ở tuổi mười tám đôi mươi dường như chỉ tưởng ra thế. Cho được ngậm ngùi thôi.

Hơn mười năm rồi, cô ấy bây giờ ốm hom hem, mặt phẩn nhưng cái cổ để mộc, ngẩng lại, nổi vằn mảy đường gân xanh. Mùi nước hoa, xà phòng thơm không át được hơi thở tanh tanh. Đêm xưa, cái hôn nước mắt trào xuống, chứ không phải người này.

- Anh mới vô ?

- Bên Đa Kao thôi.

- Em cũng ở Đa Kao.

- Người như cua bò biết sao hết.- Rồi tôi hỏi trống không.

- Di cư à ?

Cô gái buông một tiếng nhạt thếch.

- Không.

Chuyện tử tế, lòng bông lảng nhãng. Cô không nhận ra tôi. Khách làng chơi, làm sao nhớ được. Thế cũng nhẹ mình.

Mấy năm sau, đôi ba khi lại vào Sài Gòn. Nhưng không nghĩ đến chợ An Đông. Cũng thường chơi nhởi vậy mà ít đi ăn. Món ăn Bắc ở đây tuy được chuộng nhưng quả Bắc sai vi. Bắc, đậm ngán. Thịt rửa mặn phải có da có mỡ, đằng này là đĩa xương rửa mặn, nước lợ như đường.

Những ngày cuối thu miền bắc hình như cũng làm cho trời đất phương nam dịu đi. Gió hây hây, những đóm lá me vàng rụng lẫn tăn. Mát mẻ đôi chút, hay nghĩ đến thịt chó. Chúng tôi đi quán thịt chó Huế ở Lãng Ông- có người mách quán ấy cũng như quán bà cô đầu già ở hẻm đường xe lửa gần chợ Dũi, những nơi còn ăn được. Nhưng thịt chó Ba La, Phủ Lỗ chứ, sao lại

Huế ? Chậc, thì cứ đi xem nào.

Chữ «Thịt chó Huế» sơn vào mảnh tôn treo bên gốc cây me cổ thụ, trước cái lều vách tôn, mái tôn, lá me rụng xuống đã bao nhiêu năm, dày kệp, mục đen như những mái rạ thời nào ở các làng miền bắc. Cơ chừng mà rúc vào cái hang cái hốc này chén món cầu nhục có khi lại hay.

Nhưng những cái trước mắt đã làm cho chúng tôi ù dần. Hai chiếc bàn trống hốc. Bếp núc đằng sau vách, thấy làn khói than được lên xanh len lét. Dưới gầm tấm

ván bên, có đến ba bốn nhóc lắm lụi chui ra. Không biết chúng rúc vào ngạch hay ngủ trong ấy. Toàn con gái, ba đứa, bốn đứa, đứa nào cũng tóc xoăn xù, có đứa da đen nhẻm. Chưa hết, đằng sau nhà, tiếng búa, tiếng dao lạch xạch chặt củi, đụng vào vách tôn, kêu kênh kênh. Có tiếng người đàn bà đương rít lên, rửa : «Chúng bay chết đi ! Chết hết đi !».

Biết có khách, bật im. Một người đàn bà bước ra, tay còn cầm cái roi lò ô. Chao ôi, lại người ấy, vẫn người ấy. Đời người ta, nhiều sự đã qua không nghĩ đến thì nó cứ trở lại như những ám ảnh không dứt ra được. Nàng đã tã lẩm, lão lẩm, không còn chút nào hao hao giống ai, mặt trề xuống, má hõm lõm lõm, mớ tóc phi dê lơ phờ.

Người đàn bà đơn đả :

- Chào các ông, mời các ông.
- Đã bán mở hàng chưa ?
- Vắng hả ? Hôm này rằm. Chỉ có khách tri âm, tri kỷ, khách nghiền mới đến thôi.
- À...
- Thệt chó Huế có gì hay nào ?

- Hay lắm. Các nơi khác thì chỉ bảy món, ở đây mười bốn món à, thứ thiệt. Chính gốc chứ không phải giả cây như các ông bắc leo cây đậu. Các ông ngồi, mời...

Câu nói dài dòng tưởng không thể chấp nổi kịp về con người, cuộc đời với giọng kể lể. Có thể coi như câu chuyện làm quà, để đưa đây, để bán hàng, để lấy cái kiếm sống, biết thế nào. Lúc thì bảo là ở Hà Nội, lúc thì di cư, lúc thì quê đâu đâu, cái mà tôi trông thấy từ năm là gái nhảy ở sòng bè Trăng Sáng bên Nam Vang, rồi cô bia ôm chợ An Đông, rồi bao nhiêu năm sau, lăn lóc đến quán thịt chó Huế mười bốn món này. Trước mặt đây, một lũ lũ con gái, đứa da nhò, đứa đen bóng, lêu đêu, tóc xoắn tít. Đằng sau con người ấy, còn gì nữa ?

Chỉ một thoáng đã lần lượt bày biện các thức ra đủ. Thế mà khoái mắt, người xơi thịt cày thích ăn uống trật tự, quy củ món trước món sau. Lũ trẻ con lóc nhóc ấy mà được việc. Bụng bê từng món, hơn cả món chó Hà Nội bây giờ xô bồ, khách vừa gọi đã lia ra cả thực đơn, chưa có đĩa bún, đã ngót mất bát rửa mặn, đúng rửa mặn. Mỡ và bì tiết ra một thứ nước sền sệt màu mặn chín quánh như mỡ. Bát sáo bốc mùi xương hầm, không ngọt lợ nước dừa. Đích thì. tay nghề thịt chó Cầu Đor Hà Đông. Chứ kiểu cách nơi khác làm thế nào được. Sáo này thế là xài tốt, vậy cũng chưa vắng người

thiện nghệ, người sành. Cái ngày rằm chén thịt nặng thì xúi quẩy, thế mà vẫn có khách tới ngồi bàn bên. Hai ba con chó dợ trờ lợc đợc gặm xương dưới gầm nhà, gầm phản. Lũ trẻ con - mấy đứa bé nhất đã ngồi lên ván từ lúc nào, trỏ mắt hau háu nhìn sang khách như thèm ăn, như xem vô tuyến, còn hai nhóc đứng trực cửa bếp, chuyển món vào. Lúc đã bung đến bát sáo và đĩa bún, thế là xong, mấy mẹ con cùng bước ra.

Tôi bảo :

- Ngồi uống vui với bọn này. Chẳng mấy khi...

Chị ngồi vào ngay. Tôi hỏi :

- Uống tôi chứ ?

Vẫn nhớ đêm ở sàn nhảy trên sông Mê Công cô đã uống chung với tôi ly «uých ky xếch». Cái hôn nóng nhày nhụa. Tôi cảm tưởng môi cô ấy thế. Nhưng mà môi nào chứ không thể cái môi trẻ của mụ gà rù rúm rỏ này. Sàn nhảy bóng nhoáng khác cái cũi chó, cho nên nhớ mà như không, tội thế.

Tôi nói :

- Thịt chó này được.

- Ba tôi truyền nghề đó.

- Rửa mặt kiểu bắc.

- ông làm như quê ông cái gì cũng nhất. Còn khuya ! Hai con mắt mu bào húp híp chăm chăm nhìn tôi.

Cái tôi hôm ở Singapore về, «pôxét» cái «mùi xoa» trắng mốt mới, nhớ không ? So với bây giờ thì người ấy đã tã đã gà rù lăm, gà rù lăm rồi, không nhất nữa đâu, đừng có vênh. Tôi lặng người như nghe ai chửi rửa ở đâu. Làm vẻ quên đi, quên rồi, nhưng mà cái câu rủa rói «gà toi, gà rù, gà tã» mà tôi vừa thầm nghĩ về nó, bây giờ nó quăng đập cả vào mặt tôi, tím mặt tôi. Không còn «như con bướm lượn vành mà chơi» đâu nhé, tôi ơi là tôi ơi. ấy con người có thói thường ít tự biết.

Một chiếc xích lô lọc cọc nhô vào đỗ dưới gốc me ngoài cửa. Thành linh thẳng bé xích lô quê Quảng Ngãi nhô vào. Nó nhìn tôi, nó reo lên :

- Chào bác, bác đến...

Một ông bạn cầm chén, hướng vào tôi :

- Nhận con, mày nhận con mày đi. Cái thằng này bạc như vôi. Ngủ với người ta rồi quên. Hề, hề, hề... Mày đã nghe hết mẹ mày xỉ vả ba mày về cái tội lòng thông. Đích đáng, đích đáng. Mời các ông, mời bà, mày nữa, một chén tái hồi Kim Trọng nào.

Thằng bé xích lô ngẩn mặt nghe giọng ông say lè nhè. Tôi thấy nước mắt người đàn bà lã chã. Bỗng nghe văng vẳng cái câu năm xưa : «Đời em gian truân lắm» như vừa nói vừa khóc. Tôi tưởng là quả thật tôi đã có ăn nằm với người ta. Chén rượu Hóc Môn hẫ hoi mà sao vị. nó cài cài không đậm như mọi khi.

10-1995

Gia Truyền, Cổ Truyền, Đặc Sản

Tôi 19-4, khi mới trở về Hà Nội, tôi hay la cà đi tìm lại người quen và vài người bạn cùng lứa tuổi. Tôi đến nhà người bạn ở cuối phố gần chợ Đuối. Cùng đi với Nguyên Hồng. Tới cửa, Nguyên Hồng nhìn vào rồi hỏi tôi :

- Mà quen thằng bồi tiêm này ở tiệm hút nào đây ?

Tôi cười : «Bạn cũ thôi. Không phải nó nghiện đâu» Nguyên Hồng không vào, anh sang ngồi chờ tôi ở quán nước chè tươi bờ hè bên kia. Tôi bảo nó không nghiện cũng như Nguyên Hồng đoán nó nghiện, cũng là trông mặt bắt hình dong, bởi vì trước kia thằng này cũng gây quất queo, nước da mai mái như thằng bồi tiêm chuyên hút sái thuốc của khách bỏ lại.

Tôi quen nó từ khi tôi còn ở làng. Nó là con một bác làm đề lại trong phủ lý. Bố làm «lại» là thầy cò, dặt mối kiện cáo. Nó thì làm «nho», chuyên luẩn quẩn quanh công đường, hóng người có việc vào cửa quan viết đơn thuê, ngày cũng kiếm được dăm ba hào. Tôi không biết nó lúc làm «nho» cửa phủ, mà đến khi nó làm thơ và biết tôi có viết văn viết báo, nó tìm tôi làm quen. Ngẩng lên trước nhà, thấy treo cái bảng : «Vân Vân Tử xem

tướng tay phương pháp Ấn Độ. 5 đồng một quẻ».

Bên dưới có cái bảng nửa sơn hàng chữ : Lớp dạy làm thơ. Có nhiều thi sĩ danh tiếng đến giảng. Cam đoan ba tháng làm được thơ đăng báo. 15 đồng một khoá (đóng tiền trước)

Nó nhớ ra tôi ngay. Tôi hỏi đùa :

- Xem bói và dạy làm thơ việc nào kiếm được hơn ?

Biết tẩy nhau từ thời trứng nước rồi, chúng tôi trò chuyện hể hả. Nó nói :

- Việc nào cũng cần thiết. Ấy thế mà nghề bói lại ra tiền hơn nghề thơ.

Nó cho tôi biết ở trong Hà Nội nó làm thơ, ký là thi sĩ Tiên ông, năm ngoái mới in tập thơ Đại Dương Kinh hay «kênh», tôi không hiểu nghĩa là gì. Tháng sau, tôi lại đi qua phố ấy. Thấy ngoài cửa đã bỏ cái bảng dạy làm thơ. Cái bảng «Xem tướng tay» vẫn nguyên thế với tên của thầy tướng Vân Vân Tử, nhưng sơn đổi một dòng : Xem tướng tay phương pháp học được ở bên nước Tích Lan Tây Trúc...

Tôi bước vào. Người tiếp tôi không phải là nó mà là cái ông to béo, lần trước đến tôi đã gặp. Ông là người

thuê cái buồng liền với nhà ngoài. Ông to béo nói :

- Sừ ấy đi rồi.

Rồi kể : ông ấy xuống Hải Phòng đi tàu há mồm vào Nam. Tôi hỏi ngra đùa nửa thực :

- Ông dọn ra nhà ngoài theo đuổi nghề Vân Vân Tử ? Ông to béo cũng cười, nhưng cãi :

- Sừ ấy học nghề tôi thì có.

Làm thế nào biết được ai học ai. Có lẽ đoán được vẻ mặt dửng dưng của tôi, lão nói :

- Cho biết tài nhé. Sừ đưa tay đây moa xem. Tay phải.

Tôi ngửa bàn tay phải cho lão ngắm nghía. Rồi lão thông thả phán từng câu :

- Có tướng lên xe xuống ngựa đây. Nhưng là có tiếng hơn là có tiền. Mười năm nữa có cái hạn to. Biết trước thế này thì có thể tránh được.

Tôi trả tiền ông. Ông không lấy, và nói : «Xin nhờ sừ quảng cáo hộ mấy chữ lên báo».

Tôi băn khoăn không biết anh bạn tôi hay lão này là Vân Vân Tử, nhưng khi ra về tôi cũng quên ngay.

Bây giờ làm nhà làm ăn cũng mưu mẹo một cách ác ôn thế này. Chủ nhà ngoài hay nhà hàng xóm đi Nam nếu trước đây làm ăn khá thì chủ nhà trong ra ở, hay nhà hàng xóm sang trưng bảng tên cửa hiệu và buôn bán y chang nhà ấy. Hàng bánh giò trước công công ty nhà Đờ Măng ở gần Cửa Nam không còn. Nhưng một hàng nước cũng ở chỗ góc bàng ấy gắn cái bảng : ở đây bán bánh giò Đờ Măng. Dưới Hải Dương có một hiệu bánh đậu xanh ngon ở Hà Nội có một hàng bánh cốm có tiếng. Bây giờ cả trong phố và ngoài bến xe Hải Dương vô khối nhà làm và bán bánh đậu xanh, và hai bên dốc hàng Than ở đây mọc ra hàng chục hàng bánh cốm tên hiệu ghé gắm chữ Ninh bánh cốm) hoặc ở Hải Dương thì vẽ con rồng vàng bánh đậu xanh) có ghi chú đầy đủ... gia truyền năm đời... cổ truyền ba đời...

Sự lập lòe gia truyền này có gốc gác ra đời từ thời tôi gặp thầy tướng Vân Vân Tử kiêm thi sĩ Tiên ông và lão béo nhà trong ra nổi nghiệp xem bói khi Vân Vân Tử đi Nam.

Những sự lừa bịp ấy vào thời buổi này vẫn thời sự lại còn múa may biến hoá khôn lường. Lâu lâu tôi mới lại đi qua cái phố ấy gần chợ Đuối. Trông thấy ở cửa nhà ông bạn cũ của tôi treo cái bảng to dài ngang gian nhà sơn chữ đỏ : Phở Tôn Nam Định gia truyền. Kính

mời quý khách. Tôi đã biết phở gia truyền chỉ là các người bán phở gánh hay làm thuê chứ phở gốc là «nguru nhục phân» (thịt bò, bánh) của người Trung Quốc đem sang. Khi tôi còn nhỏ, gánh phở lên đến chợ Bưởi còn là «phở tân thời» cho nên làm gì có gia truyền, có năm đời phở. Tôi cũng tò mò vào xem cái ông coi tướng tay đã đổi nghề mở hiệu phở. Nhưng anh chủ hiệu còn trẻ lễ phép nói :

- Thưa ông, bố cháu về quê rồi.

Tôi không hỏi lại anh ấy, về quê là về quê hay ông ấy đã chết. Tôi hỏi thân mật :

- Ngày trước ông cụ nhà cậu xem bói tướng tay cơ mà, đã bói cho tớ, gia truyền gì cái phở... Anh trẻ tuổi cười ha ha, tay giờ lên, rồi xòe ngón tay ra như đương to tiếng tranh luận :

- Ông có biết hiệu chả cá Lã Vọng không ? Chả cá là món riêng của nhà người ta để ăn chơi. Nhiều người khen ngon, rồi mới ra cửa hiệu. Sách đã nói thế, ông biết không ? Phở nhà cháu cũng như chả cá Lã Vọng, còn bằng mấy chả cá Lã Vọng. Đời các cụ nhà cháu làm phở, để trong nhà thưởng thức vào dịp tết nhất Bây giờ đến thời cơ bung ra thì con cái phải mở mang giới thiệu cho trong nước ngoài nước biết món đặc sản dân

tộc của gia đình. Khách Tây vào hàng tôi đông lắm, ông biết không ? Ý nghĩa khoa học quan trọng cả đấy, có phải không nào ?

Anh nói luyên thoắng, thao thao, đেম những câu bình, những câu hỏi : có biết không, có phải không, có đúng không, đúng chứ, đúng không nào... làm cho tôi chỉ ngồi nghe mà cũng gật gưỡng, mệt mỏi xiêu xiêu ngổ như anh ta nói có lý, nói phải cũng nên. Biết không ? Biết không ? Anh mời tôi ăn một bát phở bò tái mỡ - không làm tái nạm, anh bảo «Nạm là cái gân chứ cái quái gì, chỉ bịp nhau cả» rồi bung ra bát phở đầy ú ụ Cũng như mọi hàng phở đều làm bán phở thay cơm «cơm phở», chứ bây giờ không còn là quà phở nhẹ nhàng, thanh cảnh nữa. Ăn xong, tôi hỏi, anh bảo xin ông năm đồng và tôi trả tiền, anh cầm tự nhiên.

Ở Hà Nội, cái năm tôi mới khoảng lên mười, ngoài phố thỉnh thoảng mới gặp một hàng phở gánh. Ở các chợ Mơ, chợ Bưởi ngoài ô còn lạ lờ gọi phở là quà tân thời. Và chỉ có phở gánh, chưa đâu có hiệu phở. Thằng phở Tôn gia truyền, cổ truyền Nam Định này chắc chắn chỉ từ cái nghề xem tướng tay học lỏm của bố nó mà ra. May quá, không thấy nó lại treo cái bảng gia truyền nghề dạy làm thơ. Tôi thậm nói lờm lờ thôi chứ từ thời thằng bố nó đã vớt cái bảng dạy làm thơ của thi sĩ Tiên

ông đi rồi. Vả chẳng, kể cả cái thời Tiên ông quảng cáo trên báo về cái lớp dạy làm thơ cũng chẳng có ma nào đến ghi tên học. Nghề thơ văn của chúng tôi, tiếng tăm chẳng đi đến đâu, cái miếng thì cũng không ra gì, ai dây vào cho rách việc.

Bây giờ nói về hai chữ «đặc sản» cứ thấy viết, thấy sơn nhan nhản ở các nhà hàng và đăng trên báo. Tôi hãy kể về Hà Nội ngày trước đã, để soi cái gương sáng gương mờ với bây giờ xem sao. Tất nhiên, thuở ấy, Hà Nội bé tẻo teo với dân số đôi ba vạn người, chẳng nhiều hàng quán như bây giờ, nhưng cũng có những nơi ăn uống quen thuộc, phân minh như thịt chó Hàng Đồng, Hàng Lược, chim quay đầu Hàng Gai, nem Sài Gòn và tái lãn Hàng Quạt, ở đình Hàng Vải Thâm, các cao lâu Tàu ở Hàng Buồm... Những nơi ấy được tiếng vì có món ăn hấp dẫn, đây là cái tiếng tự nhiên, có khéo có ngon thì khách mới đồn rủ nhau đến nhưng không có nhà hàng nào ngô nghê vỗ ngực tự xưng là quán «đặc sản», vẽ vờ quảng cáo một tác đến giờ khoe loạn lên như bây giờ.

Những cái trò vè này cũng có nguồn gốc cả, cứ như tôi mất thấy tai nghe thì dường như nó cũng lại được đề đái nảy nở từ cái thời ông thầy tướng thầy bói Vân Vân Tử và thi sĩ Tiên ông bạn tôi có tập thơ Đại Dương

Kính mà ra.

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Giấc Mơng Ông Thọ Dìu

Chuyện đoạn này chưa phải là chuyện giấc mơng.

Cách đây hơn bốn mươi năm. lần ấy tôi đi công tác ở Campuchia. Tối nào các vi. chủ cũng đưa khách ra nhà hàng, chè chén xong kéo nhau xuống sàn nhảy trên cái bè nổi bên sông Mêkông. Chẳng phải vì các ông chủ muốn làm đẹp lòng khách mà bởi lẽ khách ba chủ nhà bốn, có một khách thì cả mười ông chủ mới mượn có chè chén tiền chùa.

Đêm nào cũng dập dềnh trên mặt nước. Một cô gái nhảy đến ngồi vào bàn tôi. Cô mời :

- Anh ra đi với em vài pa.

Những cô gái nhảy đều là người Bắc dưới Sài Gòn lên. Ở dưới đó các sàn nhảy bi. đóng cửa. Gái già Trần Lệ Xuân nhảy đã tả tơi cả người rồi lại hô hào chấn hưng phong tục, xúi lão Diệm cấm nhảy, thế là các ả này phải dạt lên đây kiếm cơm.

Cô gái cười cười :

- Sàn đây rung lắm, em đưa anh mấy bước mới quen được. Anh biết nhảy chứ ?

Một lần ở Leningrat, một cô gái Nga đã dạy tôi : chỉ cần cần bước không dẫm vào chân người ta thế là biết nhảy. Tôi bảo ả gái nhảy :

- Biết chứ không dẫm chân người khác... ả mời tôi ra sàn, thì thảo :

- Không dẫm chân em đừng thúc đầu gối lên bẹn em, thế là nhảy giỏi rồi.

Rồi sau tôi có cảm tưởng tôi biết nhảy, nhảy kèn là đằng khác. Nhưng cũng chỉ đến Trung Á, đến Mông Cổ, đôi khi đã lằng lằng mới dám ti toe. Có Platon người Nga đi dịch cho tôi, Platon uốn lượn dẻo như múa. Platon bằng tuổi tôi, tôi bảo Platon :

- Ở Việt Nam người ta thường hỏi tuổi để đoán người. May với tao tuổi khỉ, chân tay vồn nhẹ nhàng nhỉ con khỉ.

Thế là tôi chẳng cần biết bài gì điệu gì, kèn trống đàn sáo ra sao, tôi nhảy theo miếng võ không dẫm chân người ta, không thúc lên bẹn người ta !

Ô hay, chứ sao, thế giới đã chẳng có nhạc sĩ nổi danh chỉ hát cho người khác ghi nhạc và chú thần đồng Trần Đăng Khoa thì đã viết ra thơ từ khi chú chưa biết làm thơ đấy sao !

* * *

Câu chuyện đến đây thì tôi đã như mê ngủ, tôi nằm chiêm bao.

Thời buổi này có những chuyện chẳng đâu vào đâu mà ngon ăn. Đọc báo Công an Sài Gòn, thấy ông phóng viên gọi cái tên thợ diu thật là hay, sáng tạo cực kỳ. Thợ diu là cái trò dạy nhảy đầm, gọi là ông diu dặt thì lại nghiêm mà không hẳn đúng việc, chỉ dùng một chữ diu thì vừa, lại lắm nghĩa đen nghĩa mờ. (Dạ đánh quần vợt cũng là nghề đương đất khách, giúp cho người ta bớt mỡ, nhưng tên gọi nghề này chưa có chữ hay như thợ diu). Tôi đương đi thơ thẩn quanh hồ Thiền Quang, lấp lánh nhà hàng, tiệm nhảy một góc sáng đèn, trung cái bảng to tướng có chữ Ha le cờ-lốp. Trời, con cháu mình sống trong đất nước độc lập mới hơn nửa thế kỷ mà đã nhăng ca sự tích những nông nổi đau khổ. Cái thằng thực dân đốc lý Halais ngày trước ngồi lên đầu ông bà ta ở thành phố này đã bi. xóa đi đã lâu lắm rồi, lại ở Sài Gòn : ở Đà Lạt bây giờ mọc ra những tên nhà hàng Tonkin (Bắc Kỳ), Indochine (Đông Dương, Đông Pháp) - những cái tên tủ nhục thời mất nước. Thôi, nhớ những chuyện này thì buồn, mà tôi thì hình như đang muốn vui. Cái cảm tưởng tôi đương có thể là, tôi vẫn là thợ diu : tôi vừa trông thấy ánh đèn lóng lánh ông thợ

dìu ngày xưa lại trở về ám ảnh tôi, lạ không. Phải, tôi đã từng nhảy, tôi biết nhảy.

Tôi bước vào ánh điện xanh đỏ rồi mắt. Trong ấy người đông như nê-m-côi. Con mắt «nghề nghiệp» của tôi cũng phải thất kinh. Thế kia thì giẫm vào chân người cặp đôi, giẫm cả vào chân người xung quanh nữa.

Một cô gái váy hồng, môi tím bước ra.

- Bố ơi ! Bố đi tìm cậu cả nhà bố hả ?

Tôi gật gù về chịu chơi :

- Tao thợ dìu đấy chứ.

Cô gái liền thoáng :

- Thế thì thôi, chín giờ sáng mai bố đến với các ông các bà tập dìu nhau. Bây giờ chỉ có chơi thôi. Bố trông người ta nhảy có loạn hơn thời các bố không ?

Tôi ngồi vào cái bàn trống góc ngoài.

- Bố uống gì ?

Chắc là ả này vừa làm «hối thêng» vừa quản gia.

- Cho tao cốc Fanta.

Ả nói năng một cách lễ phép ỡm ờ, đã khiến tôi hoá ra ngay là cụ chuột nhắt mà nó là con mèo cái, con mèo vờn lão chuột nhắt lử là gần chết. Lại còn nói :

- Bỏ vào ôn lại vài pa xem thế nào.

Thế là ả xóc ngay tôi đứng lên. Quả là dữ tợn quá. Cả một sàn người cứ hò hét thụi nhau, đập nhau, vật nhau chẳng thấy nhảy nhót gì cả. Tôi hắt hơi, nghẹn cổ, ngạt thở. Ả lại lôi tôi ra từ lúc nào. Tôi cố mím môi cười :

- Tao sắp chết đây, biết không.

- Em phải nắm vai bố mới kéo bố ra được đấy, chứ bố mà ngã xuống, chúng nó xéo lên thì bố chết thật. Bây giờ bố chuồn thôi.

Rồi ả nói lem lém :

- Để em tính tiền đã. 50 ngàn đồng công em làm thợ dìu. 20 ngàn cốc Fanta (mà tôi chưa uống ngụm nào). Cốc bố bao em là cốc nước lã, em không tính em biếu bố. Cả thảy bảy mươi ngàn đồng.

- Tao dìu mày đấy chứ ?

- Thôi thôi, trong túi bố có bao nhiêu thì bỏ ra. Đương vội đây.

Tôi vừa giờ ra tờ hai mươi ngàn đồng, ả giựt lấy lờm một cái rồi quay phắt vào.

Tôi ngược mắt. Tôi bỗng lại thấy tôi đương lững thững ngoài bờ hồ. Từ lúc ấy, tôi nghĩ mãi mà không nhớ đã có khi nào tôi đi tìm ông thợ dìu, có phải không?

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Hoa Bìm Biễn

Ông Thái sắp vào Sài Gòn. Những năm mới nghỉ hưu, ông Thái cũng hay đi. Khi Hải Phòng, khi Nam Định. Hồi ấy các quốc doanh, các loại hợp tác xã mở tới tấp người ta cần đến nghề kế toán, tài vụ của ông. Tay nghề đã ngồi xó của ông Thái đâm ra còn dùng được. Lắm nơi sổ sách chồng chất, vài ba tháng lại tìm nhờ ông. Nào quyết toán, nào dự chi, những con số ma.

Ông Thái cũng chưa được vào Nam lần nào, từ khi thống nhất. Ông Thái chưa trông tận mắt cái máy bay bao giờ.

Nhưng làm như đã quen, rất thường. Ông Thái nói : «Trong Nam người ta thoáng lắm. Máy bay hay tàu hỏa thì ăn nhắm vào đâu !».

Ông Thái nói hách thế, nhưng cũng không gọi ai tò mò. Ông Thái nói, ông Thái đi đâu cũng chẳng khác ông ngồi ở cái cửa sổ tầng bốn, cả ngày đăm đăm ngắm ra.

Ông Thái đi Sài Gòn. Viết thế này, còn có thể đọc được, nhưng ngồi nghe ông kể, chắc chẳng ai tin. Một hôm, ông Thái nhận ra ngay thư của người con gái bốn mươi lăm năm trước, tên là Vân.

«Kính gửi ông Thới... Tôi có một người bạn thân kể là ngày xưa quen ông. Bạn tôi có ý tìm ông từ khi mới giải phóng, có nhiều người kháng chiến về Sài Gòn. Nhưng không biết hỏi ai. Rồi cũng lại ngại, bởi vì đã bao nhiêu nước chảy qua cầu, cây đa bến cũ chẳng còn như xưa. ếã quên đi, nhưng rồi lại mong. Vậy cận trạng ông ra sao, gia đình khang an thế nào...».

Chữ ký loằng ngoằng cuối thư. Đàn bà là chúa hay vô ý. Ngày ấy, chỉ Vân gọi mình là Thới. «Muốn lấy vợ Nam Kỳ phải kêu là Thới. Thái, Thái nghe kỳ muốn chết». Thì còn «người bạn thân» nào nữa. Hay là sợ quên nhau, nhắc khéo. Ôi chao !

Ông Thái trả lời, đề thẳng kính gửi bà Huỳnh Thi. Vân. Rồi nhận được một thư dài, giấy xanh, khổ giấy như trước kia. Trong thư, Vân nói mừng lắm, mừng anh vẫn nhớ chữ em. Ông Thái buồn cười vì cô ấy vờ như đánh tam cúc lại đề hớ bài cho người ta xem.

Rồi thư từ qua lại, hai người kể hoàn cảnh của nhau. Bà Vân lấy chồng người Ấn Độ, có cửa hiệu tơ lụa. Sau khi Tây thua ở éiện Biên Phủ, vợ chồng rời Sài Gòn, nhưng không về Bombay, mà sang Mỹ. Bốn đứa con đều có chồng, có vợ, ở riêng cả. Chồng bà mất đã lâu.

Bà Vân gửi ảnh cho ông Thái và bảo ông cho bà một cái mới chụp. Ông Thái đã không thể nhận ra bà nếu không có dòng chữ đề tặng. Trong hình, một bà già tóc cúp ngắn chấm tai - một của các bà đứng tuổi ở châu Âu bây giờ. Ờ, mình bảy mươi ba thì Vân bảy mươi một rồi. «Em phải uống thuốc tiêu mỡ. Tụt cân nhiều đấy. Nay còn 92». Cái cô Vân học trò trường bà sơ Bồ Câu Trắng ở Sài Gòn, ngày xưa mảnh mai như liễu, tở nhắc bông lên được cơ mà.

Cụ Thái lặng lẽ đốt cái ảnh. Cụ cũng không gửi ảnh của cụ. Không phải vì cụ bà hay con cháu tọc mạch. Mà cái ảnh bà Vân kia lạnh ngắt, chẳng một nét nào bận đến cụ.

Một ngày kia, ông Thái nhận được một lá thư rất hay của bà Vân. Thế nào mà cái ông lão hàng ngày ngồi rù rù, người trong nhà đã quen mắt, như nhìn chỗ để xe đạp, cái ghế, cái tủ thuốc. Nhưng ông lão tự thấy khác. Ông thấy ông vẫn sống, mà sống có lửa, ngọn lửa tình đương bốc trong ông. Thư bà Vân hẹn ông tháng ấy ngày ấy ông vào Sài Gòn gặp bà. Cái hẹn còn xa, nhưng đích xác là ngày tháng thế.

Và tám ngàn phiếu bà Vân gửi cũng khiến ông nghĩ. Số tiền đủ mua một vé máy bay khứ hồi. Bà ấy gửi vừa khảm. Thế này là thế nào ? Thế nào nữa, bà ấy tặng

mình tiền tàu xe. Ta là cán bộ, theo kháng chiến cả đời đến tóc rụng, răng rụng rồi, chứ mình đâu phải người nhà người ta ngồi hóng của.

Đánh giá nhau hay lắm, phải lắm. Nhưng ông Thái cũng không nghĩ thế được lâu. Giá bà ấy cứ gửi nhiều nhiều một chút cũng hay... Không được, thế là coi nhau chẳng ra gì. Bà ấy trọng mình, phải trọng mình chứ.

Chuyện ông đi kháng chiến kể ra cũng vừa bình thường, lại cũng khúc khuỷu như mối tình này. Nếu ngày ấy quân Nhật không chiếm Đông Dương, tàu hỏa vẫn thông thương bắc nam, có khi ông đã lấy bà ấy rồi cũng nên. Nói «có khi», bởi hai người chỉ là trai gái lứa tuổi không dung gặp nhau. Vân ở Sa Đéc, nhà gửi lên Sài Gòn học. Thái làm công nhật cho một hiệu thuốc hoa liễu với các thứ cao đan hoàn tán ở Hà Nội chuyên đi quảng cáo và tính sổ cho đại lý các tỉnh.

Khi bắt đầu kháng chiến, ông Thái đương làm kế toán cho một hãng bảo hiểm nhân thọ ở Hải Phòng. Ông có việc lên Hà Nội. Đêm ấy nổ súng. Thế là nghẽn lại. Vợ ông và đứa con trai bi. kẹt dưới Hải Phòng. Ông theo người ta tản cư ra vùng tự do, rồi vào làm cơ quan, vẫn nghề kế toán. Đến tuổi, ông về hưu. Thằng con đỗ kỹ sư đã đi làm. Nó hay nói đùa láo lếu như nhiều người bây giờ : «Giá ngày ấy bố bi. Tây bắt đi tù ít lâu, có phải đã

làm quan to, lương hưu khá hơn không». Ông không thềm nói lại. Bây giờ và trước kia khác nhau lắm. Khác nhau cả cách nhìn cái ghế. Mà ông thì già rồi. Cháu ông mua về bốn chiếc ghế đẩu. Ông nhận ngay ra là gỗ nhội, đồ dỏm. Đạo cơ quan tránh máy bay Mỹ sơ tán về Bùng, ông thấy người làng đi vác về những cây nhội mới hạ ở đường Sơn Tây mở rộng, đem ném xuống ao ngâm. Vài hôm, vớt lên cửa từng khoanh rồi đẽo thành thớt, đánh bóng đỏ sẫm. Mấy ngày áp tết quảy ra bán ngoài phố - tết nhất, nhiều nhà sắm cái thớt mới. Vô ý vớ phải cái thớt gỗ tươi ấy chỉ thái mạnh vài nhát dao, đã toác. Trông cái gỗ búng nước, biết ngay. Nhưng thằng cháu ông cười như reo lên : «Không cần gỗ lim, gỗ lát. Chỉ cần kiểu mô đéc, giường Đức, ghế Nhật, hổng thì mua cái khác, mốt khác. Thời buổi gấp gáp, ông ạ».

Có lẽ chúng nó phải. Người cao tuổi như mình, bàn chân cũng khô đét, giày dép thôi cả long đĩnh, há mõm. áo sơ mi, bao nhiêu năm nay chẳng phải may sắm. Không biết ngoài cửa sổ, các ve cổ áo sơ mi đã to huếch hoác, lại cụp lại, lại hủn hoãn, nhỏ tý...

Ông Thái đi Sài Gòn, quần áo và đôi dép râu cũng vậy như mọi khi. Ông không định khác. Không thiếu thốn, mà quen xuềnh xoàng rồi. Nhưng có lẽ nên đi lấp mấy cái răng giả. Răng hàm chẳng còn cái nào. Nhưng

cười huếch mép cũng không hở. Chỉ rầy rà mấy lỗ hổng răng cửa hàm trên. Soi gương, thấy phiền thật. Nhưng rồi ông lại ngại.

Những cái răng đã gãy từ đời nào, đời nào. Bà ấy cho là ông phát rò hay sao, tự dung lại đi làm răng giả.

Ông Thái không lo bà ấy sinh nghi. Nhưng ông tưởng tượng ra một sự kỳ quặc, có thể xảy ra lắm. Thế nào thì ông Thái cũng phải hôn bà Vân. Chao ôi, những cái hôn triền miên đầm đìa đêm xưa bên sông Sài Gòn. Bây giờ mà thế a, nhớ những cái răng giả rời ra, rơi vào họng ai. Chẳng lẽ lại bảo hãy khoan để tháo răng ra đã, rồi hãy...

Thôi thôi, đã mọc mọc thì thế nào cứ thế. Cái hẹn tháng bảy dần dà tới... Ông Thái cứ lúc bông bột, lúc lại thâm kệ. Nghĩ toàn chuyện cản trở. Ngót hai tháng thư mới tới nơi, thì tin thế nào được ngày hẹn quá xa. Nhưng sự thật như cái đinh tai ác cứ nhô lên dần. Sắp tới rồi. Ông lại nghĩ âm ỉ : Hôm ấy mình cứ bay vào à ? Không có bà ấy ra đón thì sao. Ông cũng có người quen, nhưng thỉnh linh dò đến nhà người ta, không tiện...

Rồi ông Thái nhận được một bức điện.

Rồi cháu gái đón ông ở sân bay Tân Sơn Nhất. Bây giờ cháu đang đưa ông về nhà. Không đến khách sạn,

nhà trọ. Cũng đỡ rắc rối.

Căn nhà nhỏ trong một hẻm sâu hun hút. Những hình ảnh lảng vảng, ông Thái như lững lờ trôi trong đám mây.

Năm xưa, ông Thái gặp bà Vân ở Sa Đéc. Thầy ký công nhật đi tính sổ đại lý. Thi. xã nhỏ bé, Thái dạo qua một cửa hiệu vàng bạc. Thấy trong hàng có một cô gái ngồi bên máy khâu. ở Nam Kỳ hồi ấy, mỗi nhà sắm cái máy khâu Sanhde cũng là một lối chơi. Cô gái xinh quá, đúng dáng những người đẹp mẫu của Thái. Tuổi trẻ đâu cũng xông, thế là Thái bước vào. Cô gái vào nhà trong một thoáng rồi ra ngay. Người con trai đã kịp nhận thấy cô mới thay tấm quần lụa trắng muốt. Anh chàng gà trống tơ nghĩ vợ vào rằng thế là ăn tiền rồi.

* * *

Ông Thái nhìn qua cửa sổ mở. Bà Vân hết tám ảnh bán thân nhận được năm trước. Có điều khác, đây là người thật, một bà lão khỏe mạnh, to đùng. Hình như bà Vân đang dở tay làm gì, nhắc cái phích hay bày ấm chén. Bà chưa vội ra mở cửa. Nhận xét đầu tiên ấy khiến ông Thái buồn buồn. Chỉ đến lúc thoáng thấy bóng mình lù rù chiếc mũ cối như cái mu rùa trên đầu, hôm đi ông mượn của thằng cháu, ông mới ngó ngoai và lại hơi

ngượng.

Bà Vân nhìn ông, chào ông một câu đột ngột :

- Anh ốm quá !

Ông Thái đã sắp sẵn một câu đùa tình tứ. «Em trẻ, em trẻ lắm». Nhưng bi. một câu phủ đầu mất vui, lại nhớ cái răng cửa hồng, ông Thái chỉ mỉm cười.

Chẳng mấy lúc, cũng may, ông Thái đã cảm thấy như ở nhà nhà mình thương yêu êm ấm, không phải căn hộ tẻ nhạt ở ngoài kia bây giờ. Bà Vân và cháu gái lên xuống dọn mâm bát. Nhớ lần về chơi nhà Vân dưới Sa Đéc. Cả nhà vờn võ, phong tục Nam Kỳ sao mà đáng yêu. Ông Thái đương trở lại cái gia đình tưởng tượng, hai người yên vui về già.

Bức tranh vẽ rồi lại xóa, lại vẽ, lúc hồng rực, lúc đen nhẻm. Ông Năm lấy trong tủ ra chai rượu ngâm thuốc. Ông Thái cười. Đã quen, không còn ngại hàm răng trống.

- Rượu thuốc à ?

- Sâm em mua ở Băng Cốc về biếu anh Năm ngâm.

- Có bia hơi...

Bà Vân nhăn mũi :

- Bia hại thận, nghe. Rượu thuốc...

Ông Thái im, chột lại thiu thiu như mọi khi ở nhà.

Nhưng ông Thái với bà Vân cũng có phút giây mơ màng. Bà Vân bảo :

- Chúng ta đi vườn Bờ Rô.

Nhớ lúc nãy ngoài đường, xe máy liên hồi tạt qua mặt, ông ngại :

- Làm gì ?

- Ôi anh quên rồi sao ! Cái năm hội chợ Sài Gòn, đêm hôm đó chơi vườn Bờ Rô.

Ông Thái lúng túng vì câu trách yêu. Ông Năm ở buồng trong góp chuyện ra.

- Bộ cô Ba tưởng vẫn cái vườn Bờ Rô năm cô Ba ở Sài Gòn à ? Không đâu. Bây giờ vườn Bờ Rô, vườn Chuối loạn dữ, nhất là ban đêm. Không đi dạo được đâu.

Ông Năm gỡ cho ông Thái một cuộc đi chơi không hào hứng. Nhưng câu chuyện bên bàn nước vẫn lai rai.

Tiếng mưa xầm xập xuống mái tôn nhà nào xung quanh, chẳng biết là đương ở đâu. Trời cũng giúp làm nhạt cái kỷ niệm vườn Bờ Rô rồi.

- Ngày mai đi Vũng Tàu.

- Vũng Tàu à ?

- Trước em định nghỉ Long Hải. Nghe nói bên ấy yên tĩnh. Nhưng anh Năm nói Long Hải vắng lắm. ở Vũng Tàu hơn. Anh Năm với các cháu cũng đi.

- Cả nhà cùng đi cho vui.

Bà Vân cười :

- Không, anh Năm không đi chơi. Anh biểu anh Thới là cán bộ cách mạng, phải bảo vệ ảnh, không được lơ là cảnh giác. Ông nói như đọc báo vậy.

- Bảo vệ tôi à ?

- Anh Năm biểu thế.

Ông Thái vừa buồn cười, vừa nhớ ra. Nhưng lại thú vị. Ông đã trông thấy ở Hà Nội những cán bộ có người bảo vệ. Ông cán bộ đi bách bộ cũng có người đeo súng ngắn sau lưng áo, đi cạnh. Ông cán bộ may ô quần đùi mặt đỏ lựng chạy tập thể dục buổi sáng bên bờ hồ, có

hai thanh niên áo đại cán trịnh trọng, vắn sủng giắt lưng, lồng thông chạy hai bên. Ông Thái như con kiến, ông muốn bò đi đâu thì đi. Bây giờ nghe có người nói đi bảo vệ ông. Cũng sướng.

Bà Vân nhìn ông Thái, neho mắt, tinh nghịch :

- Nhưng mà anh Năm không đi nữa !

Ông Thái cũng rờn :

- Không phải bảo vệ à ?

- Em bảo anh Năm là ra Vũng Tàu ở khách sạn, ở boong-ga-lô mới lo bảo vệ, chứ ở chùa thì thôi, cửa Phật mà. Anh Năm thấy thế ưng được.

Rồi bà Vân lại cười :

- Có vậy mới được đi đôi !

Không biết bà Vân mừng thật hay chỉ là nói đùa. éot nhiên, bà Vân nói :

- Anh có còn nhớ chị Hậu không ?

- Chị Hậu...

- Có lần anh vô Sài Gòn, em ra ga xe lửa Mỹ đón, có chị Hậu...

Thật ông Thái đã nhớ ra. Không những thế, ông Thái còn đương bản trong đầu khi nghe đến tên người đàn bà ấy. Những liều lĩnh của tuổi trẻ thì vô vàn, nhưng đã nguội lạnh, xếp xó trong ký ức từ nửa thế kỷ rồi.

Vân trọ học nhà Hậu. Hậu hơn tuổi Vân, ở nhà giúp tiệm may của mẹ. Hậu theo Vân ra ga để «ngó mặt thẳng Hai». Hậu chưa biết Thái. Nhưng Thái thoát trông thấy Hậu đã cảm giác gờn gợn kỳ lạ. éoi mắt bồ câu lóng lánh đầm như làn nước muốn hút người ta trầm mình vào. Cô Hậu nhìn Thái. Thái đoán được đôi mắt ấy nói gì.

Đêm ấy, Thái nghỉ lại nhà Hậu. Mai, Vân và Thái về Sa ééc sớm. Thái nằm ngoài phòng khách. Vân và Hậu ngủ buồng cạnh đấy, cái giường to kê bên cửa sổ. Nửa đêm, chợt tỉnh, trời vẫn xầm xập mưa như đêm nay thế này.

Thái tha thiết nhớ hai con mắt Hậu. Thái lần ra, thò tay vào màn, mà Thái đã để ý, biết Hậu nằm cạnh cửa màn. Tay Thái vừa đụng vào cánh tay Hậu, thì một bàn tay ai nắm lấy, vuốt từ từ lên mặt Thái. Cái hôn dài vùi vào nhau, tưởng như hai làn môi không bao giờ rời ra được nữa.

Sáng hôm sau, đôi mắt Hậu khác hẳn, lay lắt long lanh quang đãng như trời mưa tạnh. Rồi Thái và Vân về Sa ééc. Đến hôm lên đường ra Hà Nội không tạt được vào nhà Hậu. Người trai đào hoa không quên, nhưng cũng chẳng nhớ hơn nữa. Từ đấy, không khi nào còn gặp lại.

Ông Thái hỏi :

- Thế chị Hậu rồi sau ra sao ? Giờ ở đâu ?

- Cũng chẳng lấy ai !

Người đàn ông đam mê ngày trước chợt bồi hồi vu vơ. Bây giờ lòng yêu thành nỗi buồn ngủi cho ai có lẽ vẫn chờ mình từ sau đêm ấy, mà mình thì đương nhắm nhía cái đầu của người ta.

- Rồi thế nào...

- Chị ấy đi tu.

- Cái năm em sang Mỹ, em có xuống chùa chào chị. Em vẫn được thư từ. Chị ở Vũng Tàu. Ông Thái nhắc lại như trẻ con học nói :

- Ở Vũng Tàu.

Bà Vân nói :

- Em được thư thầy nói thầy đau, có khi về người Phật mất. Ta xuống thăm thầy nhân thể.

Ông Thái lễ phép rụt rè :

- Vâng.

- Bây giờ gặp thầy, anh cũng không nhận ra được đâu. Mà thầy quy y đổi tên nhà Phật rồi.

Bãi Dứa ở Vũng Tàu, một bên gồ ghề sườn núi, một bên bờ đá. Chỉ có một bãi tắm nhỏ ở chân dốc sang bãi Sau bên kia. Nhưng lọt giữa những tảng đá lởm chởm, đôi chỗ hùm xuống một vùng cát choen hoèn phẳng lì như manh chiếu cói trắng.

Dọc triền núi, ẩn hiện những ngôi chùa nhỏ, công đức của các nhà giàu trên Sài Gòn. Đã thành phong tục đem ảnh và bài vi. người đã khuất lên chùa, tương tự ngày trước nhà có cửa cúng ruộng hậu.

Ông Thái và bà Vân xuống ô-tô ngoài bến rồi đi xích lô về bãi Dứa. Từ lúc gần đến Vũng Tàu, ông Thái đã lần thần sợ thế nào ấy. Sợ cả cái dáng bà Vân đi phăm phăm, tiêu tiền như vút đi, tiền xe, tiền ăn sáng, tiền cho ăn mỳ. Được cái trông bà Vân không khác mấy bà

luống tuổi. Khăn vuông lụa trắng, áo xuyên đen, quần lĩnh đen giản dị. Chẳng ai có thể đoán được bà ấy đã xa đất nước mấy chục năm qua. Ông Thái ngồi sau bà, lưng tựa đệm xe. Như con cá nằm trong cái kẹp thế lực.

Hai người lên bậc gạch một ngôi chùa, đi dưới đường chỉ thấy thấp thoáng mấy cành đại khải khiu nhô ra. Bà Vân vào thẳng nhà hậu. Ông Thái còn quáng mắt trong căn nhà tối ảm, bà Vân đã tới trước bộ ván, ngồi sụp xuống đất, chấp hai tay :

- Bạch thầy, còn là Vân, con mới ở Mỹ về.

Trên phản, một người nằm, hai chân nê nặng trắng bệch. Có tiếng khe khẽ :

- À... Vân...

Một cô tiểu ngoại hiên bước vào. Cô tiểu đỡ người ốm ngồi lên. Bà thở khó nhọc, như con mèo gù, bà tựa lưng vào tường và vai cô tiểu đỡ... Ông Thái đã nhìn rõ. Không thể là cô Hậu năm nao. Cái đầu bà lão bủng vàng như nghệ, phù to ra.

Một cô tiểu bụng nước mời khách, đặt trên án thư bên cạnh. Bà Vân nói :

- Bạch thầy, thầy có nhớ ai đây không.

Nhà sư ngược cặp mắt trắng lơ lơ :

- Ông Thái ngày xưa đó.

Bóng mờ khuôn mặt xi. không động đậy.

Các chùa ven bãi Dứa đều có nhà khách, vào mùa nắng, cho cả người chơi biển trọ. Ăn chay theo bếp nhà chùa. Hình như cũng vắng vẻ.

Bà Vân và ông Thái nghỉ ngoài nhà tổ. Gian giữa, một tượng Quan Âm. Mùi hương phảng phất, nằm trông lên thấy cái bệ tòa sen thép vàng ánh. Bên một kệ đặt những khung ảnh người đã mất được đem gởi hậu. Ông Thái mắc cái màn nâu dưới chân kệ ảnh. Bà Vân nằm trên phản đầu gian bên. Như vợ chồng già vẫn cảnh chùa, đường xa nghỉ lại.

Ngày ngày bà Vân ra bãi tắm. Bà Vân nói : «Em khỏe được là nhờ biển. Nhà em bên kia ở ngay cạnh nước. Hằng ngày cả thành phố tắm biển». Bà Vân rủ ông Thái tắm. Nhưng ông Thái lắc đầu. Bà Vân cũng không ép thêm. Bà Vân lội xuống nước. Ông Thái đội mũ cối, quần áo bộ đội xanh nhợt, ngồi cái quán cóc cạnh gốc dừa trên bờ. Ông ngồi trông quần áo cho bà Vân. Đôi lúc cao hứng, ông lội cả đôi dép râu đi dọc mép nước.

Khi về, bà Vân vào chỗ dội nước ngọt thay quần áo, ông Thái cầm cái túi đứng ngoài.

Bà Vân đã ra bãi. Ông Thái ở vườn chùa vào nhà hậu. Ôi, năm mươi năm trước xa vời vợi, ở phía nửa trái đất bên kia. Ông Thái vẫn không thể nào tưởng cái cô Hậu ấy là bà sư liệt giường này. Không, không, ngày xưa đã qua rồi. Nghĩ thương thương, ông Thái bước vào.

Cô tiểu đến nâng sư thầy. Nhưng bà không giơ tay. Bà vẫn nằm nguyên đấy. Ông Thái lặng lẽ ngồi xuống ven giường. Ông Thái nghe tiếng thều thào như vắng đầu tới :

- Ông già quá rồi.

Ông Thái đã muốn nói mấy câu gì đó. Nhưng ông không nói được nữa, ông ngồi yên. Nhà sư từ từ quay mặt vào tường.

Ông Thái lững thững ra bãi. Ông Thái ngồi cái quán bà Vân gửi quần áo. Sóng biển lăn tăn, bà Vân đứng ở chỗ nước ngập ngang vai. Trông thấy ông Thái, bà Vân giơ tay vẫy vẫy.

Ông Thái vẫn chưa dứt cái đau, cái ngán ngẫm vừa rồi : «Ông già quá rồi», ông cũng sắp tịch rồi, câu nói thổi bay mất hào hứng và lòng thương người của ông.

Ông Thái nhìn bà Vân vùng vẫy thành thoi dưới nước. Ông thở dài, bồng cái kính : «Hay là cái đêm ấy nó biết. Nó thù đến tận bây giờ nên mới đẩy ả mình ra đây». Ông Thái nhấp một ngụm rượu rồi lại nhẹ nhàng nghĩ có thể không phải thế.

Bà Vân đã lên. Bộ quần áo tắm vẫn xanh, cánh tay và bộ đùi hộ pháp phục phịch đã bơi bắt nắng. Ông Thái thờ ơ nhìn. Bà Vân giơ ngón tay. Nách bà trắng bạch. Mọi hôm vẫn thấy mà không để ý. Ông lẩn thần đoán không biết bà ấy nhỏ hay tự nhiên thế.

Bà Vân giơ tay net đùa :

- Cầm uống bia nghe.

Ông Thái mỉm cười giơ ly rượu.

- Rượu thuốc. Rượu thuốc vẫn uống nhắm với ô mai ở bùng binh chợ Bến Thành, từ ngày xưa đấy.

Vào đội nước ngọt, thay quần áo ra, hai người lững thững về. Bà Vân tự nhiên nói :

- Chúng mình có duyên, nhưng không có nợ.

Có lẽ câu ông Thái vừa nói đã khiến bà Vân nghĩ ngợi. Ông Thái băng khuâng, mũi lòng.

Hôm rời Vũng Tàu, ông Thái nhổ ngoài bãi cát một cái dây cây dại, không có tên. Lá dày tựa lá thài lài, hoa màu xanh nhợt nhạt, man dại như hoa bìm bìm. Ông cắm vào cái vỏ bia 33, đem về.

Mấy hôm sau, ông Thái lại đã ở nhà. Ông lại ngồi ở cái góc buồng tầng bốn trông ra cái cửa sổ mới được trang trí thêm hộp bia trồng dây hoa bìm bìm.

Những nhánh ba lá vào mùa thu đã ngả màu vàng gắt. Không ai biết được cuộc phiêu lưu kỳ lạ ông Thái vừa trải. Ông im lặng như chiếc phát trần dựng xó tường. Cái phát trần thỉnh thoảng bà ấy còn lấy ra phẩy bụi, ông thì chẳng ai đụng đến. Ông lặng lẽ. Ngồi xuống, không có rượu gặm nhấm lại kỷ niệm. Thói quen nghề nghiệp kế toán ông Thái tính một tuần lễ vừa qua mỗi người chỉ nói được ba câu đùa vui. Cứ vậy mà dự phòng, dự chi, thế mà còn hơn. Nếu nợ nhau thì có lẽ chỉ còn câu gắt và im lặng như bây giờ.

Hai cái răng cửa đã rụng nốt. Hàm trên nhẵn thín, môi cúp xát vào lợi. Móm hẳn. Đã lâu lắm không nhận được thư của Vân. Ngộ như năm nao Vân lại về có gọi Thới vào, Thới cũng không đi nữa. Ông Thái quả quyết thế. Nhưng rồi cả năm cũng không được tin tức. Có lẽ ở bên ấy bà Vân cũng đương nghĩ như ông Thái. Một

hôm, con mèo nhà ai nhảy cửa sổ, làm rơi ụp cái vỏ
bia trông dây hoa bìm biền. Ông Thái cũng chẳng buồn
xuống nhặt lên.

Lá Thư Tình Đầu Tiên

Cô Mi mười tám tuổi. Đến tuổi ấy, từ mùa xuân trở đi, đôi mắt người con gái trong thắm và đen lay láy. Cô nhìn sang hai bên, con mắt lừ đừ đưa nghiêng nghiêng. Ôi chao là say sưa. Miệng hoa chúm chím. Mỗi khi mỉm một nụ cười nhỏ, đôi má hây khê gọn lúm xuống hạt nét vòng yêu.

Mi là cô gái đẹp nhất làng. Tất cả những người con trai đều công nhận thế. Vả anh nào cũng ngấp nghé muốn phải lòng. Nàng chẳng kiêu kỳ chi đâu, nhưng yêu được nàng cũng không phải là dư. Bởi vì nàng nhan sắc. Bởi vì nàng lại biết chữ nữa. Sự biết chữ của một người con gái ở làng Nghĩa đô quả là một tài hoa hiếm có. Nàng viết hộ thư những người hàng xóm. Nàng đọc truyện Hoàng Trừu vanh vách. Nàng thông thạo về đường tiểu thuyết lắm. Bởi vậy, đã xảy ra một chuyện tức cười về chữ nghĩa khó khăn ấy.

Có một người con trai khác xóm yêu Mi. Một bữa kia, chẳng biết làm thế nào, anh chàng đưa đến tay Mi một bức thư Mi đọc. Rồi Mi đi nói với các chị em bạn rằng :

- Nó không biết chữ, nhờ ai viết cho cái thư, người ta lại hiêm, đi chép ở trong truyện ra. Truyện ấy tôi xem rồi. Đã đốt đặc cán mai, lại còn ti toe, chà sao nổi mình!

Và nàng chép miệng :

- Không biết chữ, nhục thế đấy !

Những lời nói chẳng hay cho người con trai nọ lọt ra ngoài và lan đi khắp ngã ba, ngã bảy. Anh Công cũng rõ câu chuyện như mọi người. Nhưng anh còn biết rõ thêm hơn nhiều Bởi Công có cô Nghiên, cô em con nhà chú, là bạn thân của Mì. Một lần Công đã được nghe Nghiên đọc những lời thư kia. Nó đọc từ đầu đến đuôi. Nhưng Công chỉ nhớ lõm bõm thôi; thư hay lắm. Đại khái có những câu rằng : «Mợ yêu quý của tôi ơi ! Cánh hồng bay bổng, chim xanh tuyệt vời. Mảnh tương lát phất. Gió đàn lung lay. Nỗi niềm ngậm đắng nuốt cay; ai ơi có biết lòng này cho không.»

Những nghe mà cảm động. Thỉnh thoảng Công đọc lầm bầm trong miệng những lời văn chương ấy. Cũng bởi rằng anh Công đã yêu cô Mì. Công là một gã trai mới lớn. Tư tình đương phơi phới nhẹ nhàng. Thường anh vẫn được trông thấy Mì, mỗi buổi chiều, dù hai người ở cách hai xóm. Chiều chiều, Mì sang chơi nhà Nghiên. Cũng chiều chiều, lúc hoàng hôn đã đỏ sạm, mọi người

đều rời khung cửa, Công ra đứng ngẩn ngơ trước ngõ. Hư thoảng thấy cái thắt lưng lụa bạch của Mìphát phơ đàng đầu xóm, chàng đã đỏ bừng mặt, chân tay tự dưng líu ríu lại. Và khi Mì đi sắp đến nơi thì Công lảng lảng thụt dần vào trong cuối ngõ. Để đến lúc Mì đã đi khỏi, Công mới nhô đầu ra cúi khom khom nhòm theo, nét mặt ra chiều chờ đợi. Giá bấy giờ có ai chợt đi đến trông thấy Công thì Công vội đứng ngay ngẩn, hai taychấp ra đằng sau, mặt ngẩng lên trời, giả như đương đứng mơ nghe tiếng diều sáo vo vo trên cao ấy, buổi chiều nào cũng tương tự như buổi chiều nào. Nếu không có một sự gì mới mẻ khác chẳng biết cuộc «tình duyên một vế» này còn kéo dài đến tận bao giờ !

Cuộc đời thay vào sau những đêm có hát chèo bên làng hượng. Một hôm, Nghiên nói chuyện với anh Công :

- Cái hôm hát trò Lục-Vân-Tiên ấy mà. Em đi xem với chị Mì.

- Ừ, lúc bấy giờ tao lên qua chỗ cửa đình chứ gì ?

- Vâng. Lúc chị Mì thấy anh đi qua, lại bảo em thế này chứ : «Anh ấy hay nhỉ ?»

Công bưng người, thấy như đương rung từng đốt xương ống một. Anh hấp tấp hỏi dồn :

- Sao, Sao thế ?

- Em cũng hỏi lại. Chị ấy cười, bảo : «Anh có vẻ hay phạm. Chiều nào cũng đứng ngoài ngõ. Trông thấy em lại đi vào»

Anh Công ngơ ngác, lăm bắm chồi băng quơ :

- Quái nhỉ ! Quái nhỉ ! Tao có đứng ngõ đâu !

Nhưng trong lòng anh nghĩ khác. Trong lòng anh đương có hoa nở. Và anh đã tương tư cô Mì lên gấp trước mười lần rồi. Bởi vì như thế là cô Mì có chú ý đến anh lắm. Đêm hôm đó và mấy đêm hôm sau, anh Công nằm trần trọc không ngủ được mấy. Chính anh cũng chẳng muốn chợp mắt. Đôi chốc, anh mỉm cười vớ vẩn. Anh nghĩ lập lý rằng :

- Thế là cán câu rồi. Bây giờ chỉ thả một cái thư là ăn thua ngay đây. Nhưng chết một cái, mình lại cóc biết chữ. Nó mà hỏi đến, mình mít đặc như cái anh cu kia thì bỏ xừ.

Công thở dài ở đoạn này. Anh nghĩ lơ mơ, lơ mơ

- Có lẽ mình phải đi học chữ quốc ngữ !

Một ngày phiên chợ Bưởi, Công xách một con gà lên chợ bán. Con gà hư quá, ăn bún rất nhiều, mà lại đẻ trứng cách nhật, nên Công đem bán tổng nó đi. Nó to xù xù, há mỏ kêu cục te cục tác cùng đường. Bán gà xong, anh đến một hàng xén. Anh có ý tránh những hàng có cô gái ngồi bán. Anh vào hàng một ông cụ già kèm nhèm mắt. Và anh mua một quyển «Lên sáu» năm xu. Anh thu gọn lỏn ngay quyển sách vào bụng áo, chẳng một ai nhìn thấy. Rồi anh ung dung về làng.

Công học chữ quốc ngữ liền từ tối hôm ấy. Thằng Tể là cháu anh, học trờilớp tư ngoài trường làng, dạy anh. Mỗi phiên, anh trả công thằng bé một xu, nó bằng lòng ngay. Bắt đầu anh lảm nhảm những chữ cái to thô lớ - gọi là chữ cái có khác - một cách nhọc nhằn và hơi chán nản. Nhưng anh chỉ gắng, chịu khó vài bữa, đã học sang đến nửa vần bằng «ba be bê bi» rồi. Tối đến, dẹt cửi đầu hôm xong, Công mang đèn ra ngoài hiên. Thằng Tể đã đợi sẵn ở đấy. Anh ngồi xỏm, chăm chú chỉ từng chữ, theo ngón tay trở của thằng bé. Học đuôi nhau như vậy một lát. anh đã thuộc. Thằng bé đi ngủ, để anh ngồi lảm nhảm gật gù một mình. Khi đã thuộc kỹ, có thể gấp sách lại mà vẫn đọc được, anh mở vở ra. Anh nằm nhoài xuống, cong hai chân lên. Bút và mực đã sẵn đấy. Anh nhắm môi, neho mắt, nghiêng đầu từng cái «gậy» một. Hết hàng «gậy» này xuống hàng

«gậy» khác. Cầm thì cầm úp ngòi bút xuống, chấm mực vừa phải và vạch cho khỏe. Nhiều khi tức ê ẩm cả ngực mà anh vẫn chịu khó nằm thẳng duỗi ra. Viết xong một trang, anh mới bò dậy, thở phèo một cái rõ mạnh, rồi gấp sách lại, đi ngủ. Bao giờ trước khi đi ngủ, anh cũng nghĩ đến những chữ nghĩa lủng củng, lôi thôi anh vừa học : «Nào t-a-ta, n-g-a-nga, lại n-g-h-e-nghe...» Và thể nào anh cũng tưởng tượng lan man đến một hôm nào đó, cái Nghiên đưa tờ thư của anh cho Mì. Cô nàng mở ra, vừa đọc vừa chớp đôi hàng mi. Anh không tư lự gì hơn nữa.

Anh Công rất chịu khó học. Nhưng anh giấu giếm cẩn thận việc học của anh. Bạn bè không ai biết, anh lại càng kín đáo hơn đôi với cái Nghiên. Bởi vì to đầu mà còn đi học, anh rất sợ xấu hổ, và nhất là sự bí mật đến tai Mì thì hỏng hết cả. Mùa đông đã sang những ngày cuối. Công ngồi học phải quàng chân lên tận cổ. Nhưng anh cũng sắp thành công rồi. Bởi anh đã có thể chum ngoẹo mồm đi mà âm ực đánh vần đến u-i-cờ-lét-a-uya, đến u-i-cờ-lét-uê-c-h-uếch, rồi... Trong giấc ngủ, lẫn với bóng dáng hình ảnh cô Mì yêu quý, lòng anh xốn xang hy vọng. Thế rồi, một đêm đầu mùa xuân. Cái không khí đầm ấm, cái phong thái nhàn nhã hãy còn phảng phất trong mỗi gia đình. Công khuôn sách vở, bút mực ra ngoài hiên. Nhưng tối nay không có cu

Tế. Anh ngồi gật gương, ngả nghiêng cái đầu, mắt nhìn đắm đắm vào ngọn đèn. Thoáng mơ màng một vẻ nghĩ ngợi rất xa xôi. Phải, anh Công đương có điều nghĩ ngợi. Anh xếp bằng tròn hai chân ngồi nghiêm như ông Phật, qua hàng giờ im lặng. Rồi anh xé ở cuối vở ra một trang giấy. Anh đặt lên trên bìa sách, vuốt hai mép cho thực phẳng. Chàng từ từ nằm bò xuống. Cái bút chấm vào lọ mực tím, chàng cứ hý hoáy đưa ngòi bút. Chiếc ngòi bút sắt, bên ánh đèn, lấp loáng màu mực, đưa đi theo dòng kẻ, như ngượng ngịu reo lên còn cột vì được gặp mặt tờ giấy trắng. Một chữ viết, lại ngừng. Một chữ viết, lại rụt rè xóa. Song Công đưa bút rất nắn nót, tề chỉnh. Có khi cố gắng và đam mê công việc quá, Công ngoẹo cổ, trợn lồi mắt lên, méo lệch mồm để đẩy chữ «o» cho được thực tròn trặn. Mặt giấy đầy dần dần được ba dòng, rồi bốn dòng, rồi bốn dòng rưỡi thì anh buông bút xuống, bâng khuâng ngó ra ngoài vườn. Bảy giờ đã khuya lắm. Vườn tre và vườn dừa láng một chút ánh trăng xé dịu dàng. Công cúi xuống, hai tay nâng tờ giấy, trầm ngâm nhìn mười hàng chữ nằm ngổn ngang, trong những đường kẻ xanh. Nhưng khi anh lấp bấp đọc lại nho nhỏ thì mắt anh sáng lên. Những tiếng chữ lẫn với tiếng «ư», «a» bật ra miệng và cả ở đôi mắt, một cách rất khó nhọc, nhưng rất kính cẩn, thiêng liêng. Thành thử, những hàng chữ xấu xí và bẽ bộn cũng được

lây ít nhiều khí sống mạnh mẽ, trở nên quý giá và đẹp đẽ lắm. Anh Công đã đọc lại xong.Ồ, đó là một bức thư ngắn - mà dài cho người viết - để gửi cho người yêu. Thư của Công gửi cho em Mì.

Thư rằng :

Em Mì ơi ! bấy lâu nay tôi vẫn trộm nhớ thầm mong em lắm. Chẳng biết em có biết cho không. Tôi viết thư này là chính của tôi viết cho em đây. Em Mì ơi ! gió đưa tờ giấy lên mây; gió đưa thư này bay đến nhà em. Em mà bắt được em nên trả lời. Trăm năm xin quyết cùng nhau chung một lời vàng đá.

Nguyễn Văn Công viết thư.

Thực là một công trình ghê gớm của Công. Anh đọc lại một lần nữa, rồi hơ giấy lên ngọn đèn cho chóng khô mực. Bấy giờ anh mới cẩn thận gập lại làm tư, để vào trong quyển vở, đem nhét xuống gối đầu giường. Đã vào canh một, gà gáy lên te te. Vầng trăng đã khuất hẳn.

Thế là Công cấm cuối học từ ngày vào mùa đông, đến ngoài Tết Nguyên đán thì viết được trọn lá thư đưa cho Mì. Nhưng lá thư tình đầu tiên ấy không bao giờ được gửi cho ai. Bởi vì, ngày đầu mùa xuân đó, cô Mì

đi lấy chồng. Cô lấy chồng người bên làng khác. Tất nhiên là Công không hay biết gì trước. Cho đến khi cái Nghiên lại nói chuyện với anh thì đã muộn hẳn hoi rồi. Anh không thể dám oán ai được. Bởi anh chưa có ai để mà oán hận.

Lá thư tình vô duyên nằm buồn thiu trong mép bím (*) anh được mấy hôm. Những nếp gấp đã lên nước mờ hôi mà đen xỉn lại. Một đêm, anh châm đèn lên, kê tờ giấy vào ngọn lửa mà đốt đi. Đôi mí mắt nặng sụp xuống.

Rồi mọi người xung quanh đều biết rằng tự nhiên mà Công thông thạo đọc và viết nhoang nhoáng được chữ quốc ngữ.

Nhưng anh buồn lắm. Cả ngày anh chỉ giải khuây mối hận kín đáo bằng cách đọc truyện Kim-Vân-Kiều. Một hôm, anh nói với cô em :

- Truyện Kiều hay lắm. Trong ấy có nhiều câu buồn ghê !

Nghiên cười :

- Độ còn chị Mì ở nhà, chị ấy cũng thích đọc truyện Kiều. Hoài của, giá ngày trước em làm mối cho anh nhỉ!

(1942)

(*) bím : cái ví

Lấy Chồng Khác Làng

Một phiên chợ áp Tết, những đứa trẻ phụ việc cho mẹ, chúng lớn lên được hai nhà gả cho nhau, đám cưới trong trận mưa rào đầu mùa, rồi lễ cheo ở đình làng, rồi người đàn ông đi buôn xa bi. hỏ ăn thịt, người đàn bà vẫn giữ lễ về quê chồng giỗ với đứa con bây giờ «chân nó dài bằng cái sào nứa»... Với bấy nhiêu tình tiết, bấy nhiêu câu chuyện dằng dặc gần cả một đời người, cùng rất nhiều những thói tục của làng Bắc Bộ xưa được gói trong truyện ngắn vẫn thênh thang rất thú vị. này.

Thật thì cũng làng trên chạ dưới trong hàng huyện, chẳng xa mấy. Đứng gốc cây đề ngoài cổng đồng trông qua bờ đìa, mờ mờ trong lùm cây muỗm cổ thụ nhô lên hai cái cột trụ tam quan đình, những hôm quang trời, bên này cũng thấy được lằn đề chắn ngang tầm mắt. Thế mà ngỡ như đám mây trắng mùa hạ lững thững mãi mới sang đến bên ấy. Nghĩ ra thì là cách trở, cả đời cô Vải cứ tưởng như thế.

Mấy phiên áp Tết, chợ huyện đông như nê m cối. Bà Chồi quả ổng dang ra chợ. Vườn nhà bà có búi dang,

tết nào cũng được vài gánh, đỡ tiền chợ. Vừa khéo, vào một chap, những bụi dang vừa già ống, chẻ lạt được. Tết nhất, mái bếp nhà nào cũng giắt nắm lạt, lăm việc phải cần đến.

Ở chợ, có những mặt hàng chỉ Tết mới có bán. Bác tuần chợ xếp cả ra bãi ngoài. Gánh lá dong, ống dang, những quầy thùng mật, lão hàng gạo dừ, chợ Tết người ta sắm bó đũa, cái gạo, cái muôi mới, mấy con bò buộc tận ngoài rệ sông, bò rống ò ò lẫn tiếng lợn eng éc trong rọ.

Chợ trước, gánh ống dang của bà Chồi đến nửa buổi đã hết tiết. Cũng đã đào, chặt ống cả trăm cái, nhưng còn phơi nóc chuồng lợn, chưa se mặt. Phiên này phải đi hai gánh dồn một mới có thể đủ bán. Bà Chồi nhắc gánh rồi nói :

- Cái Vải ra quầy đỡ cho tao mấy được.

Vải buộc thành bốn bó dang nặng. Vải quầy, mẹ chỉ phải vác một bó. Chưa đến nửa buổi, cả gánh dang còn có mấy ống điếc, ống lép. Hàng bên kia, bà bán mật đong không ngót muôi. Hàng ống dang, hàng mật chạy tay, nhà nào chẳng gói bánh, cột bếp lại lũng liếng miếng thịt bò quăn lạt, rồi nôi chè con ong, chè bà cốt ngọt lừ.

Bà hàng mật hấp tấp sang hàng bà Chồi :

- Nhờ bà để mắt trông giúp hàng nhà cháu một mảy. Quái, cái thằng chết toi, chỉ sai đi chặt mấy cái ống nửa đựng mật mà mất mật từ nãy.

Rồi bà lão chạy qua đám chơi gà đầu bãi thì thấy thằng con dựng đứng ống nửa bên nách, đương châu hẫu xem đá gà - hay là nó cũng đánh gá, người chăm chú, người tíu tít cá cược. Mấy tay chủ gà loay hoay mật đỏ lựng hay đỏ cay cú.

Con trai bà bán mật ngồi ngây mặt ra. Bà lão kêu «Chết thật ! Chết thật !» Rồi, vào lôi ngật nắm tóc đuôi hoa voi. Thằng con phải chống hai tay xuống như con gọng vó mới khỏi ngã ngửa ra. Rồi nó đứng lên vác bó ống nửa cong cổ chạy.

Chỉ một chốc, những ống dang, những ống nửa đựng mật đã hết sạch. Hai bà lão thông thả ăn trầu, môi cắn chỉ nhai bồm bẻm. Thằng con trai xách những thùng mật ra bờ sông té nước gột. Cái Vải nhà bà Chồi đã lồng quang gánh để đấy, vào trong chợ, dạo xem hàng tết.

Bà bán mật vuốt quét trầu bắm mép hỏi bà Chồi :

- Cái cháu quỷ đang là thứ mấy nhà ta ?

- Cháu thứ ba bà ạ.

Bà bán mật hỏi ngay một câu :

- Bà cho tôi nhá ?

Bà Chồi còn chưa biết thế nào, bà kia quét vôi lấy miếng trầu mời đon đả :

- Cái thằng quấy mật ấy.

Rồi đưa bà Chồi miếng trầu mới tằm. Bà Chồi nhổ bã trầu vào gốc cây, quay lại nhón tay lấy miếng trầu mới của bà bạn hàng. Và nói :

- Ôi chà, con Vải nhà tôi ấy à, có nhón mà chẳng có khôn đâu. Bà xem đấy, mặt trời đã lấp bóng đa rồi mà còn lượn chợ, rõ con nhà.

Bà bán mật lại vuốt mép, nhổ quét trầu rồi cũng nói ồ ồ :

- Thì cái thằng hai nhà tôi cũng như cái đụn rạ. Đấy, đi theo đỡ mẹ mà lại rúc vào đám chọi gà.

Câu chuyện qua lại mắng vui mắng yêu giữa hai bà về con cái mà rồi nên duyên chúng nó. Tháng ba năm ấy, cô Vải lấy chồng bên Lở. Bây giờ đã có mưa mới. Những trận mưa rào đầu mùa như mưa dứ, chốc ào ào

chốc tạnh; con ngòi ngoài đìa có lúc nước ngập đến gối, đến bụng.

Họ nhà trai sang đón dâu, các lão ông lão bà, các cô phù dâu thoát chỉ xống áo như người đi làm đồng. Người xắn quần, người ôm váy, bì bõm lội. Sang đến đồng Lở, đám rước dâu ghé vào cái quán gốc cây muôm, như khách đường xa nghỉ chân. Bấy giờ mới lấy trong tay nải ra những buồng cau, những hũ rượu. Rồi thì áo the, khăn vớ của ông cầm hương, các bà váy chồi thâm lòng ngoài váy nâu da bò, các cô thì khăn vuông mỏ quạ tua dây hoa đỏ. Chú rể đi lẫn trong đám trai, áo năm thân nhuộm cày.

Đã tỉnh tươm ra đám đón dâu. Đi vào đường làng, ông cầm hương áo the khăn lượt chút, vừa lội ngòi quần xắn móng heo, vắn đi chân không - cả đám rước dâu chân đất, chả cứ một ông cầm hương. Hương đen thom nghi ngút trước hai người đội mâm cau, mâm rượu phủ vuông lụa điều.

Vào trong xóm, nhấp nhô người lớn trẻ con các ngõ đổ ra. Trẻ con cuống quýt chằng dây, vớ được dây mướp, dây gấc, cái thắt lưng dải yếm cũng chằng ra - chỉ kiêng không được chằng thùng. Chằng chịt như mạng nhện, những cái dây cản bước, như không muốn người con gái đi lấy chồng làng xa. Ấy thế nhưng đã có người

nhà trai lo sẵn, xong cả. Trẻ mỗ chỉ khó cho thêm vui. Mỗi cái dây nhận một phong bao giấy điều. Mở ra, thấy mấy đồng chinh, đồng kẽm, đĩa nào cũng hí hửng, giục giây mở đường.

Đám đón dâu có lời nói trước, đôi bên đã thoả thuận từ con lợn, thúng gạo, gánh rượu, quan tiền. Nhà trai nhà gái ăn cỗ mỗi bên, bởi vì đường đất cách trở, hai họ chỉ miếng trầu và chén rượu hả hê rồi lễ tạ xin dâu về.

Đám rước dâu đã ồn ào ra đến đầu ngõ. Bà Chồi đứng trong cổng ném vốc muối theo rồi cúi mặt, quay vào. Còn Vải thì cảm thấy đi đâu chưa biết, nhưng thế là xa nhà từ đây. Nước mắt Vải đầm cả hai bên má.

Rước dâu về, hai họ lại tay nải đeo vai, xúm xít hỗn độn như đi chợ tết. Mặt trời đã ngả đằng sau chân tre, sương mờ khắp cánh đồng. Hai bên bờ nghe tiếng nhái, tiếng châu.

Vải ngược mặt lên, chỉ thấy bóng tối mờ mịt. Mới vài bước đường mà xa, sao mà thật xa.

Lội xuống ngòi, đã nhá nhem tối, tiếng chân bì bõm, nhưng chẳng trông thấy chân ai. Vải quay nhìn lại bóng tối lần nữa.

Được mấy hôm, ăn cỗ lại mặt rồi, vợ chồng Vải về làng ngoại làm lễ nộp cheo. Lấy chồng làng khác, lệ phải có lễ cheo mới được làng nhận rể.

Chồng xách cái rọ mới đan nhót con gà trống thiên, con gà mái rồi ra cổng đồng, như người đi làm, chỉ khác đầu quần cái khăn lượt, lại mặc cái áo năm thân nhuộm cây, như hôm đám cưới. Ra tới cầu ngói thì ngồi đợi vợ. Đến lúc trông thấy Vải trong khoanh tre đi ra thì chồng đứng dậy, lại cung cúc đi. Người đi trước cách quãng người đi sau, vào đến gốc đề đầu xóm Vải mới mở khăn vuông lấy cái áo dài nâu non mặc. Vạt áo thắt quả găng, lật phất bay lẩn hai dải yếm lụa. Áo váy tinh tươm rồi, Vải lại càng đi nán xa. Vải chẳng muốn ai trong làng gặp vợ chồng đi tay đôi. Vào đến cổng ngõ, Vải đã thấy chồng cắt tiết xong cả hai con gà, đương nhấc nồi nước sôi ra cầu ao giội làm lông.

Vải vào bếp. Chẳng đợi mẹ bảo, Vải cầm dao cắt tàu lá chuối lột lên cái nong rồi dỡ chỗ xôi. Ngả chiếc mâm gỗ đơm xôi, mùi hương nhà trên quện khói xôi ngào ngạt. Con gà thiên đã được vớt từ khi nãy để ghếch trên miệng nồi rồi người khía chân, khía cánh với mỏ, đặt nguyên cả con lên đỉnh mâm xôi để ra miệng vại dưới gốc cau. Trên mỏ con gà, từ lúc nào ai đã cài ngậm cái hoa đơn đỏ.

Bây giờ, vợ chồng lại khăn áo chỉnh tề. Vợ đội mâm xôi, chồng hai tay bưng hũ rượu, hai người đem lễ ra đình. Vào tam quan, vợ hạ mâm xôi xuống cửa bên. Chồng ấn lại vành khăn lượt trên đầu cho chặt, vợ từ từ đưa mâm xôi lên. Chồng trình trọng đội mâm, một tay nắm cổ hũ rượu nút lá chuối khô.

Vợ bước theo, vào trước bậc cửa đình thì đứng lại đây, đàn bà con gái xưa rày không được đặt chân vào chốn đình trung. Vợ đứng nhìn băng quơ ra ao làng. Năm xưa mùa này, những hôm nắng to cả lũ đem sào ra bắt ốc nhồi nổi lên tránh nóng trong chân bụi cút tần.

Nghe tiếng người rì rào, không phải tiếng quát lác. Mùi hương đưa ra có lẽ nắm hương chồng vừa thắp thêm. Vái cũng không dám ngoảnh mặt nhìn vào.

Người mõ ở ngoài lều bờ sông tắt tưới bước tới. Đòn gánh xỏ một bên quang có chiếc thúng trong để con dao phay với cái thót. Chỉ vậy, nhưng bởi vào nơi trang nghiêm phải có ý, không dám khua múa con dao cái thót.

Chồng hai tay đặt hũ rượu lên hương án cùng với mâm xôi con gà. Rồi quỳ xuống lễ thánh, xong xuôi bước ra vái hai bên các ông chức việc, các quan viên rồi cứ chắp hai tay, cúi đầu so vai lom khom bước lùi qua

bạc cửa đình.

Ở nhà, mâm rượu con gà mái đã sẵn sàng. Đám chén mời ông chú, có lẽ ông cầm hương hôm đưa dâu cháu.

Sáng nắng thế mà giữa trưa đổ cơn mưa. Trận mưa rào đầu mùa ào ạt một lúc lại tạnh. Hai vợ chồng trở về bên Lở.

Có hơi rượu chénh choáng, chồng chạy cung cúc như ma đuổi. Nước mưa đồng cao dồn về, con ngòi ngập đến thất lung. Nhìn lại, chưa thấy vợ, chồng ngòi đợi.

Vải đã ra khỏi cổng đồng. Trông hút đồng sâu, chỉ thấy bóng nước lấp loáng. Chắc là có khi nó lội qua ngòi rồi. Người trong xóm lác đác ra bờ tre bắt cá rạch. Gặp Vải, có người chào, có người hỏi chót nhả : «Thím về bên nhà... Sang báo tin cho mẹ Chồi à... cái bụng trông ngon mắt thế kia rồi...»

Vải đỏ mặt cúi xuống vượt cái khăn vuông bọc đĩa xôi và cái tỏi gà. Lại nhớ năm ngoái, năm kia, Vải chạy tón lên theo chúng bạn ra bờ chuôm bắt cá rạch.

Cánh đồng mù mịt trắng những nước. Con ngòi ngập cả lên bờ cỏ. Đàn đĩa trâu, đĩa hẹ lượn lên lượn xuống cung quăng tìm chân tay người thò xuống nước.

Vải đã ra đến bờ ngòi. Chồng đương ngòi úp mặt xuống đầu gối, dáng ngủ. Nhưng không, như anh ả đã đánh hơi thấy vợ. Anh ả ngẩng mặt nhìn nhở cười, hai con mắt rượu vằn vằn đỏ.

Hỏi :

- Nhà mày có lợi được không ?

Vợ lắc đầu, nhìn lại đằng xa. Chồng cười tùm :

- Cũng nhẻ ?

Vợ lại lắc đầu, vẫn tần ngần ngoảnh mặt trở lại. Chồng đứng lên, xoe ống quần, buộc hai dải áo vào bụng. Anh ta đương nghĩ nói thế nào để dễ, để dọa, để vợ cho công. Thì vợ đã bấu tay ôm cổ chồng, rún lên, chân đạp như trẻ con chơi hún đu. Hai tay chồng ôm chặt đít váy vợ rồi lội xuống nước.

Chồng nói lồm :

- Này này buông xuống cho đĩa cắn nhẻ !

Vợ đá chân xuống mặt nước, như trâu tực. Những đàn đĩa đói nhao nhao lượn theo. Đã thế, ông dìm cho một cái. Nhưng chị ả đã cong chân lên làm anh ả loạng choạng suýt ngã. Thì vừa sang đến bờ bên kia.

Hai con đĩa trâu bám vào bắp chân chồng như hai quả chuối bột. Máu chảy loã lọi xuống gót, xuống cỏ.

Vải tụt trên lưng chồng xuống. Nhìn hai con đĩa lủng lẳng ở ống chân chồng, ả nguyệt một cái.

- Rõ đáng đời !

Chồng nhìn quanh, chỉ thấy bóng nước bóng cỏ. Chẳng nói chẳng rằng, lẳng vợ một cái ngã bệt xuống. Tóc vấy vợ, làm một quần.

Rồi anh chàng ngủ một giấc mê mệ. Đến lúc thấy lạnh bên bả vai mới mở mắt, bốn bên vắng lặng. Ngồi sao hôm lay láy đã lên đằng kia.

Hàng năm, vợ chồng Vải về bên ngoại vào tết nhất hay các dịp gộp giỗ. Cần thận, giữ lệ. Khi con gà, hũ rượu, lại có khi vác cả bó mía, dựng bên bàn thờ làm gậy cúng các cụ. Khi nào gặp mưa, nước ú trong ngòi, chồng lại cống vợ, rồi cống cả con sang bờ bên kia.

Năm ấy, chỉ có hai mẹ con về bên ngoại gộp giỗ. Nguyên vì anh theo bạn buôn lên Mường mua mía về kéo mật bán chợ tết. Khi lên theo đường bộ, về thì cho mía lên bè xuôi sông Đà. Năm nào cũng đi thế. Chuyến ấy ngược, dọc đường cả bọn ngủ lại cửa rừng dốc Cun. Nửa đêm, con hổ ra ăn thịt mất anh ấy.

Năm năm, mẹ con nhà Vải vẫn giữ lệ về góp giỗ. Khi qua ngòi, gặp nước đầy hay nước cạn, mẹ Vải cũng công con lợi. Cu con đã lên chín, lên mười, «chân nó dài bằng cái sào nửa» - người ta cười thề, mẹ vẫn công con lợi sang - người ta lại bảo nhà này chiều con quá.

Một Buổi Tối

Đã lâu mới lại có dịp vào cung Hữu Nghị. Quảng sân thật rộng trước quảng trường 1 tháng 5 vừa chập tối, trai gái thanh niên quần áo màu nâu màu đen sắp hàng từng tốp luyện võ. Gió mát lồng lộng lên những cột cao trắng mờ phảng phất kiến trúc Trung á bát ngát vào khắp tiền sảnh.

Chẳng may, cái thói tôi cứ hay để ý những khác mắt lật vật, tủn mủn. Ngày trước vào cung Hữu Nghị, ngược mắt lên mặt tường lại thấy nhiều chỗ mặt tường lỗ chỗ mất cái nắp ổ điện bằng sứ, cái ấn chuông báo động, báo cháy... ông nào bà nào có thói ăn cắp vặt hay trẻ con nghịch ngợm ngứa tay ở nơi công cộng. Tất nhiên, những thứ nhỏ nhen ấy thật cần thiết nên cơ quan trách nhiệm lại phải lắp ngay cái nắp mới, cái nút ấn mới. Mà rồi lại mất. Lại đưa khác lấy, hay vẫn đưa ấy, cái tính cái bệnh ăn cắp vặt mà. Lắm hôm trông lên tường thấy những chỗ ổ điện chơ vơ, cái lỗ không nắp ở ngay cửa ra vào, tường nhà vệ sinh, ở bậc lối đi, mà toà nhà thì đồ sộ nguy nga mà người qua lại rầm rập, có nhiều khách nước ngoài. Nghĩ cứ ngượng thắm. Bây giờ thì hay rồi. Những bức tường phẳng sáng sủa, đẹp mắt. Chẳng biết cái bệnh thó vặt ở nơi công cộng đã đỡ phần nào chưa,

nhưng mà ở đây tất ấy không thể còn hoành hành được nữa.

Những cái ổ điện đã được lắp chìm vào trong tường. Chắc không có đũa nào mang sẵn cái dùi đi mà đứng lại để loay hoay nạy ra được. Những cái ổ điện, ổ bấm đã sạch sẽ, bóng nhoáng như con mắt hồn nhiên của trẻ thơ. Không ai còn nhớ ở đây trước kia có những cái nắp ổ điện thường bi. mất trộm. Trong nhà hát, đèn sáng choang, những hàng ghế đệm vải hay dạ đỏ rực. Có bốn hàng ghế, khách vào sau đờ phải nghiêng người lách trước mặt nhiều người cải tiến rồi đấy Nhưng tôi vẫn ngờ ngợ có cái gì vẫn như trước. Rồi tôi nhận ra những cái ghế vẫn đóng liền nhau một hàng. Chỉ hơn các hàng ít chỗ ngồi hơn, nhưng vẫn là ghế anh em sinh đôi sinh năm.

(Không được như ở các hàng ghế đầu trong Nhà hát Thành phố, mỗi ghế riêng nhau. Nhưng nhà hát cổ đã cả trăm năm, mặt bằng dốc nghiêng cho đến những chỗ hạng nhất thì trũng hẳn, khi đèn điện chưa bật hết, cái khoảng sang trọng ấy hơi tối. Nhà hát đã được đại tu công phu, vẫn giữ nguyên lối cũ. Các lan can và phù điêu mạ vàng choáng lộn, nhưng ở chỗ hũm ấy thì chao ôi muỗi : mà toàn muỗi đói đốt chổng đít lên vỗ một cái toé máu trong lòng tay. Chắc là vài hôm mới có hội,

người ta sợ ý không làm vệ sinh xịt muỗi trước. Chẳng biết bây giờ Nhà hát Thành phố đã phát hiện ra cái nông nổi muỗi đói rình đốt khách ở chỗ lịch sự ấy chưa).

Xin trở lại, tôi đương bước vào những hàng ghế phủ vai đo ở cung Hữu Nghị. Và cái sự tôi ngờ ngợ có cái gì vẫn cũ, cái gì ấy đương trở lại nhưng không phải là muỗi đốt mà là một ông mới đến chỗ ghế đầu, buông mình ngồi phịch xuống. Cái ghế tôi lập tức rung theo. Vẫn là chuyện đã xảy ra từ mấy chục năm trước. Suốt buổi tôi hồi hộp đợi ông ấy rung đùi, lại sẽ rung cả tôi lên như xưa. Nhưng không thấy. Chẳng biết có phải ông khách nọ không mắc bệnh rung đùi hay bởi là cái ghế tập thể được đánh vít đóng lại chắc hơn trước. Tôi ngồi hạng A, trước mặt không còn hàng ghế nào nữa oách nhất rạp. Trước mặt tôi là một dàn loa cả mấy chục ống phóng thanh to bằng những cái thùng chĩa ra. Một ông bạn tôi ngồi hàng ghế C lúc mới vào đã nháy tôi : «Chuồn xuống đây với tớ ngồi chỗ ấy thì bi. tra tấn đến nơi». Tôi chưa kịp hiểu tiếng lóng «tra tấn» nhưng tôi ngại rắc rối, chen ra chen vào, tôi ngồi yên. Quả nhiên rồi thấy ghê thật, tra tấn chắc là thế này đây. Chẳng biết ở những sàn nhạc lắc, hát lắc, nhảy lắc thì thế nào, ở đây nhạc và hát ca mười cái thùng phóng thanh xô ra đâm vào tai, tiếng nhạc hò hét đỉnh tai nhức óc, giật cả vào trong ngực khiếp quá. Các ông khách nước ngoài

ngồi lảng giềng tôi đã ra về cả. Tôi cố nắn ná, sau cũng đâm hốt, nó rục lên đầu mất, tôi đành phải chuồn. Cũng không nhác mắt vào hàng ghế dưới xem có thấy cái ông xui khôn tôi còn đấy không. Ra cửa lại gió mát hây hây thổi qua hàng hiên những cái cột đá trắng thật mát, thật đẹp. Thoát khỏi những đòn tra tấn, tôi lại nghĩ mình thật lạc hậu lạc loài, người ta ngồi xem ca rập thì sao, nhưng mà ngoài này gió mát trang sáng tôi mới ung dung bình thường lại người, chẳng tiếc rẻ tí nào. Tôi ra bờ hè vẫy cái taxi. Xe bon tới, đỗ xích. Người lái xe nhào ra mở cửa, cuống quýt nói : «Cụ lên nhanh nhanh lên cụ ơi ?» Tôi đã vào xe. Nghe tiếng đập ùng ục đằng cốp xe quay lại nhìn nhìn thấy hai thằng cởi trần, áo vắt vai đương hùng hô chạy theo đá cái xe, lại như toan nhảy lên. Những cái xe đã vút đi. Tôi hỏi :

- Cái gì thế ?

Người lái xe nói :

- Bọn trần đấy. Hai thằng này vừa ập đến bảo cháu : Tao có dao trong người đây. Mày nôn ra một trăm thì tao tha. - Em mới chỉ kiếm được hai mươi nghìn. Chúng nó quát : Không nôn đủ hả ? Giữa lúc ấy cụ và cháu phóng lên, phúc cháu quá. Lại nói : Chúng nó chẳng có dao, có súng trong người đâu cụ ạ. Đói quá đói khát đi kiếm vật ấy mà. Bây giờ nhan nhản, nhiều lắm.

Tôi bỗng thấy thật ngại. Cái thằng lái xe này cũng sắp quay lại quát tôi nôn ra thì sao ?

(Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Nàng Ba Châu Long

Giữa tháng giêng, làng Hạ đã gọi phường chèo hát. Cả vùng bảo làng này trốn hội. Bởi vì giêng hai thì đâu cũng còn thông dong hơi hướng đôi chút Tết nhất.

Nhưng ở đâu thành thói chứ làng Hạ đã lác đác đeo giỏ xách thuổng ra đồng, xuống gò đào chuột. Vừa Tết ra đã phải đi kiếm miếng thịt trời, đi như người ăn vụng, lủi ra đằng công đồng. Không để ai trông thấy, như muốn bay biến trong ngọn gió bắc quất vào mặt. Thì cũng lẽ là cô lo tối hát, như ra ngõ gặp trai, ao ước cái may năm mới đến.

Ngoài sân đình, trống gọi trò vừa gióng vài tiếng, đã nghe trong bờ ao, ở ngã ba góc nhãn trẻ con gọi nhau ới ới, đã rộn rã ra vui rồi.

Làng Hạ chẳng có nổi cỗ kiệu long đình. Hằng năm, đến ky. thánh, ông từ ra đình thấp bó hương đèn. Họạ may mới có năm đi chợ xa tậu được con bò dắt về mổ chia ba giáp rồi ngoài sân đình có tối chèo. Thế đã linh đình rồi.

Các cụ kể : ông thành hoàng làng ta hóa thiêng lắm. Nửa đêm, người đi úp cá trộm, người thò tay khoắng

vào chũm, phải con rắn lục cắn, người ngã xuống ngay trên cái nơm. Được giờ linh, chỗ ấy mỗi đùn thành gò đến tận bây giờ. Người thiêng lắm, nhà bi. mất trộm, bi. lừa, hay ai cầu xin thế nào, hay đem lễ ra đình khấn.

Có được thế nào cũng chỉ nghe vậy. Cái làng Hạ chỉ uống nước lã mà chèo hát sông, ai cũng bĩu môi, ấy thế mà rồi nhiều người kéo đến xem đông thế, vui xem hát nhặt xem bói, bao giờ chả vậy.

Phường về lúc xế trưa. Cả bọn qua chợ đã ngã vào hàng cơm. Gồng gánh lội bộ từ sớm mai bên kia sông sang, đến quá bữa mới được lưng cơm. ấy thế mà mới cạn bát rượu, bác trùm đã ngã nghiêng đứng lên.

- Hôm nay được ngày, làng đương mong, trông gọi đấy. Đã có người ra ngóng cổng làng.

- Hát lấy may, hôm nay tốt ngày. Mấy cô gánh dâu ở ngoài bãi về.

- Còn hát lấy duyên nữa, các cụ ạ.

Tiếng con trai con gái ở đâu cười vang động. Nhưng trong đám chẳng thấy có nữ. Phường Bắc đã được tiếng kếp nam đóng nữ khéo đến đổi tan trò rồi mà trai các làng còn quanh quẩn nhòm ngó đến khi sáng ngày ra, trông vào mái lều trong tam quan chỉ thấy toàn đàn ông

còn ngái ngủ ngồi lồm nhồm.

Có chàng ngơ ngác hỏi :

- Cái cô Châu Long tối hôm qua đâu nhỉ ? Bác trùm cười hề hề nói :

- Con ma gốc gạo bắt cô ấy đi từ tan trò tối hôm qua rồi, không biết à ?

Ồi chao, chẳng cứ trai làng mê vai Châu Long đêm chèo để thương để nhớ đến cả cho bao nhiêu cô gái trong làng nữa kia.

Tung, tung... Bung nhóc... Bung bung nhóc... Chiếc chiếu mộc thúng giữa đã được nhà mỗ trải ra sân cửa đình. Đôi hòm gỗ nhà phường kê đằng góc che tàu lá dừa. Đào kép thì đến đằng ấy, ngồi ghé lên mặt hòm cạnh cái đèn hoa kỳ.

Bôi phấn, vẽ râu, kẻ lông mày, thay xống áo xong rồi vào chiếu ra vai.

Nhà mỗ cũng đã đóng cọc chằng thùng, kê chiếc ghé dài ra, một ông kỳ mục chít khăn mặc áo dài thâm ngồi bên cái trống cầm châu. Cũng không ai biết cầm châu thưởng phạt câu hát, mà chỉ thỉnh thoảng điểm tiếng tùng, tiếng các giữ nhịp cho âm đám, lại còn ra vẽ người

bề trên ở chôn đình trung.

Trống và nhi. theo tiếng hát vỗ nước đã réo rắt rào rạt nổi. Chung quanh ngoài kia tùm tùm người cha tới đám đã biết tới nay tích Lưu Bình, Dương Lễ - tích trò éo le mà có hậu được hát mở hàng.

Trời đã tối hẳn. Một chiếc đèn ba dây treo lên cảnh nhân. Người ra vai đứng giữa chiếu mà bốn phía nhìn được, lại thuộc cả tích diễn, cả câu hát. Cái lúc Lưu Bình sang thăm Dương Lễ đồ được bỏ về làm tri huyện sở tại. Này này thằng lính lệ sắp bùng ra cái mâm gỗ có quả cà bát làm bằng nắm đất thó lẩn lóc. Thế mà như thật. Lưu Bình cau mặt phủi áo đi. Lưu Bình vừa vào khuất thì nàng ba Châu Long đã khăn gói bước ra, quan Dương Lễ đứng trong hát với ra dặn dò vợ đi nuôi bạn.

Nàng Ba đuổi theo Lưu Bình, đến quán Nghênh Xuân thì gặp Lưu Bình đương dăm dăm nhìn dòng nước chảy, Lưu Bình phần chí định trầm mình chết trôi sao ? Châu Long bước vòng qua, hát mấy câu đường trường thì vừa tới kịp.

Châu Long khuyên nhủ rồi đưa Lưu Bình về nhà. Từ đây, canh củi và đèn sách bên nhau, hẹn bao giờ đại đăng khoa thì tiêu đăng khoa. Chỉ trên mặt chiếc chiếu, quanh quanh với bước đi và câu hát mà đủ mọi sự tình,

đêm hôm và mưa nắng, mùa hạ sang mùa xuân, mấy năm qua. Luống những đầu mày cuối mắt mà ra hờ hững, mà lại dường như định ninh một câu thương nhớ ở đâu rơi xuống, đấy là Châu Long tự thân hay là ông trời xanh trong đêm đen kia than thở bỏ lời hộ người.

Những tưởng lúc chiều đông tựa cửa
Ngao ngán thay cho cảnh vợ xa chồng.
Ngao ngán thay cho cảnh vợ xa chồng.

Ồi a... tình bằng... thế mà mê toi lẫn lóc cả cái sân đình. Chị em cái Vôi, cái Nụ thương Châu Long quá. Châu Long đẹp thế, mỗi lúc một đẹp hơn, thương hơn. Tấm áo nâu non vạt thắt quả găng, cái khăn thâm mỏ quạ mà như cô tiên, cô tiên giáng trần tu duyên tích đức. Thương quá. Nước mắt cái Vôi ứa ra lúc nào, đêm tối chẳng ai trông thấy ai, Vôi mặc cho nước mắt chan chứa xuống. Chốc chốc, cái Nụ lại kéo áo chị, nhất là đến những khi đêm hôm Châu Long ngồi trong khung cửi, Dương Lễ nằm ngoài trường kỷ đọc sách, chốc lại buông sách xuống đứng lên những toan bước vào. Nụ lại kéo áo Vôi, không biết là nó muốn Lưu Bình bước vào buồng cửi hay nó bảo chàng đừng... Mà sao lúc ấy tiếng hát Châu Long trong vắt, hay thế, yêu thế. Chị em Vôi cứ như người thất thần cho đến khi trống tan trò, mọi người gọi nhau tìm đóm làm đuốc về, bấy giờ mới

như sức tỉnh ra.

Đêm mười sáu, trăng tháng giêng, trời mù mịt trắng sương. Đóm đuốc về các ngả, bỗng rậm rịch bọn người chạy lại.

- Bắt lấy nó ! Bắt lấy nó cho ông !

Qua điểm canh, thấy mấy người bi. trói giắt cánh khuỷu vào chỗ cái giá cắm đinh ba, câu liêm.

- Kẻ trộm à ?

- Ăn trộm người thôi !

- Thiên hạ đến chim gái làng thì cứ việc gô cổ lại.

Một người nói to :

- Chúng ông công con phường chèo thì bận gì đến nhà chúng mày !

Thì ra lúc tan trò, lũ này háu quá chui vào kéo cô Châu Long. Bọn trai làng xông tới, bắt được trói về đây. Bây giờ không biết thế nào, đâm ra lục đục cãi vã. Người nói chớ vào : «Gái làng chẳng phải, họ hàng cũng không, khéo ghen hã». Cứ thế âm ỉ, loạn xạ.

- Đứa nào chửi ông ? Đứa nào ? Như sắp choảng nhau to đến nơi.

Chị em Vôi chạy vội vào trong xóm. Nụ cười rinh rích : «Thế mới rồi hơi, chẳng bận gì đến ai mà cũng nhiều sự». Vôi nói :

- Nhưng mà thấy đẹp quá đâm ra đỏ mắt, tiếc của giờ.

Hai chị em tới nhà. Mẹ đã cài cửa liếp. Vách trong, tiếng tầm ăn rồi trên nong nghe rào rào. Vôi và Nụ chui vào cái giường nan vầu không mễ lót lá chuối khô trong bếp. Hai đứa đắp chung cái chiếu đơn, co quắp mãi chưa ngủ được.

Vôi nói :

- Cái Châu Long đẹp nhỉ, tao cũng mê.

Nụ lặng im rồi thì thào :

- Nó là thằng kếp giả gái đấy, thằng kếp thế em mới thích.

- Mà chỉ nói nhảm !

Chị em lại quần quai, trần trọc. Mỗi người một ý nghĩ cũng nên, cái ngủ khó đến quá.

Chẳng mấy lúc đã mờ sáng. Vôi trở dậy đi hái dâu. Vôi sắp quang sọt sớm hơn mọi khi, lúc mẹ cha dậy mở then liếp. Nụ để ý. Nụ ngờ phải. Vôi không xuống bãi ngay. Vôi rón rén vào góc cột tam quan, đến chỗ bọn phường chèo nằm. Cả đêm không chợp mắt, có lúc mơ mơ màng màng ngỡ Nụ là cái Châu Long. Thế mới bỏ vợ !

Nhiều người nhà phường còn vui đầu trong ổ rom. Một bác đã có tuổi, quần cái khăn tai chó, nhận ra bác ấy đêm qua ra vai lính hầu quan Dương Lễ bung cái mâm gỗ với quả cà giả vờ. Tần ngần, không biết hỏi thế nào, cứ đứng một lúc rồi Vôi mới xuống bãi dâu.

Đến bên con đìa cạn trơ bùn, thấy có người lúi húi nhấc cái chũm đơm cá. Sáng sớm còn rét cắt ruột mà anh chàng giơ cái lưng trần tròng trọc, có lẽ đêm ngủ cởi trần. Hai con mắt sắc đuôi lá răm, cái môi đỏ như đương ăn miếng trầu cay thế kia, trông đích là cái Châu Long đêm qua. Con Nụ tinh quá. Vôi ngậy người, buông chiếc đòn gánh xuống mà không biết. Rồi áp úng :

- Có phải... có phải...

Chàng nọ nhấc cái chũm bê bết bùn lên, nói tự nhiên :

- Phải, cái nàng ba Châu Long ấy mà. Đi đâu sớm thế?

Vôi nhác thấy trên mặt người ta còn một mảng phấn hay vôi dính chỗ hàng lông mày rậm. Nhưng miệng nhanh nhẩu thì vẫn xinh, vẫn cái duyên đậm qua.

Vôi che nón lên.

- Em ra bãi hái dâu.

- ở chỗ này, con cháu con chạch cũng chẳng được. Ngoài bãi có đìa nước...

- Có đìa, nhưng chẳng biết có cá không ?

- Con nhái cũng được bữa đấy.

Rồi chàng ta xoe quần lên tận bẹn, vẫn cởi trần tơ hơ thế vác cái nôm. Tay đôi bước thong dong, như vẫn xuống bãi thường ngày.

Cả nửa buổi trong cánh dâu chẳng úp được con quái gì. Mà Vôi thì lại quang sọt về không. Khuya hôm ấy, Vôi ôm Nụ, cời khê :

- Nó không phải con gái. ừ...

- Em đã bảo thế rồi mà.

- Sao mày biết, mày là con ma xó à ?

- Trông hai cái chân to như bàn cuốc, em biết ngay. Với bụng Nụ ra. Quả là con bé khôn hơn con ma.

Đêm nay phường ra chèo Trương Viên, ngày mai rã đám. Với nói :

- Tích Trương Viên buồn lắm, tao chẳng đi xem nữa đâu.

Nụ đi một mình. Một lúc đã về, lạch cạch cây liếp. Với vẫn chưa ngủ. Nhưng hai chị em không nằm ôm nhau như mọi đêm. Nụ lẳng lẳng xuống ổ rơm cửa bếp. Một lát, đã nghe tiếng thở rờn rờn. Nó đi cày ải cả buổi, ngủ mệt. Với cũng xuống bãi hái dâu cả ngày, mỏi bã vai. Nhưng Với không ngủ. Với không muốn ngủ. Sớm mai, người ta đi rồi. Đã hẹn gà gáy tan canh ra cổng làng chờ nhau. Rồi bao giờ mới lại gặp ? Tiếng gà xa xa mới tha thướt, còn khuya. Hai mắt Với cứ chong chong.

Trong bóng tối, Với chợt nghe không thấy Nụ cựa quậy trong ổ lá, im cả tiếng chập chờn. Với lạ. Rồi Với giật mình. Với nhồm dậy. Thấy gian bếp như lạnh hắt. Với sờ cái thùng vẫn vắt vác áo. Không thấy chiếc thắt lưng tam giang Với đã để sẵn ra đây đợi thất.

Với quờ tay vào ổ rơm. Chẳng thấy Nụ đâu.

Vội chạy ra ngõ. Qua điểm canh, vẫn thấy mấy người trai làng khác, không biết có bị. trời không, chúng nó ngả vào nhau ngủ ngời rụi đầu vào vách điểm. Đêm rã đám mà vẫn còn đuổi đánh nhau chuyện ghẹo gái.

Cái công tam quan lợp lá tối lù lù như mọc cây rom. Vừa lúc trong chân tre các xóm, tiếng gà gáy tan canh sôi lên. Trong ổ rom đã có người lúi húi dậy, ra nhóm lửa.

Đám chèo gồng gánh đi sớm. Cho đến lúc đi hết người cũng chẳng thấy người ta đâu. Vội về dựng cửa liếp. Mẹ ngồi trong ổ rom, hỏi vọng ra :

- Cái Nụ đấy à ?

Vội bật khóc nức nở :

- Cái Nụ đi theo thằng phùng chèo rồi.

Tháng giêng năm sau, làng Hạ lại chèo hát như mọi khi. Năm nay có phùng xứ Đông lên xin đám, hôm mở đầu cũng ra tích Lưu Bình, Dương Lễ cho làng nước được bói chèo lấy may. Người ta lại cứ việc cười làng Hạ nghèo rớt, năm sớm ky. thánh chẳng lo nổi con bò chia hàng giáp, chỉ hát chèo uống nước mưa, biết có ma nào đi xem. Thế mà rồi lại cũng như mọi năm, tối nào cũng đông bọn ngời, và nửa đêm còn rình rập đuổi bọn

traí lạ ghẹo gái làng, vừa quát chửi nhau, vừa cười hề hề.

Năm nay có cái tò mò, cái khác mọi khi là nhiều cô con gái trong làng, từ lúc bọn phường xứ Đông vừa ăn uống ở chợ xuống, đã ra nhòm ngó phường này có nàng Châu Long thật hay Châu Long giả.

Câu chuyện cái Nụ đi theo thằng Châu Long năm trước hãy còn râm ran. áp Tết vừa rồi, Nụ cùng chồng ẵm thằng cu con về tạ tội với mẹ. Có chai rượu và một cành cau bỏ trong cái tay nải, chồng đeo trên vai.

Vôi vừa quảy đôi sọt lá dâu về đến ngõ. Anh chàng nhác trông đã nhận ra cô này mới phải cô hái dâu cái sáng sớm hôm mình đi đánh chũm ngoài địa. Có chết không, lúc gà gáy ấy còn tối đất, chỉ nhớ cái thất lung nhiều tam giang, thế là lòi nhau đi.

Nụ bế con ra trước mặt Vôi, cầm hai bàn tay thằng cún chưa đầy tuổi tội đồ hơn hỏn. Nụ cười cười :

- Con lạy bá đi nào !

Ngủ Bụi

Đọc cái phóng sự ngắn trên báo Công an Nhân dân tháng 5 năm 1999 mà cứ thấy mỗi chữ một rợn. Hay là vì lâu nay đêm hôm không mấy khi tôi ra đường nên mới sinh ra cái sợ thế.

Bài báo cho biết rằng bây giờ tôi đến, ở ngoài phố có năm loại người ngủ đường ngủ chợ, thường thấy ở các phố, ở đầu ô và trên mặt đê nhiều nhất. Những nơi trú ngụ ma biến không nhà cửa phần nhiều ở quanh chân cầu, gầm cầu và giữa bãi cỏ, chỗ khuất gió. Đủ thứ lều bạt, cọc, dây căng, dựng lên, sáng ra lại rở đi từ lúc chưa tường mặt người. Hạng sang có màn, chiếu hoặc giường gấp giá thuê cao nhất đến bốn nghìn. Tuy vậy hạng nào cũng chỉ như nhau, khách tự do «ba xoa, hai đập» - nghĩa là ngồi đập chân mấy cái rồi lăn ra ngủ và sáng ra đưa tay lên xoa mặt, như con mèo giờ chân rửa mặt khan.

Có hai loại ngủ đường nay đây mai đó, mà số phận mỗi đêm cứ may rủi không như nhau, một cái màn tã, buộc hai múi dây vào mép cửa sắt nhà nào đấy. Sáng sớm, chủ nhà mở khoá trong - có khi chủ nhà ở đâu đến, mở khoá ngoài thấy người lục đục trong màn, thế là đuổi đánh túi bụi. Nhưng cũng có khi gặp vận đỏ,

người ta mở cửa lại giúi cho năm trăm một nghìn «công canh cửa đêm hôm». Lãi quá. Còn ngủ xó tường, những người bạ đầu nằm đấy, chẳng bận đến ai, mặc mưa mặc rét, thì chớ thấy ở đầu ô Kim Mã có một nhà trọ hẳn hoi, nhưng mà loại này lộn xộn yêu tinh nhất. Khách có đấy là mấy chục đàn ông, đàn bà ngủ chung. Hai hàng chiếu trải dọc nhà, hai ngọn đèn trên trần sáng suốt đêm. Mọi người nằm úp thìa, đầu đàn ông đầu đàn bà chổng ngược nhau, chân hai bên thò ra mép chiếu đằng kia.

Cũng theo bài báo viết, mỗi ngày bây giờ có chừng hai ba trăm nghìn người lang thang các nơi vào thành phố kiếm ăn. Như vậy, cũng độ ngần ấy người ăn ngủ quờ quạng trong bóng đêm ma quái ấy. Lão ấy tò mò đến các quán trọ đầu ô Kim Mã. Thành phố vừa lên đèn, lão lò dò đi. Cái nhà trọ đàn ông và đàn bà nằm chổng đầu vào nhau ở đầu ô hỏi một cái người ta chỉ cho ngay.

Mới chập tối chưa mấy người về, lão chưa trông thấy cái cảnh nằm ngổn ngang xuôi ngược như trong bài báo đã viết. Nhưng hai hàng chiếu đã trải, và trong ánh đèn điện lù mù muỗi bầu đã có những người trông nhá nhem chẳng biết đàn ông hay đàn bà, từng bọn ngồi thì thảo rì rầm. Một người đàn ông cởi trần ngồi ngay ngoài, cửa. Hắn gầy móp, hai cánh tay như hai ống sậy. Nhưng tiếng hắn quát rất to :

- Thằng già kia, đi đâu ?

- Tôi... tôi...

- Chích..., choác... hả ? Có muốn chết không ? Cút ngay.

Hắn xô đến, đẩy hất lão ra cửa.

Năm trước, tôi có dịp đến thành phố Quảng Châu. Quảng Châu có sáu triệu dân, đông hơn Hà Nội nhiều, cũng là thành phố đang phát triển. Cũng tương tự Hà Nội, số người đến thành phố tìm việc nhiều nhất là người lao động ở quanh vùng các làng quê ra. Thế mà trên đường không thấy đâu có chợ người như ở các đầu ô thành phố ta.

Tôi hỏi :

- Quảng Châu giải quyết vấn đề người trong làng ra thành phố tìm việc thế nào ?

Trả lời :

- Chúng tôi có kế hoạch về làng lấy người. Tất nhiên có đủ loại người, loại việc phức tạp, việc tự do ra thành phố.

Tôi đã trông thấy thế và nghe nói thế ở Quảng Châu, xin kể lại.

Nguồn : Cái áo tể (Tập văn, truyện ngắn Tô Hoài, nhà xuất bản Hội Nhà văn 2004)

Nhà Nghèo

Họ thường cãi nhau vì những có rất nhỏ nhen, không có nghĩa. Cái đó cũng đã thành một thói quen. Lúc nào họ ngựa miệng, muốn to tiếng, là to tiếng liền. Hàng xóm bốn bên bị. nghe chán cả tai, không buồn nghe nữa.

Cũng như thế, hôm nay hai vợ chồng anh Duyệt cãi nhau làm ầm lên. Đầu tiên, có gì đâu ! Khốn nạn, câu chuyện rắc rối chỉ chớm như thế này :

Anh Duyệt thì nằm trong nhà, ghéch hai chân lên cột, ư ử mấy câu Kiều lấy : Trăm năm trong cõi người ta. Chữ tài chữ mệnh mấy là ghét nhau. Anh ngâm đương có hứng. Cái cột nhà rung lạch cạch với hai bàn chân. Chị Duyệt ngồi đụp áo ngoài sân. Bỗng nhiên, không hiểu việc gì, chị ta muốn tìm cái Gái. Trông ngoài đầu ngõ không có. Chị gọi :

- Gái ơi !

Không có tiếng đáp. Chị réo :

- Ô ơi... Gái... ơi ơi... Gái... Vẫn im.

Chị lại réo :

- Ô ời... Gái... Cha đẻ mẹ con chết dẫm, ngã xuống ao xuống chuôm nào rồi ! Đương ngâm vịnh có người làm rằm rĩ, hồng mất thú.

Anh Duyện nói trở ra :

- Làm cái gì mà nhặng lên thế ! Có im đi không ?

Chị không im. Chị nói thêm :

- Người ta gọi nó mà cũng cấm hả ?

Chưa thôi, chị lại đây :

- Nằm chổng lên đấy, hát với hồng, được cái tích sự gì !

Cái chỗ này mới là cái tức. Vợ anh bảo anh nằm chổng lên đấy, hát với hồng. Ra ý mĩa anh không đi làm bữa nay, vô tích sự đấy. Nay, trời ! thực con đàn bà kia ăn nói những điều phụ công phụ của quá đỗi. Cả năm anh đi làm quần quật. Họa có ngày «đăng ấy» người ta hết việc, mới được nghỉ như hôm nay. Rồi rĩ thì anh nằm một tý, chứ sao. Nó láo quá. Anh ta bèn mắng :

- Tao bảo cho con què biết rằng hai cái bàn tay này mà rời việc ra độ mười bữa, thì mẹ con nhà chúng mày rĩ hòng ra ! Đừng có...

Anh cũng không biết «đừng có» thế nào nữa. Anh im. Chị Duyên đáp rằng :

- Người ta làm lắm người ta ăn nhiều chứ ! Đây què thì đây cũng làm sao. Thử sờ lên gáy mà xem.

Thế là người ta đã nói cạnh nhau. Chị Duyên vốn có tật ở chân bên phải từ thuở lọt lòng. Không bước được ngay ngắn chị đi tập tễnh, tập tễnh như con vịt què. Đã mang tật lại là con nhà nghèo, nên ngót ba mươi tuổi chị mới lấy chồng. Mà chồng cũng chẳng được ra hồn chồng. Anh Duyên nguyên là người ở đâu đến ngụ cư ở đây. Ngụ cư đi làm mướn, chứ cũng chẳng danh giá gì, lại thêm lưng có cái bướu. Bướu đi thực ưỡn ngực mà nom vẫn như đeo thè lè chiếc nậm rượu giữa lưng. Khi anh gặp chị, thì đôi bên đã là cảnh xé muộn chợ chiều cả rồi, cũng dư dãi mà lấy nhau tự nhiên. Và họ sinh con đẻ cái với nhau cũng thực là dư dãi và tự nhiên. Hai năm một, ba năm đôi thắm thoát có mấy lứa mà đã riu rít được những ba đứa.

Con Gái, con bé đầu lòng. Rồi thằng Cường, thằng Chân. ấy là bỏ mất hai đứa về sau, nếu không, còn lút nhút những năm đứa. Thêm ba miệng con ăn, cũng đã là khổ lắm rồi. Nhiều khi vợ chồng cãi nhau om sòm lên cũng chỉ vì vấn đề mấy đứa trẻ nhãi ăn không ngồi rồi đó. Con Gái nhón, đã biết nhiều lần cha mẹ cãi nhau, nó

hóc thút thít. Thằng Cẩng thì dất thằng Chân, xúm lại xem. Chúng nó đứng tây ngáy. Mắt ghéch lên, hai tay chắp ngoặt sau mông, ra điều nghe ngóng.

Bữa nay, hai vợ chồng cãi nhau, thì chúng đi chơi vắng. Nhưng đến lúc cơn bão cãi nhau nổi hăng chúng ở đâu lù lù dẫn nhau về. Con Gái công thằng Chân. Thằng bé ngất ngưỡng ngủ, ngoẹo một bên đầu, dãi và nước mũi chảy lòng thòng. Thằng Cẩng chập chững đi sau lưng chị. Nó giả cách đương làm quan. Cầm cái roi lá nó cứ phết đen đét vào cánh tay chị Gái, và chửi rầm rĩ. Nhưng vào đến trong sân, nghe tiếng bố mẹ nói to, Gái đứng yên mà Cẩng thì tung hứng, Chỉ có thằng Chân vẫn ngủ khò khè. Lúc ấy, cậu quá anh Duyệt vừa nói nặng vợ một câu.

Anh vừa nói xong, thì người vợ vừa trông thấy lũ con dẫn nhau vào, chị ta liền lu luoa :

- Ấy đấy, chúng mày về mà nghe bố chúng mày chửi tao.

Cậu, anh Duyệt vắng :

- Ủ, ông chửi cha con què đấy.

Lập tức mẹ Duyệt ôm mặt, khóc tí tí. Rồi mẹ lên điệu kẻ lể. Nhưng không phải là kẻ lể với chồng, hay với ba

đứa con, mà là kẻ lẻ nỉ non với cái bức vách trước mặt.
Mụ khóc kể rằng :

- Ôi thiên địa trời đất ơi ! ời cha ơi ! ời mẹ ơi ! tôi ăn ở với người ta chẳng gì cũng năm bảy mặt con, con sống, con chết có, mà nỡ nào người ta réo ông réo cha tôi lên. Cái thân tôi cực nhục trăm đường.

Tôi buộc bụng nuôi con... hu... hu...

- Mày đẻ lắm thì mày nuôi nhiều....

- Ôi ông cả bà lớn ơi ! ... A bấy lâu tôi nằm (ở) với... chó đấy a...

Anh Duyệt đừng đừng chạy ra, định thui.

- Chó này !

Nhưng anh chưa thui, vợ anh đã lăn kênh ra. Tay chân múa lên đành đập. Miệng rên rĩ :

- Anh đánh chết tôi đi ! Anh đánh chết tôi đi !

Hai đứa con thấy bố làm dữ, sợ quá ôm dúi lấy nhau khóc inh ỏi. Nằm trên vai chị, bi. thức giấc, thằng Chân cũng bật khóc theo. Cả một góc xóm vắng lên những con chó, nằm rồi chẳng biết chuyện gì, cũng hóng mồm cắn xuống. Anh Duyệt tức lắm rồi, cơn nóng kéo đến

đầu anh. Những chiếc gân xanh ở xung quanh trán và cổ nổi chiếc đũa lên. Giậm hai chân bạch bạch, anh quát :

- Ông giết chết cả lũ ! Ông giết chết cả lũ, rồi ông đâm cổ ông xau. Những của nợ kia, ông xura chúng mày trước, rồi đến con mẹ chúng mày.

Những của nợ khiếp vía, búa nhau, chạy miết. Chị Duyên cũng lật đật trở dậy, ôm váy lạch đạch ra ngõ. Duyên quay vào bếp, tìm được con dao phay hồng học chạy ra, thì cái sân đã không còn ai. Anh quẳng con dao đánh «choeng» một tiếng xuống đất.

- Từ giờ đến chiều ông bắt được đũa nào thì ông giết chết tươi. ôi trời ôi ! Chúng mày làm khổ ông ! Ông mà đến nổi thân tàn ma dại thế này, cũng vì chúng mày. Chứ một mình ông đâu đến nổi.

Ngoài ngõ có tiếng nheo nhéo đáp vào :

- Nào tôi ăn tàn phá hại gì của ai ? Nào tôi bòn rút của chim của nổi gì của ai ? Một lời nói một đọi máu, ăn nói còn có trời đất, có quỷ thần hai vai chứ !

Thế này thì Duyên uất đến chết được. Nó cứ núp ngoài kia mà dội vào từng tiếng. Anh đuổi, nó lại chạy. Anh uất quá, uất quá. Uất run mười đầu ngón tay bần bật. Anh phải đập một cái gì cho đã. Trong nhà chẳng

có thứ gì khả dĩ đập được. Cái giường, cái án thư, cái cột, toàn những đồ gỗ đau tay. Có con dao, thì anh đã đập lên đập xuống nhiều bận rồi.

Ngoài cửa, con mụ lẩm điều lại la trời, la đất. Trời ở đâu mà la. Đất thì giẫm dưới chân đó. Kêu lẩm mỗi miệng. Nhưng mà như chọc dao vào trong óc anh. Vụt một ý, anh Duyện cũng kêu rất lớn :

- À, mày đã khỏe to hòng, ông đốt nhà cho mà xem.

- Anh đốt nhà thì hàng xóm bắt vạ anh.

- Thì ông đi ngồi tù cho chúng mày đi ăn mày cả lượt...

Mụ vợ đứng ngoài bờ rào, ngó thấy chồng hăm hở, hục hặc đi tì lửa, vội kêu chóc :

- Ôi ông cả bà lớn ôi ! Nó đốt nhà... Thằng Duyện nó đốt nhà... Nó...

Chẳng có ông cả bà lớn nào chạy đến. Ai cũng đi làm muộn, cửa ngõ đóng trở ra. Nhưng rồi loanh quanh mãi vẫn chưa thấy anh Duyện đốt được nhà.

Thì ra, bởi vì nhà không có một chút lửa. Đã hai năm nay, chưa mua được một bao diêm nhỏ. Mỗi bận thổi cơm, cái Gái vẫn phải ra tận đầu xóm xin lửa. Và tối thì

đi ngủ cùng mặt trời. Biết vậy, chị Duyên yên trí, lại sắp hồ trời hồ đất. Xong đã nào thôi.

- Mà y tưởng ông sợ ? Ông đi xin lửa cho mà xem.

Có lẽ anh toan chạy đi xin lửa thực. Và chị vợ cũng sửa soạn kêu nữa. Nhưng trên không trung, từ ban nãy, ông trời bao la đương đau bụng, xám xịt lại. Bụng ông sôi ục ục, reo róc róc. Bấy giờ bỗng nổi gió giật, lạnh ngắt, rồi đổ xuống một trận mưa lớn.

Bấy giờ là đầu mùa hè. Trời đất rất ít mưa. Những đã có trận nào thì mưa rõ cho ra chuyện. Trận mưa đó thực to. Trời đen kịt. Nước xối xuống rào rào, trắng xóa. ở những vườn chuối, nước dội lòng bùng như trống đánh. Từng cơn gió chạy dài rít lên đập đùng đùng. Những mảng sân thấp, nước ngập lưng thêm. Được độ một lúc lâu, mưa dần dần ngớt. Những đám mây nước tảng mỏng bay nhanh như biển. Mặt trời lộ ra. Trời đất sáng ngời. Mầu lá cây xanh muốt. Những con chim sáo sậu nhanh nhẩu bay linh tinh, hót từng hồi véo von thực dài. Mưa tạnh.

Bấy giờ khắp làng bày ra một cảnh lạ mắt. ở các ngõ lộ nhỏ chạy ra từng đám người. Đàn ông thì cởi trần tròng trọc, đánh chiếc khố đơn. Đàn bà phong thanh cái yếm, đội sùm sụp chiếc nón. Còn trẻ con thì trần truồng

như những viên đá cuội. Người ta chạy đồ xô ra các ngạch cổng, các bờ ruộng và các luống vườn. ở tay mỗi người cầm một cái giỏ. Họ chen nhau, chạy tới tấp.

À, trời vừa mưa xong. ở những mặt sân đất, sôi bong bóng. Trong các lỗ giun ngập nước quần quai tòi lên. Trong các bụi cây rối và ướt, từng đàn nhái và từng đàn châu nháy ra. Nhờ có trời mưa ngập nước, con giun con sâu nhol lên, chúng ra kiếm ăn. Những con nhái cồm mình lấm tấm xanh. Những con nhái chỉ dòng dọc trắng chạy suốt lưng. Những ông nhái cụ, to và đen nhũ con cóc, nhảy oai vệ và chậm chạp. Châu cũng đủ các hạng to nhỏ. Những chúng lớn hơn nhái, da dề bóng mỡ, thân hình có chạnh, có góc rõ ràng. Đôi mắt lồi cuờm lơ lảo. Vòng chân xếp lại, nhảy thoăn thoắt, rất nhẹ. Chúng đớp kiến và giun nhanh quá. Cái mồm há ra đỏ hây, tép một cái lại ngậm. Tép, tép, tép. Chúng đớp nhoay nhoáy. Chúng kéo ra kiếm ăn.

Và người ta cũng kéo đi cả đàn cả lũ để bắt nhái và bắt châu.

Không hện, mà cha, con, chồng, vợ nhà Duyệt cũng ặp nhau trong cái đám đông đi bắt nhái bắt châu này. Mưa tạnh, chị Duyệt chẳng biết trú ở đâu xon xon chạy về lấy giỏ. Thì chị đã thấy khuyết hai cái rỏ treo trên đầu bếp. Anh Duyệt và cái Gái đi ra vườn rồi. Thằng Chân

và thằng Cẩng đã được con bé nhốt cẩn thận vào bầm phản, bốn bề chắn gỗ kín đáo. hai đứa trẻ loanh quanh cứ bò lấp ló như hai con chó con. Chị và bố chúng đi bắt nhái. Anh Duyệt đã quên giận vợ, nghĩ đến bữa cơm chiều nhiều hơn. Bữa cơm mà cái thịt nhái nướng thơm phức, chấm với muối ớt, nhai dòn rau rầu, ngon tuyệt.

Chị Duyệt cung cúc vác giỏ chạy. Người ta đã đồ ra nhiều quá không bắt mau, hết mất. Chị gặp chồng. Cái thằng phải gió đó chịu khó vờ nhái ra ráng. Mặt nó không sung sĩa lên nữa. ấy vậy mà lúc này nó đã hùng hổ định giết con, giết vợ và đốt nhà.

Chị Duyệt gặp cái Gái. Nó giơ giỏ lên khoe với u. Cái giỏ đã được lưng lửng. ở trong nhái xô nhau oe oé. Con Gái nhe hai hàm răng sếu đen xín, cười toét. Rồi nó lại lư mư vác giỏ xuống một vệt ao gần đấy. Trong khi mẹ nó tắt tả đi ra miệt đầu đình.

Gái rón rén bước. Nó vạch xem từng ngọn cỏ. Những cây cỏ nước xanh om, vươn cao ngọn, lò xo cửa vào người, khiến nó ngứa ngáy khó chịu. Nhưng mỗi lần túm hoặc vờ được một chú nhái bẻ gãy hai chân sau bỏ tót vào giỏ, thì nó lại cười tùm một mình. Nó lần theo vệt ao, khuất sau mấy rặng dừa đại lồm chồm. Nhái nhẩy lồm bồm xuống nước. Những chòm dừa xòe những cẳng tay gai góc ra xung quanh.

Cuộc bắt nhái đã vãn. Ai nấy ra về. Anh Duyệt xách giỏ về trước. Thử đến chị Duyệt. Thằng Chân và thằng Căng phải tù trong gầm phản đang khóc be be. Chị Duyệt đưa cái giỏ nhái của mình cho chồng rồi chạy lại gỡ gạch, bế hai đứa con ra. Chị nựng con cho chúng nín. Anh Duyệt ngồi ngẩn ngơ nhìn hai giỏ nhái. Nét mặt anh đờ đẫn. Có lẽ anh đương tưởng tượng đến bữa nhắm thú vị. chiều nay. Bỗng chị Duyệt nói :

- Nay, con Gái chưa về nhỉ ? Nhà đi gọi nó xem...

Giọng chị ả dịu lại. Chính anh Duyệt cũng không còn tưởng tượng được rằng lúc nãy mình vừa cãi nhau kịch liệt với vợ. Anh đứng dậy, đi ra ngõ. Vừa đi, anh vừa lẩm bẩm : «Tiên nhân con tuyệt tự, đi đâu thì chết dấp ở đấy». Rồi anh gọi :

- Ố ! Gái !....

Ở trong sân, vợ anh nói với ra :

- Nó đi về phía ao nhà ông cả Tràng ấy. Để mẹ con ranh con !

Anh Duyệt lội xuống bờ ao nhà ông cả Tràng, về phí có nhiều cây dừa dại, thì anh trông thấy cái Gái. Nhưng anh thấy cái Gái nằm gục trên cỏ, hai tay ôm khư khư cái giỏ nhái. Lũng nó trần xám ngắt. Chân tay

nó co queo lại. Vừa lúc ấy, miệng nó ngoáp ngoáp mấy cái; đôi mắt lộn lòng trắng lên mấy lần. Rồi nhắm hẳn. Chân tay nó duỗi ra. Con bé giãy chết rồi.

Người bố nhìn đứa con giãy chết rú lên một tiếng quái gở. Tuy cuống lăm, nhưng anh cũng còn nhìn thấy ở ngay bên vệ ao trên lớp bùn phẳng mới nguyên một lồi bờ dài như cái sào lúa còn hẳn lại.

Duyệt cúi lay xác con bé. Anh nghĩ chột rằng bấy lâu nó vào cửa vợ chồng anh, cực khổ trăm đường. Trong người nó có bao nhiêu xương sườn, giờ hết cả ra. Thương ời ! bây giờ nó bỏ nó đi. Hai hàng nước mắt nhỏ ròn ròn. Anh ghé vai, xốc con bé lên. Hai tay nó còn mềm hơi nóng. Nhưng hai chân đã cứng nhẵn. Anh cõng xác con, chạy về.

Tô Hoài, Bến Ray, Tháng Chạp 1942

Nhái

Đi chợ, đi ăn phải chọn, phải mặc cả, hồ giá cao chỗ giá thấp, người mua lúc nào cũng lo bi. hớ, người bán thì lúc nào cũng thề bồi, cha chết mẹ chết con chết, ngày nào cũng làm con chó ăn cút nếu nói điều, nếu gian dối, trong khi đương nói điều, đương gian dối. Ấy là quang cảnh chợ búa hôm xưa và hôm nay vẫn thế.

Ai còn nhớ trên dốc Hàng Than ngày trước chỉ có một cửa hiệu bánh cốm Nguyễn Ninh, các làng cũ quanh Hàng Than cũng không có nghề gia truyền về bánh cốm. Ấy thế mà bây giờ thì không những ở dốc Hàng Than mà còn ở nhiều phố cũng quảng cáo «Bánh cốm gia truyền dốc Hàng Than». Tên hiệu hai chữ thế nào cũng nhái chữ Nguyễn hay chữ Ninh hay cả hai chữ, nhưng nhập nhằng là Nguyễn Ninh mà nào bánh cốm có ra làm sao. Cái hộp thì in giả lạt đỏ buộc, miếng bánh bọc giấy bóng, còn bánh thì các cụ bữu môi : «Mỏng như cái lưỡi mèo».

Cái nghề làm chả cá ở phố Hàng Sơn gốc của nhà họ Đoàn, sách báo đã nói rõ nhà ấy, chỉ có nhà ấy, có lẽ vì thế mà không ai lộn sông, xưng mấy đời chả cá. Nhưng chẳng qua cũng bởi bán món tươi sống, nhớ ế đôi ba

hôm thì lỗ vốn chết không kịp ngáp, nếu dễ dàng hơn chắc người ta cũng dễ dàng nhái lắm. Lại còn không có cũng bịa ra, ấy là cái phở «gia truyền Nam Định». Cái nhà phở Thìn Bờ Hồ cũng thường thôi. Thế mà lắm nơi treo bảng «Phở Thìn Bờ Hồ». Thật ra ông phở Thìn được tiếng phở chỉ vì cái hội ấy máy bay Mỹ hay đến giới bom Hà Nội (ông chủ quán chim quay Tiểu Lạc Viên nửa đêm nghe bom ném cầu Long Biên, ông đứt mạch máu não). Người chơi khuya không tìm đâu ra được bát phở ăn đêm, chỉ có quán ông Thìn dám bán phở quá 12 giờ đêm. Có khi đương ăn phải bùng cả bát phở chạy sang bên Bờ Hồ đứng trong hồ cá nhân ăn nốt. Tôi cũng đã là người ham ăn, nhiều đêm phải ăn chạy bom ở hàng ông Thìn, trong khi ban chiều máy bay ném bom bi cả xuống cây đa đền Bà Kiệu.

Bánh cốm nhái chữ Ninh, chữ Nguyên, bánh đậu xanh có chữ Hương ở Hải Dương, lại phải kể đến nhái nhãn hiệu nước khoáng. Có hồi, nước khoáng Lavie (La vie, tiếng Pháp : sự sống), thấy nhan nhản nước khoáng La ville (La ville, tiếng Pháp : thành phố) thật vô nghĩa. Nhưng lại còn vô nghĩa và dã man đến độ nhái bạt mạng : La viol (viol, tiếng Pháp : cưỡng dâm). Cái nước khoáng Viol chỉ thấy lập lờ một dạo rồi biến. Chắc có người chửi thẳng ăn cắp dốt và liều quá.

Chỉ có làm giả bột ngọt Azimoto, rượu vang Boócđô thì bị. phạt và ra toà, còn pháp luật chưa để mắt tới nhái, trong khi nhái cũng là hàng giả. Lại cái bánh dày Quán Gánh, lại cái tương Bần. Có phải cả vùng Quán Gánh làm bánh dày đâu. Ngày trước, bánh dày nhân đậu Quán Gánh ngon thật. Nhưng chỉ có mỗi một bà hàng nước vôi ngồi ở Quán Gánh làm bánh dày bán kèm với trứng vịt luộc.

Bây giờ ven quốc lộ qua Quán Gánh dài dài có đến trên hàng cây số treo bảng «Bánh dày Quán Gánh». Bánh dày xếp la liệt, cao có ngon mà tuyệt nhiên không thấy khách ngồi ăn bánh dày uống nước vôi như ngày xưa.

Bởi vì bánh dày bày bán cho khách qua đường ngày nay không phải khách bộ hành, không phải là ông hay tôi đi xe đạp, xe máy qua mà là các xe chở khách, xe vận tải Bắc Nam đổ xuống mua. Khách phía Nam rời thủ đô muốn mua cái gì đặc sản Hà Nội đem đi. Không phải cái báu ngọc gì đâu, mà chỉ là những vật vãnh mà trong kia hiếm không có, như quả sấu, gói ô mai mơ, thì bánh dày Quán Gánh cũng là một món quà thời thượng. Chỉ có khách xa quý Hà Nội lắm mới tải đi cả phở bánh dày thế được.

Cái tương Bần đựng vào những can xăng vàng choé - vùng Bần có tiếng tương ngon, nhưng cũng không bao giờ có cả phổ bán tương Bần như bây giờ. Ngày trước, cả Hà Nội chỉ có một nhà bán tương Cự Đà ở vùng phố cổ. Các ông các bà hàng quán ấy mà có đôi chút lương tâm thì may ra còn được ăn tương tử tế, nếu không thì chỉ gặp những thủ đoạn chợ búa bất nhân. Cũng dễ lắm, bởi vì khách mua tương rồi đem đi xa cả mấy ngày đường. Lại là khuấy mắt mà. Bất giác, nhớ một chuyện đều. Hồi ấy, các ga xe lửa còn cho hàng quà các thức bán lên tàu và đi quanh hai bên cửa sổ. Toa ăn của tàu thì nhà tàu chơi ác, cho mọc ngay sau cái đầu máy, lặn lội trèo qua hàng chục toa người mới lên tới toa ăn thật rắc rối, khó nhọc. Nhiều hành khách cũng như tôi, đành với tay ra cửa sổ, mua cái bánh chưng, bánh dày thế cũng xong bữa.

Chỗ ấy quăng qua ga Đồng Văn. Tôi với tay ra cửa sổ, mua cái bánh trưng. Tàu chạy, bóc bánh ăn, ở trong là một cục đất sét. Cục đất nặn cũng nóng nóng như vừa mới vớt ở nồi ra. Từ cái bánh chưng, bánh dày, lọ tương, lọ nước khoáng còn con đến những chuyện to dự án B, dự án C và những công trình lớn thì thế nào, có ăn cắp, có làm giả không, có chứ, bởi nó cũng là dây dợ họ hàng của những kẻ mua người bán ngoài chợ quen ăn

không nói có và cái thói thề bồi xoen xoét đương xảy ra.

(Chữ nhái, tôi vẫn cho là một tiếng thường dùng ở phía Nam. Nhưng tra Tự vi. tiếng Việt miền Nam của Vương Hồng Sển không có. Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam của Nguyễn Lâm thì viết : Nhái : bắt chước, nhái mẫu hàng, nhái một thứ hàng. Bạn nào biết gốc tích rõ hơn, xin trao đổi).

O Chuột

Trong nhà, trừ người, chó và mèo làm chúa tể. Chó giữ về mặt bộ, mặt thủy. Hắn có phận sự chạy không khắp chốn để đánh hơi, để hỏi han và để mắng những người lạ đi tơ mơ vào trong ngõ. Có khi cao hứng hắn lội xuống ao, tắm; hoặc nếu có ai cầm hòn gạch ném vào nước và huýt mấy tiếng còi, hắn cũng động cốn mà nhảy tùm xuống. Một đôi bận, sự đùa cợt của hắn cũng được việc. ấy là khi hắn bơi ở trong ao để dồn vịt về chuồng. Chó hay lèm bèn, ửng oảng, sinh sự nhỏ nhen. Nhưng tính tình hắn lại phôi bò, dễ dãi và thường chóng quên. Con mèo rất khác. Mèo lơ dờ và nghiêm nghị. tựa một thầy giáo nhà dòng, trên mình có khoác bộ áo thâm. Hắn có cái cốt cách quý phái và trưởng giả. Lúc nào hắn cũng ra vẻ nghĩ ngợi như sắp mưa toan một việc gì ghe gớm lắm. Có phải thế chẳng, hơi cái gã lừ dừ và nghiêm nghị. kia ? Gã lại càng làm ra vẻ khó hiểu tợn. Nhưng ngoài cái vỏ ngoài chưa thể đủ để nói rõ được bề trong. Biết đâu, mèo ta không khó chịu như mình tưởng. Mà vốn hắn lại hiền lành cũng nên ?

Hôm nay, tôi kể chuyện một gã mèo, một gã mèo trẻ tuổi. Y sống lặng lẽ trong một nếp nhà ngói cổ kính,

giữa một vườn cây rộng, ở làng Nghĩa Đô, cùng một sân với bọn chó, bọn gà ri, bọn ngỗng...

Y là một chàng mèo mướp. Giống đó, nhà quê người ta nuôi nhiều. Cái bộ lông mèo mướp thực là di. kỳ. Nó vừa trắng màu lụa, vừa xám màu tro lại vừa đen xỉn. Khắp mình, ba màu ấy trộn lẫn với nhau, mà tròn rất nhỏ, hoà hợp lại thành một màu đặc biệt như màu cái chăn dạ của các chú lính tập. Chỉ ở dưới bụng mới có một mảng lông trắng mềm mềm. Màu mướp ấy trông bản, vì đen ngòm ngòm, nhưng chính ra sạch lắm. Nó sạm như đất, mà không phải là có đất bám. Nó lại mờ mịn như có tro là chỗ ngủ tốt nhất của loài mèo - mà thực ra cái bờm lông xấu xí đó chẳng vẩn một chút bụi tro. Ngắm thì không đẹp mắt, nhưng nếu sờ tay vào, nó muốt như sờ tay trên tấm nhung tơ.

Hai mắt mèo tròn và quắc như hai hòn bi ve để dưới ánh mặt trời. Hấn không có môi, song hấn có cái mũi đỏ đỏ, đẹp như môi son hồng của các cô con gái đương thì. Đàn bà không ưa cái mũi đỏ ấy. Người ta bảo mèo mũi đỏ là mèo hay ăn vụng. Hai bên mép hấn có hai hàng ria cứng nhắc như ria làm bằng thép nước. Lũ trẻ con, có lúc nghịch, đè ngựa hấn xuống, lấy kéo cắt trụi cả đôi hàng ria xuôm đuột. Nhưng chỉ qua ít ngày, nó lại trở ra như thường.

Gã mèo mướp ăn ở thì giờ như một người đứng mực. Ban ngày hẩn ngủ hoài, cái dáng mèo nằm, dáng êm, dáng thanh, dáng lâng, đẹp biết bao ! Lúc bấy giờ, cái thân hẩn nhẹ muốt, chỉ như một chút gợn gió phẩy bay một nắm bông gạo nở.

Mà giá ban ngày hẩn có thức cũng không làm gì; hẩn chỉ nằm gù gù. Để đến đêm, trong cái bóng tối mung lung, hẩn mới ra tay hoạt động. Hẩn đi rà rà thâu canh như người trương tuần. Gã mèo có cái vẻ đạo mạo như một ông đứng tuổi, đương bắt đầu để râu. Hẩn hiền hiền mà lại ang ác. Nghĩa là trông hẩn thì không tài nào đoán được trong óc hẩn nghĩ ngợi gì. Mà chừng hẩn chẳng tư tưởng chi ráo ! Hẩn chỉ là một người rong chơi lông bông.

Chẳng có những bác trông mặt thì ra dáng dăm chiêu tư lự mà thực ra trong đầu không chứa đựng một ý nhỏ định nào.

Gã ngồi đấy, ở trên mặt đại bể. Hai chân trước đứng thẳng, đôi chân sau gấp lại, y như lối ngồi xổm. Đôi mắt nhìn xa xôi... Thỉnh thoảng, theo thói quen, hẩn đưa cảng chân phải lên gãi mép, cũng như người ta đưa tay lên vuốt râu cho nó oai vậy. Trời đã xế chiều rồi. Một chiều thu êm ả. Vài gợn nắng vàng nhạt đọng trên những tàu cau rách rưới màu xanh om. Bên nhà ngang,

tiếng guồng tơ quay đều đều. Trên đường cái, lũ trẻ con đi học về, vừa chạy thi nhau vừa la, nghe vang động xa vời vời. Ngoài giếng khơi, người ta kéo nước rào rào. Cái gáo mo lạt sạt đung vào thành giếng đá. Trong bếp lạng tờ. Bây giờ là sau bữa cơm chiều, người ta không dùng đến bếp nữa. Gã mèo mướp ngồi ngắm trời, ngắm đất mãi thì cũng chán. Gã bèn đứng lên, uốn cong cái lưng và nhuôi bốn chân ra để vươn vai, rồi đi về căn nhà hiu quạnh. Hắn bước từ tốn và uyển chuyển như một con hổ nhỏ. Khi qua gốc cau, chẳng biết ý định sao, hắn leo tót ngay lên, quào quào mấy móng sắc vào cái vỏ cây cau điệp trắng, rồi lại tụt xuống, rồi đi lều đều, đạo mạo như trước. Hắn thường có những cử chỉ đột nhiên. Hắn làm bất ngờ như trong lòng đang khoan khoái một điều mà hắn thường nghĩ đến. Luôn luôn gã mèo mang một nét tư lự.

Y ngồi vào thì lì bên bếp tro. y nghiêng mang tai để rũi vào một ông đồ rau, to bằng hòn gạch vồ lớn. Lúc nào y cũng ngứa và cần gãi.

Bỗng y đứng im. Y ghéch đầu lên. Hai cái tai mỏng vênh ra để nghe ngóng. Hình như có tiếng lịch kịch ở sau đồng cửi. Nhưng khi bước lại thì không thấy động gì nữa. Gã quay đầu ra, ngược mắt nhìn lên đám mạng nhện có mắc bò hóng đen xạm, bi. gió đưa lúc lắc trên

trên bếp. Có tiếng động thực. Lần này gã mèo dúm bốn chân lại, bước từng bước rất nhẹ về phía đồng củi. Đồng củi đó người ta để phiền quá, vừa chường bếp, vừa làm cái rừng bùm tum, chỉ tiện ch quân gian núp nấu.

Giống mèo là một giống, đứng ở chỗ nào, không thể chịu có được một tiếng động nhỏ. Đã có khi gã mèo mướp nằm ngủ suốt đêm ở trên một đồng củi. Đây là chỗ ra vào của lũ chuột ngày, cái lũ chuột con rất tinh ranh, hễ tha được một hột cơm nhỏ cũng chạy thọt ngay vào đó để nhấm nháp.

Mèo và chuột là đôi loài có thù không đội trời chung với nhau. Mèo ghét chuột quá, ghét kịch liệt. ý giả mèo ta tin rằng giống mình giỏi nhất thiên hạ; những tên chuột, tất cả lò nhà chuột, chỉ đáng đem thân làm nô lệ cho loài mèo thần thánh. Thế mà cái giống thấp hèn ấy không biết điều mà lại hay tắt mắt, táy máy, bặng nặng làm nghịch mắt và rác tai bề trên.

Hai cái tai mèo mướp hơi động dậy. ấy là khi anh hết sức lắng nghe. Tai mèo mỏng tanh, gần soi bóng qua được, dỏng lên như chiếc tai lừa tý hon. Cái vòng tai rộng mở và loe ra. Chả trách gã nghe rõ lắm.

Gã khum hai chân trước xuống nhìn vào găm đồng củi. Rõ ràng gã trông thấy một chiếc đuôi nhỏ và dài

thò lò dưới một mẩu gỗ. Đứng cái đuôi chuột. Gã nép về một bên, thon người lại. Lúc này trông gã mèo quái ác di. thường, thoát hẳn cái dáng lừ đừ, hiền hậu hàng ngày. Y quờ quờ cái chân. Sau y biết làm thế hấp tấp quá. Phải chờ cho cái đuôi chuột lúi ra nữa mới được.

Lại có tiếng rúc rích ở trong. à có hai thằng chuột rừng mỡ đang đùa nhau. Chúng nó hẳn đến ngày tận số. Ai đòi chuột lại dám đánh đu ở miệng mèo !

Tuy cáu nhưng mèo cũng đủ kiên nhẫn để chờ cơ hội tốt đến. Trong kia, hai con chuột vô tình, vẫn đùa cợt vui vẻ. Nhiều lúc, có nhách lại chạy ra tận ngoài. Thò cái mõm nhọn ngửi xung quanh. Lộn tiết, gã mèo đã toan chộp, nhưng chuột lại ngay vào mắt. Con mèo lại yên lặng, chịu khó ngồi rình.

Bóng tối chùm xuống mau nhẹ. Vừa với nhọ mặt người, bây giờ đã đêm hẳn. Đêm nay là đêm rằm. Mặt trăng đã nhô tròn ở đầu đường. Một mảnh sáng nhòn nhọt in trước sân bếp. Trên nhà, người đã quét diêm để châm sáng đèn cho trẻ học. Tiếng những đứa trẻ ra ao rửa chân, vừa đi vừa khua guốc lóc cóc.

Hai chú chuột ở trong gần đông củi hẳn thấy trời tối rồi thì muốn ra ngoài chơi lắm. Cái thằng mèo mướp ốm bệnh hen cò củi quinh năm mà không chết ấy, bữa

nay chắc đi chơi đâu vắng; nếu nó có nhà tất đã thấy nó rên gừ gừ ở trên đầu ông đầu rau. Chúng mình ra ngoài kia đùa một tí hoặc kiếm chác một cái gì ăn thì hay quá.

Hai cái đầu ló ra. Rồi hai gã chuột bước hẳn ra đóng cũi đi lần về phía bếp. Chúng vui vẻ cãi nhau choe choé.

Hai cái bóng bé nhỏ quá, chụm lại với nhau chưa bằng một ngón chân người lớn ta. Đây là hai con chuột nhắt. Chuột nhắt bé hơn chuột chù. Nhưng nó nhanh và hoạt bát hơn nhiều. Anh chuột chù có cái mõm dài nghêu - cứ vác cái mõm đã đủ mệt - đi đến đâu cũng rụt rụt, rề rề. Hễ hơi có cái gì đáng sợ là vội hốt hoảng chạy cuống lên, vãi cả đá và kêu rối rít. Đã thế còn chậm và không biết leo tường, leo cột, chỉ luẩn quẩn sát mặt đất. Thật là một thứ chuột cùng dân, thấp kém nhất trong xã hội chuột. Vậy mà thiên hạ lại ưa thứ chuột đó. Không phải là ưa cái thân hôi hám của nó - chẳng đã có câu mỉa «Hôi như chuột chù» - nhưng người ta chỉ ưa có tiếng kêu «chuúc... chuúúú...». Các cụ ta nói : « ấy chuột chù bảo : tức, tức, ắt nhà ấy hẳn sắp có việc đại phát tài».

Và đây chỉ là hai con chuột nhắt. Thân chúng nhỏ nhắn, mõm chúng xinh xinh vừa phải. Về sự nhanh nhẹn, phải biết rằng nhờ ở cái thân hình bé bỏng, chúng leo vun vút, chúng chạy nhoăn nhoắt như có phép biến

hoá.

Thoạt thấy bốn đôi chuột lúi húi ra khỏi đồng củi, gã mèo mướp mừng khắp khởi. Nhưng rồi chàng chán đờ ra ngay. Nó tưởng chuột chiếc to tát thế nào, chứ nếu biết chỉ là hai chuột nhắt tép ranh ấy thì nó đã bước từ nãy, không phải tốn công, tốn sức mà rình nấp vô ích. Mèo ta cũng khá đại lượng. Song thực cũng tại cái tính lười nhác cố hữu chả muốn cất đại công trình mà được chỉ có một tí ti kết quả đó thôi.

Nhưng đã thế này thì cứ bắt chơi. Hầy ! Đùa một mảy vậy. Nghĩ vậy, mèo ta co lưng lại để lấy thế rồi vươn hai chân ra chop cả hai bóng đen ngo nguậy ở trước mặt. Có tiếng kêu «chí... i...». Một con thoát được, còn một bi. nắm lại. Mèo gầm gừ để thi. uy và dọa dẫm. Chú chuột khốn nạn bi. túm lại, nằm ngất trong hai bàn tay sắt đầy vuốt cong và sắc của ông mèo, y như cái cảnh rúm ró của chị cưa nhà quê mà bi. cụ ếch đại vương lấy một bàn tay mà vỗ vào vai.

Chú chuột nhắt bi. mèo tha ra đến cửa bếp và được thả xuống đất. Mèo không hề chú ý đến sự nhắm chú chuột nọ. Dễ thường chàng ta ví mình như một người anh hùng cái thế, có thềm sát hại lũ trẻ oắt bao giờ đâu ! Sinh phúc cho chúng sống, còn hơn là túm lấy chúng mà nhai. Chưa bõ dính răng. Nhưng vốn mèo vẫn ác

tính. Gã không ăn mà gã cũng không thả chuột ra. Cái mùi hôi ở lông chuột khiến cho gã mèo nhớ rằng thịt chuột ngon và loài chuột là loài đáng ghét lắm.

Mèo nhả chú chuột xuống đất, rồi ngồi ngậy ra mà nhìn. Con vật khỏ sở nằm co ro. Mèo ta đắc chí, lấy một chân vờn vờn vào mặt chuột. Bất tỉnh nhân sự từ nãy giờ mới lại hoàn hồn, chuột khe khẽ thoi thóp thở. Mèo yên lặng, đáng ngẫm nghĩ. Gã không để ý đến chú chuột đang giương đôi mắt lồi như hai hột chàng ràng ra nhìn gã. Chỉ ti hí mắt lương mà ranh thượng hạng.

Bỗng, thoáng một cái, chú chuột chạy vụt vào phía trong. Nhưng chàng mèo vẫn nhanh hơn. Chàng vươn tay ra. Lại chộp liền ngay lấy gáy chú nhỏ. Ôi chao ! Chàng ta mới chộp cho chú nhỏ một cái nhá ! Chú nhỏ kêu «chíi... chíi...» rầm cả lên.

Có lẽ nhân cuộc chạy trốn ấy, gã mèo bày ra một trò chơi tiêu khiển qua thì giờ. Gã đem chuột ra chỗ ánh trắng, giả vờ để yên chú ra đấy. Rồi mèo yên lặng. Chú chuột sợ hãi không nhúc nhích.

Nhưng chính ra chuột vẫn rình mèo và mèo cũng lại rình chuột. Để hể khác ý là chuột lại chuồn biến. Còn mèo, mèo cũng chỉ chờ chuột chạy là vồ ngay lấy. Gã mèo giương oai thả lỏng và chắc chắn chẳng khi nào

chú chuột chạy thoát nỗi đôi bàn chân nanh móng của gã.

Mà cũng thế thật. Chú chuột tưởng bác mèo hắc lò, cứ xềnh một chút lại chạy. Có đến mười lần. Nhưng cũng không lần nào khỏi bị tóm lại. Mỗi bận chuột động chân, mèo ta chỉ nhoi lên một tí, đã tóm được dễ dàng. Mãi rồi con chuột hoá mọt lử. Nó chạy chậm dần và cuộc chơi cũng dần mất thú vị.

Khi đó, trong đồng củi, bỗng lại có tiếng rúc rích. Lại có tiếng lao xao của lũ chuột nào khác. Chẳng biết là chúng đùa nhau hay chúng định chơi cái lối chó cạy gần nhà, đứng trong ấy mà chửi đồng ra. Toan nhảy vào vồ cho chúng chết một mẻ, nhưng mèo vương có con chuột tù binh ở dưới chân. Đã thế, phải mắng cho chúng một trận mới được. Mèo liền gầm gừ, gầm gừ làm như sắp lăn ngay vào chiến tranh với những quan thù cỏ rác kia. Lũ chuột nhép cậm ngay. Song chúng cũng không cậm hẳn. Hể mèo mà ngắt tiếng là chúng nó lại «chiíí....» râm râm. Làm điệu như xỉ vả bác mèo.

Bực mình, mèo ta nhảy một bước. Chú chuột nhất đang nằm yên như chết vụt vùng chạy. Mèo hoảng hốt thò dài chân ra, nắm lấy nó. Nhưng chỉ nắm hụt được bóng cái lưng của chú chuột in thoáng trên nền đất dài đầy ánh trăng. Hai mắt mèo long lanh, sáng quắc ! Cũng

không thể đủ sáng để chọc thủng bóng tối dày ra, mà tìm thấy chú chuột nhất tí hon.

Gã mèo sục vào đồng củi. Giá gã đâm đến võ đầu ra cũng chẳng tóm được một nồm chuột. Mà những tiếng chíi... chíi quái ác, rất khó chịu vẫn văng vẳng đâu hai bên lỗ tai.

Chàng mèo mướp - mà chàng nào cũng thế - không cố ý ăn thịt chuột nhất bao giờ. Mèo chỉ bắt những con chuột tiểu yêu đó để đùa nghịch và để hả cơn cáu kỉnh; vì loài chuột nhép cứ bặng nặng, rúc rích trong xó bếp, là chỗ nghỉ ngơi của mèo. Chính những con chuột lớn lại đứng đắn, không âm ỉ đến thế. Chỉ vì bức mình mà mèo bắt chuột nhất. Nhưng chú chuột nhỏ khôn ngoan vẫn hay chạy trốn được. Đờn đờn, cái giống chuột nhất tai quái cứ làm rức tai loài mèo.

Suốt đêm hôm đó, gã mèo mướp kia chỉ đi quanh đi quẩn để tìm, để lùng bắt chuột nhất. Và có những đêm sau, hắn cũng đi tìm chuột, nhưng - vẫn khờ dại như thường - hắn chỉ tìm để đùa chơi một chút. Rồi nó có rông mắt, hắn lại khó chịu, bức dọc, hậm hực mà đi lùng bắt những con khác. Cái loài chuột nhãi cứ làm ta rối đầu và ngứa mắt quá.

Cơ chừng gã mèo mướp phải dành tất cả cái hoa niên của mình để mà chỉ luân quần đi o chuột.

Tắm Đêm

Văn bắt đầu kể câu chuyện như sau : Nghỉ hè năm ấy, Hiếu rủ tôi và Căn, Bích, Hiền về quê anh ta nghỉ mát. Nhân thể vừa thi trượt xong, chán không buồn ở Hà Nội nữa, tôi nhận lời ngay. Quê Hiếu ở ngay bên bờ sông Đuống, cách núi thiên thai độ hơn một cây số.

Đang ở Hà Nội đông đúc được thả về quê mát mẻ, tôi thấy người khỏe hẳn lên, quên khuấy ngay cả cái buồn hổng thi. Lại thêm được một lũ bạn đùa như quỷ sứ làm cho tôi giá có khóc cũng phải cười.

Làng ven sông có mộ phong cảnh khá nên thơ. Chiều chiều rợp nắng chúng tôi thường ngồi thuyền đi dạo mát trên sông Đuống. Dòng sông đào lò đào chảy giữa hai bên bờ chen nhau những hàng dâu mát rượi những rặng tre lã ngọn quện trên mặt nước. Đàng xa nổi lên nền lá xanh một dịp cầu tre mảnh khảnh. Cảnh trí như hệt một bức tranh thủy mặc.

Nhà Hiếu ở gần một bến nước. Người vùng ấy gọi là bến Đá vì ở đây có mấy phiến đá rất lớn. Bể Đá là một chỗ rửa ráy giặt giũ của cả xóm. Bởi thế chúng tôi thường được ngắm những cô gái làng ra bến quẩy nước. Gái sông Đuống xinh chẳng kém gì gái Lim lại thêm

được cái tính chua ngoa thì không đâu bằng ! Tụi Căn - Bích - hai kiện tướng trong làng môi mép cũng phải chịu thua. Họ ví von rất khéo đến nỗi không mở mồm nói vào đâu được nữa. Thế nào cũng bị chặn cứng lưỡi. Một là các cô giỏi biện bác, hai là giọng của các cô rất hay. Chúng tôi đành đứng ngẩn ra cả lũ nghe các cô ví. Họ xỏ xiên cay độc mà chúng tôi cũng đành khóa miệng. Nhưng sự thất bại của chúng tôi phần lớn tại Hiếu vì Hiếu là người hiền lành sợ các cô. Anh thường ngăn cản chúng tôi trong các cuộc đấu khẩu. Mà chúng tôi cũng nể Hiếu nên lắm phen cũng phải nín thít. Ở xóm có độ bốn năm cô chúng tôi phải kiêng mặt.

Độ ấy vào khoảng trung tuần tháng 5 một đêm trăng sáng. Trừ Hiếu hay đi ngủ sớm còn chúng tôi bắc ghế ra sân ngồi chơi. Bỗng lắng nghe tiếng cười đùa từ bờ sông vẳng lại. Căn lò mò ra cửa nghe ngóng. Một lát Căn hốt hải chạy về rủ chúng tôi đi chơi. Tôi hỏi đi đâu? Anh để ngón tay lên ngang miệng làm dấu bí mật và dẫn chúng tôi ra khỏi ngõ đi về phía bờ sông chỗ có tiếng cười ban nãy đưa lại.

Anh bắt ai nấy đều phải im lặng và theo mệnh lệnh của anh vì anh tuyên bố sẽ có cuộc vui rất lý thú. Chúng tôi ngậm miệng kẻ trước người sau đi nương vào bóng những cây trúc mọc sát vệ đường về phía bờ sông.

Không biết là trò quỷ quái gì nhưng cũng cứ đi. Chùng hơn trăm thước đã trông thấy Bến Đá. Một dịp cười giòn tan từ dưới nước hắt lên. Chúng tôi tiến mấy bước nữa rồi đứng lại. Trời ơi có anh nào nào đoán được chúng tôi trông thấy những gì không ? Bích Hiền và tôi đứng ngây người. Căn có vẻ ranh mãnh leo tót lên một cây khế tơ dòm xuống. Trên mặt sông bốn cô gái đang tắm các cô đang đùa với sóng. Cho đến hôm nay trông mặt Hồ Tây này tôi còn nhớ cảnh ấy như tối hôm qua.

Những thành vai trắng nõn tóc buông lòa xòa trên mặt nước gợn những vòng vàng vì ánh trăng phau trong những truyện thần kỳ hay ít nhất cảnh này cũng chỉ ở trong mộng. Nhưng nghe tiếng nói thì tôi lại nhớ là gái làng và đây là sự thực như tôi và các anh. Các cô đùa nghịch tự nhiên vì không biết có ai nhìn trộm. Cô nọ té cô kia đuổi nhau í ới cả một góc sông. Đến khi các cô rục rịch sắp lên chúng tôi lùi về hết. Chỉ còn Căn nấp trên cây khế. Các cô kéo về qua cửa nhà Hiếu. Chúng tôi nhận mặt được cả bốn đều là «cửa» ngoa ngoắt nhất xóm.

Căn thao thức không ngủ. Thỉnh thoảng đang nằm chúng tôi lại bị hấn dựng dậy vừa lay vừa nói rít lên :

Chúng nó đẹp như tiên sa.

Rồi hẩn vùng chạy ra sân. Trăng sáng trong im lặng. Căn chấp tay sau lưng ngửa mặt nhìn trăng nhìn trời rồi lại quay vào. Suốt đêm cứ lòng cùng như thế ! Có lẽ anh chàng bi. «cảm» nặng quá ! Ngay hôm sau Căn chơi gì cũng chán chỉ mong chóng đến tối. Câu chuyện đêm qua Căn yêu cầu chúng tôi đừng nói gì cho Hiếu biết vì nếu Hiếu biết thì thế nào hẩn cũng gàn.

Đến đêm khi nghe tiếng cười í ới phía sông nhưng chúng tôi không anh nào muốn đi... xem cả. Vì chúng tôi sợ người trong xóm biết thì ê mặt. Rồi chúng tôi không đi. Chỉ có Căn không bỏ. Năm sáu đêm liền đêm nào hẩn cũng mò mẫm.

Một đêm chúng tôi còn thức chỉ có Hiếu đã ngủ Căn vừa đi... xem một lúc thì có tiếng huỳnh huých từ phía sông chạy lại và văng g văng tiếng cười rít lên.

Chúng tôi còn đang ngơ ngác chợt cánh cửa mở tung. Căn ước lước thướt chạy vào. Anh vừa thở vừa bảo Hiếu ra đóng cửa. Chúng tôi nhìn Căn không nhin được cười đầu tóc quần áo chỗ nào cũng ước như chuột lột.

Hiếu và Bích xúm lại hỏi. Căn không trả lời và đứng im chỉ tay ra ngõ. Một lát sau có tiếng cười dữ dội và ồ ạt như muốn ném vào trong này. Căn tái mặt vào thay quần áo. Một câu hát bóng nói lên giữa tiếng cười.

*Lạ chi mà phải đi dòm
Để người quân tử lẩn tò mò xuống sông*

Căn tức ngậy người. Anh rừ rì kể chuyện. Ô thì ra cái anh chàng ma quái ấy trèo lên cây khế cho rõ mới trèo lên tận ngọn để thỏa lòng nhìn hoa. Chẳng ngờ cành khế giòn. Đang leo... leo... bỗng cành khế gãy ném thẳng anh chàng xuống nước. Người quân tử lẩn tò mò xuống sông vội lội vào bờ quàng chân lên cỏ chạy một mạch về.

Căn cay đến tím ruột. Mấy đêm sau tuy các cô vẫn đi tắm như thường mà Căn không dám đi... xem nữa. Chúng tôi nói pha anh chỉ mỉm cười. Từ buổi ấy anh đi ngủ rất sớm. Có lẽ để tránh những tiếng cười câu ví như ném muối vào mặt mỗi khi các cô đi tắm về.

Và chừng như anh suy nghĩ lung lăm thì phải !

Bằng đi một dạo trời tối không có trăng các cô không đi tắm đêm. Căn đã nguôi ngoai lại vui vẻ như thường. Và ngược lại tâm tính lúc trước Căn có phần nô giỡn hơn xưa. Quá nữa anh lại mong đến tuần trăng để lại đi... xem. Chúng tôi thường hỏi Pha :

- Thế mà vẫn chưa chữa ?

Anh chỉ mỉm cười vợ vẫn nói một câu mà anh thường nói :

- Cóc cần !

Đến tuần trăng các cô đêm khuya sau những buổi giã gạo hay dệt vải lại ra bến Đá tắm. Một buổi tối Căn bỗng nhiên nói luôn mồm :

- Sướng quá ! Thì... nghĩ ra rồi !

Câu nói không đầu không đuôi khiến cho Hiếu cũng phải lầy lăm lạ hỏi chúng tôi. Tôi không biết hơn Hiếu cả Bích Hiền cũng vậy. Đêm ấy Căn không đi ngủ sớm với Hiếu giống như mọi tối. Chúng tôi hỏi :

- Thức để đi chắc ?

Căn cười mĩa mai :

- Máy chẳng đi đã bảo tôi cóc cần mà !

Bích hí háy :

- À ra thế kia đây.

Hiền lấy giọng hát nhại :

- Lạ chi mà phải đi dòm

- Để người quân tử lặn tòm xuống sông.

Căn phá lên cười :

- Để rồi anh xem đứa nào lặn tòm xuống sông.

Tôi nói kháy :

- Thách đây !

Không phải thách tối nay có đứa biết tay tôi ! Đợi xem tối nay đứa nào biết tay anh Căn !

Đêm ấy trăng sáng quá. Vì sáng quá chỗ nào cũng trắng ánh trăng nên phong cảnh nhuốm một vẻ rờn rợn.

Bây giờ vào khoảng nửa đêm. Vừa nghe tiếng ầm ì ngoài sông. Căn đã lủi lủi đi. Chúng tôi nhìn nhau cười. Nhưng rồi Căn về ngay khoác đi một cái áo dài trắng. Chúng tôi càng lạ nữa. Không hiểu ra anh làm trò gì.

Thế chỉ mười lăm phút sau Căn lại lủi lủi về lần này về với một bọc to tướng. Chúng tôi ra xem. Ô hay ! Một đống những áo những quần những thắt lưng. Chúng tôi đã trông thấy cái thâm ý của anh rồi.

Thì ra anh chơi khăm. Lúc các cô mãi đùa nhau tíu tít dưới nước không ngờ ở trên bờ có kẻ ma mãnh đã nhẹ tay dỡ mất tất cả đống áo. Thật là không ai ngờ Căn lại

cẩn thận khoác áo trắng lẫn ánh trăng. Mà ngờ thế nào được !

Đây cũng giống như chuyện chú tiểu ăn cắp cánh tiên nhưng đàn ông này chú tiểu phu không được nhả sự và «sự thực» mất một tí. Căn lật đặt dặt chúng tôi lại ra trèo lên một cây nhãn to ngay trước cổng để xem «thế sự xoay vần ra sao».

Đường đi từ trong xóm ra đến Bến Đá là một con đường cụt đến bến là hết không rẽ đâu cả. Từ nhà Hiếu ra bến hai bên đường có mấy nếp nhà nhỏ và vườn rau. Thế mới rây rà nấp trong cây nhãn bùm tum không ai ngó thấy chúng tôi có thể nhìn ra xa đến bến được. Tuy anh nào cũng phàn nàn về lối chơi ác nhưng ai lại cũng ngầm bằng lòng vì sự trả thù đích đáng ấy.

Trăng sáng vàng vạc như ban ngày. Các cô vẫn đùa ì ùm dưới nước. Lúc sau 1 cô lên trước bỗng kêu thất thanh rồi nhảy tùm ngay xuống. Rồi bốn cái thân hình trắng nhễ trắng nhại lướt thướt chạy lên.

Như những nàng tiên trần truồng tìm cánh các cô lẳng lẳng đi hết gốc cây này qua bụi cỏ khác. Sau chừng hiểu chắc có đứa nào nghịch ác các cô đứng lẳng nhìn nhau.

Bấy giờ trời trong xanh không gợn mây. Ánh trăng tha hồ tò mò. Các cô khép nép nhưng khép nép cũng vô hiệu. Các anh cứ tưởng tượng giản dị, như thế này. Trên một phiếm đá lớn kê ngang trước mặt nước trong trắng sáng nước dưới ánh trăng cũng sáng bốn thiếu nữ trắng như ngà loay hoay cô nọ dựa cô kia. Các cô muốn tránh ánh trăng sáng quá nhưng ánh trăng hóm hỉnh chỗ nào cũng có !

Chợt một cô chỉ tay về phía cổng chỗ cây nhãn của chúng tôi bốn cái mặt đều ngó về phía ấy. Bỗng mấy tiếng rú nổi lên các cô ôm mặt nhảy đại cả xuống sông.

Tôi tưởng các cô trông thấy chúng tôi. Nhưng Căn đã ôm bụng mắmmôi nhin cười và chỉ tay xuống bờ giậu phía sau lưng : thì ra cái áo trắng dài đã được cắm vào một cọc giậu dưới bóng cây ban đêm xa trông hệt như hình người đứng. Các cô cứ bì bõm dưới nước không dám ló mặt lên nữa. Chúng tôi nghĩ thương hại bảo Căn cất cái áo bù nhìn đi. Căn cười :

- Mấy khi đi được dịp thế này. Mà giá bây giờ có cất cái áo đi dù thỉnh các cô cũng chẳng dám lên để dẫn xác đi qua đây về nhà.

Văn ngừng kể. Cả bọn cười rũ rượi Thịnh hấp tấp :

- Thế sao nữa hờ anh ?

Văn :

- Chúng tôi cũng không biết ra sao nữa. Vì bây giờ đã khuya quá khuya hơn thế này nhiều. Đến gần hai giờ sáng chúng tôi buồn ngủ đến díp cả mắt lại mà trông xuống sông vẫn thấy những cái bóng người lập lờ và lặng im.

- Tội nghiệp dễ thường các cô phải ở đến sáng ?

Hải trợn mắt :

- Ô đến sáng ? Đến sáng thì chết. Sao nữa ?

- Rồi chúng tôi về đi ngủ cũng lấy cả cái áo dài trắng về. Đòi nào các cô dám ở tô hồ đến sáng. Nó lại ác một cái trừ con đường độc đạo đi qua nhà Hiếu - mà cố nhiên các cô sợ người rình không dám đi qua. - muốn vào trong xóm không có lối nào khác. Có lẽ rồi các cô lội qua sông xé rào vườn rau nào đó chui lên rồi lần vào đầu xóm trên vì thấy chó trong xóm cứ cắn đồ xô về một phía. Hôm sau chủ vườn nheo nhéo chửi mãi đứa kẻ trộm chui qua vườn giẫm nát mấy luống rau.

Trúc đoán :

- Có lẽ các cô bò ?

Văn reo lên :

- Chính thị. Vì sợ sáng trăng mà đi cao lênh khênh quá !

Chúng tôi ra xem : mấy luống cà luống cải đỏ có cả vết chân lẫn vết tay. Từ đây các cô kịch không dám đi tắm đêm mà cũng chừa ví von với chúng tôi nữa. Có lẽ các cô đoán ngờ ngợ. Hễ gặp đâu mặt các cô đỏ như cà chua chín rồi lẫn mất.

1942

Tình Buồn

Ngay trước ai đi lấy chồng như bà Tứ người ta bĩu môi chửi là gái nứng đi theo chồng và khinh ra mặt. Ông Tứ nghề thợ ngõa, quanh năm đeo hòm vác cưa, cầm cân nảy mực đi ăn cơm tứ chiếng. Năm ấy, bỗng dưng đưa về một người con gái. Làng nước thì thảo cô này chữa buộm, đưa con trai đầu lòng ấy không phải con phó Tứ. Có người bảo là anh thợ mộc cuỗm con gái chủ nhà. Cô ấy người dưới nam, nghe rõ giọng kẻ bẽ. Lại người thì nói cái tiếng ấy là người chẳng đâu xa, vùng bên kia sông thôi. Không biết thế nào.

Bà con rồi cũng gọi là thím Tứ, cô Tứ. Dần dà thì sự khinh khi của người ta cũng nhạt dần. Đến khi con cái trong nhà đã lớn và thế sự đã thay đổi nhiều thì cũng chẳng còn ai rồi hơi bới móc gốc rễ cái người đàn bà ngày trước khăn gói lấy chồng theo không ấy nữa. Thời buổi mới, cho qua.

Vợ chồng phó Tứ có ba người con. Chồng đặt tên con theo cái thú chơi cờ bạc là sáu tên sáu mặt con thò lò thoát nghe cũng có vẻ buồn cười một tý nhưng rồi sinh có ba con, nên chỉ có được thằng Nhất, cái Nhị, cái Tam. Thế mà đứa con nào cũng khá cả. Thằng Nhất học hết bậc phổ thông, được làm anh giáo trường làng. Cô

Nhị, cô Tam lấy chồng làng bên, những con rể có chức vi. có máu mặt. Người nào cũng khi chủ tịch, khi chủ nhiệm, khi bí thư...

Một năm kia, ông Tứ ốm. Rồi ông mất bệnh già. Chẳng bao lâu, thấp thoáng đây mà bà phó Tứ đã lồm khộm lúc nào. Từ khi ông mất, bà không ở hẳn với con nào. Cứ liều liệu ở mỗi nhà ít lâu, nhưng Tết nhất hay giỗ chạp thì bà thế nào cũng về nhà con trai là anh Nhất. Mới năm trước, còn đi ra ruộng làm cỏ lúa. Giữa trưa, nắng chang chang mà xách được giỏ cua dưới đồng sâu về, lấm như vùi. Mấy năm nay thì chịu rồi, chỉ loanh quanh nhặt nhanh cái rau cái cỏ trong bờ rào. Tính nét đậm ra lấm cộm dần, ăn đây lại quên đây.

Bà Tứ ngồi rười rượi trông ra ngoài ngõ, có người đi qua, chào hỏi : «Bà đã xơi cơm chưa ?» Vừa xong bữa hẳn hoi, mà bà Tứ ngây mặt ra rồi hừ một cái : «Nào đã cơm cháo gì đâu !» Người con dâu trưởng đã để ý cái nhằng tính tai ác đầy của bà mẹ chồng từ lâu. Có lần chị cũng nói trong bữa ăn, nhưng nói vui thôi. Bà buông đũa xuống, đứng lên : «Tôi vu oan giá họa cho ai để tôi chết không nhắm mắt à ?»

Các cháu cũng không dám nói cợt bà thế. Tưởng chỉ ở nhà giáo Nhất thì có thể sinh ra chuyện «chó dữ mất lảng giềng, dâu dữ mất họ ! « bà lão mới hay dở chứng,

nhưng cả những khi ở bên nhà các cô Nhị, cô Tam bà cũng vùng vằng, mà trước mặt các con gái, bà còn rửa xả ác khẩu gắp mấy : «Là con chó đại cắn càn thì mới mở mồm ra ăn không nói có thể».

Cả năm nay bà lão ngại đi, chỉ ở nhà giáo Nhất, không sang nhà các con gái. Thỉnh thoảng hai cô em đeo lên anh yếm gạo và ít tiền. Được cái anh em nhà này vốn cũng dễ dãi, êm ả cả. Nhưng mà người ta bảo số tuổi càng gông đeo trĩu cổ thì lại chỉ trái tính hơn. Bao nhiêu nét na, kỹ càng, ý tứ và thời con gái nhanh nhẹn ve vè việc nhà của cô Tứ xưa mà bà lão Tứ bây giờ vẫn còn nhớ vanh vách đấy nhưng bà lão thì hàng ngày chỉ còn làm trò chơi cho lũ trẻ con. Bà vẫn nói : Người ta trước kia không tuềnh toàng đoảng như chúng mày bây giờ đâu. Nồi cơm bung lên phải nhớ lót rế, sôi cơm thì có đũa cả, đàn bà con gái phải ngồi đầu nồi... Không vét nồi quền quẹt, vét nồi là điếm năm ấy đói kém, mà cũng là nhà keo kiệt mới thôi ít cơm phải vét nồi thế. Dâu con trong nhà, giá có ăn được ba bát thì cũng chỉ thông thả hai lưng, mà khéo ý tứ đứng lên sớm hơn trước cả nhà. Bà lão vẫn thuộc in những thói phép thế. Bà hay mắng : «Bố chúng mày là thầy giáo mà chúng mày ăn uống hùng hục như lợn thế thì bố chúng mày đi bảo người ta học cái gì !» Bà rửa róc thế, các cháu chỉ cười hô hô.

Không phải chúng nó cười những sự cổ tích nhiều kê của bà đâu. Mà chúng nó cười cái khác, cái hăm của bà. Chả là những răn dạy khuôn phép của bà lão bây giờ lẫn lộn cả với những cái dở hơi. Thói quen trên dưới nhường nhịn vẫn nhớ đời mà con người thì già đi, ít ai nhận ra tuổi đã khác thì cũng sinh lăm tính khác.

Ăn đói thì phải chóng đói. Mà người già ở trong làng, cả đời chưa chắc đã được đủ ngày hai bữa. Bụng còn thòm thèm, nhưng lại nghĩ, bây giờ chẳng còn làm ra của nả cho nhà mày, mắt kèm nhèm đuổi con gà cũng không được, nên bót mồm bót miệng lại. Nhưng mà thế thì đói, làm thế nào.

Khi nhà vắng, bà lão Tứ lần xuống bếp. Bà lão sờ soạng các thứ từ cái mâm chõng ăn cơm lên chạn. Có bát tương, bà lão thò hai ngón tay chấm rồi đưa vào hàng móm mút chùn chụt. Chỗ cơm nguội còn đến lưng liễn. Bà lão bóc một nắm to. Mỗi lần bóc rồi, bà lão lại lấy tay san phẳng vun khéo lại như cũ. Hai hàm răng bà lão đã rụng hết, lâu nay chỉ nhai bằng lợi. Hình như của ăn vụng bao giờ cũng ngon hơn hay là bà lão đương đói, lại đứng trong bếp một mình, cho nên cứ việc bóc bái, nhai nuốt, mặc sức mặc nhiên.

Bà lão tưởng thế thôi, chứ không phải lúc ấy có một mình đâu. Hai con mắt bà lão bị nhai quặt, bấy lâu chỉ còn thấy mờ mờ, đi trong nhà đã quen bước chân và người thì chỉ nhìn bóng mà đoán ra. Mấy đứa nhóc tụ tập ngay ngoài hiên. Trẻ con thích nghịch ác, chúng nó bấm lưng nhau im lặng rón rén vào xem bà ăn vụng. Bà mút tương, bà húp nước dưa, bà bóc com... Chốc bà lại hốt hoảng nhìn ra. Nhưng chẳng nhìn thấy gì cả.

Có đứa thích quá, thúc cùi tay vào sườn đứa kia. Thằng nọ kêu toáng :

- Ôi !

Bà lão Tứ giật mình, đặt vội cái liễn vào trạn, khép hai cánh gỗ lại, quay mặt ra hỏi ngay ngắn tự nhiên :

- Đứa nào về đấy ?

Bà lão còn lúng túng chưa biết nói thêm thế nào, một đứa đã hét to :

- Một, hai, ba...

Rồi cả lũ ồn ào hét một lượt :

- Bà ăn vụng com ? Một, hai, ba. Bà ăn...

- Cha đẻ mẹ chúng bay !

- Mép bà còn dính hạt cơm kia kìa. Cơm lại vãi dưới đất nữa...

- Cha đẻ mẹ chúng mày ? Tao thề có thổ thần hai vai, tao mà nuốt trộm một hột cơm của nhà chúng mày thì giờ tru đất diệt tao.

- Ê, ê... Một, hai...

- Tao thề...

Hôm ấy câu chuyện vui, trẻ con khoái quá kể với bố mẹ ngay ở bữa ăn. Bà lão đặt bát cơm ăn dở xuống, run run đứng dậy, nước mắt đỏ ròn ròn, ra ngồi ngoài ngõ. Vợ giáo Nhất chỉ tủm tỉm cười, giáo Nhất thì quát chúng nó im. Giáo Nhất vốn người dễ tính, mãi đến chiều mới nói với mẹ :

- Bận sau bà cứ ăn cơm cho no, đừng phải làm thế.

- Tôi thề, tôi thề có quỷ thần hai vai, tôi không...

- Con chỉ xin mẹ thế thôi. Đến bữa cứ ăn đủ, đừng nhường nhịn mà khổ thân, mà để các cháu nói hỗn thế nó sinh hư ra.

Sáng hôm sau, nhà lại vắng như mọi hôm, bà lão Tứ nghe ngóng xung quanh im ả, rồi lần lần vào bếp. Những đứa trẻ lại đến đứng ngoài hiên từ lúc nào, thêm

cả mấy đứa hàng xóm cũng sang xem «trò chơi» bà ăn vụng. Mà bà không biết.

Bà lão Tứ bốc cục cơm, móm mém nhai. Thì...

- Một, hai, ba...

- Bà già ăn vụng ! Một, hai... bà già...

Bà lão trợn hai con mắt cùi nhăn, lật đật đóng cánh cửa chạn.

- Để mẹ chúng bay ?

- Một, hai, ba...

- Có quỷ thần hai vai...

Thường mỗi buổi sáng lại sinh ra trò chơi ấy của trẻ con. Ngồi vào mâm, có hôm quên bố mắng, trẻ em lại lờ miệng riu rít kể. Bà lão lại bỏ bát cơm, lần thân ra ngồi ngoài ngõ. Giáo Nhất phải quát : «Không được hồn !» Rồi những đứa trẻ cũng sợ bố, không dám nói huyền thuyên, bắt chước cả bà bốc cơm, nhưng mỗi buổi sáng chúng nó vẫn rủ nhau rón rén đến đứng xem bà vào bếp ăn vụng. Mẹ chúng nó chép miệng nói trống không : «Cả tôi bà cũng lần xuống bếp, chả cứ ban ngày !».

Giáo Nhất lặng im. Nông nổi nhà này cũng lắm éo le. Vợ giáo Nhất chẳng ưa mẹ chồng, nhưng nể chồng cho nên không bao giờ nói một lời nặng nhẹ như cái câu thế gian mai mỉa : «Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể; con nuôi cha mẹ con kể từng ngày», nhà không hề có tiếng bắc tiếng chì về gánh nặng mẹ già. Nhưng mọi việc phải làm cho mẹ, Nhất càng đáng tất. Nhất không cho mẹ ra cầu ao, sợ nhỡ bà cụ lấy bẫy sa chân thì khôn. Nhất tự tay rũ giặt xống áo cho mẹ. Vợ giáo Nhất làm như không để ý.

Cái sự con trẻ xác xược thì giáo Nhất cũng chỉ coi như một bức mình lật vặt đẹp đi thì thôi. Nhưng mà việc đòi đổi thay như mưa nắng có con kiến và con người vằn xoay ở trong, vả chẳng, nghĩ hay chẳng nghĩ thì rồi cái việc ấy, cái ngày ấy cũng đến. Mỗi năm mỗi tuổi, bà lão Tứ ngày một yếu. Rồi bà lão Tứ ốm. Việc ấy, ngày ấy đương tới rồi.

Bà lão Tứ không dậy được. Rồi cũng chẳng ăn uống gì nữa. Giáo Nhất che chiếu lên một gian bên, kê cái giường ra phía ngoài cho sáng một chút. Rồi bẻ hai quãng nan giường dưới đặt một thùng tro. Lại cắt thùng cái chiếu để bà cụ nằm lọt một phần lưng vào chỗ giường khoét, cho tiện đái ỉa.

Nhà có người ốm cứ buồn thiu như ngày có mưa dầm, ấy là bà con xóm giềng rồi các thầy cô, học trò trường làng và trường bên đến thăm hỏi, quà bánh, lúc nào cũng có người ra vào.

Nhất bung bát cháo vào giường mẹ. Mấy hôm nay bà lão không nghiêng người được. Nhất ngồi đút từng thìa cháo cho mẹ. Bà lão ngoẹo cổ ra cổ nuột, trông tội tội như con cá ngáp trên cạn.

Cũng hết được lưng cháo. Nhất đặt cái bát, kéo lại mép chiếu lệch góc trong. Một lúc, bà lão bỗng bảo Nhất :

- Mẹ có việc nhờ anh.
- Có gì thì mẹ bảo.
- Mẹ không phải là người làng này.
- Mẹ cứ lần thân nghĩ ngợi điều ấy làm gì ?
- Không, mẹ có nghĩ đâu. Mẹ chỉ muốn nhờ con.
- Vâng.
- Mẹ quê ở Giang Hạ bên kia sông thôi.
- À làng Giang, làng Hạ.

- Làng Hạ, con ạ. Hôm nào con sang Hạ, con vào xóm Đồng, bây giờ già rồi thì không biết tên là gì, nhưng ngày trước tên là Cỗi, anh cả Cỗi. Con nói rằng ông Cỗi có được thư thả thì mời ông sang chơi.

Nhất còn muốn hỏi thêm mẹ thế nào nữa, nhưng bà lão đã lặng lẽ nghiêng mặt vào vách.

Cái người ngày trước tên là Cỗi, cái anh cả Cỗi ấy là tôi. Bây giờ tên tôi vẫn là Cỗi, bởi tôi vẫn bà cô ông mãnh thế. Có điều, đã tuổi tác, theo tục lệ và thói quen kính nể, ít người réo tên tục người già ra nữa mà làng xóm gọi tôi là ông Ba, cụ Ba - chỉ có mấy con mẹ bán bánh đúc tương ở chợ hay ôm ờ chót nhả thỉnh thoảng cứ réo tên cúng cơm gọi đùa lão Cỗi, ông mãnh Cỗi, bao giờ ông Cỗi cười bà ấy cho chúng cháu được ăn cỗ. Có mà lấy bà sáu tám. ấy, chúng nó cứ trêu chọc thế. Tôi chẳng chấp.

Anh giáo Nhất chấp tay nói :

- Mẹ cháu có lời thưa với ông...

Chỉ mới nghe thoáng thế thôi, tôi đã như thấy ngay cả rồi. Như là có thần linh cách cảm giao nhau khi người ta cùng nghĩ đến nhau hay là bởi nét mặt người đàn ông này, cái mũi và con mắt sao mà phảng phất cô ấy đến

thế.

Mấy chục năm đã qua. Nhưng mấy chục năm ở quãng giữa trống không, người trong cuộc thì ngỡ như chẳng có khoảng cách nào. Cô ấy ngày trước con nhà khá giả vườn trên ao dưới. Mà tôi thì bố mẹ nghèo quá. Dây dợ đầu đầu vương tơ khi trai gái đương thì, cái duyên cái nợ mà gặp nhau thôi. Cô ấy bảo tôi : «Anh về nói với mẹ bỏ cái nghề cấp thúng đi khâu mướn thì...». Tôi bực mình, mát mẻ : «Nếu mẹ không bỏ được cái tội đi khâu mướn ăn cơm nhà người thì giá xem có được ngày nhờ người đến đánh tiếng chắc ông phó lý bố em cho tuần cầm ba toong ra đuổi ông mối, chứ gì !» Thế là cô ấy lại khóc, chỉ khóc.

Làm sao cho mẹ tôi vút đi đâu được việc khâu mướn ăn cơm khoán, cho bố con tôi thôi đi bỏ củi thuê và các em tôi ngày không cấp cái bi. bật quai ra cửa đình nhật lá đa về phơi lấy cái đun. Chúng tôi như con săn sắt, con mài mài trong ao làm sao bỗng thành con cá hóa rồng được. Làng xóm dần dà cũng biết cuộc đàn dúi thâm vụng éo le này. Ông phó lý đã đánh cô con gái thừa sống thiếu chết. Có khi xích chân vào cột buồng cả phiên chợ. Nhưng mà dường như cô ấy lại càng bỗng bột như điên. Xẻnh ra lại đi tìm tôi. Có khi khóc đến hết nước mắt rồi cô bảo tôi hay là bây giờ hai đứa cùng ra

cái đầm đầu làng nhảy xuống tắm mình. Tôi phải chấp tay van lạy nín cô ấy lại.

Thế rồi chỉ một việc nhẹ nhàng, vừa tan hoang lại vừa xong. Bố mẹ cô ấy tìm gả được chồng cho con gái. Đất làng này, nơi môn đăng hộ đối những nhà phú lý, trưởng bạ thường thường bậc trung, trước sân có hàng cau, vườn sau chuồng lợn ao bèo thì cũng chẳng mấy khó khăn. Mà cô ấy cũng chẳng tai tiếng đâu đến nổi. Những chuyện trai gái phải lòng nhau làng nước coi như chuyện trẻ con mà người ta đồn đại đông dài chứ phải đâu gái chửa hoang, quân giãng há lên tỉnh la liếm hàng cơm quán trọ. Thế nào thì rồi mọi chuyện gả bán cũng xong xuôi như trăm nghìn đám cha mẹ đặt đâu ngồi đấy thôi.

Rồi nhà nọ đi xem mặt, dạm ngõ, ăn hỏi, lại đã qua một cái sêu tết tháng bảy, đến dạo cơm mới tháng mười này thì cưới. Một hôm, cô ấy đi chợ rồi không về nữa. Thế là biệt tăm từ ngày ấy.

Bây giờ anh giáo Nhất mới nhớ lại và nhận ra hình như cả một hồi còn trẻ không khi nào mẹ đi xem hội hè đình đám chèo hát ở đâu, cũng chẳng biết mặt cái chợ huyện, mà quanh năm mẹ chỉ như gái đẻ chít khăn vuông xùm xụp, ra cái chợ hôm lèo tèo mấy mùng cá tép uơn của nhà chài dưới sông đem lên đầu làng lúc

xâm tới. Con người gan liều đến thế. Chẳng được đẹp phận như người ta, thôi thì coi như một đời đành vùi vào chiêm bao, chỉ có một mình mình biết.

Cái lão ba Cối tôi theo giáo Nhất về bên sông ngay hôm ấy. Hai ông con qua đò ngang. Chiếc đò ngang xưa kia, ừ con đò ngang ngày ấy. Có lẽ như từ bao giờ vẫn thế. Bên này ới bên kia, con đò tai nghênh ngang, chênh mảng, ẹo ọt, lững lờ sang. Năm xưa, đã có những giêng hai, mưa bụi như phấn hoa ngô bay, những chuyến đò đưa đầy người vào xem hội làng trong cánh đồng.

Còn đương băng khuâng về những ngày nào, thì mũi đò đã đụng bờ cát. Anh giáo Nhất vác cái xe đạp lên trước làm chòong chành con đò ọp ẹp. Ông Cối đứng dậy, chị nhà đò một tay bế con, một tay giơ chiếc bơi chèo cho ông lão níu lấy, lẩy bẩy lần lên. Rồi tôi lại vẫn đương đi về ngày xưa. Tôi vừa lập cập vừa xăm xăm bước. Anh giáo «mời ông lại lên xe cho con đèo ông đỡ mỏi» nhưng tôi bảo anh cứ để cho tôi đi thanh thả thế này. Xóm nhà anh tôi cũng biết rồi, chỗ khoanh tre quăng sông dưới kia chứ đâu.

Nghĩ thế thì tôi bồi hồi giật mình. Làm sao chỉ vài bước chân mà cả đời tôi không nghĩ được ra, không tìm ra cô ấy ở đâu mà cô ấy dường như vẫn biết tôi, vẫn nhìn thấy tôi.

Nếp nhà ba gian lợp lá mía, dựng tre trát xi-măng xám nhạt. Trước sân, hai cây mít xum xuê lá. Một vườn xoan sau nhà. Cái cổng rong cành rào trống hốc, con chó cũng chui lọt. Nhà tuy ngăn nắp nhưng cũng chẳng có cửa nỏ, cũng không cần cửa giả nên hèn. Tôi bỗng ngỡ tôi đương đi về nhà tôi. ừ giá mà ngày ấy chúng tôi lấy được nhau thì nhà cửa, vườn tược, con cái chắc cũng tương tự thế này. Ngày ngày ra sông xuống đồng kiếm cái ăn, cả đời người chẳng có điều phải nghĩ xa nghĩ gần. ở trong làng xóm, ngẩng mặt lên bốn phía khoanh tre mù mịt, quan tâm đâu đến ngoài kia đồng đất thế nào, tôi đương đi về nhà tôi đây.. .

Tôi ngồi xuống chiếc ghế đầu kê đầu giường bà Tứ. Lũ trẻ lại đã lấp ló ngoài hiên. Từ hôm bà ốm, mỗi buổi sáng trẻ con không còn trò xem bà ăn vụng nữa. Chúng nó cũng buồn. Bây giờ chỉ còn ngóng khách đến chơi thăm bà- nhưng nhiều khi chỉ toàn người làng, nhìn mãi cũng chán mắt, lại tản ra ngoài vườn nhặt quả xoan non đánh chết, chơi đồ lá.

Không, bà lão nằm ốm liệt giường kia không phải là cô ấy. Trong tưởng tượng của tôi chưa bao giờ nghĩ ra nông nổi buồn thảm này. Tôi ngồi im. Tôi nghĩ thầm, tôi cầu mong không phải. Thì cũng đâu phải cô ấy ngày xưa, cô ấy ngày xưa cơ mà.

Tôi cởi gói bánh lúc nãy đi qua mua ngoài chợ và rồi lại lặng im chẳng biết nên nói thế nào.

- Nhà vẫn ở dưới Hạ, chỗ cái bụi duối to ấy, hả ông ?

- Vẫn đây. Nhưng cây duối thì làng xẻ đóng làm bàn cho trẻ học rồi, bà ạ.

- Ông thứ lỗi cho tôi.

- Làm gì mà phải nặng lời thế. Cố thuốc thang ít lâu cho khỏe rồi còn đi hội làng trong. Tôi vừa qua đò, sắp sang tháng hai rồi đây.

Trên khuôn mặt méo mó thoáng một nét cười mếu.

- Ông vẫn chúa hay pha trò. Ông ơi, tôi chết không nhắm mắt được, tôi không giữ được lời với ông.

- Đã bảo thôi mà. Ngồi dậy ăn bánh, cái bánh nếp mật ở chợ bây giờ chúng nó làm cũng khá.

- Ông bỏ lỗi cho tôi.

- Thôi mà...

- Ông nói đi, ông bỏ lỗi cho tôi.

Tôi run rẩy đưa hai bàn tay lên mặt người con gái năm xưa. Mặt người ồm trắnghợt nhợt như đá, mà

nước mắt thì nóng ẩm đầm đìa lòng bàn tay tôi. Tôi sờ đến hai con mắt, hai con mắt mềm mềm nhắm lại, tôi dừng tay. Anh giáo Nhất quỳ xuống, ôm hai đầu gối tôi. «Ông ơi, mẹ cháu đi rồi». Tôi vuốt lại hai con mắt người vừa nhắm. Thôi thế bà ấy đi rồi, cô ấy đi rồi.

Những người con dâu, con gái đứng ở chân giường ôm mặt khóc nức nở. Lũ trẻ con chạy tán loạn ra vườn, tiếng khóc ánh ỏi, léc téc như những con chim sẻ bay vỡ đàn.

Vợ Chồng A Phủ

Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lý (1) Pá Tra thường trông thấy có một cô gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa.

Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Người ta nói : nhà Pá Tra làm thống lý, ăn của dân nhiều, đồn Tây lại cho muối về bán, giàu lắm, nhà có nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng. Thế thì con gái nó còn bao giờ phải xem cái khổ mà biết khổ, mà buồn.

Nhưng rồi hỏi ra mới rõ cô ấy không phải con gái thống lý : cô ấy là vợ A Sử, con trai thống lý.

My về làm dâu nhà Pá Tra đã mấy năm. Từ năm nào, không nhớ, cũng không ai nhớ. Những người nghèo ở Hồng Ngài thì vẫn còn kể lại câu chuyện My về làm người nhà quan thống lý.

Ngày xưa bố My lấy mẹ My không đủ tiền cưới, phải đến vay nhà thống lý, bố của thống lý Pá Tra bấy giờ. Mỗi năm đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô. Đến tận khi hai vợ chồng về già mà cũng chưa xong nợ. Người vợ chết, cũng chưa trả hết nợ.

Cho tới năm ấy My đã lớn, My là con gái đầu lòng. Thống lý đến bảo bố My :

- Cho tao đưa con gái này về làm dâu thì tao xóa hết nợ cho.

Ông lão nghĩ năm nào cũng phải trả một nương ngô cho người ta, tiếc ngô, nhưng cũng lại thương con quá. Ông chưa biết nói thế nào thì My bảo bố rằng :

- Con đã biết cuộc nương làm ngô, con làm nương ngô trả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu.

Tết năm ấy, tết vui chơi, trai gái đánh pao, đánh quay rồi đêm đêm rủ nhau đi chơi. Những nhà có con gái, bố mẹ không thể ngủ được vì tiếng chó sủa. Suốt đêm, con trai đến nhà người mình yêu, đứng thối sáo xung quanh vách.

Trai đứng nhả cả chân vách đầu buồng My.

Một đêm khuya My nghe tiếng gõ vách. Tiếng gõ vách hện của người yêu. My hồi hộp lặng lẽ quờ tay lên, gắp hai ngón tay lách vào khe gỗ. Một ngón đeo nhẫn. Người yêu My đeo nhẫn ngón tay ấy. My nhắc tám ván gỗ. Một bàn tay dắt My bước ra.

My vừa bước ra, lập tức có mấy người choàng đến, nhét áo vào miệng My rồi bịt mắt công My đi.

Sáng hôm sau, My mới biết mình đang ngồi trong nhà thống lý. Họ nhốt My vào buồng. Ngoài vách kia, tiếng nhạc sinh tiền cúng ma rập rờn nhảy múa.

A Sử đến nhà bố My. A Sử nói :

- Tôi đã đem con gái bố về cúng trình ma nhà tôi. Bây giờ tôi đến cho bố biết. Tiền bạc để cưới, bố tôi bảo đã đưa cả cho bố rồi (2).

Rồi A Sử về. Ông lão nhớ câu nói của thống lý dạo trước : cho con gái về nhà thống lý thì trừ được nợ. Thế là cha mẹ ăn bạc nhà giàu kiếp trước, bây giờ người ta bắt con trừ nợ. Không làm thế nào khác được rồi.

Có đến mấy tháng, đêm nào My cũng khóc.

Một hôm, My trốn về nhà, hai tròng mắt còn đỏ hoe. Trông thấy bố, My quỳ, úp mặt xuống đất, nức nở. Bố My cũng khóc, đoán biết lòng con gái :

- Mày về chào lạy tao để mày đi chết đây à ? Mày chết nhưng nợ tao vẫn còn, quan lại bắt trả nợ. Mày chết rồi không lấy ai làm nương ngô, trả được nợ, tao thì ốm yếu quá rồi. Không được con ơi !

My chỉ bung mặt khóc. My ném nắm lá ngón (một thứ thuốc độc) xuống đất. Nắm lá ngón My đã đi tìm hái trong rừng. My vẫn giấu trong áo. Thế là My không đành lòng chết. My chết thì bố My còn khổ hơn bao nhiêu lần bây giờ.

My lại trở lại nhà thông lý.

Lần lần, mấy năm qua, mấy năm sau, bố My chết. Nhưng My cũng không còn nghĩ đến My có thể ăn lá ngón tự tử. ở lâu trong cái khổ, My cũng quen khổ rồi. Bây giờ My tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa. Con ngựa chỉ biết ăn cỏ, biết đi làm mà thôi.

My cúi mặt, không nghĩ ngợi nữa, lúc nào cũng nhớ lại những việc giống nhau, mỗi năm một mùa, mỗi tháng lại làm đi làm lại : Tết xong lên núi hái thuốc phiện; giữa năm thì giặt đay; đến mùa đi nương bẻ bắp. Và dù đi hái củi, bung ngô, lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm, suốt đời thế. Con ngựa, con trâu làm có lúc, đêm còn được đứng gãi chân, nhai cỏ, đàn bà con gái nhà này vùi vào việc cả đêm cả ngày.

Mỗi ngày My càng không nói, lúi lúi như con rùa nuôi trong xó cửa. ở buồng My nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông ấy mà trông ra. Đến bao giờ

chết thì thôi.

Trên đầu núi, các nương ngô, nương lúa gặt xong, ngô lúa đã xếp yên các nhà kho.

Trẻ em đi hái bí đỏ, tinh nghịch, đốt những lều quanh nương để sưởi lửa. ở Hồng Ngải, người ta thành lệ, cứ ăn tết thì gặt hái vừa đoạn, không kể ngày tháng. ỉn tết thế cho kịp mưa xuân xuống, đi vỡ nương mới.

Hồng Ngải năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, rét càng dữ.

Nhưng trong các làng Mông Đỏ, những chiếc váy hoa đã được phoi ra mồm đá, xòe như con bướm sặc sỡ. Hoa thuốc phiện nở trắng lại nở màu đỏ hau, đỏ thậm, rồi nở màu tím man mát. Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà.

Ngoài đầu núi, đã có tiếng ai thổi sáo rủ bạn đi chơi. Mỵ nghe tiếng sáo vọng lại, thiết tha bồi hồi.

«Mày có con trai con gái
Mày đi làm nương
Ta không có con trai con gái
Ta đi tìm người yêu».

Tiếng chó sủa xa xa. Những đêm tình mùa xuân đã

tới.

Ở mỗi đầu làng đều có một mỏm đất phẳng làm sân chơi chung ngày tết. Trai gái, trẻ con ra sân ấy tụ tập đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi kèn và nhảy.

Cả nhà thống lý ăn xong bữa cơm tết cúng ma. Xung quanh chiêm đánh âm ỹ, người ôp đồng vẫn nhảy lên xuống, run bần bật. Vừa hết bữa cơm tiếp ngay cuộc rượu bên bếp lửa.

Ngày tết, My cũng uống rượu. My lén lấy hũ rượu, uống ực từng bát. Rồi say, My lịm mặt ngồi đấy nhìn người nhảy đồng, người hát. Nhưng lòng My đang sống về ngày trước, tai văng vẳng tiếng sáo gọi bạn đầu làng. Ngày trước My thổi sáo giỏi. Mùa xuân đến, My uống rượu bên bếp và thổi sáo. My uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, cứ ngày đêm thổi sáo đi theo My hết núi này sang núi khác.

Rượu tan lúc nào. Người về, người đi chơi đã vãn cả, My không biết. My vẫn ngồi trơ một mình giữa nhà. Mãi sau My mới đứng dậy. Nhưng My không bước ra đường. My từ từ vào buồng.

Chẳng năm nào A Sử cho My đi chơi Tết.

Bấy giờ My ngồi xuống giường, trông ra cửa sổ lỗ vuông mờ mờ trăng trắng. Từ nãy My thấy phoi phoi trở lại, trong lòng đột nhiên vui như những đêm Tết ngày trước. My trẻ. My vẫn còn trẻ. My muốn đi chơi. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi Tết. Huống chi A Sử với My, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau. Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, My sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra.

Mà tiếng sáo gọi bạn vẫn lừng lơ bay ngoài đường.

*«Anh ném pao
Em không bắt
Em không yêu
Quả pao rơi rồi...».*

A Sử vừa ở đâu về, lại sửa soạn đi chơi. A Sử thay áo mới, khoác thêm hai vòng bạc vào cổ rồi bịt cái khăn trắng lên đầu. Có khi nó đi mấy ngày mấy đêm. Nó còn đương rình bắt nhiều người con gái nữa về làm vợ. Cũng chẳng bao giờ My nói.

Bây giờ My cũng không nói. My đến góc nhà, lấy ống mỡ, xắn một miếng, bỏ thêm vào đĩa đèn cho sáng.

Trong đầu My đang rập rờn tiếng sáo. My muốn đi chơi. My cũng sắp đi chơi. My quấn lại tóc. My vói tay lấy cái váy hoa vắt phía trong vách. A Sử sắp bước ra, bỗng quay lại, lấy làm lạ. A Sử nhìn quanh thấy My rút thêm cái áo.

A Sử hỏi :

- Mà muốn đi chơi à ?

My không nói. A Sử cũng không hỏi thêm. A Sử bước lại, nắm My, lấy thắt lưng trói hai tay My. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng My vào cột nhà. Tóc My xoa xuống. A Sử quấn luôn tóc lên cột, My không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong, A Sử thắt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi phẩy tay tắt đèn, đi ra khép cửa buồng lại.

Trong bóng tối, My đứng im, như không biết mình đang bị trói. Hơi rượu còn nồng nàn. My vẫn nghe thấy tiếng sáo đưa My đi theo những cuộc chơi. «Em không yêu, quả pao rơi rồi. Em yêu người nào, em bắt pao nào...». My vùng bước đi. Nhưng chân đau không cựa được. My không nghe tiếng sáo nữa. Chỉ còn nghe tiếng chân ngựa đạp vào vách. Ngựa vẫn đứng yên, gãi chân, nhai cỏ. My thổn thức nghĩ mình không bằng con ngựa.

Chó sủa xa xa. Chùng đã khuya. Lúc này, lúc trai đang đến gõ vách làm hiệu, rủ người yêu dỡ vách ra rừng chơi. My nín khóc, My lại bồi hồi.

Cả đêm My phải trối đứng như thế. Lúc thì khắp người bi. dây trối thít lại, đau nhức. Lúc lại tràn trề tha thiết nhớ. Hơi rượu tỏa. Tiếng sáo. Tiếng chó sủa xa xa. My lúc mê, lúc tỉnh. Cho tới khi trời tang tảng rồi không biết sáng từ bao giờ.

My bàng hoàng tỉnh. Buổi sáng âm âm trong cái nhà gỗ rộng. Vách bên cũng im ắng. Không nghe tiếng lửa réo trong lò nấu lợn. Không một tiếng động. Không biết bên buồng quanh đây, các chị vợ anh, vợ chú của A Sử có còn ở nhà, không biết tất cả những người đàn bà khôn khổ sa vào nhà quan đã được đi chơi hay cũng đang phải trối như My. My không thể biết.

Đời người đàn bà lấy chồng nhà giàu ở Hồng Ngải, một đời người chỉ biết đi theo đuôi con ngựa của chồng. My chợt nhớ lại câu chuyện người ta vẫn kể : đời trước, ở nhà thống lý Pá Tra có người trối vợ trong nhà ba ngày rồi đi chơi, khi về nhìn đến, vợ chết rồi. My sợ quá, My cựa quậy. Xem mình còn sống hay chết. Cỏ tay, đầu, bấp chân bi. dây trối xiết lại, đau đứt từng mảnh thịt.

Có tiếng xôn xao phía ngoài. Rồi một đám đông vào

nhà. Thống lý Pá Tra xuống ngựa vút cương cho «thi. sống» (một chức việc đi hầu thống lý như người làm mỗ thời trước) dắt ngựa vào tàu. Nghe như bọn họ khiêng theo con lợn, hoặc một người phải trói, vừa vút huych xuống đất, cứ thở phò phò.

A Sủ chệnh choạng vào buồng. áo rách toạc một mảnh vai. Cái khăn xéo trắng loang lỗ máu, xụp xuống quanh trán. A Sủ nằm lăn ra giường. Thống lý Pá Tra bước vào. Theo sau thống lý, một lũ «thống quán» (một chức việc như phó lý) «xéo phải» (như trưởng thôn) và bọn thi. sống vẫn thường ra vào hầu hạ, ăn thịt uống rượu, hút thuốc phiện nhà thống lý.

Có người bấy giờ mới nhìn thấy My phải trói đứng trong cột. Nhưng cũng không ai để ý. Họ xúm lại quanh giường A Sủ.

Pá Tra, tay vẫn cầm cái roi ngựa, lại từ từ đi ra. My nhắm mắt lại, không dám nhìn. My chỉ nghe hình như có tiếng ông thống lý gọi người ra ngoài.

My hé nhìn ra, thấy chị dâu bước tới. Người chị dâu ấy chưa già, nhưng cái lưng quanh năm phải đeo thồ nặng quá, đã còng rạp xuống. Người chị dâu đến cúi trói cho My. Sợi dây gai bấp chân vừa lỏng ra, My ngã sập xuống.

Chị dâu khẽ nói vào tai My :

- My ! đi hái thuốc cho chồng mày.

My quên cả đau đứng lên. Nhưng không nhích chân lên được. My phải ôm vai chị dâu. Hai người khỏ sở dìu nhau bước ra. Vào rừng tìm lá thuốc, My nghe nói lại, mới biết chuyện A Sử đi chơi bi. đánh võ đầu.

Nửa đêm qua, A Sử vào làng tìm đến đám tiếng sáo, tiếng khèn. Nhiều chàng trai làng ấy và các làng khác, chơi quay, thổi sáo suốt ngày, chập tối vừa tan xong châu rượu trong nhà, bây giờ vẫn còn chưa chịu tan về.

Lúc A Sử và chúng bạn kéo đến, không còn ai chơi trong nhà. Nhưng người ra người vào còn dập dìu quanh ngõ.

A Sử đứng ngoài, tức lắm. Nó bàn với lũ khác, dọa đánh bọn trai lạ bám quanh nhà, khiến bọn A Sử bi. vướng không thể vào được.

Bọn A Sử ném vào vách. Ông bố trong nhà ra chửi. Vẫn ném. Ông lão vào trong cửa, bắn ra hai phát súng. Thế là tan những đám hẹn.

Nhưng cũng chưa người trai nào vội về. Họ tản vào các nhà quen trong xóm. Đợi sáng mai lại lên sân đánh

pao với con gái trong xóm.

Bọn A Sử cũng không chịu để cánh kia yên. Sáng sớm, khi họ vừa ra đầu ngõ, bọn A Sử đã kéo đến gây sự. A Sử đi trước, nạm vòng bạc rủ xuống tua chỉ xanh đỏ, chỉ riêng con cái nhà quan trong làng mới được đeo. A Sử hùng hổ bước ra. Bọn kia đứng dõn cả lại, xông xao.

- Lũ phá đám ta hôm qua đây rồi.

- A Phủ đâu ? A Phủ đánh chết nó đi !

Một người to lớn chạy vụt ra, vung tay ném con quay thẳng vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lảng vào giữa mặt. Nó vừa kịp bung tay lên, A Phủ đã xộc tới, nắm vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh tới tấp. Người làng nghe tiếng hò hét đổ ra. Bọn trai làng lạ tản hết lên rừng. Mấy người đuổi đón đầu A Phủ.

A Phủ bị bắt sống, trói gô chân tay lại. Vừa lúc thống lý Pá Tra tới. Chúng nó xọc ngang cái gậy, khiêng A Phủ mang về ném xuống giữa nhà thống lý.

My đi hái được lá thuốc về, thấy trong nhà càng đông hơn lúc nãy. Ngoài sân, dưới gốc đào lại buộc thêm mấy con ngựa lạ.

My đi cửa sau vào, lé mắt nhìn thấy một người to lớn quỳ trong góc nhà. My đoán đây là A Phủ.

Bọn chức việc cả vùng Hồng Ngài đến nhà thống lý dự đám kiện.

Các lý dịch, quan làng thống quán, xéo phải, đội mũ quần khăn, xách gậy, cưỡi ngựa kéo đến xử kiện và ăn cỗ.

Trong nhà thống lý đã bày ra năm bàn đèn. Khói thuốc phiện tuôn ra các lỗ cửa sổ tun hút xanh như khói bếp. Cả những người chức việc bên làng A Phủ cũng tới. Chỉ bọn trai làng ấy phải ngồi khoanh tay cạnh A Phủ, vì họ bị gọi sang hầu kiện. Bọn chức việc nằm dài cả bên khay đèn.

Suốt từ trưa cho tới hết đêm, mấy chục người hút. Trên nhất là thống lý Pá Tra. Thống lý hút xong một đợt năm điều, đến người khác, lại người khác, cứ thế lần lượt xuống tới bọn đi gọi người về dự kiện.

Chỉ có đàn bà ngồi trong buồng và đi bên ngoài dòm ngó đám xử kiện và A Phủ quỳ chịu tội ở xó nhà, không được dự tiệc hút ấy.

Một loạt người vừa hút xong, Pá Tra ngồi dậy, vuốt ngược cái đầu trọc dài, kéo đuôi tóc ra đằng trước, cất giọng lè nhè gọi :

- Thăng A Phủ ra đây.

A Phủ ra quỳ giữa nhà. Lập tức, bọn trai làng xô đến, trước nhất, chấp tay lạy lia lịa lên thống lý rồi quay lại đánh A Phủ.

A Phủ quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá...

Cứ mỗi đợt bọn chức việc hút thuốc phiện xong, A Phủ lại phải ra quỳ giữa nhà, lại bị người xô đến đánh. Mặt A Phủ sưng lên, môi và đuôi mắt dập chảy máu. Người đánh, người quỳ lạy, kẻ lể, chửi bới. Xong một lượt đánh, kẻ, chửi, lại hút. Khói thuốc phiện ngào ngạt tuôn qua các lỗ cửa sổ. Rồi Pá Tra lại góc cổ lên, vuốt tóc, gọi A Phủ... Cứ như thế, suốt chiều, suốt đêm, càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút.

Trong buồng bên cạnh, My cũng thức suốt đêm, im lặng ngồi xoa thuốc dầu cho A Sử. Lúc nào My mỏi quá, cựa mình, những chỗ lằn trói trong người lại đau ê ẩm. My lại gục đầu nằm thiếp. A Sử đạp chân vào mặt My. My choàng thức, lại nhặt nắm lá thuốc xoa đều đều trên lưng chồng.

Ngoài nhà vẫn rên lên từng cơn kéo thuốc phiện, như những con mọt nghiêng gổ kéo dài, giữa tiếng người khóc, tiếng người kể lạo xào, và tiếng đấm đánh huỳnh huých.

Sáng hôm sau, đám kiện đã xong. Máy người, chẳng biết từ bao giờ, ngủ ngáy ngay bên khay đèn. Bọn xéo phải đang bắc cái chảo đồng và xách ấm nước ra nấu thêm lạng thuốc để hút ban ngày cho các quan làng thật tỉnh, các quan làng còn một tiệc ăn cỗ nữa.

Thống lý mở tráp, lấy ra một trăm đồng bạc hoa xòe bày lên mặt tráp, rồi nói :

- Thằng A Phủ kia, mày đánh người thì làng xử mày phải nộp vạ cho người phải mày đánh là hai mươi đồng, nộp cho thống quán năm đồng, mỗi xéo phải hai đồng, mỗi người đi gọi các quan làng về hầu kiện năm hào. Mày phải mất tiền mời các quan hút thuốc từ hôm qua tới nay. Lại mất con lợn hai mươi cân, chóc nữa mổ để các quan làng ăn vạ mày. A Phủ, mày đánh con quan làng, đáng lẽ làng xử mày tội chết, nhưng làng tha cho mày được sống mà nộp vạ. Cả tiền phạt, tiền thuốc, tiền lợn, mày phải chịu một trăm bạc trắng. Mày không có trăm bạc thì tao cho mày vay để mày ở nợ. Bao giờ có tiền trả thì tao cho mày về, chưa có tiền trả thì tao bắt mày làm con trâu cho nhà tao. Đòi mày, đòi con, đòi

cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi.
A Phủ ! Lại đây nhận tiền quan cho vay.

A Phủ lê hai cái đầu gối sùng bạnh lên như mặt hồ phù. A Phủ cúi sờ lên đồng bạc trên tráp, trong khi Pá Tra đốt hương, lầm rầm khấn gọi ma về nhận mặt người vay nợ. Pá Tra khấn xong, A Phủ cũng nhặt xong bạc, nhưng chỉ nhặt làm phép lên như thế rồi lại để ngay xuống mặt tráp. Rồi Pá Tra lại trút cả bạc vào trong tráp.

Con lợn vừa bắt về cho A Phủ thết làng ăn vạ đã kêu eng éc ngoài sân. Đếm tiền rồi, A Phủ không phải quỳ, phải đánh nữa.

A Phủ đứng lên cầm con dao, chân đau bước tập tễnh, cùng với trai làng ra chộc tiết làm thịt lợn hầu làng.

Trong nhà, thuốc phiện vẫn hút rào rào.

Thế là từ đấy A Phủ phải ở trừ nợ cho nhà quan thống lý. Đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò chăn ngựa, quanh năm một thân một mình rong ruổi ngoài gò rừng. A Phủ đương tuổi sức lực. Đi làm hay đi săn cái gì cũng phăng phăng. Không còn có lúc nào trở về làng bên. Nhưng A Phủ cũng chẳng muốn trở về làm gì bên ấy.

A Phủ cũng không phải người bên ấy. Bố mẹ đẻ A Phủ ở Hắc Bì. Năm xưa, làng Hắc Bì phải một trận bệnh đậu mùa, nhiều trẻ con, cả người lớn chết, có nơi chết cả nhà. Còn sót lại một mình A Phủ. Có người làng đói bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái dưới cánh đồng. A Phủ mới mười một tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không chịu ở cánh đồng thấp.

A Phủ trốn lên núi, lưu lạc đến Hồng Ngài. Đi làm cho nhà người, lần nữa mùa này sang mùa khác. Chẳng bao lâu A Phủ đã lớn, biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo.

A Phủ khỏe, chạy nhanh như ngựa. Con gái trong làng nhiều cô mê. Nhiều người nói : «Đứa nào được A Phủ cũng bằng được con trâu tốt trong nhà. Chẳng mấy lúc mà giàu». Người ta ao ước đùa thế thôi chứ phép rượng cũng chẳng to hơn phép làng, còn tục lệ cưới xin, mà A Phủ không có bố mẹ, không có ruộng, không có bạc, A Phủ không thể lấy nổi vợ.

Tuy nhiên, đang tuổi chơi, trong ngày Tết đến, A Phủ chẳng có quần áo mới như nhiều trai khác, A Phủ chỉ có độc một chiếc vòng bằng sợi dây đồng vĩa lẫn trên cổ. A Phủ cứ cùng trai làng đem sáo, khèn, đem con quay và quả pao, quả yến đi tìm người yêu ở các làng trong vùng.

Vì thế mà sinh sự đánh nhau ở Hồng Ngải.

Một năm kia, phải khi đang đốt rừng. Hồ gấu từng đàn ra phá nương, bắt mất nhiều bò ngựa. Nhà thống lý lúc nào cũng đầy ngựa trong tàu trước cửa, đầy lưng bò đứng chen chân trong

cột cửa, và dê, chó, lợn nằm quanh nhà. Ngày nào cũng lũ lượt hàng mấy chục con đi nương ăn. Bây giờ gặp khi rừng đói, mỗi lần bò ngựa đi nương, A Phủ phải ở lại trông.

A Phủ ở lều hàng tháng ngoài nương. Đêm đến, dồn bò ngựa về nằm châu nhau ngủ quanh lều. Mấy ngày A Phủ mê mải đi bẫy dím, không đếm được ngựa. Hôm ấy vào rừng thấy vết chân hổ. A Phủ vội phóng ngựa chạy vòng quanh đàn, dồn chúng quần lại để đếm. A Phủ đếm lại mấy lần. Thiếu một con bò. A Phủ nhào vào rừng, lần theo lốt chân hổ, tìm được con bò đã bị. hổ ăn thịt, chỉ còn lại một nửa mình nằm ngay dưới cây thông cụt.

A Phủ nhặt mấy miếng thịt rơi quanh đấy rồi vác nốt nửa con bò về. Nghĩ bụng : «Con hổ này to lắm. Hầy còn ngửi thấy mùi hôi quanh đây. Ta về lấy súng đi tìm, thế nào cũng bắn được».

Về đến nhà, A Phủ lẳng vai ném nửa con bò xuống gốc đào trước cửa. Pá Tra bước ra hỏi :

- Mất mấy con bò ?

A Phủ trả lời tự nhiên :

- Tôi về lấy súng. Thế nào cũng bắn được. Con hồ này to lắm. Pá Tra hất tay, nói :

- Quân ăn cướp mất bò tao. A Sử đâu ! Đem súng đi lấy con hồ về. Rồi Pá Tra quay lại, bảo A Phủ :

- Mày ra ngoài kia, lấy vào đây một cái cọc, một cuộn dây mây. Tao trói mày đứng chỗ kia. Bao giờ chúng nó bắn được con hồ về thì mày khỏi phải chết. Nếu không được con hồ thì tao cho mày đứng chết ở đấy.

A Phủ cãi :

- Tôi được con hồ ấy còn nhiều tiền hơn con bò. Pá Tra cười :

- Lấy cọc dây mây vào đây !

Không nói nữa, như con trâu đã đóng lên tròng. A Phủ lẳng lặng ra vác chiếc cọc gỗ rồi lấy cuộn dây mây trên gác bếp xuống. Tự tay A Phủ đóng cọc xuống bên cột, Pá Tra đẩy A Phủ vào chân cột, hai tay bắt ôm quặt

lên. Rồi dây mây cuốn từ chân lên vai, chỉ còn cổ và đầu lúc lắc được.

Đàn bà trong nhà, mỗi khi đi qua đều cúi mặt. Không một ai dám hỏi. Cũng không một ai dám nhìn ngang mắt.

Đến đêm, A Phủ cúi xuống, nhay đứt hai vòng mây, nhích dẫn dây trói một bên tay. Nhưng trời cũng vừa sáng. Pá Tra quàng thêm một vòng tròn lọng vào cổ. Thế là A Phủ không cúi, không còn lắc được nữa.

A Sử và lính đông của thống lý đi đuổi, mấy ngày không lòng bắt được con hổ. Thì cũng mấy ngày A Phủ phải trói đứng góc nhà. Đằng kia, bếp lò bung ngô cao ngang đầu người vẫn hừng hực đỏ rực. Mỗi hôm hai buổi, người ra người vào ăn uống tấp nập. A Phủ đứng nhắm mắt, cho tới khuya.

Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn. Nếu không có bếp lửa sưởi kia thì My cũng đến chết héo. Mỗi đêm, My dậy ra thổi lửa hơ tay, hơ lưng, không biết bao nhiêu lần.

Thường khi đến gà gáy, My dậy ra bếp sưởi một lúc thật lâu, các chị em trong nhà mới bắt đầu ra dóm lò bung ngô, nấu cháo lộn.

Mỗi đêm, nghe tiếng phù phù thổi bếp, A Phủ lại mở mắt. Ngọn lửa bùng lên, cùng lúc ấy My cũng nhìn sang, thấy mắt A Phủ trừng trừng. Mới biết nó còn sống. Mấy đêm nay như thế.

Nhưng My vẫn thản nhiên thổi lửa, hơ tay. Nếu A Phủ là cái xác chết đứng chết đấy, cũng thế thôi. My vẫn trở dậy, vẫn sưởi. My chỉ biết, chỉ còn ở với ngọn lửa. Có đêm A Sử chợt về thấy My ngồi đấy, A Sử ngửa tay đánh My ngã xuống cửa bếp. Nhưng đêm sau My vẫn ra sưởi như đêm trước.

Lúc ấy đã khuya. Trong nhà ngủ yên. My trở dậy thổi lửa, ngọn lửa bập bùng sáng lên. My trông sang thấy hai mắt A Phủ cũng vừa mở. Dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen. Thấy tình cảnh thế, My chợt nhớ đêm năm trước, A Sử trói My, My cũng phải trói đứng thế kia. Nước mắt chảy xuống miệng, xuống cổ, không biết lau đi được. Trời ơi nó bắt trói đứng người ta đến chết. Nó bắt mình chết cũng thôi. Nó đã bắt trói đến chết người đàn bà ngày trước ở cái nhà này. Chúng nó thật độc ác. Chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết. Ta là thân đàn bà, nó đã bắt về trình ma rồi, chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi... Người kia việc gì mà phải chết. A Phủ... My phảng phất nghĩ như vậy.

Đám than đã vạc hẵn lửa. My không thôi cũng không đứng lên. My nhớ lại đời mình. My tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng trốn được rồi, lúc đó bố con thống lý sẽ đổ là My đã cởi trói cho nó, My liền phải trói thay vào đấy. My chết trên cái cọc ấy. Nghĩ thế, nhưng làm sao My cũng không thấy sợ...

Trong nhà tối bùng, My rón rén bước lại, A Phủ vẫn nhắm mắt. Nhưng My tưởng như A Phủ biết có người bước lại... My rút con dao nhỏ cắt lúa, cắt nút dây mây. A Phủ thở phè từng hơi, như rắn thở, không biết mê hay tỉnh.

Lần lần, đến lúc gỡ được hết dây trói ở người A Phủ thì My cũng hốt hoảng. My chỉ thì thào được một tiếng «Đi đi...» rồi My nghẹn lại. A Phủ khuyu xuống không bước nổi.

Nhưng trước cái chết có thể đến nơi ngay, A Phủ lại quật sức vùng lên, chạy. My đứng lặng trong bóng tối.

Trời tối lắm. My vẫn băng đi. My đuổi kịp A Phủ, đã lẫn, chạy xuống tới lưng dốc. My thở trong hơi gió thốc lạnh buốt :

- A Phủ cho...

A Phủ chưa kịp nói, My lại vừa thở vừa nói :

- Ở đây chết mất.

A Phủ chột hiều.

Hai người đỡ nhau lao xuống dốc núi.

Hai người đi ròng rã hơn một tháng. Họ chuyển trên những triền núi cao ngất, lởm đóm nhà, thấp thoáng ruộng, đất đỏ, suối trắng tinh, trông thấy trước mặt mà đi mấy ngày chưa tới. Từ Hồng Ngài xuống qua vùng ruộng ở Mường Quài của người Thái, từ Nậm Cắt sang Chổng Chia, từ Chổng Chia qua dốc Lũng Chùng Phúng lại trở về bờ sông Đà phía giữa châu Phù Yên sang châu Mai Sơn, chỗ đầu mối giao thông của ngoài vùng tự do vào khu du kích của các dân tộc Thái, Dao, Mèo bên kia sông. Rồi họ về trong những làng Mông Đỏ hẻo lánh vùng Phìa Sa. Xa lắm rồi, thống lý không đuổi được nữa... họ nghĩ thế.

Ròng rã, ăn rau rừng, củ nâu, mộc nhĩ, vừa hết mùa mưa, tới Phìn Sa.

Hai người tới Phìn Sa, ở đây không ai biết đây là A Phủ, người ở nợ nhà thống lý. Người ta ngỡ đây là hai vợ chồng trong một nhà đông anh em ở bên kia dốc Lũng Chùng Phúng, nương vỡ được ít mà miệng ăn thì

hiều, anh em, vợ chồng phải chia ra, đem nhau đi tìm ăn nơi khác...

Hai người nhận là vợ chồng. Mà thật thì A Phủ và My đã thành vợ chồng.

Chú Thích :

1. Tổ chức cai trị của thực dân Pháp trước đặt chức thống lý cho bọn chức việc người Mông, cũng như chánh tổng, lý trưởng ở xuôi, phía ở làng Thái.

2. Người Mông có tục cướp vợ trai gái yêu nhau, bằng lòng nhau (có khi chỉ anh con trai muốn người con gái. Nhưng trường hợp này hiếm). Người con trai giữa đêm cùng một số bạn trai khác, đến nhà người yêu, bí mật «cướp» đi. Hôm sau, người trai trở lại báo tin cho bố người gái ấy là tôi đã cướp được con gái ông làm vợ. Thế là phong tục bắt bố phải nhận lời. Cưới lổi «cướp» như thế, người trai mất rất ít tiền. Thường mùa xuân ăn Tết, con trai hay đi «cướp» vợ. Đó là phong tục vui, thanh niên rất thích. Bây giờ vẫn thường xảy ra.